

CHƯƠNG II

HAI KỆ

(*DUKANIPĀṬA*)

I. PHẨM CỨNG RẪN

(*DAḬHAVAGGA*)

§151. CHUYỆN LỜI GIÁO GIỚI CHO VUA (*Rājovāḍajātaka*)¹ (J. II. 1)

Mallika xử sự...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về lời giáo giới cho vua. Câu chuyện sẽ được nói đến trong *Chuyện bình rượu*.²

Một hôm, vua xứ Kosala vừa xét xử một vụ kiện rất khó, liên hệ đến pháp luật xong, tay chưa khô ráo, vua ngự lên xe được trang hoàng đi đến bậc Đạo sư, đánh lễ dưới chân Ngài, những ngón chân tuyệt đẹp như hoa sen nở rộ, rồi ngồi một bên. Bậc Đạo sư nói với vua xứ Kosala:

– Thưa Đại vương, Đại vương từ đâu đi đến quá sớm như vậy?

– Bạch Thế Tôn, mấy hôm nay trẫm phải xét xử một vụ kiện rất khó, liên hệ đến luật pháp nên không có được cơ hội đến yết kiến Thế Tôn. Nay công việc đã được giải quyết, ăn uống xong, với tay chưa khô ráo, trẫm đi đến hầu Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, xét xử một vụ kiện đúng pháp và công bằng là một việc thiện, đây là con đường đưa đến chư thiên. Thật không có gì vi diệu khi vua nhận được lời giáo giới từ một vị Nhất Thiết Trí như Ta và đã xét xử vụ kiện đúng pháp và công bằng. Thật là vi diệu, thuở xưa khi các vua nghe lời các vị hiền triết không phải Nhất Thiết Trí, vẫn xét xử vụ kiện đúng pháp và công bằng, từ bỏ con đường đi đến ác thú, tuân theo mười vương pháp và đã đi lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

¹ Tham chiếu: *Dh. v. 223*; *Pháp cú kinh* “Phần nô phạm” 法句經忿怒品 (T.04. 0210.25. 0568a03); *Xuất diệu kinh* “Phần nô phạm” 出曜經忿怒品 (T.04. 0212.15. 0693b19); *Xuất diệu kinh* “Khuê phạm” 出曜經恚品 (T.04. 0212.21. 0713b06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Sân khuê phạm” 法集要頌經瞋恚品 (T.04. 0213.20. 0787a09).

² Xem J. V. 109, *Tesakuṇajātaka* (Chuyện ba con chim), số §521.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai làm con bà chánh hậu của vua, và thai được săn sóc chu đáo nên đã sanh ra từ lòng mẹ an toàn. Đến ngày lễ đặt tên, Bồ-tát được đặt tên là Brahmadattakumāra. Hoàng tử tiếp tục lớn lên, khi được mười sáu tuổi đã trưởng thành, hoàng tử đến thành Takkasilā để học tập và tinh thông tất cả các tài nghệ.

Sau khi phụ vương mất, Bồ-tát được đặt lên vương vị, trị nước đúng pháp và công bằng phán quyết các vụ kiện, không dựa theo ý muốn của riêng mình. Bồ-tát trị vì đúng pháp như vậy nên các đại thần cũng xét xử các vụ kiện công bằng. Khi các vụ kiện được xét xử đúng pháp luật thì không còn ai tạo ra các vụ kiện lừa đảo nữa; do đó, các sự ồn ào trong sân vua do các vụ kiện tụng gây ra cũng được chấm dứt. Các đại thần ngồi cả ngày trong pháp đình, không thấy có một vụ kiện nào đưa đến để xét xử, cũng bỏ đi. Các pháp đình trở thành trống vắng.

Bồ-tát suy nghĩ: “Vì ta trị vì đúng pháp, không có ai đến kiện tụng, các tiếng ồn ào được chấm dứt, pháp đình trở thành trống vắng. Nay ta cần phải tìm xem ta có khuyết điểm gì, nếu có, ta sẽ từ bỏ nó và sẽ sống trong an lạc.” Từ đấy, Bồ-tát đi tìm cùng khắp xem có ai nói lên khuyết điểm của mình không, nhưng trong các nội cung, ngài không tìm được ai nói lên khuyết điểm, chỉ nghe ca tụng công đức của mình. Bồ-tát suy nghĩ: “Những người này vì sợ ta, không nói lên khuyết điểm, chỉ nói lên công đức.”

Bồ-tát đi ra ngoài nội cung để tìm, tại đây cũng không thấy một ai, liền tìm trong nội thành, rồi ra tìm ở ngoại thành, hỏi những người ở tại bốn cửa thành. Tại đây cũng không thấy một ai nói lên khuyết điểm, chỉ nói lên công đức. Bồ-tát suy nghĩ: “Nay ta sẽ đi tìm tại các tỉnh thành.”

Vua giao quốc độ cho các đại thần, ngự lên xe, chỉ đem theo người đánh xe. Ra khỏi thành, vua giả dạng để vẫn không một ai biết và đi khắp đất nước, cho đến khi đến biên địa vẫn không thấy một ai nói lên khuyết điểm, chỉ nghe nói đến công đức của mình. Từ biên địa, theo đường đại lộ vua trở về kinh thành.

Trong lúc ấy, vua nước Kosala tên là Mallika trị vì quốc độ đúng pháp cũng đi tìm khuyết điểm, từ trong nội cung, v.v... không thấy một người nào nói lên khuyết điểm, chỉ nghe nói về công đức của mình, liền đi tìm khắp nước và đến chỗ ấy. Cả hai người gặp mặt nhau trên một con đường chật hẹp chỉ đủ một xe đi chứ không có chỗ để xe này tránh xe kia. Rồi người đánh xe của Vua Mallika nói với người đánh xe của vua nước Ba-la-nại:

– Hãy tránh ra xe của bạn!

Người đánh xe kia nói:

– Nay bạn đánh xe, hãy cho xe của bạn tránh ra! Trên xe này là vua nước Ba-la-nại, Đại vương Brahmadatta đang ngồi.

Người đánh xe trước nói:

– Này bạn đánh xe, trên xe này là vua nước Kosala, Đại vương Mallika đang ngồi, hãy cho xe của bạn tránh ra! Hãy nhường chỗ cho xe vua chúng tôi đi!

Người đánh xe của vua nước Ba-la-nại suy nghĩ: “Đây cũng là vua. Vậy phải làm sao đây? À, có phương tiện này. Sau khi hỏi tuổi, xe của vị nào trẻ hơn sẽ nhường chỗ cho vị lớn tuổi.” Suy nghĩ và thi hành như vậy, người ấy biết được cả hai vua đều đồng tuổi với nhau. Lại hỏi về diện tích vương quốc, thể lực, tài sản, danh vọng và những vấn đề liên hệ đến sanh chủng, dòng họ, gia đình, trú xứ; sau khi hỏi tất cả, người ấy được biết rằng cả hai đều làm chủ vương quốc rộng đến ba trăm do-tuần, đều đồng đẳng về uy lực, tài sản, danh vọng và những vấn đề đều liên hệ đến sanh chủng, dòng họ, gia đình, trú xứ. Rồi người đánh xe ấy suy nghĩ: “Ta sẽ nêu lên trường hợp ai thù thắng về giới đức”, và hỏi:

– Giới đức của vua bạn như thế nào?

Người đánh xe kia trả lời:

– Vua của chúng tôi có giới đức như thế này.

Và anh ta đọc bài kệ thứ nhất:

- | | | |
|----|---|---|
| 1. | Mallika xử sự,
Mềm mỏng đối mềm mỏng,
Bất thiện đối bất thiện,
Này bạn đánh xe ơi, | Cứng rắn đối cứng rắn,
Thiện đức đối thiện đức,
Vua này là như vậy.
Hãy nhường đường vua ta! |
|----|---|---|

Người đánh xe của vua xứ Ba-la-nại nói:

– Này bạn, có phải đấy là giới đức của vua bạn?

Khi được biết đúng như vậy, người ấy nói:

- Đây là những công đức, còn những khuyết điểm gì?
- Như thế này, thế này... Nhưng hãy nói các công đức vua của bạn?
- Vậy hãy nghe.

Và người đánh xe của vua xứ Ba-la-nại đọc bài kệ thứ hai:

- | | | |
|----|---|--|
| 2. | Lấy không giận thắng giận,
Lấy thí thắng xan tham,
Vua này là như vậy.
Hãy nhường đường vua ta! ³ | Lấy thiện thắng không thiện,
Lấy chân thắng hư ngụy,
Này bạn đánh xe ơi, |
|----|---|--|

Khi nghe nói như vậy, Vua Mallika và người đánh xe, cả hai đều xuống xe, mở dây các con ngựa, đẩy xe sang một bên và nhường đường cho vua xứ Ba-la-nại. Rồi vua xứ Ba-la-nại giáo giới cho Vua Mallika:

– Đây là những việc cần phải làm!

Sau đó, vua đi về Ba-la-nại và suốt đời làm các công đức như bố thí, v.v... sau khi mạng chung, vua đi lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

³ Xem *Dh.* v. 223.

Còn Vua Mallika ghi nhớ lời giáo giới trong lòng. Sau khi đi khắp đất nước và không tìm thấy ai chỉ trích mình, vua trở về thành. Tại đó, vua trọn đời làm thiện sự cho đến khi mạng chung, vua cũng lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

Khi bậc Đạo sư kể câu chuyện và thuyết pháp để giáo giới vua xứ Kosala xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người đánh xe của Vua Mallika là Moggallāna (Mục-kiền-liên), vua là Ānanda (A-nan), người đánh xe của vua xứ Ba-la-nại là Sāriputta (Xá-lợi-phất), còn vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§152. CHUYỆN CON CHÓ RỪNG (*Sigālajātaka*) (J. II. 5)

Ái làm không dẫn đo...

Câu chuyện này, khi ở ngôi nhà có nóc nhọn, bậc Đạo sư kể về con một người cạo tóc trú ở Vesālī (Tỳ-xá-ly). Cha người ấy cạo râu, cắt tóc, uốn tóc cho vua, hoàng hậu, thái tử và các công chúa. Ông ta có đạo tâm, tín thành, quy y Ba ngôi báu, giữ năm giới, thỉnh thoảng để thì giờ nghe pháp của bậc Đạo sư.

Một hôm, khi làm việc trong cung vua, ông ta đem theo đứa con trai của mình. Cậu con trai thấy một công chúa xứ Licchavi phục sức và trang điểm đẹp như tiên nữ, liền sanh tâm luyến ái và bị phiền não chinh phục. Sau khi ra khỏi cung vua, cậu nói với cha:

– Nếu được thiếu nữ ấy, con sẽ sống. Nếu không, con sẽ chết.

Nói vậy xong, cậu bỏ ăn lên giường nằm.

Người cha nói:

– Nay con thân, chớ ái luyến không phải chỗ. Con thuộc hạ sanh, con một người thợ hớt tóc! Công chúa xứ Licchavi là con gái thuộc dòng Sát-đế-ly, dòng họ cao quý, con không xứng đôi với công chúa. Ta sẽ hỏi cho con một thiếu nữ khác cùng giai cấp với con.

Nhưng cậu không nghe lời của cha. Rồi mẹ, anh, chị, dì, cậu, tất cả bà con, bạn bè thân hữu hội họp lại nhưng vẫn không khuyên giải cậu được. Cậu ngày càng héo mòn, xanh xao dần cho đến chết.

Sau khi tang lễ con vừa xong và cơn sầu muộn đã nhẹ bớt, người cha suy nghĩ: “Ta sẽ đến đánh lễ bậc Đạo sư.” Ông ta đem nhiều hương thơm, vòng hoa, hương sáp đi đến Đại Lâm cúng dường, đánh lễ bậc Đạo sư rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Nay cư sĩ, sao mấy lúc này ông vắng mặt?

Ông ta liền thuật lại câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Nay cư sĩ, không phải chỉ nay con của ông mới luyến ái không đúng chỗ và bị nạn. Thuở xưa, nó cũng đã như vậy rồi.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vị cư sĩ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con sư tử ở Tuyết sơn. Là con út, Bồ-tát có sáu sư tử anh và một sư tử chị. Tất cả đều sống trong hang Vàng. Không xa hang Vàng có hang Pha lê trên núi Bạc. Tại đây có một con chó rừng. Sau một thời gian, sư tử cha và sư tử mẹ đều chết. Các con sư tử đực thường đề sư tử cái, chị của chúng ở lại hang Vàng, còn chúng ra đi tìm mồi, đem thịt về cho chị ăn.

Một hôm, con chó rừng thấy con sư tử cái ấy, liền sanh tâm luyện ái. Bấy giờ khi sư tử cha và sư tử mẹ còn sống, chó rừng không có cơ hội đi đến. Nhưng nay khi bảy con thú đã ra đi tìm mồi, từ hang Pha lê, nó đi đến miệng hang Vàng, đứng trước con sư tử cái nhỏ, nói lên những lời đường mật cảm dỗ một cách thâm kín:

– Này em! Ta là thú bốn chân, em cũng là thú bốn chân. Ta rất thương yêu em và muốn em làm vợ ta. Ta sẽ là chồng em. Chúng ta sẽ sống hòa hợp hạnh phúc và em cũng sẽ thương yêu ta mãi mãi!

Sư tử cái nghe lời nói của chó rừng, suy nghĩ: “Chó rừng là loại thú hạ liệt trong các loại thú bốn chân, đề tiện giống như hạng người cùng đinh. Còn ta thuộc gia đình hoàng tộc ưu việt. Nó đã nói những lời không thích hợp, không tốt đẹp với ta. Sau khi nghe lời như vậy, ta còn sống làm gì? Ta sẽ nín hơi thở mà chết.”

Nhưng rồi nó lại nghĩ: “Ta chết như vậy thật không xứng đáng. Chờ đến khi ta gặp các em của ta, nói cho họ nghe, rồi ta sẽ chết.”

Con chó rừng không nghe sư tử cái trả lời, suy nghĩ: “Nàng không thương ta”, liền ưu sầu đi vào hang Pha lê và nằm xuống.

Sau khi giết một con trâu, hay con voi, một con sư tử con liền ăn thịt, rồi đem phần về cho chị nó và nói:

- Này chị thân, thịt đây, chị hãy ăn đi!
- Này em, chị không ăn thịt, vì chị sẽ chết.
- Vì sao vậy?

Con sư tử chị kể lại câu chuyện đã xảy ra. Nó hỏi chị:

- Nay con chó rừng ở đâu?

Sư tử chị thấy chó rừng nằm trong hang Pha lê, tưởng rằng nó ở trên trời nên nói:

- Này em, sao em không thấy? Con chó rừng nằm ở trên trời tại núi Bạc.
- Con sư tử tưởng thật nói:
- Ta sẽ giết nó.

Nó liền nhảy đến hang Pha lê mà nó tưởng trên trời với tốc độ của con sư tử săn mồi, tìm nó đập vào hang Pha lê và rơi xuống chân núi chết tại chỗ ấy.

Một con sư tử khác đi đến. Con sư tử chị cũng nói lại như vậy. Con sư tử ấy cũng làm như con trước và rơi xuống chết ngay chân núi. Như vậy sáu anh em sư tử con đều chết. Cuối cùng khi Bồ-tát (tức sư tử út) đến, sư tử chị kể lại lý do. Bồ-tát hỏi:

– Nay con chó rừng ấy ở đâu?

Sư tử chị nói:

– Nó nằm ở trên trời tại đỉnh núi Bạc.

Bồ-tát suy nghĩ: “Các loài chó rừng không trú trên không. Chắc nó nằm ở hang Pha lê.”

Bồ-tát đi xuống chân núi, thấy sáu sư tử anh đã chết, liền nghĩ: “Ta biết những anh này vì ngu si, không có trí tuệ, không biết đây là hang Pha lê, đã đập quả tim vào đó nên bị giết chết. Như vậy là việc làm không đắn đo và quá vội vã.”

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ nhất:

3.	Ai làm không đắn đo,	Hấp tấp làm vội vã,
	Như ăn đồ ăn nóng,	Bị bỏng miệng mà chết.

Sư tử út nói bài kệ này xong, suy nghĩ: “Các anh của ta muốn giết con chó rừng nhưng không có phương tiện thiện xảo, nhảy tới nhanh chóng quá nên đã tự tạo cái chết. Ta sẽ báo thù cho các anh ta.” Nó thấy chó rừng nằm trong hang Pha lê. Bồ-tát theo dõi con đường lên xuống của con chó rừng, rồi hướng về phía ấy, rống lên ba lần tiếng rống của sư tử khiến cho tất cả đất và trời dội vang tiếng rống. Con chó rừng nằm trong hang Pha lê hoảng hốt run sợ, vỡ tim ngay tại chỗ ấy mà chết.

Bậc Đạo sư nói:

– Như vậy, con chó rừng chết khi nghe sư tử rống.

Và bậc Chánh Giác đọc bài kệ thứ hai:

4.	Chính trên Daddara,	Sư tử rống tiếng rống,
	Khiến núi ấy vang động.	Nghe tiếng con sư tử,
	Con chó rừng ở núi,	Hoảng hốt, sợ khiếp đảm,
	Quả tim nó vỡ đôi,	Tại đây nó mạng chung.

Sư tử đã làm chó rừng chết như vậy. Sau đó nó chôn các anh vào một nắm mộ chung và kể cho chị nghe rằng chúng đã chết, rồi an ủi chị. Sư tử sống trọn đời trong hang Vàng cho đến khi mạng chung, nó đi theo thiện nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư liền thuyết giảng các sự thật và khi

kết thúc bài giảng, vị cư sĩ được an trú vào quả Dự lưu, rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là con trai người hót tóc, sáu sư tử con là sáu vị Trưởng lão, sư tử chị là công chúa xứ Licchavi, còn sư tử trẻ nhất là Ta vậy.

§153. CHUYỆN CON HEO RỪNG (*Sūkarajātaka*) (J. II. 9)

Này bạn, ta bốn chân...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Trưởng lão lớn tuổi. Một hôm, trong một thời thuyết pháp ban đêm, bậc Đạo sư đứng trên tam cấp thang lầu bằng châu báu trước cửa hương phòng và sau khi giáo giới cho chúng Tỷ-kheo, đi vào hương phòng. Cùng lúc, Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất), vị Tướng quân Chánh pháp, đánh lễ bậc Đạo sư rồi cũng đi vào phòng của mình. Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên), sau khi đi về phòng nghỉ một lát, lại đi đến Trưởng lão Sāriputta để hỏi các câu hỏi. Được hỏi từng câu hỏi, bậc Tướng quân Chánh pháp giải đáp, trình bày rõ ràng như mặt trăng mọc trên hư không. Cả bốn hội chúng ngồi nghe pháp. Trong hội chúng có một Trưởng lão lớn tuổi suy nghĩ: “Nếu giữa hội chúng này, ta hỏi một câu hỏi làm Sāriputta lúng túng, hội chúng này sẽ nghĩ ta là người thông thái và ta sẽ đạt danh vọng lớn.” Vị ấy liền từ hội chúng đứng dậy, đi đến bậc Trưởng lão, đứng một bên và thưa:

– Thưa Hiền giả, chúng tôi chỉ hỏi Hiền giả một câu. Hãy cho chúng tôi được phép hỏi. Hãy cho chúng tôi một quyết định về diễn dịch hay quy nạp, bác bỏ hay chấp nhận, về thù thắng hay nghịch thù thắng!

Trưởng lão Sāriputta nhìn người lớn tuổi ấy và nghĩ: “Người này lớn tuổi, sở hành còn ham muốn, trống rỗng không biết gì.” Rồi Trưởng lão không trả lời cho người ấy, khiêm tốn đặt quạt xuống, từ chỗ ngồi đi xuống về phòng. Những người đứng bên ngoài vùng dậy, đuổi theo Trưởng lão lớn tuổi ấy và nói lớn:

– Thầy không cho chúng ta được nghe pháp diệu ngọt.

Người lớn tuổi ấy chạy trốn, rơi vào đường nứt trong nhà xí tại biên địa ngôi tịnh xá và khi đứng dậy mình dính đầy phân. Mọi người thấy vậy, hối hận và đi đến bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này các cư sĩ, sao các ông đến vào giờ bất thường như vậy?

Họ tường thuật sự việc lên bậc Đạo sư. Ngài nói:

– Này các ông, không phải chỉ nay kẻ lớn tuổi này mới kiêu mạn, không biết sức của mình, muốn đối nghịch với sức mạnh lớn hơn nên đã bị dính đầy phân. Thuở xưa, chính người ấy cũng kiêu mạn, không biết sức của mình, đối địch với sức mạnh hơn nên đã bị dính đầy phân.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của họ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con sư tử

trú ở trong hang núi tại Tuyết sơn. Không xa chỗ ấy bao nhiêu, nhiều con heo rừng sống gần một bờ hồ. Cũng gần cái hồ ấy, một số nhà tu khổ hạnh sống trong những am bằng lá.

Một hôm, con sư tử giết một con trâu rừng, v.v... và ăn thịt thật thỏa thích xong, nó đi xuống hồ uống nước rồi đi lên. Trong lúc ấy, một con heo to lớn bắt mỗi gần hồ nước ấy. Con sư tử thấy nó, liền suy nghĩ: “Ta sẽ ăn thịt nó một ngày khác, nhưng nếu thấy ta hay ở đây, nó sẽ không đến nữa!” Vì vậy, sư tử từ hồ nước đi lên và tránh né một bên. Con heo rừng nhìn thấy vậy, liền suy nghĩ: “Nó thấy ta, sợ ta, nên không dám đến gần và chạy trốn. Hôm nay, sẽ có cuộc đối địch giữa ta và con sư tử ấy.” Vì vậy, nó ngẩng đầu lên thách thức sư tử với bài kệ đầu tiên:

- | | | |
|----|-----------------------|------------------------|
| 5. | Này bạn, ta bốn chân, | Bạn cũng vật bốn chân. |
| | Sư tử hãy quay lại, | Sao bạn sợ, chạy trốn? |

Con sư tử nghe vậy liền nói:

– Này bạn heo rừng, hôm nay ta không đánh nhau với bạn. Nhưng hẹn sau bảy ngày, hãy đánh nhau chính tại chỗ này!

Nói vậy xong, con sư tử bỏ đi. Con heo rừng suy nghĩ: “Ta sẽ đánh nhau với con sư tử”, và nó hân hoan thích thú báo tin cho bà con biết. Bà con nó nghe vậy, hoảng hốt nói:

– Chính người sẽ làm hại tất cả chúng ta. Không biết sức mạnh của mình, người lại muốn đánh nhau với con sư tử. Khi con sư tử đến, nó sẽ giết mạng sống của tất cả chúng ta. Chớ hành động hấp tấp như vậy!

Con heo rừng ấy sợ hãi, hốt hoảng hỏi:

– Nay tôi phải làm gì?

Các con heo rừng nói:

– Hãy đi đến bãi phân của các nhà tu khổ hạnh ấy, lấy thân lăn lộn trên chỗ ấy trong bảy ngày, phơi cho thân khô, đến ngày thứ bảy, tắm ướm với những giọt sương, rồi đến chỗ hẹn trước khi con sư tử tới, tìm hiểu hướng gió thổi và đứng trước ngọn gió. Con sư tử tánh ưa sạch sẽ, ngửi mùi hôi từ thân của bạn, sẽ tha cho bạn và bỏ đi.

Con heo rừng ấy làm theo như vậy, vào ngày thứ bảy nó đến đứng ở đấy. Con sư tử vừa ngửi mùi hôi trên thân con heo rừng, biết nó bôi phân, liền nói:

– Này bạn heo rừng, mưu chước người nghĩ khá tốt đấy! Nếu người không bôi phân thì ở đây người đã bị ta giết hại rồi. Ta không thể cắn thân người với miệng của ta, cũng không thể đánh người với chân của ta. Do vậy, ta sẽ tha cho người!

Nói vậy xong, con sư tử đọc bài kệ thứ hai:

- | | | |
|----|---------------------------|---------------------------|
| 6. | Lông da người dơ bẩn, | Heo rừng, người hôi thối, |
| | Nếu người muốn đánh nhau, | Ta cho người thắng trận! |

Con sư tử quay trở lui, và bắt được mồi, sau đó uống nước hồ rồi đi về hang núi. Còn con heo rừng báo cho bà con biết:

– Con sư tử đã bị ta đánh bại!

Chúng sợ hãi hoảng hốt liền nói:

– Một ngày kia con sư tử lại đến và sẽ đoạt mạng sống của tất cả chúng ta. Vì vậy chúng liền chạy trốn đi đến nơi khác.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con heo rừng là Trưởng lão lớn tuổi này và con sư tử là Ta vậy.

§154. CHUYỆN CON RĂN (*Uragajātaka*) (J. II. 12)

Ở đây, đã trốn vào...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự tranh chấp của các võ quan. Cùng phục vụ vua xứ Kosala và cầm đầu binh lính, hai bậc đại thần này thấy mặt tại chỗ nào thì cãi lộn nhau ở chỗ ấy. Sự thù hằn của họ được toàn thành biết rõ. Ngay cả vua, bà con, thân hữu cũng không thể giảng hòa họ được.

Một hôm, bậc Đạo sư, vào buổi sáng sớm, quán sát xem ai có khả năng giác ngộ và thấy hai người này có duyên chứng được Dự lưu đạo. Hôm sau, bậc Đạo sư đi một mình vào Xá-vệ để khát thực, đứng trước cửa nhà của một trong hai người ấy. Người này đi ra, cầm lấy bát, mời bậc Đạo sư vào nhà, sửa soạn chỗ ngồi và mời Ngài. Bậc Đạo sư ngồi xuống, thuyết về lợi ích tu tập từ tâm, sau khi biết tâm người ấy đã sẵn sàng, liền thuyết về các sự thật. Cuối bài giảng, người ấy chứng quả Dự lưu. Bậc Đạo sư biết người ấy đã chứng quả Dự lưu, liền bảo người ấy cầm bình bát đứng dậy và đi đến nhà của người kia. Người này thấy bậc Đạo sư đến liền ra đánh lễ và mời Ngài vào nhà. Người này cũng cầm bình bát đi theo bậc Đạo sư và vào nhà với Ngài. Bậc Đạo sư tán thán mười một lợi ích của từ tâm và khi biết tâm của người sau này cũng đã thuần thực, liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, người này được an trú vào quả Dự lưu. Như vậy, cả hai đều đắc quả Dự lưu, thú nhận với nhau về lỗi lầm của mình, thứ lỗi cho nhau, hòa hợp, hoan hỷ với nhau và trở thành như một. Chính ngày ấy, họ cùng ăn với nhau trước mặt Thế Tôn. Sau khi ăn xong, bậc Đạo sư liền đi về tịnh xá. Cả hai vị đem theo nhiều vòng hoa, hương thơm, bơ chín, mật, đường phèn, v.v... cùng đi với bậc Đạo sư về tịnh xá. Sau khi nêu rõ các trách nhiệm và giáo giới cho các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư đi vào hương phòng. Các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, nói về câu chuyện ấy tại pháp đường:

– Thừa các Hiền giả, bậc Đạo sư đã nhiếp phục những người không thể nhiếp phục. Hai vị đại thần ấy chống đối với nhau đã lâu ngày, vua và bà con thân hữu không thể làm họ hòa hợp. Nhưng chỉ trong một ngày, Như Lai đã nhiếp phục được họ.

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi ở đây nói câu chuyện gì?

Khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới làm cho hai người này hòa hợp. Xưa kia Ta cũng làm cho họ hòa hợp rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, một số quần chúng lớn tụ họp để vui chơi ngày lễ hội. Nhiều nhóm người, chư thần, các loại rắn thần, Kim Sí điều (chim thần Cánh Vàng),⁴ v.v... tụ họp lại để xem lễ hội.

Tại một chỗ, một con rắn và một Kim Sí điều xem hội cùng đứng với nhau. Con rắn không biết là Kim Sí điều đứng bên cạnh, liền đặt tay lên vai nó. Kim Sí điều xoay mình lại để xem ai đã đặt tay lên vai nó, và khi nhìn, nó biết đó là con rắn. Con rắn cũng nhìn, biết là Kim Sí điều, hoảng hốt vì sợ chết, vội đi ra khỏi thành và chạy trốn trên mặt sông. Kim Sí điều quyết định bắt lấy con rắn liền đuổi theo.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị tu khổ hạnh, sống trong một chòi lá bên bờ sông ấy. Để làm dịu sức nóng ban ngày, ngài cởi áo ngoài bằng vỏ cây, mặc áo tắm và xuống sông tắm. Con rắn suy nghĩ: “Ta sẽ nhờ vị xuất gia này cứu mạng sống”, liền từ bỏ nguyên hình, biến thành hòn ngọc và trốn vào giữa áo bằng vỏ cây. Kim Sí điều đuổi theo thấy nó đi vào trong ấy, nhưng vì kính trọng áo bằng vỏ cây, nó không chạm cái áo và thua với Bồ-tát:

– Thưa Tôn giả, hãy cầm lấy áo bằng vỏ cây. Trong đó có con rắn mà con muốn ăn.

Và để nêu rõ ý nghĩa này, nó đọc bài kệ đầu tiên:

- | | | |
|----|--|---|
| 7. | Ở đây, đã trốn vào,
Con muốn giải thoát nó,
Và vì trọng Phạm hạnh, | Vị vua các loài rắn,
Khỏi hình hòn đá ngọc,
Dầu đói, con không bắt. |
|----|--|---|

Bồ-tát đứng dưới nước nói lời tán thán vua Kim Sí điều qua bài kệ thứ hai:

- | | | |
|----|--|---|
| 8. | Mong người sống lâu ngày,
Luôn hưởng món chư thiên,
Vì kính trọng Phạm hạnh, | Được Phạm thiên hộ trì,
Mong người được đầy đủ,
Dầu đói, chớ ăn nó. |
|----|--|---|

Như vậy, Bồ-tát đứng dưới nước nói lên lời tùy hỷ. Rồi Bồ-tát đi lên, mặc áo vỏ cây và đem cả hai cùng đi về thảo am. Ngài tán thán hạnh tu tập từ tâm, khiến cả hai hòa hợp. Từ đấy trở đi, cả hai đều sống hòa hợp, vui vẻ với nhau.

⁴ Xem *JPTS*. 1893, p. 26.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc ấy, con rắn và Kim Sí điều là hai vị đại thần này, còn vị tu khổ hạnh chính là Ta vậy.

§155. CHUYỆN NHẢY MŨI (*Gaggajātaka*)⁵ (J. II. 15)

Mong cha sống trăm năm...

Câu chuyện này, khi trú ở Rājakārāma (Vương Lâm) do Vua Pasenadi (Batur-nặc) xây dựng gần Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể như sau:

Một hôm, ngồi giữa bốn hội chúng ở Rājakārāma, trong khi thuyết pháp, bậc Đạo sư nhảy mũi. Các Tỷ-kheo lớn tiếng nói lên:

– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn sống lâu! Mong Thiện Thệ sống lâu!

Và họ tạo ra một tiếng ồn lớn. Do tiếng ồn ấy, pháp thoại bị chấm dứt. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, khi có ai nhảy mũi nếu Ta nói: “Mong hãy sống lâu” thì do nhân duyên ấy, một người có thể sống hay chết không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, khi nhảy mũi, chớ nói: “Mong hãy sống lâu!” Ai nói vậy thì phạm ác hạnh.

Lúc bấy giờ, khi các Tỷ-kheo nhảy mũi, các cư sĩ thường nói:

– Mong Tôn giả sống lâu!

Các Tỷ-kheo cảm thấy ray rứt nhưng không đáp lại. Các cư sĩ bực tức nói:

– Sao các Sa-môn Thích tử khi được chúc: “Mong Tôn giả sống lâu!” đã không đáp lại?

Họ trình sự việc này lên Thế Tôn. Ngài nói:

– Nay các Tỷ-kheo, các gia chủ hay mê tín ở điếm lạnh, vì vậy, khi các gia chủ nói: “Mong Tôn giả sống lâu!”, các ông được phép trả lời: “Mong các người sống lâu!”

Các Tỷ-kheo hỏi Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, từ khi nào khởi lên tục lệ đáp lời chúc sống lâu?

Bậc Đạo sư trả lời:

– Tục lệ này được khởi lên từ ngàn xưa.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình Bà-la-môn ở xứ Kāsi. Thân phụ Bồ-tát làm nghề buôn để sống. Khi Bồ-tát lên mười sáu tuổi, người cha giao cho Bồ-tát hòn ngọc có bùa chú, cùng đi từ

⁵ Bản Tích Lan viết *Gaggajātaka*. Bản CST và Thái Lan viết *Bhaggajātaka*. Xem Cv. V. 139.

làng này qua thị trấn khác rồi đến Ba-la-nại. Sau khi ăn cơm xong tại nhà người gác cổng, hai cha con không tìm được nhà để ở, bèn hỏi:

– Những người đi đến trễ trú ở chỗ nào?

Các người khác trả lời họ:

– Ngoài thành có một ngôi nhà. Nhưng nhà ấy có một phi nhân (quỷ thần) đang ở. Nếu các ông muốn, cứ đến đấy mà ở.

Bồ-tát nói:

– Thừa cha thân, hãy đi, chớ sợ dạ-xoa, con sẽ nhiếp phục nó, làm cho nó quỳ lạy dưới chân cha.

Nói xong, Bồ-tát đưa cha đến chỗ ấy. Rồi người cha nằm trên tấm ván, còn Bồ-tát ngồi bóp chân cho cha. Bấy giờ, con quỷ dạ-xoa trú tại đấy, sau mười hai năm phục vụ Vua Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn, một trong bốn Thiên vương), được cho ngôi nhà này với điều kiện: Trừ những người nào vào trong ngôi nhà này, khi nhảy mũi, nên được chúc: “Mong sống lâu!”, và đáp lại: “Mong sống lâu!”, con quỷ ấy có thể ăn thịt những người khác không chúc sống lâu.

Con dạ-xoa ấy ở tại cột của cây kèo chính.⁶ Nó nghĩ: “Ta sẽ làm cho người cha Bồ-tát nhảy mũi.” Vì vậy, với thần lực của mình, nó làm đám bụi mịn bốc lên. Bụi ấy bay vào mũi người cha. Người cha nằm trên tấm ván nhảy mũi. Người con không nói: “Mong cha sống lâu!” Con dạ-xoa muốn ăn thịt người cha nên từ cột cây kèo đi xuống. Bồ-tát thấy nó xuống liền nghĩ: “Cha ta bị con quỷ này làm cho nhảy mũi. Con quỷ này, khi ai nhảy mũi mà không đáp: ‘Mong sống lâu’, sẽ trở thành mồi cho nó ăn thịt.” Vì vậy, Bồ-tát nói lên bài kệ đầu với cha:

9.	Mong cha sống trăm năm, Mong quỷ không ăn cha,	Cộng thêm hai mươi tuổi, Mong cha sống trăm thu!
----	---	---

Khi nghe lời Bồ-tát nói, con dạ-xoa nghĩ: “Vị thanh niên này trả lời: ‘Mong cha sống trăm thu!’ Ta không thể ăn thịt, nhưng ta sẽ ăn thịt người cha.” Vì vậy, nó đi đến gần người cha. Thấy con dạ-xoa đi đến gần, ông liền suy nghĩ: “Con quỷ này sẽ ăn thịt những ai không đáp: ‘Mong sống lâu.’ Vậy ta sẽ đáp lại: ‘Mong con sống lâu.’” Và người cha nói câu kệ thứ hai với con:

10.	Mong con sống trăm năm, Mong quỷ ăn thuốc độc,	Cộng thêm hai mươi tuổi, Còn con sống trăm thu!
-----	---	--

Con dạ-xoa suy nghĩ: “Cả hai người này, ta không thể ăn thịt được”, liền quay trở lui. Nhưng Bồ-tát hỏi nó:

– Nay dạ-xoa, vì sao ngươi ăn thịt những người đi vào trong ngôi nhà này?

– Do tôi phục vụ Vua Vessavaṇa mười hai năm nên được phép ăn tất cả mọi người, trừ những ai đáp lời chúc: “Mong sống lâu!”

– Nay dạ-xoa, ngươi trước kia làm điều bất thiện nên phải sanh ra hung

⁶ Xem *SBE*. vol. II, p. 3.

dữ, độc ác, làm hại người. Nay nếu người làm hành động tương tự, người sẽ đi từ cảnh đen tối này đến cảnh đen tối khác. Do vậy từ nay, người hãy từ bỏ sát sanh, v.v...

Sau khi nhiếp phục con dạ-xoa, làm cho nó hoảng sợ với cảnh khổ của địa ngục, khuyên nó giữ năm giới, Bồ-tát thu phục con dạ-xoa trở thành người giúp việc.

Ngày hôm sau, nhiều người đi đến thấy con dạ-xoa, biết rằng nó đã được Bồ-tát nhiếp phục, liền báo cáo lên vua:

– Thưa Thiên tử, có một thanh niên đã nhiếp phục con dạ-xoa và đã làm nó trở thành người giúp việc.

Vua cho mời Bồ-tát, đặt Bồ-tát vào chức Đại tướng quân và thưởng cho thân phụ Bồ-tát nhiều danh vọng. Sau khi con dạ-xoa được vua phong làm người thu thuế, vua tuân theo lời khuyên răn của Bồ-tát, làm các công đức như bố thí, v.v... và khi chết, vua được sanh lên cõi trời làm đông đảo hội chúng chư thiên.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, để giải thích phong tục trả lời: “Mong sống lâu”, Ngài nói:

– Tục lệ này từ xưa đã có rồi.

Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua là Ānanda (A-nan), người cha là Kassapa (Ca-diếp) và người con trai là Ta vậy.

§156. CHUYỆN HOÀNG TỬ ALĪNACITTA

(*Alīnacittajātaka*) (J. II. 17)

Chính vì Alīnacitta...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Câu chuyện sẽ được nói lên trong chương XI, *Chuyện Vương tử Samvara*.⁷ Bậc Đạo sư hỏi:

– Có phải chăng ông đã thối thất tinh tấn?

Tỷ-kheo ấy trả lời:

– Có thật, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói với vị ấy:

– Nay Tỷ-kheo, thuở xưa chính ông đã tinh tấn lấy được vương quốc thành Ba-la-nại cách xa mười hai do-tuần và đã giao vương quốc ấy cho một đứa trẻ như cho một miếng thịt. Và nay, vì sao ông đã xuất gia trong giáo pháp giải thoát như vậy, lại thối thất tinh tấn?

⁷ Xem J. III. 130, *Samvarajātaka* (Chuyện Vương tử Samvara), số §462.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một làng thợ mộc không xa thành Ba-la-nại bao nhiêu. Tại đây, có năm trăm người thợ mộc ở. Họ đi thuyền ngược dòng sông, đốn cây gộp lại để làm sườn của những ngôi nhà một tầng, hoặc hai tầng. Họ đánh dấu tất cả khúc gỗ, kéo gỗ đến bờ sông rồi đem lên thuyền chở về thành. Những ai muốn ngôi nhà thế nào, họ làm đúng như vậy rồi lấy tiền để sinh sống.

Trong khi họ đang làm việc như vậy thì một con voi đập phải một miếng dăm gỗ vụn của cây keo. Miếng dăm gỗ ấy đâm vào chân con voi làm cho nó rất đau đớn. Chân nó bị sưng lên và làm mủ. Con voi nghe tiếng đốn gỗ, suy nghĩ: “Ta có thể nhờ những người thợ mộc này làm cho lành chăng?” Nghĩ vậy nó liền đi ba chân đến gần đám thợ mộc và nằm xuống. Các người thợ mộc thấy chân nó sưng, đi đến xem thì thấy miếng dăm gỗ. Họ lấy một con dao sắc cắt chung quanh miếng dăm gỗ, cột dây, kéo bật miếng dăm gỗ ra, lấy hết mủ, rửa với nước nóng và xức với nước thích hợp, không bao lâu thì vết thương được lành lại. Con voi lành mạnh suy nghĩ: “Nhờ những người thợ mộc này, ta được sống lại. Nay ta cần phải trả ơn họ.”

Từ đây trở đi, con voi nhờ các cây giúp những người thợ mộc, lăn tròn các khúc cây hoặc giúp họ đẽo gỗ. Hoặc nó mang đến cho họ bất cứ dụng cụ nào họ cần, và cầm mọi vật bằng chiếc vòi một cách cương quyết không sờn lòng. Vào giờ ăn, các người thợ mộc mỗi người đem đến một phần ăn và con voi được cả năm trăm phần. Bây giờ, con voi ấy có một voi con toàn trắng, là một con voi thuần chủng tuyệt đẹp. Voi cha suy nghĩ: “Ta hiện tại đã lớn tuổi. Nay ta nên cho con ta làm các công việc giúp họ.” Vì vậy, không thông báo cho các người thợ mộc biết, nó đi vào rừng dắt voi con ra và nói với họ:

– Voi con này là con của tôi. Các người đã giúp tôi. Nay tôi giao nó cho các người như trả tiền chữa trị. Bắt đầu từ nay, nó sẽ làm cho các người!

Rồi nó dạy con:

– Bắt đầu từ nay, những việc gì cha đã làm, con hãy làm thế!

Voi cha nói xong, để voi con ở lại với những người thợ mộc rồi đi vào rừng. Từ đó, voi con phục tùng, làm theo lời nói của những người thợ mộc, kham nhẫn chịu đựng tất cả mọi công việc và họ nuôi nó với năm trăm phần ăn như họ đã nuôi voi cha.

Khi voi con làm xong công việc, nó xuống sông chơi rồi trở lại. Những đứa con của người thợ mộc thường nắm vòi nó, chơi với nó dưới nước và trên bờ. Thời ấy, các con voi, con ngựa được loài người thuần hóa không đi đại tiện hay tiểu tiện trong nước; do vậy, con voi không đại tiện hay tiểu tiện trong nước, chỉ đại tiện ở ngoài trên bờ sông.

Một hôm trời mưa, một bãi phân khô của voi này rơi xuống sông, trôi đến

bến nước của thành Ba-la-nại, mắc vào một bụi cây và đứng lại. Những người nài của vua dắt năm trăm con voi đến để tắm. Khi các con voi ngửi mùi bãi phân của con voi thuần chủng, không một con voi nào chịu xuống sông chúng cong đuôi lên và cắm đầu bỏ chạy. Các người giữ voi báo cáo lên các người huấn luyện voi. Những người này nói:

– Chắc có gì chương ngại trong nước.

Họ ra lệnh làm cho sạch nước thì thấy bãi phân của con voi thuần chủng ở bụi cây ấy và biết được đây là nguyên nhân của sự việc. Họ đem đến một cái chum chứa đầy nước, chà nát bãi phân ấy và tưới nước sạch lên thân các con voi, thân các con voi trở thành có mùi thơm. Lúc bấy giờ, các thuyền bè cột lại, đi ngược dòng và đến chỗ những người thợ mộc ở. Voi con chơi trên sông, nghe tiếng trống, liền đến gần các người thợ mộc. Họ liền đi đến đón vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, Thiên tử cần loại gỗ nào, cần gì ngài lại đến đây cho nhọc? Sao không đưa tin báo cho chúng thần đem về?

– Nay các khanh, ta đến đây không phải vì gỗ. Ta đến vì con voi này.

– Thưa Thiên tử, Thiên tử hãy bắt nó đem đi!

Nhưng con voi không muốn đi. Vua hỏi:

– Nay bạn voi, bạn muốn gì?

– Thưa Thiên tử, hãy đem tiền cho các người thợ mộc này đã nuôi dưỡng tôi!

– Tốt lắm, này bạn.

Vua ra lệnh đem lại trăm ngàn đồng tiền vàng và cho đặt gần bốn chân voi và đuôi con voi với đồng tiền ấy, nhưng con voi vẫn không đi. Nó đòi cho mỗi người thợ một cặp áo, cho các người vợ vải đủ để mặc, cho trẻ con tiền nuôi dưỡng. Rồi con voi quay mình lại nhìn và chào các người thợ mộc, các người đàn bà và các đứa trẻ rồi mới ra đi với vua.

Vua đem voi về, đi vào thành. Vua cho trang hoàng thành phố và chuồng voi, bảo con voi đi vòng quanh thành, rồi đưa con voi vào chuồng và trang hoàng chuồng voi thật lộng lẫy. Vua làm lễ Quán đánh cho voi, phong cho nó làm vương tượng, đặt voi vào hàng bạn thân của mình, cho voi nửa vương quốc và lo săn sóc con voi như săn sóc chính mình. Từ khi con voi đến, toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) nằm trong tay trị vì của vua.

Theo thời gian, Bồ-tát nhập mẫu thai của bà chánh hậu. Khi bà hoàng hậu sắp sửa sanh thì vua mạng chung. Sợ rằng nếu con voi biết được vua mạng chung, chắc quả tim nó có thể vỡ ra nên người ta không nói gì cho con voi biết và vẫn hầu hạ nó như trước.

Nhưng ông vua láng giềng, vua xứ Kosala, biết được vua kia đã băng hà, suy nghĩ: “Vương quốc đã trống không”, liền đi đến với một đạo quân lớn và vây hãm thành. Quân bảo vệ cho đóng cửa thành và đưa tin cho vua xứ Kosala:

– Hoàng hậu của chúng tôi sắp sanh. Từ đây đến bảy ngày, bà sẽ sanh con,

các người đoán tướng số đã nói như vậy. Nếu hoàng hậu sanh con trai vào ngày thứ bảy, chúng tôi sẽ giao chiến, không nhường vương quốc. Vậy hãy đợi đến ngày ấy!

Vua xứ Kosala chấp nhận. Vào ngày thứ bảy, hoàng hậu sanh được một hoàng nam. Đến ngày lễ đặt tên, thái tử được đặt tên là Alīnacittakumāra vì người ta tiên đoán hài nhi ra đời để tiêu phục nhân tâm.

Bảy ngày sau khi thái tử sanh, toàn dân giao chiến với vua xứ Kosala. Vì thiếu người lãnh đạo nên khi giao chiến, quân đội dù lớn cũng dần dần thất thế và thối lui. Các đại thần trình sự việc này lên hoàng hậu:

– Tình thế thật hiểm nguy, quân đội bị thất thế thối lui, chúng tôi sợ thất trận. Vua đã mạng chung, thái tử mới sanh, nhưng vua xứ Kosala kéo quân đến giao tranh, còn vương tượng bạn thân thiết của vua chưa hay biết gì, tâu Hoàng hậu. Chúng tôi muốn báo tin cho voi biết. Xin chờ ý kiến Hoàng hậu.

Bà hoàng hậu chấp thuận, trang điểm cho thái tử, đặt nằm trên một tấm vải mịn, từ lâu đài đi xuống với các đại thần vây quanh, đến chuồng con voi, đặt thái tử nằm dưới chân voi và thưa:

– Thưa chúa voi, bạn của chúa voi đã mạng chung. Chúng tôi sợ chúa voi vỡ tim nên không tin cho chúa voi biết. Đây là con trai của bạn chúa voi. Vua xứ Kosala đã đến bao vây thành, giao chiến với con của bạn chúa voi và quân đội phải thối lui. Hoặc là chúa voi giết con của bạn mình, hay là lấy lại vương quốc cho con của bạn mình.

Ngay lúc ấy, con voi lấy cái vòi rờ thái tử, đỡ lên đặt lên trên đầu mình và than khóc lớn tiếng, rồi đỡ thái tử xuống đặt nằm trong tay bà hoàng hậu, đi ra khỏi chuồng voi và nói:

– Ta sẽ bắt sống vua xứ Kosala.

Các đại thần mặc áo giáp cho voi, trang hoàng mình voi và mở cửa thành, vây quanh con voi và hộ tống nó ra trận. Con voi ra khỏi thành liền rống lên, làm cho quân chúng khiếp sợ bỏ chạy và đánh tan quân thù, rồi nắm chỏm tóc của vua xứ Kosala, bắt vua đặt nằm dưới chân thái tử. Một số người đứng dậy muốn giết vua xứ Kosala. Con voi ngăn chặn và thả vua ấy đi với lời khuyên:

– Bắt đầu từ nay, chớ phóng dật. Chớ kiêu ngạo vì nghĩ rằng thái tử còn trẻ!

Từ đây trở đi, toàn cõi Diêm-phù-đề đều nằm trong tay Bồ-tát và không một kẻ thù địch nào dám nổi lên chống đối.

Vào lúc bảy tuổi, Bồ-tát được làm lễ Quán đảnh, trở thành vị vua với tên Alīnacitta, trị vì nước đúng Chánh pháp và khi mạng chung, được sanh lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

Khi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ xong, là bậc Chánh Giác, Ngài nói lên hai bài kệ:

- | | |
|---|---|
| <p>11. Chính vì Alīnacitta,
Bắt vua Kosala,
Với những gì mình có,</p> <p>12. Cũng vậy vị Tỷ-kheo,
Tu tập theo thiện pháp,
Tuần tự chứng đạt được,</p> | <p>Đội quân lớn hân hoan,
Tham lam, không biết đủ,
Làm quân đội bằng lòng.</p> <p>Tinh cần, nường tựa đủ,
Đạt an ổn khổ ách,
Đoạn diệt mọi kiết sử.</p> |
|---|---|

Sau khi bậc Đạo sư trình bày các sự thật tối thượng, đưa đến đỉnh cao là Niết-bàn bất tử, Ngài cho biết như sau:

– Khi kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã chứng quả A-la-hán.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, bà mẹ là Hoàng hậu Mahāmāyā, vua cha là Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), con voi lấy lại quốc độ rồi dâng cho thái tử là Tỷ-kheo thối thất tinh cần, cha của con voi là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Alīnacittakumāra chính là Ta vậy.

§157. CHUYỆN CÔNG ĐỨC (*Guṇajātaka*) (J. II. 23)

Muốn gì làm cho được...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả Ānanda đã nhận được một ngàn tâm y. Câu chuyện Trưởng lão này thuyết pháp trong nội cung vua xứ Kosala đã được nói đến ở *Chuyện đại bảo vật*.⁸ Khi Trưởng lão đang thuyết pháp cho nội cung vua, một ngàn tâm y đáng giá mỗi tâm một ngàn đồng tiền vàng được đem đến dâng vua. Vua lấy năm trăm tâm y và cho các cung phi năm trăm tâm y. Tất cả cung phi để các tâm y một bên, và hôm sau đem cúng cho Trưởng lão Ānanda, còn mình đắp tâm y cũ đi đến chỗ nhà vua dùng điểm tâm. Vua hỏi:

– Ta có ban cho các nàng các tâm y đáng giá mỗi tâm một ngàn đồng tiền vàng, sao các nàng không đắp?

– Thưa Đại vương, chúng thần thiếp đã cúng các tâm y cho Trưởng lão.

– Trưởng lão Ānanda đã nhận tất cả sao?

– Thưa Thiên tử, vâng.

– Bậc Chánh Đẳng Giác chỉ cho phép ba y, ta nghĩ rằng Trưởng lão Ānanda tính chuyện buôn bán vải nên mới nhận quá nhiều y như vậy.

Nhà vua tức giận Trưởng lão ấy, ăn điểm tâm xong liền đi đến tinh xá, vào phòng Trưởng lão, đánh lễ, ngồi xuống rồi hỏi:

– Thưa Tôn giả, các nữ nhân trong cung của trẫm có đến học pháp hay nghe pháp với Tôn giả không?

⁸ Xem J. I. 381, *Mahāsārājātaka* (Chuyện đại bảo vật), số §92; Cv. XI. 290.

– Thưa Đại vương, có. Các nữ nhân ghi nhận những gì đáng ghi nhận và nghe những gì họ đáng nghe.

– Thế nào, họ chỉ nghe pháp hay họ cúng dường cho Tôn giả các thượng y và hạ y?

– Thưa Đại vương, hôm nay họ đã cúng năm trăm y đáng giá một ngàn đồng tiền mỗi tấm.

– Tôn giả có nhận tất cả không?

– Thưa Đại vương, có.

– Thưa Tôn giả, nhưng bậc Đạo sư chỉ cho phép nhận ba y thôi?

– Vâng, thưa Đại vương. Thế Tôn cho phép mỗi Tỷ-kheo chỉ sử dụng ba y nhưng không ngăn cấm nhận lấy những gì được cúng dường. Do vậy, tôi nhận lấy các tấm y để cho những vị khác đang mang y mòn cũ.

– Nhưng khi các Tỷ-kheo ấy nhận các tấm y từ Tôn giả, họ sẽ làm gì với những tấm y cũ?

– Với các tấm y cũ, họ sẽ làm thượng y.

– Với các thượng y cũ, họ sẽ làm gì?

– Họ sẽ làm tấm nệm.

– Với những tấm nệm cũ, họ sẽ làm gì?

– Họ sẽ làm tấm thảm trải đất.

– Với những tấm thảm trải đất cũ, họ sẽ làm gì?

– Họ sẽ làm khăn lau chân.

– Với khăn lau chân cũ, họ sẽ làm gì?

– Thưa Đại vương, họ không được phép phí phạm đồ tín thí cúng dường. Do vậy, họ lấy dao cắt nhỏ các khăn lau chân cũ, trộn với bùn, đất và làm thành vôi hồ để làm nhà cửa.

– Thưa Tôn giả, ngay cả khăn lau chân được cúng dường cho Tôn giả cũng không được hủy hoại?

– Vâng, thưa Đại vương, chúng tôi không hủy hoại đồ cúng dường cho chúng tôi. Chúng đều được sử dụng.

Vua bằng lòng hoan hỷ, mang năm trăm tấm y còn lại được cắt trong cung cúng dường Trưởng lão. Rồi vua nghe lời tùy hỷ công đức, đánh lễ Trưởng lão, thân hướng về phía hữu và ra đi.

Trưởng lão cúng năm trăm tấm y nhận được lần đầu cho các vị có y đã cũ kỹ. Nhưng số Tỷ-kheo đồng trú với Trưởng lão là khoảng độ năm trăm. Một trong các vị này là một Tỷ-kheo trẻ tuổi, hầu hạ Trưởng lão nhiều việc, quét phòng, múc nước, dọn dẹp đồ ăn, đem tắm đánh răng, nước rửa mặt, dọn dẹp sạch sẽ nhà vệ sinh, đem nước nóng đến các phòng ở và làm các công việc cần khác như bóp tay, bóp chân, đâm lưng.

Trưởng lão lấy năm trăm tấm y được nhận lần sau đem cho Tỷ-kheo ấy, vì xứng đáng với tất cả sự hâu hạ giúp đỡ cho mình. Tỷ-kheo này, chia tất cả tấm y ấy cho những vị đồng sự với mình. Như vậy, tất cả Tỷ-kheo đều nhận các tấm y cúng dường. Họ cắt những tấm y ấy rồi nhuộm, quần, đắp hạ y và thượng y được nhuộm vàng như bông kaṇikāra. Họ đến bậc Đạo sư đánh lễ, ngồi xuống một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn, một Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu có phải là một người nhìn mặt để bồ thí không?

– Nay các Tỷ-kheo, một Thánh đệ tử không phải là một người nhìn mặt để bồ thí.

– Bạch Thế Tôn, Giáo thọ sư chúng con, vị Trưởng lão Thủ kho Chánh pháp đã đem năm trăm tấm y trị giá một ngàn đồng tiền vàng mỗi tấm cho một Tỷ-kheo trẻ tuổi và vị ấy đem chia các tấm y đã nhận cho chúng con.

– Nay các Tỷ-kheo, Ānanda không phải là người nhìn mặt để bồ thí. Tỷ-kheo thị giả ấy đã giúp đỡ thầy mình nhiều. Do vậy, vì hâu hạ, vì công đức, vì thích ứng đối với người đã hâu hạ mình nên vị ấy đã làm như vậy để giúp đỡ lại những ai đã giúp đỡ, vị ấy cho như vậy để báo đáp trả ân. Các bậc Hiền trí thời xưa cũng đã giúp đỡ lại những ai đã giúp đỡ mình.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của các Tỷ-kheo ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con sư tử sống trong một hang núi. Xung quanh chân núi ấy có một hồ nước lớn bao bọc. Trên một mảnh đất nổi lên của hồ nước, đất bùn dày đặc, cỏ mọc xanh mềm và trên đám bùn ấy, các loài thỏ, nai, v.v... các con vật nhanh nhẹn khác qua lại để ăn cỏ. Ngày hôm ấy, có một con nai đi qua lại ăn cỏ. Ở đấy, sư tử muốn ăn thịt con nai, từ trên núi nhảy xuống, với sức nhanh của mình, nó nhảy tới. Con nai hoảng sợ kêu lớn tiếng rồi bỏ chạy, sư tử không thể chạy mau hơn và rơi trên mặt bùn, bị lún xuống không đứng dậy được vì bốn chân đâm sâu như cây cột, bảy ngày đứng như vậy không ăn, không uống gì.

Một con chó rừng đi tìm mồi, chợt thấy sư tử liền hoảng sợ chạy trốn. Nhưng sư tử kêu nó lại:

– Nay bạn chó rừng, chó chạy, ta nay bị mắc dính trong bùn. Hãy cứu ta sống!

Chó rừng đi đến gần sư tử và nói:

– Nếu tôi kéo ngài lên, tôi sợ rằng ngài sẽ ăn thịt tôi.

– Chớ sợ, ta sẽ không ăn thịt ngươi. Trái lại, ta sẽ phục vụ, giúp đỡ ngươi rất nhiều. Hãy tìm một phương tiện kéo ta lên!

Chó rừng chấp nhận lời hứa, liền bới đất bùn xung quanh bốn chân sư tử,

đào bốn nương nước ở đó, dẫn nước chảy vào làm cho đất bùn mềm. Khi ấy chó rừng bò dưới bụng sư tử và nói:

– Hãy cố gắng lên, thưa ngài!

Rồi dùng đầu húc bụng sư tử lên. Sư tử vận hết sức mạnh vươn lên khỏi bùn, nhảy lên đứng trên đất cứng. Sư tử nghỉ ngơi một lát rồi đi xuống hồ rửa sạch bùn. Tắm xong, nó giết một con trâu và với những nanh ngoạm sâu vào thịt trâu, nó xé thịt ra đặt một số thịt trước mặt chó rừng:

– Nay bạn hãy ăn đi!

Sau khi chó rừng ăn, sư tử mới ăn. Rồi chó rừng cất giữ lại một miếng thịt.

– Nay bạn giữ miếng thịt để làm gì?

Chó rừng trả lời:

– Có bạn gái giữ nhà cho tôi, miếng thịt này dành cho nàng.

Sư tử nói:

– Được lắm, hãy lấy đi!

Rồi sư tử cũng lấy một miếng thịt cho vợ mình. Cả hai cùng đứng trên chóp núi và đồng ý sẽ về chỗ ở của hai bạn gái. Nói xong, sư tử đi đến đây, đem thịt cho sư tử cái và chó rừng cái, rồi cùng nói:

– Bắt đầu từ nay, ta sẽ săn sóc các nàng.

Sau đó, sư tử đưa cả hai vợ chồng chó rừng vào chỗ ở của mình, để chúng ở tại một hang khác gần cửa hang của mình.

Từ đó trở đi, khi đi săn mỗi, sư tử để sư tử cái và chó rừng cái ở lại, còn mình đi với chó rừng đực, giết chết nhiều loại thú. Cả hai ăn thịt ngay tại chỗ, rồi đem về hai phần cho hai con cái ăn. Như vậy, thời gian qua, sư tử cái sanh hai đứa con. Chó rừng cái cũng vậy. Tất cả bọn chúng sống hòa hợp với nhau. Một hôm, sư tử cái suy nghĩ: “Con sư tử này quá thương yêu chó rừng cái và các chó rừng nhỏ. Có thể nó có gian tình với chó rừng cái. Do đó, nó mới luyện ái như vậy. Vậy ta hãy hành hạ con này, làm cho nó hoảng sợ và bỏ trốn đi.”

Trong khi sư tử đem chó rừng đi săn mỗi, sư tử cái bắt đầu hành hạ, làm cho chó rừng cái hoảng sợ:

– Tại sao ngươi cứ ở đây? Tại sao không đi nơi khác?

Các sư tử con cũng làm cho các chó rừng con hoảng sợ như vậy. Chó rừng cái nói lại với chồng sự việc này:

– Rõ ràng sư tử muốn ám chỉ chúng ta đã ở đây quá lâu. Nay mai sư tử giết chúng ta. Vậy ta hãy trở về hang cũ đã sống trước kia.

Chó rừng gặp sư tử đực và thưa:

– Thưa ngài, chúng tôi đã ở với ngài quá lâu. Ai ở lâu cũng làm mất sự lưu luyến. Trong khi chúng ta đi săn mỗi, sư tử cái hành hạ và dọa nạt vợ tôi và nói: “Sao các ngươi ở chỗ này, hãy trốn đi!” Các sư tử con cũng dọa các chó rừng

con như vậy. Nếu ai không ưa bạn láng giềng thì nên bảo họ đi làm ăn chỗ khác, chứ hành hạ như vậy có ích gì?

Sau khi nói vậy, chó rừng đọc bài kệ đầu:

13. Muốn gì làm cho được, Là thường pháp kẻ mạnh,
Con cái rỗng, tôi biết, Trước tôi nương, nay sợ.

Nghe chó rừng nói, sư tử bảo vợ:

– Đây hiền thê, trong thời ấy ta đi săn mỗi bị kẹt trong bùn đến ngày thứ bảy ta mới về với hai vợ chồng chó rừng này, hiền thê có nhớ không?

– Vâng, tôi có nhớ.

– Hiền thê có biết lý do nào sau bảy ngày ta mới về không?

– Thừa chàng, tôi không biết.

– Đây hiền thê, ta nhảy vô bắt một con nai, bị dính mắc vào bùn, không thể ra khỏi chỗ ấy được. Trong bảy ngày ấy, ta đứng đó, không ăn uống gì. Ta đã nhờ con chó rừng này cứu sống. Con vật này là bạn của ta, đã cứu mạng sống ta. Bạn nào có khả năng trung kiên trong tình bạn, bạn ấy không yếu hay nhỏ. Bắt đầu từ nay, hiền thê chớ có khinh thường như vậy đối với bạn ta, vợ bạn ta và các con bạn ta.

Rồi con sư tử nói bài kệ thứ hai:

14. Dù nhỏ bé, yếu đuối, Vẫn kiên trì tình bạn,
Chính bà con thân thích, Chính thân hữu bạn ta,
Này vợ răng nanh ta! Chớ khinh miệt bạn ấy,
Chính con chó rừng này, Đã cho ta mạng sống.

Sư tử cái nghe lời chồng, giảng hòa với gia đình chó rừng và từ đây về sau, sống hòa thuận với chó rừng cái và các con của nó. Các sư tử con chơi giỡn với những con chó rừng con. Khi cha mẹ qua đời, chúng không chấm dứt tình bạn, vẫn sông hoan hỷ với nhau. Thật vậy, tình bạn của chúng kéo dài cho đến bảy đời.

Sau khi kể câu chuyện này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài thuyết giảng, một số vị Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu, một số đắc quả Nhất lai, một số đắc quả Bất lai và một số đắc quả A-la-hán.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Ānanda và con sư tử là Ta vậy.

§158. CHUYỆN CON NGỰA SUHANU (*Suhanujātaka*) (J. II. 30)

Loài vật tính không khác...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai Tỷ-kheo hung bạo, độc ác. Lúc bấy giờ, ở Kỳ Viên, có một Tỷ-kheo hung bạo, độc ác, ở tỉnh thành cũng có một vị như vậy. Một hôm, Tỷ-kheo ở tỉnh thành vì một vài công việc

đi đến Kỳ Viên. Các Sa-di và các Tỷ-kheo trẻ biết tánh hung bạo của Tỷ-kheo ấy, họ nói:

– Chúng ta muốn thấy hai Tỷ-kheo hung bạo ấy cãi nhau.

Họ cười khúc khích dẫn Tỷ-kheo ấy đến phòng Tỷ-kheo ở Kỳ Viên. Cả hai vị hung bạo vừa thấy nhau liền mền nhau, xoa bóp tay chân và lưng cho nhau. Các Tỷ-kheo ở tại pháp đường nói về câu chuyện như sau:

– Thưa các Hiền giả, những Tỷ-kheo hung bạo này đối với người khác thường hay lỗ mắng, độc ác. Nhưng đối với nhau, cả hai lại hòa thuận, hoan hỷ, thương mến nhau.

Bậc Đạo sư đến pháp đường hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, hôm nay ở đây, các ông ngồi hội họp đang bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay là như vậy. Thuở xưa, họ cũng là người hung bạo, độc ác đối với những người khác; nhưng họ đối với nhau lại hòa hợp, hoan hỷ, sống thân ái.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát là vị đại thần của vua, làm tất cả mọi việc, cố vấn cho vua về thế sự và thánh sự. Vua có tánh hơi tham. Trong chuồng ngựa của vua có một con ngựa lỗ mắng tên là Mahāsoṇa (Hạt Dẻ Lớn). Một số người buôn ngựa từ phương Bắc đem đến năm trăm con ngựa và báo cho vua biết. Từ trước, vị đại thần thường bảo họ tự định giá ngựa rồi trả tiền đầy đủ mà không đòi bớt lui gì. Nhà vua không được vui, cho gọi một đại thần khác và nói:

– Nay khanh, hãy cho họ định giá các con ngựa. Trước hết hãy thả con ngựa Mahāsoṇa vào giữa đàn ngựa ấy, khiến nó cắn các con ngựa mới đến làm chúng bị thương và yếu sức, rồi bảo họ hạ giá và trả bớt tiền.

– Thưa vâng.

Đại thần ấy vâng lời làm như đã bảo. Các người buôn ngựa không hoan hỷ, báo cho Bò-tát việc làm của vị đại thần ấy. Bò-tát hỏi:

– Các người có con ngựa lỗ mắng ở trong chuồng ngựa của các người không?

– Thưa ngài, có. Con ngựa lỗ mắng ấy tên là Suhanu (Quai Hàm Mạnh), nó rất hung bạo, độc ác.

– Vậy khi nào các người trở lại, hãy đem con ngựa ấy đến!

Họ nói:

– Thưa vâng, khi nào đến, chúng tôi sẽ đem theo ngựa lỗ mắng ấy đến.

Một hôm, vua nghe nói đoàn người buôn ngựa đã đến liền cho mở toang cửa sổ nhìn các con ngựa và bảo thả con ngựa Mahāsoṇa ra. Các người buôn

thấy con ngựa Mahāsoṇa đến, liền thả con ngựa Suhanu. Hai con ngựa ấy gặp nhau, liền đứng lại và liếm thân nhau. Vua hỏi Bô-tát:

– Này khanh, hai con ngựa lỗ mãng này thật hung hãn, độc ác, bạo hành với con ngựa khác. Còn chúng đối với nhau lại đứng liếm thân và hoan hỷ với nhau, sao lại như vậy?

Bô-tát thưa:

– Thưa Đại vương, vì tính của loài vật không khác nhau. Khi tính của chúng cùng loại với nhau thì chúng thương yêu nhau.

Và Bô-tát đọc hai bài kệ:

- | | |
|---|---|
| <p>15. Loài vật tính không khác,
Cả hai đều hòa hợp,
Cùng loại với Soṇa.</p> | <p>Soṇa và Suhanu,
Suhanu giống như vậy,</p> |
| <p>16. Hoang dã và ác độc,
Như vậy ác, ác đồng,</p> | <p>Thường cắn những dây cương,
Bất thiện, bất thiện đồng.</p> |

Sau đó, Bô-tát thưa:

– Thưa Đại vương, một vị vua chó nên quá tham lam. Chó nên làm hại tài sản của người khác.

Sau khi khuyên răn nhà vua, Bô-tát cho định giá ngựa và trả tiền đúng giá. Các người buôn ngựa nhận được tiền đúng giá, vui vẻ ra đi. Còn nhà vua tuân theo lời khuyên răn của Bô-tát, rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, hai con ngựa là hai Tỷ-kheo độc ác, vua là Ānanda và vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§159. CHUYỆN CON CÔNG (*Morajātaka*) (J. II. 33)

Hãy mọc lên, mặt trời...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Tỷ-kheo ấy được các Tỷ-kheo dẫn đến trước bậc Đạo sư và Ngài hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có phải ông đã thối thất tinh tấn?

Tỷ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, thật vậy.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Vì thấy gì?

Tỷ-kheo ấy đáp:

– Vì thấy một nữ nhân có thân thể trang sức đẹp đẽ.

Bậc Đạo sư nói với vị ấy:

– Nay Tỷ-kheo, không lạ gì một nữ nhân rất dễ làm rối loạn tâm của một người như ông. Ngay các bậc Hiền trí thuở xưa, sau khi nghe tiếng nữ nhân, dầu tu hành trong bảy trăm năm không phạm giới vẫn bị uế nhiễm tức khắc. Ngay cả các bậc thanh tịnh cũng như vậy. Các vị đạt được danh vọng cùng tốt khi đàm mê nữ sắc cũng sẽ tiêu vong danh dự còn nói gì các vị không thanh tịnh như ông.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát tái sanh làm con chim công. Khi còn ở trong vỏ trứng màu vàng như nụ hoa kaṇikāra, Bồ-tát làm vỡ trứng thoát ra. Bồ-tát thành một con chim công vàng đẹp đẽ mỹ miều, dưới cánh có những đường viền đỏ chói. Để bảo vệ sự sống của mình, sau khi vượt qua ba dãy núi và trong dãy núi thứ tư, chim công lông vàng mới lựa chọn chỗ ở trên cao nguyên của ngọn núi vàng ở Daṇḍaka. Khi trời rạng đông, đậu trên chòm núi nhìn mặt trời mọc lên, Bồ-tát đọc một câu chú để hộ trì cho mình bình an trước khi bay đi tìm mồi. Thần chú ấy bắt đầu với câu:

17.	Hãy mọc lên, mặt trời, Với màu sắc vàng chói, Và ta đánh lễ ngài, Nay hãy bảo hộ ta,	Vua độc nhất có mắt, Sáng rực cả đất liền. Bạc chói vàng quả đất, Sống an toàn trọn ngày!
-----	---	--

Như vậy, sau khi đánh lễ mặt trời với bài kệ này để bảo vệ mình, Bồ-tát lại đánh lễ các đức Phật đã nhập diệt trong quá khứ và các công đức của chư Phật với bài kệ thứ hai:

Các vị Thánh, chân nhân, Con đánh lễ các Ngài, Đánh lễ chư Phật-đà, Đánh lễ bậc Giải Thoát,	Bậc Tuệ Tri Mọi Pháp, Hãy hộ trì cho con! Đánh lễ Bồ-đề vị, Đánh lễ Giải thoát vị.
--	---

Sau khi đọc lên bài chú bảo hộ này, chim công liền đi tìm mồi. Như vậy ban ngày, chim công đi tìm mồi; vào buổi chiều, chim công đậu trên chóp núi nhìn mặt trời lặn, sau khi tưởng nhớ các công đức của chư Phật, con công lại làm bài chú khác để hộ trì trú xứ của mình, bài kệ bắt đầu với câu ‘Hãy lặn xuống, mặt trời’:

18.	Hãy lặn xuống, mặt trời, Với màu sắc vàng chói, Và ta đánh lễ ngài, Nay hãy bảo vệ ta, Chư vị Thánh, chân nhân, Con đánh lễ các Ngài, Đánh lễ chư Phật-đà, Đánh lễ bậc Giải Thoát,	Vua độc nhất có mắt, Sáng rực cả đất liền. Bạc chói vàng quả đất, Sống an toàn trọn đêm. Bậc Tuệ Tri Mọi Pháp, Hãy hộ trì cho con! Đánh lễ Bồ-đề vị, Đánh lễ Giải thoát vị.
-----	---	--

Sau khi đọc bài chú này để bảo vệ mình, chim công đi ngủ.

Bấy giờ, không xa Ba-la-nại bao nhiêu, có một người thợ săn ở tại một ngôi làng. Trong khi đi săn ở khu vực Tuyết sơn, thấy Bò-tát đang đậu trên ngọn núi vàng ở Daṇḍaka, anh ta báo cho con trai biết.

Một hôm, hoàng hậu của vua xứ Ba-la-nại tên là Khemā (Thái Hòa) nằm mộng thấy một con công sắc vàng thuyết pháp, liền tâu vua:

– Thưa Đại vương, thiếp muốn nghe con công sắc vàng thuyết pháp.

Vua hỏi các đại thần việc ấy. Các đại thần đáp:

– Chắc các Bà-la-môn biết việc ấy.

Các Bà-la-môn thưa:

– Có loài chim công sắc vàng.

Vua lại hỏi:

– Chúng ở đâu?

Họ trả lời:

– Chắc chắn những người thợ săn có thể biết.

Vua cho họp các thợ săn lại để hỏi họ. Con trai của người thợ săn ấy thưa:

– Thưa có, tâu Đại vương, tại ngọn núi vàng ở Daṇḍaka, con chim công sắc vàng đang ở tại đấy.

– Vậy chớ giết chim công ấy, bắt nó đem về đây!

Người thợ săn đi đặt bẫy lưới tại chỗ tìm mồi của chim công. Nhưng tại chỗ chim công bước lên, lưới bẫy không sập. Người thợ săn không bắt được chim công, trải bảy năm đi săn như vậy và đã mạng chung. Hoàng hậu Khemā không đạt được ước nguyện cũng mạng chung. Nhà vua tức giận bảo:

– Vì một con chim công, hoàng hậu của ta đã mạng chung.

Vua bảo khắc trên một tấm vàng những dòng chữ sau đây: “Trên dãy Tuyết sơn, có ngọn núi vàng tên là Daṇḍaka. Tại đây, có con chim công sắc vàng ở. Ai ăn thịt con chim công ấy sẽ trẻ mãi không bao giờ già.”

Họ viết vậy xong, vua bỏ lá vàng ấy trong một cái hộp. Sau khi vua mạng chung, vị vua khác lên kế vị, đọc tấm lá vàng và ước: “Ta sẽ không bao giờ già.” Vua liền cho gọi một thợ săn khác. Thợ săn ấy ra đi, không bắt được Bò-tát và cũng mạng chung tại đấy. Theo diễn tiến như vậy, sáu vua lần lượt băng hà.

Rồi vị vua thứ bảy lên kế vị, cũng cho gọi một thợ săn. Người thợ săn ấy đi, nhận xét rằng tại chỗ chim công đạp lên, bẫy lưới không sập và biết chim công đã đọc câu bùa chú trước khi đi đến chỗ tìm mồi. Anh ta liền xuống chỗ đầm lầy ở biên địa, bắt một chim công mái, dạy nó múa hát và đem chim công mái ấy đến nơi này vào buổi sáng trước khi chim công đọc bùa chú. Người thợ dựng lên cái cọc bẫy sập, đặt bẫy lưới và khiến chim công mái kêu.

Chim công nghe tiếng con mái kêu khác thường, liền bị tiếng sét ái tình khơi dậy dục vọng trong lòng nên không thể đọc bùa chú, đi đến công mái và

bị mắc vào bẫy. Thợ săn bắt được chim công đem dâng cho vua xứ Ba-la-nại. Vua thấy sắc đẹp con chim công, rất bằng lòng. Sau khi ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, Bồ-tát liền hỏi:

– Thưa Đại vương, sao Đại vương bảo bắt thần?

Vua nói:

– Ta nghe rằng những ai ăn thịt người sẽ không bao giờ già. Ta muốn trường xuân bất lão nên ta bảo bắt người để ăn.

– Như vậy những ai ăn thịt thần sẽ được trường xuân bất lão. Như thế là thần sẽ chết.

– Phải, người sẽ chết.

– Nhưng nếu thần chết thì người làm thần chết cũng sẽ chết theo.

Vua nói:

– Người có sắc vàng, do vậy ta nghe nói những ai ăn thịt người sẽ trẻ mãi không bao giờ già.

– Thưa Đại vương, thần sanh ra sắc vàng không phải là không có lý do. Thuở xưa, thần là vị Vua Chuyển Luân ngự trị tại thành phố này. Thần giữ gìn năm giới và khiến cho dân chúng trong toàn cõi thế giới giữ năm giới. Sau khi mạng chung, thần được sanh tại lâu đài cõi trời Ba Mươi Ba, sống tại đây cho hết tuổi thọ và mạng chung. Chính vì kết quả của một nghiệp bất thiện, thần phải sanh làm con chim công nhưng nhờ sức mạnh của giới hạnh cũ, thần có màu sắc vàng.

– Nhà người là Vua Chuyển Luân đã giữ giới! Do kết quả của giới sanh ra sắc vàng, điều này làm sao chúng ta tin được? Có gì làm bằng chứng?

– Thưa Đại vương, thần có một bằng chứng.

– Bằng chứng gì?

– Thưa Đại vương, khi thần làm Vua Chuyển Luân, thần thường ngồi trên xe bằng vàng bạc đi ngang qua hư không. Cỗ xe ấy của thần nay nằm chôn trong đất dưới cái hồ của Đại vương. Hãy cho đào dưới hồ lên và cái xe ấy sẽ làm chứng cho thần!

Vua chấp thuận việc ấy và đáp:

– Lành thay!

Rồi vua cho tát nước ra khỏi hồ, đào lên được cỗ xe và tin lời Bồ-tát. Bồ-tát thưa:

– Thưa Đại vương, trừ Niết-bàn bất tử, tất cả pháp khác đều là pháp hữu vi, không có thực tánh, vô thường, chịu sự hoại diệt.

Sau khi nói xong, Bồ-tát thuyết pháp cho vua và khuyên vua giữ năm giới. Nhà vua hoan hỷ, cúng dường quốc độ cho Bồ-tát và tỏ lòng hết sức cung kính. Bồ-tát không nhận vương quốc nhưng khuyên vua:

– Đại vương chớ phóng dật!

Rồi Bô-tát bay lên hư không đi về núi vàng Daṇḍaka. Còn vua tuân theo lời khuyên của Bô-tát làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, Bạc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả A-la-hán.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua là Ānanda và Ta là con chim công vậy.

§160. CHUYỆN CON NGỒNG VINĪLA (*Vinīlakajātaka*) (J. II. 38)

Giống Vua Videha...

Câu chuyện này, khi trú ở Trúc Lâm, bạc Đạo sư kể về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bắt chước bậc Thiện Thệ.

Khi hai vị Đại đệ tử⁹ đi Gayāsīsa,¹⁰ tại đây Devadatta bắt chước bậc Thiện Thệ và gặp nạn. Hai vị Trưởng lão thuyết pháp và đem các vị Tỷ-kheo y chỉ mình đi về Trúc Lâm. Bạc Đạo sư hỏi:

– Nay Sāriputta (Xá-lợi-phất), khi thấy các ông, Devadatta đã làm gì?

Hai vị thưa:

– Bạch Thế Tôn, Devadatta đã bắt chước bậc Thiện Thệ và đã gặp đại nạn.

Bạc Đạo sư nói:

– Nay Sāriputta, không phải chỉ nay Devadatta mới bắt chước Ta và gặp nạn mà thuở xưa, cũng đã như vậy rồi.

Nói xong, theo lời Trưởng lão thỉnh cầu, bạc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa trong nước Videha, khi Vua Videha trị vì thành Mithilā, Bô-tát nhập mẫu thai bà hoàng hậu. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được học tất cả tài nghệ ở Takkaṣilā, rồi khi vua cha mạng chung, Bô-tát lên ngôi kế vị.

Lúc bấy giờ, một vị vua ngỗng trời sắc vàng sống chung với một con quạ cái ở bãi mồi và đẻ ra một ngỗng đực. Con chim ấy không giống mẹ cũng không giống cha, toàn màu xanh tơi và được gọi là Vinīlaka. Vua ngỗng trời thường đi đến thăm con. Rồi hai ngỗng trời con khác được sanh ra rất giống cha. Thấy cha thường hay đi đến thế giới loài người, chúng bèn hỏi cha lý do. Ngỗng cha nói:

– Các con thân, cha đã sống chung với một con quạ cái và sanh một con ngỗng đực tên là Vinīlaka. Vì thế ta hay đi đến thăm nó.

⁹ Sāriputta and Moggallāna. Xem Cv. VII. 199.

¹⁰ Tên một ngọn núi gần quận Gayā thuộc bang Bihar, nơi đức Phật thuyết bài pháp về Lửa cháy (*Ādittapariyāyasutta*) hóa độ ba anh em Tôn giả Uruvela Kassapa, Nadi Kassapa, Gayā Kassapa. Xem S. IV. 168.

Ngõng con hỏi:

– Thế bọn chúng sống ở đâu?

– Hiện nay nó sống ở nước Videha, không xa Mithilā bao nhiêu, trên ngọn cây cọ dừa (tāla).

– Thừa cha thân, sống giữa thế giới loài người thật nguy hiểm, đáng sợ hãi. Cha đừng đi đến đó. Chúng con sẽ đi và đem nó về cho cha.

Hai ngõng trời con được cha chấp thuận, liền đi đến chỗ ấy, bảo con ngõng Vinīlaka ngồi trên một thanh cây, rồi chúng cắn hai đầu thanh cây và bay ngang qua thành Mithilā.

Trong lúc ấy, Vua Videha đang ngồi trên cỗ xe lộng lẫy được đàn ngựa Sindh thuần chủng gồm bốn con toàn trắng, kéo đi vòng quanh thành phố. Vinīlaka thấy vua liền suy nghĩ: “Ta và Vua Videha nào có khác gì. Vua ngồi trên cỗ xe được bốn ngựa Sindh kéo đi vòng quanh thành phố, còn ta ngồi trên cỗ xe được các con ngõng trời kéo và đi trên hư không!” Khi nó đi ngang qua hư không, nó đọc lên bài kệ đầu:

19.	Giống Vua Videha,	Được các ngựa thuần chủng,
	Kéo ngang các ngôi nhà,	Tại thành Mithilā.
	Cũng vậy, Vinīla,	Được hai ngõng trời chở,
	Giữa hư không bao la!	

Các ngõng trời con nghe lời nói ấy của Vinīlaka rất phẫn nộ. Trước tiên chúng có ý định: “Chúng ta sẽ bỏ nó rơi xuống ở đây và bay đi.” Nhưng nghĩ lại: “Làm vậy, cha chúng ta thế nào cũng la mắng chúng ta.” Vì sợ bị cha mắng, chúng đưa Vinīlaka đến với cha và kể cho cha nghe việc ngõng kia đã làm. Ngõng trời cha tức giận nói:

– Ngươi hơn các anh ngươi sao? Ngươi làm ra vẻ cao sang, tưởng mình là chúa tể và xem các anh ngươi như ngựa kéo xe à? Ngươi không biết tự lượng sức? Đây không phải chỗ tìm mồi của ngươi. Hãy đi về chỗ ở của mẹ ngươi!

Sau khi mắng nó, ngõng cha đọc bài kệ thứ hai:

20.	Vinīla, con thân,	Sống ở đây nguy hiểm,
	Đây không chỗ cho ngươi,	Hãy sống tại cổng làng,
	Nơi mẹ ngươi mong đợi,	Hãy đến đó vội vàng!

Cùng với lời la mắng Vinīlaka như vậy, ngõng trời bảo các con:

– Hãy mang con này đem ra chỗ phóng uế là bãi phân ngoài thành Mithilā!
Và chúng làm theo lời cha bảo.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Vinīlaka là Devadatta, các ngõng trời con là hai đệ tử đầu tay, ngõng trời cha là Ānanda, còn Vua Videha là Ta vậy.

II. PHẨM THÂN GIAO (*SANTHAVAVAGGA*)

§161. CHUYỆN ẨM SĨ INDASAMĀNAGOTTA (*Indasamānagottajātaka*) (J. II. 41)

Chớ giao du thân mật...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người tánh tình khó bảo. Hoàn cảnh câu chuyện sẽ được nói đến trong chương IX, *Chuyện chim thú*.¹¹ Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Thuở trước, ông là một người khó bảo, vì không nghe lời các bậc Hiền trí nên đã bị con voi điên chà đạp đến chết.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài từ bỏ đời sống gia đình, xuất gia làm vị ẨM SĨ và trở thành bậc Sư trưởng lãnh đạo năm trăm ẨM SĨ sống tại dãy Tuyết sơn. Lúc bấy giờ, trong các vị ẨM SĨ có một vị tu khổ hạnh tên là Indasamānagotta là người khó bảo, không nghe lời khuyên răn. Người này có nuôi một voi con. Bồ-tát nghe nói vậy cho gọi vị ấy đến và hỏi:

- Có đúng sự thật chẳng, con có nuôi một voi con?
- Thưa Sư trưởng, con có nuôi một voi con đã mất mẹ.

Bồ-tát bảo:

– Loài voi khi lớn lên thường giết hại người nuôi dưỡng. Vậy chớ nên nuôi dưỡng con voi ấy!

- Không có nó, con không thể sống được, thưa Sư trưởng!
- Vậy con sẽ thấy rõ.

Con voi được nuôi dưỡng, sau một thời gian, nó lớn lên rất nhanh. Một thời, các ẨM SĨ ấy đi lấy rễ và hái trái cây, v.v... trong rừng và ở tại đấy vài ngày. Khi gió nam bắt đầu thổi, con voi trở nên điên cuồng, có ý định: “Ta sẽ phá hoại chòi lá, đập vỡ ghè nước, quăng bỏ chiếc ghế nằm, xé nát giường nằm, giết người tu khổ hạnh này và ra đi!” Vì vậy, nó núp vào trong một lùm cây và đứng nhìn theo dõi con đường họ về.

¹¹ Xem J. III. 483, *Gijjhajātaka* (*Chuyện chim thú*), số §427.

Sau khi lấy các đồ ăn cho con voi, Indasamānagotta đi về trước tất cả mọi người, thấy con voi, tưởng rằng mọi việc vẫn như cũ nên đi đến gần con voi. Con voi từ lùm cây chạy vụt ra, lấy vòi quấn vị ẩn sĩ quật ngã xuống đất, lấy chân đạp lên đầu, chấm dứt mạng sống của vị ấy, rồi rống lên và chạy vào rừng. Các ẩn sĩ còn lại báo tin này lên cho Sư trưởng. Bò-tát nói:

– Không nên làm thân với kẻ ác.

Rồi Bò-tát đọc hai bài kệ:

- | | |
|---|--|
| <p>21. Chớ giao du thân mật
Bậc Thánh biết rõ ràng,
Chóng hay chầy kẻ ác,
Như voi với ẩn sĩ,</p> | <p>Với kẻ ác, bất thiện,
Xu hướng kẻ phi thánh,
Cũng sẽ làm điều ác,
Indasamāna.</p> |
| <p>22. Nếu người thấy người nào,
Về giới, về trí tuệ,
Hãy lựa người như vậy,
Sống với bậc chân nhân,</p> | <p>Biết kẻ ấy như mình,
Và cả về nghe nhiều,
Làm bạn thân giao du,
Là sống chân hạnh phúc.</p> |

Như vậy, Bò-tát khuyên giáo chúng ẩn sĩ:

– Chớ trái lời khuyên giáo, nên sống theo lời khéo dạy.

Rồi Bò-tát làm tang lễ cho Indasamānagotta. Sau đó, Bò-tát tu tập tứ vô lượng tâm và được sanh lên thế giới Phạm thiên.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Indasamānagotta là Tỷ-kheo khó bảo này, còn vị Sư trưởng chúng ẩn sĩ là Ta vậy.

§162. CHUYỆN MỐI THÂN GIAO (*Santhavajātaka*) (J. II. 42)

Không gì độc hại hơn...

Câu chuyện này, khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về việc tế lễ lửa thần. Câu chuyện này giống như câu chuyện trước đã kể trong *Chuyện cái đuôi bò*.¹² Các Tỷ-kheo thấy các vị tế lễ lửa thần liền hỏi Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các vị bện tóc hành trì nhiều loại tà khổ hạnh. Việc ấy có lợi ích gì?

Bậc Đạo sư đáp:

– Nay các Tỷ-kheo, việc ấy không có lợi ích gì. Các bậc Hiền trí thuở xưa tưởng rằng có lợi ích trong sự tế lễ lửa thần nên đã tế lễ lửa thần trong một thời gian dài. Sau khi thấy được việc ấy không lợi ích, liền đổ nước dập tắt lửa và lấy những cành cây đập cho tan lửa rồi quay lưng lại không nhìn lui nữa.

¹² Xem J. I. 493, *Naṅgulajātaka* (Chuyện cái đuôi bò), số §144.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Lúc Bồ-tát được mười sáu tuổi, cha mẹ lấy ngọn lửa khi Bồ-tát mới sanh, nói với Bồ-tát:

– Nay con thân, con muốn cầm lấy ngọn lửa đản sanh này đi vào rừng và nuôi dưỡng ngọn lửa ấy hay là học ba tập Vệ-đà, xây dựng gia sản và sống đời gia đình?

Bồ-tát nói:

– Con không thích đời sống gia đình. Con sẽ nuôi dưỡng ngọn lửa trong rừng để được sanh lên Phạm thiên giới.

Bồ-tát lấy ngọn lửa đản sanh, đánh lễ mẹ cha rồi đi vào rừng sống trong một chòi lá và nuôi dưỡng ngọn lửa thần.

Một hôm, đi đến chỗ mời ăn, Bồ-tát nhận được bơ chín và cháo sữa, bèn đem cháo sữa về, đốt lửa lên và nghĩ: “Ta sẽ đổ cháo sữa với bơ chín để cúng dường lửa thần.” Bồ-tát đổ cháo sữa trên ngọn lửa nhưng vì đổ quá nhiều dầu trên lửa, ngọn lửa bùng cháy lớn lên và thiêu luôn chòi lá. Vị Bà-la-môn hoảng sợ chạy trốn, đứng ngoài xa và nói:

– Không nên thân giao với những kẻ ác. Nay chòi lá mà ta dựng lên một cách mật nhọc đã bị ngọn lửa này đốt cháy.

Và Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

23.	Không gì độc hại hơn, Được đổ vào nuôi dưỡng, Ngọn lửa thiêu chòi lá,	Là thân với kẻ ác, Với bơ chín, cháo sữa, Ta dựng rất khó khăn.
-----	---	---

Rồi Bồ-tát nói thêm:

– Ta không còn gì liên hệ với người nữa, này bạn giả dối kia!

Nói vậy xong, Bồ-tát lấy nước dập tắt ngọn lửa và cành cây dập tan ngọn lửa, rồi đi sâu vào trong Tuyết sơn. Tại đó, ngài thấy một con hươu cái liếm mật con sư tử, con cọp và con báo. Điều ấy khiến Bồ-tát nghĩ rằng không gì tốt hơn là thân giao với những bạn chân thật, rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

24.	Không gì tốt lành hơn, Hãy xem con hươu đen, Con sư tử, con cọp,	Thân giao bạn chân thật, Thân mật liếm mật mảy, Và cả con báo nữa.
-----	--	--

Nói vậy xong, Bồ-tát đi sâu vào trong Tuyết sơn, sống đời xuất gia của vị ả sĩ, chứng được các thắng trí và các thiền chứng, đến khi mạng chung, ngài sanh lên Phạm thiên giới.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§163. CHUYỆN VUA SUSĪMA (*Susīmajātaka*) (J. II. 45)

Hơn trăm voi toàn đến...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về sự bố thí tùy theo ý muốn. Tại Xá-vệ, đôi khi một gia đình cúng dường cho chúng Tỷ-kheo do đức Phật lãnh đạo; đôi khi họ bố thí cho các ngoại đạo; đôi khi nhiều người hội họp thành một tổ chức, chung nhau bố thí; đôi khi cùng chung một con đường; đôi khi toàn thể dân ở thành quyen góp tùy nguyện rồi bố thí.

Trong trường hợp này, toàn dân trong thành quyen góp tùy nguyện, nhưng khi sắp đặt tất cả vật dụng để bố thí, họ chia thành hai phe. Một số người muốn bố thí tất cả vật dụng cho các ngoại đạo; một số người muốn bố thí cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị lãnh đạo. Vì vậy có sự cãi vã, đệ tử các ngoại đạo bênh vực các ngoại đạo, đệ tử đức Phật bênh vực chúng Tỷ-kheo. Khi quyết định lấy số đông thì những người nói: “Chúng tôi bố thí cho chúng Tăng với đức Phật là vị lãnh đạo” chiếm đông hơn nên được chấp nhận. Đệ tử các ngoại đạo không thể ngăn chặn các sự bố thí cúng dường đức Phật. Các người thị dân mời chúng Tăng với đức Phật là vị lãnh đạo. Họ tổ chức bố thí lớn trong bảy ngày và đến ngày thứ bảy, họ cúng dường tất cả các vật dụng. Bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ công đức. Rồi Ngài chỉ dạy cho đại chúng về các quả tu chứng.

Tại tinh xá Kỳ Viên vào buổi chiều, các Tỷ-kheo hội họp tại pháp đường và nói lên câu chuyện này:

– Thừa các Hiền giả, đệ tử các ngoại đạo cố gắng ngăn chặn sự cúng dường đức Phật, nhưng họ không thể ngăn chặn. Tất cả vật dụng bố thí ấy đều được đặt dưới gót chân của đức Phật. Ôi, vĩ đại thay là sức mạnh của đức Phật!

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông hội họp tại đây và đang bàn vấn đề gì?

Khi được trả lời vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ngoại đạo mới cố gắng ngăn chặn sự bố thí cho Ta. Thuở xưa, họ đã cố gắng như vậy rồi. Nhưng các vật dụng bố thí trong tất cả trường hợp rồi cũng được đặt dưới gót chân của Ta.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, có một thời Vua Susīma trị vì Ba-la-nại. Lúc bấy giờ, Bò-tát nhập mẫu thai một nữ Bà-la-môn là vợ của vị cố vấn tế tự cho vua. Khi Bò-tát lên mười sáu tuổi, người cha mạng chung. Khi còn sống, người cha là vị chủ trì hội lễ voi. Tất cả những đồ trang bị, trang sức cho các con voi đi dự hội đều thuộc sở hữu người cha. Nhờ vậy, sau ngày hội lễ voi, người cha thâu hoạch

được mười triệu đồng tiền vàng. Lúc bấy giờ, hội lễ voi đã đến, các Bà-la-môn đi yết kiến vua và thưa:

– Tâu Đại vương, lễ voi năm nay đã đến. Chúng ta cần phải chuẩn bị tổ chức lễ cho thật tốt. Nay con trai của vị Bà-la-môn cố vấn tế lễ còn quá trẻ, lại không biết ba tập Vệ-đà và không biết tượng kinh (những vấn đề kiến thức liên hệ đến voi). Hãy để cho chúng thân tổ chức hội lễ voi!

Vua chấp thuận việc này. Các Bà-la-môn nghĩ: “Chúng ta không cho người con của vị cố vấn tế tự tổ chức hội lễ voi, chính chúng ta đứng ra tổ chức. Chúng ta sẽ thu nhiều tiền.” Họ hoan hỷ đi ra.

Còn bốn ngày nữa sẽ đến ngày lễ hội. Mẹ Bô-tát được tin, suy nghĩ: “Suốt bảy đời truyền thống gia đình chúng ta đã tổ chức hội lễ voi. Truyền thống này sẽ chấm dứt ở gia đình chúng ta và tài sản sẽ bị tổn giảm.” Vì vậy, bà mẹ sầu muộn và than khóc. Bô-tát hỏi:

– Vì sao mẹ khóc?

Và khi nghe rõ lý do, Bô-tát nói:

– Thưa mẹ, con sẽ tổ chức hội lễ voi.

Bà mẹ nói:

– Nay con thân, con không biết ba tập Vệ-đà, lại không biết tượng kinh, làm sao con có thể tổ chức hội lễ được?

– Thưa mẹ, khi nào họ tổ chức hội lễ voi?

– Nay con thân, còn bốn ngày nữa.

– Thưa mẹ, các Sư trưởng thuộc lòng ba tập Vệ-đà và tượng kinh sống ở đâu?

– Nay con thân, Sư trưởng có tiếng nhiều phương đang sống ở Takkasilā, tại nước Gandhāra, cách xa khoảng hai ngàn do-tuần.

– Thưa mẹ, con sẽ không để hủy hoại truyền thống của gia đình chúng ta. Trong một ngày, con sẽ đi đến Takkasilā; trong một đêm, con sẽ học xong ba tập Vệ-đà và tượng kinh. Ngày sau, con sẽ trở về; và đến ngày thứ tư, con sẽ tổ chức hội lễ voi, mẹ chớ khóc nữa!

Với những lời này, Bô-tát an ủi mẹ. Sau khi ăn xong, sáng sớm hôm sau, Bô-tát ra đi một mình. Chỉ trong một ngày đi đến Takkasilā, Bô-tát đánh lễ vị Sư trưởng, vị Sư trưởng hỏi Bô-tát:

– Nay con thân, con từ đâu đến?

– Thưa Sư trưởng, con từ Ba-la-nại đến.

– Vì mục đích gì?

– Vì mục đích học ba tập Vệ-đà và tượng kinh từ Sư trưởng.

– Lành thay, nay con thân, ta sẽ dạy cho con!

Bô-tát thưa:

– Thưa Sư trưởng, con có công việc khẩn cấp.

Bồ-tát báo cho Sư trưởng biết mọi sự việc và thưa:

– Trong một ngày, con đã đi hai ngàn do-tuần đến đây. Hãy cho con cơ hội học một đêm nay. Đến ngày thứ ba, sẽ là ngày lễ hội voi rồi. Con sẽ học tất cả qua một bài thôi.

Sau khi thưa vậy, Bồ-tát được Sư trưởng bằng lòng, liền rửa đôi chân Sư trưởng, rồi đặt một ngàn đồng tiền vàng, đánh lễ Sư trưởng và ngồi xuống một bên. Bồ-tát chăm chú học thuộc lòng cho đến lúc rạng đông đã xong ba tập Vệ-đà và tượng kinh, rồi hỏi:

– Thưa Sư trưởng, có gì khác nữa không?

Khi được trả lời:

– Nay con thân, không có gì khác, tất cả đã xong.

Bồ-tát muốn sửa cách dạy của Sư trưởng, liền nói:

– Thưa Sư trưởng, trong quyển sách này, câu kệ ấy đến quá trễ, câu này đọc sai, từ nay về sau thầy phải dạy đệ tử như thế này.

Sau khi sửa sai xong, Bồ-tát ăn thật sớm, đánh lễ vị Sư trưởng và trong một ngày đi về Ba-la-nại, đánh lễ bà mẹ. Bà mẹ hỏi:

– Nay con thân, con đã học nghề xong chưa?

Bồ-tát thưa:

– Con đã học xong.

Và Bồ-tát làm cho bà mẹ vui lòng. Ngày hôm sau, ngày hội lễ voi được sửa soạn. Khoảng một trăm con voi được đem ra sắp hàng, mọi thứ trang sức bằng vàng, cò xí cũng bằng vàng, tất cả được bao phủ với một lưới bằng vàng mịn. Cả sân châu ở cung điện vua cũng được trang hoàng tuyệt đẹp. Các Bà-la-môn nghĩ: “Chúng ta sẽ cử hành lễ hội voi, tất cả đều được trang sức tốt đẹp.” Vua Susīma trang sức rất lộng lẫy, rực rỡ ngự đến và truyền cho đem các vật dụng làm lễ. Còn Bồ-tát trang sức như một hoàng tử, với hội chúng của mình vây quanh, đi đến vua và thưa:

– Tâu Đại vương, có đúng sự thật chăng ngài chấm dứt truyền thống của gia đình chúng thân và cho các Bà-la-môn khác tổ chức hội lễ voi và cho họ các thứ trang sức trang bị của voi?

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

25.	Hơn trăm voi toàn đen, Bao phủ với lưới vàng, Hỡi Vua Susīma, Ngài có nhớ đến chăng,	Với những ngà trắng bạch, Thần đều cúng Đại vương. Có phải ngài đã nói, Quyền lợi tổ tiên thân?
-----	---	--

Vua Susīma nghe lời Bồ-tát, liền thốt lên bài kệ thứ hai:

26.	Hơn trăm voi toàn đen, Bao phủ với lưới vàng,	Với những ngà trắng bạch, Đều thuộc sở hữu ta,
-----	--	---

Ta nói, này thanh niên,
Ta thật có nhớ đến,

Ta cho khanh, cho khanh!
Quyền lợi tổ tiên khanh.

Rồi Bồ-tát thưa với vua:

– Thưa Đại vương, nếu Đại vương nhớ đến truyền thống của chúng thần, vì sao ngài bỏ thần một bên và giao cho người khác tổ chức hội lễ voi?

– Này khanh thân, ta được báo cáo khanh không biết ba tập Vệ-đà và tượng kinh nên ta cho các Bà-la-môn khác tổ chức hội lễ voi.

– Vậy tâu Đại vương, nếu một vị nào giữa các Bà-la-môn ấy có thể đọc lên một phần của ba tập Vệ-đà và tượng kinh với thần, xin hãy đứng lên! Trong toàn cõi Diêm-phù-đề không một ai khác trừ thần ra có thể biết ba tập Vệ-đà và tượng kinh để tổ chức hội lễ voi.

Như vậy, Bồ-tát rống lên tiếng rống con sư tử đáp lời vua. Không một Bà-la-môn nào có thể đứng dậy đề địch lại Bồ-tát. Sau khi đòi lại truyền thống gia đình của mình, Bồ-tát liền tổ chức hội lễ voi, rồi mang nhiều tài sản đi về trú xứ của mình.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Sau bài thuyết giảng, một số Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu, một số đắc quả Nhất lai, một số đắc quả Bất lai, một số đắc quả A-la-hán.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, bà mẹ là Mahāmāyā, người cha là Suddhodana (Tịnh Phạn vương), Vua Susīma là Ānanda, vị Sư trưởng có danh tiếng khắp nơi là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và thanh niên Bà-la-môn là Ta vậy.

§164. CHUYỆN CHIM ĐIỀU HẦU (*Gijjhajātaka*) (J. II. 50)

Điều hầu thấy xác chết...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo nuôi dưỡng mẹ. Hoàn cảnh câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện hiếu tử Sāma*.¹³

Bậc Đạo sư hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, có phải ông nuôi dưỡng một nữ gia chủ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Họ có liên hệ gì với ông?

Bậc Đạo sư hỏi tiếp.

– Bạch Thế Tôn, đó là mẹ con.

Bậc Đạo sư nói:

– Lành thay, lành thay! Chớ tức giận Tỷ-kheo này. Các bậc Hiền trí thuở

¹³ Xem J. VI. 68, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

xưa đã hầu hạ, giúp đỡ ngay cả những người không phải bà con của mình, chỉ vì muốn làm công đức. Còn người này giúp đỡ mẹ cha mình.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmādatṭa trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con điều hâu ở núi Linh Thứu, nuôi dưỡng mẹ và cha.

Một hôm, có cơn gió thổi mạnh và mưa lớn. Các con điều hâu không thể chịu đựng gió và mưa, liền bay đến Ba-la-nại. Khi đến gần bức tường thành, chúng liền đậu trên bức tường thành, run lên vì lạnh. Lúc bấy giờ, vị triệu phú xứ Ba-la-nại từ trong thành đi ra, đi đến sông tắm, thấy các con điều hâu khốn khổ này liền dụ chúng lại một chỗ không có mưa, cho đốt lửa, sai người đi đến bãi tha ma của bò, đem thịt bò về cho chúng ăn và đặt người bảo vệ chúng. Khi mưa gió chấm dứt, thân thể các con điều hâu lành mạnh, chúng liền bay về núi. Tại đây, chúng hội họp lại và bàn tính như sau:

– Chúng ta được người triệu phú xứ Ba-la-nại giúp đỡ. Chúng ta phải trả ơn người đã giúp đỡ chúng ta. Do vậy bắt đầu từ nay, nếu có ai lượm được tấm vải hay đồ trang sức gì, hãy bay đến Ba-la-nại và thả rơi trong sân nhà triệu phú!

Từ đó trở đi, nếu các con điều hâu thấy người ta phơi vải hay đồ trang sức giữa nắng, chúng liền chờ đợi một phút lơ đãng, rồi nhanh như cắt chụp lấy đồ vật như chụp miếng thịt và bay đến thả rơi trong sân nhà người triệu phú xứ Ba-la-nại. Khi người triệu phú biết được là đồ vật do các con điều hâu mang lại, ông cất giữ chúng tại một chỗ.

Mọi người trình vua là các con điều hâu đang đánh cắp đồ vật trong thành phố. Vua ra lệnh:

– Hãy bắt cho được một con điều hâu, ta bảo chúng mang trả lại tất cả!

Vì vậy khắp nơi, dân chúng đặt bẫy sập và lưới, rồi con điều hâu nuôi dưỡng mẹ bị mắc vào bẫy. Bắt được con điều hâu, dân chúng đưa nó đến trình vua. Người triệu phú xứ Ba-la-nại đang đi đến hầu vua, thấy các người ấy bắt được con điều hâu, liền đi theo họ vì sợ họ làm nó bị thương.

Vua hỏi con điều hâu:

– Có phải các ngươi ăn cắp, mang đi vải và đồ vật khác trong thành phố?

– Thừa vâng, tâu Đại vương.

– Các ngươi cho ai những vật ấy?

– Chúng tôi cho vị triệu phú Ba-la-nại.

– Vì nguyên nhân gì?

– Vì vị ấy cho chúng tôi mạng sống. Chúng tôi phải trả ơn người đã làm ơn cho mình nên chúng tôi đem cho vị ấy.

Rồi vua nói:

– Này điều hầu, nghe nói đứng xa một trăm do-tuần, các con điều hầu có thể thấy xác chết, vậy sao người không thấy bấy sập được bày ra?

Nói xong, vua đọc bài kệ đầu:

27. Điều hầu thấy xác chết, Cách xa trăm do-tuần,
Sao người lại không biết, Va chạm lưới và bấy?

Con điều hầu nghe hỏi vậy, liền thốt lên bài kệ thứ hai:

28. Chúng sanh gặp tai họa, Mạng sống gần tiêu vong,
Khi ấy không thể biết, Nên va chạm lưới bấy.

Nghe con điều hầu đáp lại, vua hỏi vị triệu phú:

– Có thật chẳng, này nhà đại triệu phú, các con điều hầu mang thả vào nhà ông các thứ vải và đồ vật?

– Thưa Đại vương, sự thật là vậy.

– Những đồ vật ấy nay ở đâu?

– Thưa Đại vương, tất cả đã được tôi góp lại một chỗ. Những ai là chủ của chúng, tôi sẽ trả lại nhưng xin ngài hãy thả con điều hầu này!

Sau khi can thiệp để thả con điều hầu, nhà đại triệu phú trả lại tất cả đồ vật cho chủ của chúng.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư liền thuyết giảng các sự thật. Sau bài giảng, vị Tỷ-kheo nuôi dưỡng mẹ đã đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda, nhà triệu phú là Sāriputta (Xá-lợi-phất), còn con điều hầu nuôi dưỡng mẹ là Ta vậy.

§165. CHUYỆN CON CHUỘT RỪNG (*Nakulajātaka*) (J. II. 52)

Này vật sanh bào thai...

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai viên chức cãi lộn nhau. Hoàn cảnh câu chuyện này giống như câu chuyện đã kể trong *Chuyện con rắn*.¹⁴ Ở đây, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, hai viên chức cao cấp này không phải nay mới được Ta làm cho hòa hợp. Thuở trước, Ta cũng đã làm cho họ hòa hợp rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình Bà-la-môn, tại một ngôi làng nhỏ ở Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đi học tất cả tài nghệ ở Takkaṣilā. Rồi ngài từ bỏ gia đình, xuất gia làm vị ẩn

¹⁴ Xem J. II. 14, *Uragajātaka* (*Chuyện con rắn*), số §154.

sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng. Ngài sống ở vùng Tuyết sơn bằng rễ cây và trái cây hái được trong rừng.

Tại cuối đường kinh hành của Bồ-tát, một con chuột rừng hay ăn rắn, trú ở trong một ổ mối. Gần hang đó trong một hốc cây có con rắn trú ẩn. Cả hai con chuột rừng và con rắn luôn luôn cãi lộn nhau. Bồ-tát khuyên dạy chúng về nguy hại của sự cãi lộn và những lợi ích của lòng từ bi:

– Chớ cãi lộn, nên sống hòa hợp với nhau!

Khi con rắn đi ra ngoài, con chuột rừng thò đầu ra miệng hang ổ mối ở cuối đường kinh hành, mở miệng thở ra, thở vô và nằm ngủ. Bồ-tát thấy con chuột rừng nằm ngủ như vậy bèn hỏi:

– Vì sao ngươi lại sợ hãi?

Và Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

29.	Này vật sanh bào thai, Với kẻ thù của ngươi, Sao lại ngủ nhe răng?	Ngươi đã kết bạn được, Sanh ra từ hòn trứng, Từ đâu ngươi sợ hãi?
-----	--	---

Nghe Bồ-tát nói, con chuột rừng trả lời:

– Thưa Tôn giả, chớ khinh thường kẻ địch, phải luôn cảnh giác và đề phòng nó.

Nói vậy xong, con chuột rừng đọc bài kệ thứ hai:

30.	Chớ khinh thường kẻ thù, Từ không sợ, sợ sanh,	Chớ tin tưởng bè bạn, Cái gốc bị cắt đứt.
-----	---	--

Bồ-tát nói:

– Chớ sợ, ta đã khuyên nhủ con rắn không hại ngươi. Bắt đầu từ nay, ngươi chớ nghi ngờ nó.

Sau khi khuyên răn như vậy, Bồ-tát chuyên tu tập từ, bi, hỷ, xả và hướng đến Phạm thiên giới.

Và khi hai con vật kia mạng chung, chúng cũng đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con rắn và con chuột rừng là hai viên chức cao cấp này, còn vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§166. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN UPASĀḤA (*Upasāḥajātaka*) (J. II. 54)

Có mười bốn ngàn người...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Bà-la-môn quá khó tánh đối với nghĩa trang. Vị này giàu có, nhiều tài sản nhưng tà kiến, tuy sống gần tinh xá vẫn không có cảm tình với đức Phật. Nhưng người con trai là bậc Hiền trí, có trí tuệ. Khi vị Bà-la-môn về già, ông nói với con trai:

– Chớ thiêu đốt ta tại nghĩa trang nào của kẻ hạ tiện. Hãy thiêu đốt ta tại chỗ nào thật sự không có uế nhiễm!

– Thừa cha thân, con không biết chỗ nào thích hợp để thiêu đốt cha. Lành thay, nếu cha dắt con đến một chỗ và nói: “Hãy thiêu đốt tại chỗ này!”

Vị Bà-la-môn nói:

– Lành thay, này con thân!

Người triệu phú dắt con đi ra khỏi thành, leo lên chớp núi Linh Thứu và nói:

– Này con thân, đây không phải là nơi thiêu đốt người hạ tiện, hãy thiêu đốt ta ở đây!

Nói xong ông ta bắt đầu đi xuống núi với con. Trong ngày ấy vào buổi sáng, bậc Đạo sư quán sát xem những người nào đủ căn duyên giác ngộ và thấy cha con người ấy có căn duyên chứng quả Dự lưu. Ngài đi theo con đường của họ, đến chân núi và ngồi chờ họ từ chớp núi xuống. Hai cha con đi xuống nhìn thấy bậc Đạo sư. Ngài mở lời chào đón và hỏi:

– Này các Bà-la-môn, các ông từ đâu về?

Người thanh niên kể lại sự việc và nói:

– Bạch Thế Tôn, cha tôi chỉ khoảng giữa ba ngọn núi này.

Bậc Đạo sư nói:

– Này cậu trai, không phải chỉ nay cha cậu mới khó tánh, khát khe đi tìm nghĩa trang, không phải chỉ nay cha cậu mới chỉ: “Hãy thiêu đốt ta tại chỗ này!” Thuở trước, cha cậu cũng chỉ chính chỗ này.

Và theo lời thỉnh cầu của cậu trai, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại Vương Xá này có một vị Bà-la-môn tên là Upasāha. Người này có một con trai. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở nước Ma-kiệt-đà, học đầy đủ các tài nghệ rồi xuất gia làm vị ẩn sĩ, chứng được các thắng trí và thiền chứng, thích thú trong thiền định. Sau khi sống lâu ngày trong khu vực Tuyết sơn, vì vấn đề muối và các gia vị, Bồ-tát đến sống trong một chòi lá ở Linh Thứu. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn ấy nói với con trai đi tìm nghĩa trang đúng như cách thức đã nói ở trên. Người con trai yêu cầu:

– Cha hãy chỉ cho con địa điểm thích hợp.

Người cha chỉ chính chỗ này, rồi cùng con đi xuống núi, thấy Bồ-tát và đi đến gần ngài. Bồ-tát hỏi như cách thức đã kể ở trên. Sau khi nghe người con trai trả lời, Bồ-tát nói:

– Hãy đi! Chúng ta sẽ biết chỗ cha cậu chỉ là uế nhiễm hay không uế nhiễm.

Bồ-tát bảo họ trèo lên chớp núi. Cậu thanh niên nói:

– Đây là địa điểm không bị uế nhiễm giữa ba ngọn núi.

Bồ-tát đáp:

– Nay cậu trai, chính tại địa điểm này đã có vô lượng người được thiêu đốt. Cha cậu sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Vương Xá này với tên là Upasāḥa, chính giữa ngọn núi này đã được thiêu đốt mười bốn ngàn lần. Trên toàn thế giới, không có một chỗ nào không phải là chỗ thiêu xác, không có một chỗ nào không phải là nghĩa trang, không có một chỗ nào không tràn đầy những đầu lâu.

Sau khi chỉ rõ, phân tích sự việc này với trí biết các đời trước, Bồ-tát đọc hai bài kệ này:

- | | |
|---|--|
| <p>31. Có mười bốn ngàn người,
Bị thiêu tại chỗ này,
Lại không có người chết.</p> | <p>Tên Upasāḥa,
Không chỗ nào trên đời,</p> |
| <p>32. Chỗ nào có chân lý,
Có tiết chế, điều ngự,¹⁵
Chính chỗ ấy, thần chết,</p> | <p>Chánh pháp và bất hại,
Chỗ ấy, bậc Thánh sống,
Không thể tìm lối vào.</p> |

Nói xong, Bồ-tát thuyết pháp cho hai cha con, khiến họ tu tập từ, bi, hỷ, xả và khi chết được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Sau bài giảng các sự thật, hai cha con ấy đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Cha con thời ấy là cha con hiện tại, còn vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§167. CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SAMIDDHI (*Samiddhijātaka*)¹⁶ (J. II. 56)

Tỷ-kheo đi khát thực...

Câu chuyện này, khi trú ở Vương Xá tại Tapodārāma, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Samiddhi. Một hôm, Tôn giả Samiddhi trọn đêm tỉnh cần, tu tập. Khi trời rạng đông, Tôn giả tắm xong, quần nội y, cầm thượng y trên tay, đứng phơi cho khô, thân mình có sắc màu vàng chói giống như một tượng vàng được tạc tuyệt đẹp, vì thế có tên gọi Samiddhi (Thân Hình Tuyệt Đẹp).

Thấy thân sắc tuyệt đẹp của Tôn giả, một thần nữ sanh tâm say đắm, nói như sau với Trưởng lão:

– Nay Tỷ-kheo, chàng còn trẻ với tuổi niên thiếu, tóc đen nhánh, với tuổi thanh xuân đầy nhựa sống, đẹp mắt, khả ái như vậy, sao chàng không hưởng thụ các dục, vì mục đích gì lại xuất gia? Hãy hưởng thụ các dục lạc trước, rồi sau sẽ xuất gia và hành Sa-môn pháp!

¹⁵ Xem *Dh.* v. 261.

¹⁶ Xem S. I. 8, *Samiddhisutta* (Kinh Samiddhi).

Trưởng lão nói với thần nữ ấy:

– Nay thần nữ, đến một tuổi nào đó, ta sẽ chết. Ta không biết thời nào ta sẽ chết. Thời ấy đối với ta bị che kín. Do vậy, trong tuổi trẻ, ta hành trì Sa-môn pháp để chấm dứt đau khổ.

Thần nữ không cảm dỗ được Trưởng lão liền biến mất tại chỗ. Trưởng lão đi đến bậc Đạo sư và thuật lại câu chuyện. Bậc Đạo sư nói:

– Nay Samiddhi, không phải chỉ nay ông bị thần nữ luyến ái. Thuở trước, các thần nữ cũng luyến ái các vị xuất gia rồi.

Sau đó, theo lời thỉnh cầu của vị Trưởng lão, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn tại một làng ở Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành và đạt thành công trong tất cả tài nghệ, Bồ-tát xuất gia làm vị ẩn sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, rồi sống gần một hồ thiên nhiên trong khu vực Tuyết sơn.

Bồ-tát suốt đêm tinh tấn tu tập. Đến rạng đông, sau khi tắm xong, Bồ-tát quần tắm y làm bằng vỏ cây, còn tắm y kia cầm tay và đứng phơi thân cho khô. Rồi một thần nữ nhìn thân thể tuyệt đẹp của Bồ-tát, tâm tư say đắm, sanh luyến ái Bồ-tát và đọc bài kệ đầu:

33.	Tỷ-kheo đi khát thực,	Có biết hưởng dục chăng?
	Chàng theo hạnh khát thực,	Không hưởng thọ dục lạc.
	Tỷ-kheo, hãy hưởng dục,	Rồi sẽ hành khát thực,
	Chàng chớ để thời gian	Trôi qua thật uổng phí.

Bồ-tát nghe lời nói của thần nữ, liền nêu lên chí nguyện của mình qua bài kệ thứ hai:

34.	Thời chết, ta không biết,	Thời gian bị ngăn che,
	Do vậy, không hưởng thụ,	Ta hành trì khát thực,
	Ta không để thời gian,	Trôi qua thật uổng phí.

Thần nữ nghe Bồ-tát nói liền biến mất tại chỗ.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, thần nữ ấy là thần nữ này, còn Ta là vị tu khổ hạnh.

§168. CHUYỆN CHIM ĐIỀU HẦU (*Sakuṇagghijātaka*) (J. II. 58)

Điều hầu với sức mạnh...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về ý nghĩa bài *Kinh Khuyến dạy loài chim* (*Sakuṇovādasutta*).

Một hôm, bậc Đạo sư gọi các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, khi các ông đi khát thực, mỗi người hãy giữ đúng địa hạt của mình.

Rồi Ngài đọc bài kinh ấy từ *Đại phẩm*, phù hợp với trường hợp này và nói thêm:

– Thuở xưa, các loài bàng sanh từ bỏ địa hạt nhà của mình, đi kiếm ăn không phải chỗ và rơi vào tay kẻ thù. Rồi nhờ trí tuệ và phương tiện thiện xảo của mình, chúng thoát khỏi tay của kẻ thù.

Nói như vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm chim cun cút, sống tìm mồi tại những mô đất do cày bừa để lại. Một hôm, chim cun cút ấy từ bỏ khu vực tìm mồi quen thuộc của mình để đi nơi khác và nó đi đến biên địa ngôi rừng. Thấy chim cun cút đang đi tìm mồi, tại chỗ ấy, một con điều hâu nhanh như cắt bay sà xuống chụp lấy cun cút và tha đi. Khi bị bắt, chim cun cút than:

– Ta thật đại bất hạnh! Ta thật là ít phước! Ta đã đi tìm mồi không phải chỗ, vào địa hạt của loài khác. Nếu nay ta đi tìm mồi trong khu vực tìm mồi của ông cha ta, trong địa hạt nhà của mình, thì con điều hâu này không đối địch với ta được khi có đánh nhau.

Nghe vậy, điều hâu hỏi:

– Nay chim cút nhỏ bé kia, chỗ nào là chỗ tìm mồi trong địa hạt nhà của người, nơi mà ông cha người đã tìm mồi?

– Tại chỗ này, chỗ những mô đất do cày bừa để lại.

Rồi con điều hâu nới lỏng sức mạnh của mình và nói:

– Hãy đi, chim cun cút bé nhỏ kia, dù đi đến đâu, người cũng không thoát khỏi ta đâu!

Con chim cun cút bay đến đấy, đậu lên một mô đất lớn và gọi:

– Nay điều hâu, ta cảm ơn người, nay người hãy đến đây!

Con điều hâu tập trung sức mạnh của mình, vận dụng cả hai cánh lại, mau lẹ sà xuống chụp lấy con chim cút. Con chim cút biết: “Con điều hâu này vô bất ta với tất cả sức mạnh”, liền xoay lại tránh qua phía những mô đất ấy. Chim điều hâu không thể trì hãm sức lực, đập mạnh cánh vào đấy, liền vỡ tim, lòi mắt và chết toi mạng.

Sau khi trình bày câu chuyện quá khứ này, bậc Đạo sư nói thêm:

– Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các loài bàng sanh khi đi tìm mồi không phải

chỗ đã rơi vào tay kẻ thù. Nhưng khi chúng đi tìm môi trong địa hạt của mình, chúng đánh bại được kẻ thù. Do vậy, các ông chớ có đi không đúng chỗ và đến địa hạt của người khác. Khi ta rời địa hạt của mình, Ác ma sẽ đợi cơ hội, Ác ma sẽ được thuận duyên. Nay các Tỷ-kheo, chỗ nào là không đúng chỗ của Tỷ-kheo, là địa hạt của người khác? Đó chính là năm dục lạc. Thế nào là năm? Sắc do mắt nhận thức... Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là chỗ của Tỷ-kheo, là địa hạt của người khác.

Nói vậy xong, bậc Chánh Giác đọc bài kệ đầu:

35. Điều hâu với sức mạnh, Sà xuống chụp con cú,
Con cú đang tìm môi, Trên địa hạt của mình,
Vì sà chụp quá mạnh, Điều hâu chết toi mạng.

Khi điều hâu chết, chim cú mới đi ra và tuyên bố:

– Ta đã thấy được lưng kẻ thù.

Rồi đứng trên quả tim của con điều hâu, nó nói lên lời cảm hứng qua bài kệ thứ hai:

36. Ta biết phương tiện hay, Vui trên địa hạt nhà,
Ta mừng kẻ thù bại, Thọ hưởng lợi ích mình.

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, nhiều Tỷ-kheo được an trú vào các Đạo và Quả.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con điều hâu là Devadatta, còn chim cú là Ta vậy.

§169. CHUYỆN ĐẠO SƯ ARAKA (*Arakajātaka*) (J. II. 60)

Ai chính với từ tâm...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư nói về *Kinh Từ bi* (*Mettasutta*).

Một thời, bậc Đạo sư nói như sau với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm sung mãn, được thành thạo, được thông suốt, được điều luyện, được thiện xảo, được vững vàng, thì được mười một lợi ích.¹⁷ Thế nào là mười một? Ngủ an lạc; thức dậy an lạc; không thấy ác mộng; loài người kính yêu; chư thiên bảo hộ; lửa, thuốc độc hay gươm không đến gần; tâm mau chóng được thiền định; sắc mặt tịnh tín; không hôn ám khi mạng chung; trí tuệ minh mẫn; sanh lên Phạm thiên giới. Nay các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành sẽ được mười một lợi ích này.

Tán thán từ tâm giải thoát đem lại mười một lợi ích này, Ngài còn dạy thêm:

¹⁷ Xem 11 lợi ích được đề cập trong *Miln.* 198.

– Một Tỷ-kheo cần phải tu tập từ bi đối với tất cả chúng sanh; dù được bảo làm hay không, cũng phải hướng lòng từ, lòng bi đối với mọi loài. Như vậy, đối với tất cả chúng sanh, dù được bảo làm hay không, một Tỷ-kheo cũng phải được tu tập từ tâm, bi tâm, hỷ tâm, xả tâm. Đó là bốn vô lượng tâm. Làm như vậy, khi thân hoại mạng chung vị ấy sẽ sanh lên Phạm thiên giới dù không đạt Đạo hay Quả. Các bậc Hiền trí thời xưa tu tập từ tâm trong bảy năm, đã an trú ở Phạm thiên giới trong suốt bảy thành kiếp, hoại kiếp.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, trong một đời, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài từ bỏ các dục, xuất gia làm vị ản sĩ, chứng được bốn vô lượng tâm và trở thành bậc Đạo sư tên là Araka. Bồ-tát sinh sống trong khu vực Tuyết sơn với một hội chúng lớn và Bồ-tát khuyến dạy hội chúng ản sĩ:

– Người xuất gia phải tu tập từ tâm, phải tu tập bi tâm, hỷ tâm, xả tâm. Từ tâm chứng được nhờ chú tâm trên đối tượng sửa soạn đưa vị ấy đến Phạm thiên giới.

Để nêu rõ những lợi ích của từ tâm, Bồ-tát đọc các bài kệ:

- | | | |
|-----|---|---|
| 37. | Ai chính với từ tâm,
Trên, dưới và bề ngang, | Thương xót mọi thế giới,
Vô lượng trùm tất cả. |
| 38. | Tâm từ bi vô lượng,
Với nghiệp có hạn lượng, | Viên mãn, khéo tu tập,
Tâm ấy không chất chứa. |

Như vậy, Bồ-tát nói lên những lợi ích tu tập từ tâm cho các đệ tử. Rồi không từ bỏ thiên định, ngài sanh lên Phạm thiên và trong suốt bảy thành kiếp, hoại kiếp, ngài không trở lại thế giới này.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hội chúng ản sĩ là hội chúng của Như Lai và Đạo sư Araka là Ta vậy.

§170. CHUYỆN CON TẮC KÈ (*Kakaṇṭakajātaka*) (J. II. 63)

Người này không cúi đầu...

Chuyện con tắc kè này sẽ được trình bày trong Chuyện đường hầm vĩ đại.¹⁸

¹⁸ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (Chuyện đường hầm vĩ đại). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṇṇajātaka*, số 542.

III. PHẨM THIỆN PHÁP (*KALYĀṆADHAMMAVAGGA*)

§171. CHUYỆN THIỆN PHÁP (*Kalyāṇadhammajātaka*)¹⁹ (J. II. 63)

Thưa Nhân chủ, ở đời...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một bà mẹ vợ điếc. Ở Xá-vệ, một điền chủ có lòng tin, tinh tấn, quy y Ba ngôi báu và giữ gìn năm giới. Một hôm, người ấy đem theo nhiều phẩm vật như bơ chín, hoa, hương và vải đi đến tinh xá để nghe bậc Đạo sư thuyết pháp. Trong khi người ấy đi, bà mẹ vợ đem theo các món ăn loại cứng, loại mềm đến thăm con gái bà. Bà già ấy có hơi điếc. Sau khi ăn với con gái, bà muốn xua đuổi sự buồn ngủ, bèn hỏi con gái:

– Này con, con sống với chồng có hoan hỷ, hòa hợp không?

– Thưa mẹ, sao mẹ hỏi vậy? Thật khó tìm được một người như anh ấy. Dù nhiều người xuất gia có giới đức và có đạo hạnh cũng khó sánh với con rể của mẹ.

Bà già nghe con gái nói, không phân biệt được rõ ràng, chỉ nắm lấy chữ xuất gia và la to:

– Sao con? Chồng con trở thành người xuất gia rồi ư?

Mọi người sống ở trong nhà nghe bà ta nói, bèn la lớn:

– Nghe nói người điền chủ của chúng ta đã xuất gia rồi!

Nghe tiếng la, quần chúng tụ họp ở cửa và hỏi :

– Sao, sự việc gì xảy ra vậy?

Và họ được trả lời:

– Nghe nói người chủ của nhà này đã xuất gia rồi!

Người điền chủ nghe bậc Đạo sư thuyết pháp xong, đi ra khỏi tinh xá và vào thành. Khi đi giữa đường, một người thấy ông liền hỏi:

– Thưa ông chủ, nghe nói ông xuất gia rồi phải không? Ở nhà ông, vợ con và những người phục vụ đang khóc đó!

Người điền chủ ấy suy nghĩ:

– Ta không xuất gia mà người này nói ta xuất gia. Một tiếng nói tốt về ta đã khởi lên, không nên để cho mất đi. Vậy hôm nay, ta phải xuất gia.

Người điền chủ quay trở lại, đi đến bậc Đạo sư. Ngài hỏi:

¹⁹ Xem J. I. 170, *Nalapānājātaka* (Chuyện uống nước bằng cọng lau), số §20.

– Nay cư sĩ, nghe Như Lai thuyết giảng xong, Ta thấy ông đã đi về, sao nay ông còn trở lại?

Người điền chủ kể câu chuyện và thưa:

– Bạch Thế Tôn, một tiếng nói tốt khởi lên không nên để biến mất. Do vậy, con muốn xuất gia và con đã trở lại.

Thế Tôn cho người ấy được xuất gia, thọ Đại giới và chơn chánh hành trì, không bao lâu vị ấy chứng quả A-la-hán. Câu chuyện này được chúng Tỷ-kheo biết. Một hôm, các Tỷ-kheo đang ngồi hội họp ở pháp đường và nói về câu chuyện sau đây:

– Nay các Hiền giả, người điền chủ với tên này, được nghe một lời nói tốt khởi lên. Không muốn cho nó biến mất, vị ấy đã xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì đang được các ông ngồi hội họp và bàn luận?

Khi nghe thuật câu chuyện trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, các bậc Hiền trí thuở xưa, vì không muốn một lời nói tốt đã khởi lên bị bỏ phí nên đã xuất gia.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì nước Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình triệu phú. Khi đến tuổi trưởng thành, cha chết, Bồ-tát được đặt vào địa vị người triệu phú. Một hôm, Bồ-tát từ nhà đi ra đến hầu vua, bà mẹ vợ của vị ấy đi đến nhà vị ấy để thăm người con gái. Bà ta có hơi điếc. Câu chuyện xảy ra giống như câu chuyện hiện tại. Khi Bồ-tát hầu vua xong, đang đi về nhà, một người thấy Bồ-tát và hỏi:

– Nghe nói ông đã xuất gia rồi. Tại nhà ông mọi người đang than khóc lớn.

Bồ-tát suy nghĩ: “Một tiếng tốt khởi lên không nên để cho mất đi.” Vì thế, Bồ-tát đã trở lại và đi đến cung vua. Vua hỏi:

– Nay nhà triệu phú, ông đã đi rồi sao còn trở lại?

– Thưa Đại vương, tôi chưa xuất gia nhưng dân chúng lại đồn tôi đã xuất gia nên khóc than. Một tiếng tốt đã khởi lên không nên để cho biến mất. Vì thế, tôi sẽ xuất gia. Mong Đại vương cho phép tôi xuất gia.

Để nói lên ý nghĩa này, Bồ-tát đọc những bài kệ:

- | | | |
|-----|---|---|
| 41. | Thưa Nhân chủ, ở đời,
Người có trí không nên,
Hãy vì sự xấu hổ, | Được danh xưng thiện pháp,
Để thôi thất tổn giảm,
Chấp nhận gánh nặng ấy. |
| 42. | Thưa Nhân chủ, tên này,
Ở đời, chính tại đây,
Thấy vậy, tôi xuất gia, | Nay được tặng cho tôi,
Tôi được tên Thiện Pháp,
Tôi không ham dục lạc. |

Bồ-tát nói vậy xong, liền được phép vua cho xuất gia. Sau đó, ngài đi đến khu vực Tuyết sơn xuất gia làm vị ẩn sĩ, đạt được các thắng trí và các thiên chứng; rồi sau khi mạng chung, ngài được sanh lên Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda và vị triệu phú ở Ba-la-nại là Ta vậy.

§172. CHUYỆN NÚI DADDARA (*Daddarajātaka*) (J. II. 65)

Ai đã rống lớn tiếng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tỷ-kheo Kokālika. Lúc bấy giờ tại cao nguyên Manosilā, nhiều Tỷ-kheo học rộng, rống tiếng của con sư tử trẻ khiến cho sông Hằng thiên giới (Ngân hà) gần như rơi xuống và đọc lên những câu kinh ở giữa Tăng chúng. Kokālika không biết sự ngu dốt của mình đối với những câu kinh mà các Tỷ-kheo đã tụng đọc, và suy nghĩ: “Ta sẽ đọc những đoạn kinh đó.” Kokālika đi vào giữa chúng Tỷ-kheo, nhưng không biết được danh hiệu dành cho mình, cứ đến chỗ này, chỗ kia và nói:

– Các Tỷ-kheo không yêu cầu ta đọc kinh. Nếu họ yêu cầu, ta sẽ đọc.

Chúng Tỷ-kheo đã rõ biết khả năng đọc kinh của Kokālika rồi, nhưng họ nghĩ: “Chúng ta sẽ thử Kokālika”, nên họ nói như sau:

– Nay Hiền giả Kokālika, hôm nay Hiền giả hãy đọc một vài đoạn kinh cho chúng Tăng!

Kokālika không biết sự ngu dốt của mình, chấp nhận và nói:

– Lành thay, hôm nay tôi sẽ đọc!

Kokālika uống nước cháo, ăn một số món ăn và dùng một món canh hợp khẩu vị. Khi mặt trời lặn, thời kỳ nghe pháp đã báo hiệu, chúng Tỷ-kheo đã họp, Kokālika quần hạ y màu vàng của cây hoa chông, đắp thượng y màu vàng nhạt như hoa lòng mán lá phong, đi vào giữa chúng Tăng, đánh lễ các vị Trưởng lão, bước lên pháp tòa đã được trang hoàng, đặt dưới một cái đình lớn đỉnh châu báu, cầm một cái quạt có màu sắc rực rỡ và ngồi trên ấy với ý định: “Ta sẽ tụng đọc một đoạn kinh.”

Chính khi ấy, những giọt mồ hôi bắt đầu toát ra khắp thân của Kokālika, vị ấy đọc câu kệ thứ nhất trong đoạn thứ nhất, nhưng vị ấy không thể nhớ được câu kệ tiếp. Run rẩy, từ chỗ ngồi đi xuống, cảm thấy xấu hổ, Kokālika đi ra khỏi hội chúng và về phòng của mình. Một Tỷ-kheo khác có học nhiều đã đọc đoạn kinh kệ tiếp. Từ đấy trở đi, tất cả các Tỷ-kheo đều biết được sự trống rỗng của Kokālika.

Một hôm, các Tỷ-kheo tại pháp đường bắt đầu nói về câu chuyện ấy:

– Nay các Hiền giả, ban đầu thật khó biết được sự trống rỗng của Kokālika. Nhưng nay, Kokālika đã tự mình rống lên và tự phơi bày sự kém cỏi của mình.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi họp bàn câu chuyện gì?

Sau khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Kokālika mới phôi bày sự trống rỗng của mình. Trước kia, kẻ ấy cũng đã rỗng lên và phôi bày sự trống rỗng như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con sư tử ở khu vực Tuyết sơn, là vua loài sư tử đông đảo sống trong hang Bạc. Gần đấy, một con chó rừng sống trong một cái hang khác.

Một hôm trời mưa, không đi được, tất cả sư tử họp tại cửa hang sư tử chúa, rống lên tiếng rống sư tử và chơi các trò sư tử. Trong khi chúng rống lên và chơi như vậy, con chó rừng cũng lên tiếng. Các con sư tử nghe tiếng của nó, suy nghĩ: “Đây là con chó rừng cũng rống lên với chúng ta.” Chúng cảm thấy xấu hổ nên im lặng. Khi thấy chúng im lặng, con của Bồ-tát, một sư tử con hỏi cha:

– Thưa cha thân, các sư tử thường rống lên và chơi trò sư tử, nhưng khi nghe thấy tiếng con chó rừng lại xấu hổ và im lặng. Con vật ấy là con gì đã tự phôi bày tiếng rống hạ liệt của mình?

Sư tử con đọc bài kệ đầu để hỏi:

43.	Ai đã rống lớn tiếng,	Vang dội Daddara,
	Vì sao các sư tử,	Lại không rống đáp lại?
	Con thú rống như vậy,	Tên nó gọi là gì?

Khi nghe vậy, sư tử cha đọc bài kệ thứ hai:

44.	Chính là con chó rừng,	Đã rống, này con thân,
	Con vật bản tiện nhất,	Giữa các loại sanh thú,
	Ghê tởm hạ sanh nó,	Sư tử ngồi im lặng.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Kokālika với tiếng rống đã phôi bày sự kém cỏi của mình. Thuở trước, kẻ ấy cũng làm như vậy rồi.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Kokālika, sư tử con là Rāhula (La-hầu-la), còn sư tử chúa là Ta vậy.

§173. CHUYỆN CON VƯỜN (*Makkaṭajātaka*) (J. II. 68)

Có một kẻ khốn cùng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một kẻ gian trá. Hoàn cảnh câu chuyện này sẽ được trình bày trong chương XIV, *Chuyện nam tử Uddālaka*.²⁰ Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới gian trá. Thuở xưa, kẻ ấy là con vượn, vì ngọn lửa, cũng đã gian trá như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng ở Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành và đã đi học đủ các tài nghệ ở Takkasilā, Bồ-tát lập gia đình. Nữ Bà-la-môn ở nhà, sanh được một con trai. Khi đưa con bắt đầu chạy qua chạy lại, nữ Bà-la-môn mạng chung. Bồ-tát làm xong tang lễ cho người chết, liền suy nghĩ: “Nay ta còn sống ở gia đình làm gì?” Và dặt con đi với ý định: “Chúng ta sẽ xuất gia.”

Từ giã bà con, bạn bè tiễn đưa khóc lóc, Bồ-tát đem theo con đi vào Tuyết sơn, làm vị ẩn sĩ và sinh sống trong rừng với các thứ rễ và trái cây.

Một hôm, trong khi trời mưa, Bồ-tát đốt lửa củi lên, nằm xuống trên một tấm phản và hơ lửa cho ấm. Cậu con trai ngồi xoa bóp chân cha. Có một con vượn rừng bị lạnh hành hạ, chợt thấy ngọn lửa trong chồi lá của Bồ-tát, liền suy nghĩ: “Nêu ta vào đây, chúng sẽ đập ta và la: ‘Ôi con vượn, con vượn’, và đuổi ta ra ngoài. Như vậy ta không sưởi lửa được. Nay ta có một cách, ta sẽ khoác áo một người tu khổ hạnh và trá hình đi vào.” Vì vậy, nó choàng áo bằng vỏ cây của một người tu khổ hạnh đã chết, cầm lấy cái rổ và cái gậy có móc, dựa vào một cây cọ dừa ở cửa chồi lá và đứng đấy co ro cúm rúm. Cậu con trai thấy nó, không biết nó là con vượn, suy nghĩ: “Có một vị tu khổ hạnh lớn tuổi, bị rét muốn đến hơ lửa! Ta sẽ nói với cha ta cho vị này vào chồi lá và hơ lửa.” Vì vậy, cậu gọi cha và đọc bài kệ đầu:

45. Có một kẻ khôn cùng, Dựa vào cây cọ dừa;
Đây ta có chồi lá, Cho nó vào, cha thân.

Bồ-tát nghe con nói liền đứng dậy, ra cửa chồi lá nhìn, biết đấy là con vượn, ngài bảo:

– Nay con thân, bộ mặt như vậy không phải là người thường, nó là con vượn, chớ gọi nó vào.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

46. Con thân, chớ gọi nói, Nó làm nhớp nhà ta,
Bộ mặt vậy không phải, Hạnh tốt Bà-la-môn.

Bồ-tát cầm một nhánh củi, ném nó và la lớn:

– Ngươi đứng đây làm gì?

²⁰ Xem J. IV. 293, *Uddālakajātaka* (*Chuyện nam tử Uddālaka*), số §487.

Và đuổi nó đi. Con vượn quăng bỏ áo bằng vỏ cây, leo lên cây và đi vào trong khóm rừng.

Sau đó, Bồ-tát tu tập bốn vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) và khi mạng chung được sanh lên Phạm thiên giới.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con vượn là Tỷ-kheo gian trá, con trai vị tu khổ hạnh là Rāhula (La-hầu-la) và vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§174. CHUYỆN CON VƯỢN LỪA DỐI

(*Dūbhiyamakkaṭajātaka*)²¹ (J. II. 70)

Ta đã cho nhà người...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Một hôm, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường, nói chuyện về Devadatta không nhớ ơn và phản lại bạn bè. Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới không nhớ ơn và phản lại bạn bè. Thuở trước, kẻ ấy cũng vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng ở Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát lập gia đình.

Lúc bấy giờ, trên một đại lộ trong xứ Kāsi có một cái giếng sâu, không ai xuống được. Những người qua lại con đường có các loài thú ở, muốn tạo công đức, thường dùng dây dài và cái gàu, múc nước đổ vào cái máng cho các loài thú uống. Xung quanh giếng ấy có rừng lớn bao bọc và nhiều con vượn sống tại đấy.

Rồi trên con đường ấy, trong hai, ba ngày số nước do người qua lại cung cấp đã cạn. Các loài thú không có nước uống. Một con vượn bị cơn khát hành hạ, cứ đi qua lại gần cái giếng để tìm nước. Bấy giờ, vì một vài công việc, Bồ-tát đi ngang qua đường ấy, kéo nước lên uống xong, Bồ-tát rửa tay chân và thấy con vượn ấy. Biết con vượn khát nước, Bồ-tát liền kéo nước lên, đổ đầy máng nước và cho nó uống. Rồi Bồ-tát nằm xuống một gốc cây để xem con vượn làm gì. Con vượn uống nước xong, ngồi xuống không xa với bộ mặt làm các trò khi để dọa Bồ-tát. Bồ-tát thấy nó làm vậy liền nói:

– Ôi, con vượn ác độc kia, ta thấy người mệt mỏi, khát nước đã cho người uống. Nay người lại lấy bộ mặt này làm các trò khi dọa nạt ta. Ôi, giúp đỡ kẻ làm ác không có lợi ích chỉ nhọc công thôi!

²¹ Bản Tích Lan viết *Dutiyamakkaṭajātaka*, nghĩa là *Chuyện thứ hai về con vượn*.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

47. Ta đã cho nhà người, Được nhiều nước như vậy,
 Người bị nóng bức bách, Người bị khát hành hạ,
 Nhưng nay đã uống xong, Người ngồi làm trò khi,
 Tốt nhất, vậy không nên, Liên hệ với kẻ ác.

Nghe vậy, con vượn phản bạn ấy nói:

– Người tưởng rằng ta chỉ làm vậy thôi sao? Ta sẽ làm rơi phân trên đầu người trước khi đi.

Rồi nó đọc bài kệ thứ hai:

48. Ai từng nghe hoặc thấy, Khi nào có giới đức?
 Nay thả phân đầu người, Thói chúng ta là vậy.

Nghe vậy, Bồ-tát đứng dậy bắt đầu đi. Con vượn ngay lúc ấy, leo lên ngồi trên một nhánh cây, thả phân trên đầu Bồ-tát như vòng hoa rơi xuống và kêu lớn tiếng, rồi bỏ đi vào khóm rừng. Bồ-tát tắm xong rồi ra đi.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới như vậy. Thuở trước, kẻ ấy cũng không biết công đức Ta làm.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con vượn là Devadatta, còn vị Bà-la-môn là Ta vậy.

§175. CHUYỆN ĐÁNH LỄ MẶT TRỜI (*Ādiccupaṭṭhānajataka*) (J. II. 72)

Nghe nói mọi chúng sanh...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một kẻ man trá.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học mọi tài nghệ ở Takkaṣilā. Rồi ngài xuất gia làm vị đạo sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, trở thành Sư trưởng của một hội chúng đông đảo sống tại Tuyết sơn. Bồ-tát ở đấy lâu ngày, rồi vì mục đích lấy muối và giấm, ngài đi xuống núi, sống trong một chòi lá gần một làng ở biên địa.

Trong khi chúng đạo sĩ đi khát thực, một con vượn tham lam đến chỗ am thất, xáo trộn chòi lá, đổ nước ở các ghè ra, đập vỡ các bình và phóng uế vào căn nhà có thờ lửa. Sau khi an cư mùa mưa, các vị tu khổ hạnh nghĩ: “Nay ở Tuyết sơn đang thời kỳ nở hoa kết trái rất là đẹp mắt. Chúng ta sẽ đi về Tuyết sơn.” Vì vậy, họ báo tin cho dân làng sống ở biên địa. Các dân làng nói:

– Thừa các Tôn giả, ngày mai chúng tôi sẽ đem theo thức ăn đi đến am thất. Các Tôn giả sẽ ăn rồi ra đi.

Ngày hôm sau, họ đem theo nhiều đồ ăn loại cứng, loại mềm và đi đến chỗ ấy. Thấy vậy, con vợ ấy suy nghĩ: “Ta sẽ lừa dối các người này khiến chúng hoan hỷ, đem cho ta các món ăn loại cứng và loại mềm.” Rồi làm ra vẻ như người sống khổ hạnh đang giữ giới, nó đứng đánh lễ mặt trời không xa các vị tu khổ hạnh. Các dân làng thấy nó, liền nói:

– Những ai sống gần các bậc Giới hạnh cũng có giới hạnh.

Rồi họ đọc bài kệ đầu:

49. Nghe nói mọi chúng sanh, Đều có giữ giới hạnh,
 Hãy xem vợ khổ hạnh, Sống ở trên cảnh này,
 Đang đánh lễ mặt trời.

Thấy các người ấy tán thán công đức của nó, Bồ-tát nói:

– Các ông không biết tánh hạnh của con khi tham lam này nên hoan hỷ khen ngợi nó không có căn cứ.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

50. Không biết tánh hạnh nó, Các người cứ ngợi khen,
 Nó làm bản lừa thiêng, Đập vỡ các ghè nước.

Khi biết được sự man trá của con vợ, họ lấy đá và gậy đánh nó rồi cúng đồ ăn cho các đạo sĩ. Rồi các đạo sĩ đi về Tuyết sơn, tu tập thiền định không gián đoạn, cuối cùng, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Phạm thiên giới.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con vợ là kẻ man trá này, hội chúng đạo sĩ là hội chúng của Như Lai và vị Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

§176. CHUYỆN NĂM HẠT ĐẬU (*Kalāyamuttijātaka*) (J. II. 74)

Thưa Nhân chủ, vợ này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Một thời, trong mùa mưa, bạo loạn bùng nổ ở biên địa. Quân lính đến đóng đồn tại đó và sau hai, ba trận giao chiến, họ không thể đánh bại quân địch liền dâng sớ trình vua. Mặc dù đang mùa mưa, vua vẫn ra đi và cắm trại trước Kỳ Viên. Rồi vua bắt đầu suy nghĩ: “Khởi binh trong mùa mưa, các khe đá, hang đá đều ngập nước, đường sá rất khó đi. Ta sẽ đi đến viếng thăm bậc Đạo sư. Khi Ngài hỏi: ‘Thưa Đại vương, Đại vương đi đâu?’, ta sẽ trình sự việc cho Ngài biết. Bậc Đạo sư không chỉ che chở làm lợi ích cho ta trong đời tương lai mà còn che chở cho ta trong hiện tại. Do vậy, nếu việc ra đi của ta không được thuận tiện, Ngài sẽ nói với ta: ‘Thưa Đại vương, nay không đúng thời.’ Còn nếu việc ra đi được thuận tiện, Ngài sẽ im lặng.” Vì vậy, vua đi vào Kỳ Viên, đánh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu đến quá sớm như vậy?

Vua trả lời:

– Bạch Thế Tôn, trăm sắp đi dẹp loạn ở biên địa. Đánh lễ Thế Tôn xong, trăm sẽ đi.

Bậc Đạo sư nói:

– Thuở xưa, trước khi ra trận, nghe lời nói của các bậc Hiền trí, các Đại vương đã không xuất quân phi thời.

Rồi theo lời yêu cầu của vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát là một vị đại thần tâm phúc của nhà vua và cố vấn cho vua về các vấn đề tục sự và thánh sự. Thời ấy có một cuộc nổi loạn tại biên địa và các lính biên phòng gửi cho vua một bức thư. Vua xuất quân vào mùa mưa và đóng trại ở ngự viên. Bò-tát đứng cạnh vua. Lúc ấy, có người nấu sôi một loại đậu cho ngựa ăn và đem đậu đổ vào máng. Một con vượn ở trong vườn, từ cây leo xuống lấy những hạt đậu từ nơi máng ấy, ngậm đầy miệng và nắm đầy tay, leo lên cây, lại ngồi đấy và bắt đầu ăn.

Trong khi nó đang ăn, một hạt đậu từ tay rơi xuống đất, nó quăng bỏ tất cả hạt đậu lấy từ miệng và từ tay, rồi từ cây leo xuống, tìm hạt đậu bị rơi ấy. Nhưng không thấy hạt đậu, nó lại leo lên cây, ngồi trên cành, buồn bã, xịu mặt như thua vụ kiện cả ngàn đồng. Vua thấy việc con vượn làm, chỉ cho Bò-tát và hỏi:

– Này khanh, khanh nghĩ thế nào về việc làm này của con vượn?

Bò-tát thưa:

– Thưa Đại vương, kẻ ngu kém trí bỏ ra nhiều tiền để mua được ít, chính là như vậy.

Rồi Bò-tát đọc lên bài kệ đầu:

51.	Thưa Nhân chủ, vượn này, Trí tuệ nó không có, Nắm đậu nắm trong tay,	Ngu si sống trên cành, Nó đã quăng tất cả, Để tìm một hạt rơi.
-----	--	--

Sau đó, vị đại thần đi đến gần vua và đọc bài kệ thứ hai:

52.	Chúng ta và người khác, Thưa Đại vương, chúng ta, Chẳng khác con vượn ấy,	Tham lam cũng như vậy, Mất nhiều để được ít, Xử sự với hạt đậu.
-----	---	---

Vua nghe Bò-tát nói vậy, liền quay trở lại và vào thành Ba-la-nại. Các bọn ăn cướp nghe tin vua xuất quân chinh phạt kẻ thù và đã đi ra khỏi thành, liền chạy trốn khỏi biên địa.

Vào thời có câu chuyện hiện tại, bọn ăn cướp nghe tin vua xứ Kosala đã đi ra khỏi thành, liền chạy trốn.

Vua nghe bậc Đạo sư thuyết pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, với thân bên hữu hướng về Ngài rồi đi về Xá-vệ.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua là Ānanda, và vị đại thần có trí là Ta vậy.

§177. CHUYỆN CÂY TỊṬUKA (*Tiṇḍukajātaka*) (J. II. 76)

Tay cầm cung, ông tên...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về trí tuệ Ba-la-mật. Bậc Đạo sư nghe tán thán trí tuệ của mình như ở trong *Chuyện Hiền giả Mahābodhi*²² và trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*²³ đã nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới có trí tuệ. Thuở xưa, Như Lai cũng có trí tuệ và phương tiện thiện xảo rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con khi với tám mươi ngàn khi con vây quanh, sống tại Tuyết sơn. Gần đấy, có một làng nhỏ ở biên địa, khi thì có người ở, khi thì không. Giữa ngôi làng ấy, có một cây tịṇḍuka sanh trái ngọt và cành lá sum suê. Khi không có người ở, đàn khi đến ăn trái cây.

Một thời, trong mùa có trái, làng ấy đầy người đến ở, một hàng rào được dựng lên xung quanh và có cửa canh gác. Cây ấy đứng tại đấy với cành cây nặng trĩu quả. Bầy khi suy nghĩ: “Trước kia tại làng ấy ta thường ăn trái cây tịṇḍuka. Cây ấy nay có nhiều trái hay không và có nhiều người ở đó hay không?” Nghĩ vậy, chúng cử một con khi đi thăm dò:

– Hãy đi và tìm cho biết tin này!

Con khi ấy đi, biết được cây ấy đầy trái và làng có nhiều người, liền về và báo tin lại. Đàn khi nghe cây đầy trái, chúng quyết đi hái trái để ăn, liền đến tìm khi chúa và báo tin ấy. Khi chúa hỏi:

– Làng có người ở hay không có người ở?

– Thừa chúa đàn, có người ở.

– Vậy chớ nên đi vì loài người rất xảo quyết.

– Thừa chúa đàn, vào nửa đêm trong lúc loài người nằm ngủ, chúng tôi sẽ đến ăn.

²² Xem J. V. 227, *Mahābodhi-jātaka* (*Chuyện Hiền giả Mahābodhi*), số §528.

²³ Xem chú thích 18 trang 398.

Cả đàn khi đông đảo xin được phép của khi chúa, từ Tuyết sơn đi xuống, nằm trên mặt một tảng đá không xa làng bao nhiêu, chờ cho đến lúc mọi người đi ngủ. Vào nửa đêm, khi mọi người đã ngủ say, chúng leo lên cây và ăn trái. Một người kia có việc cần ra khỏi nhà, đến giữa làng thấy các con khi, liền báo cho mọi người biết. Nhiều người nai nịt cung tên, tay cầm nhiều loại vũ khí, cầm đá, gậy và nghĩ: “Khi trời đã sáng, chúng ta sẽ bắt những con khi.” Họ vây quanh cây và đứng chờ.

Tám mươi ngàn con khi thấy những người này, sợ chết, suy nghĩ: “Không có nơi nương tựa nào khác ngoài khi chúa”, bèn đi đến gần khi chúa và đọc bài kệ đầu:

53. Tay cầm cung, ống tên, Mang các loại gươm tốt,
Chúng bao vây chúng tôi, Làm sao được giải thoát?

Nghe chúng nói, khi chúa an ủi:

– Chớ sợ, loài người có nhiều việc phải làm.

Khi chúa an ủi chúng xong, liền đọc bài kệ thứ hai:

54. Loài người có nhiều việc, Sẽ giải tán đám đông,
Những gì cây còn lại, Hãy ăn tịṇḍuka.

Bồ-tát an ủi đàn khi. Nếu chúng không được sự an ủi như vậy, tất cả sẽ vỡ tim và chết. Bồ-tát an ủi đàn khi rồi bảo họp lại tất cả bọn. Khi chúng đã họp, chúng không thấy con khi Senaka, cháu trai của khi chúa. Chúng báo cho khi chúa biết Senaka không đến, khi chúa nói:

– Nếu Senaka không đến, các người chớ lo. Nay nó sẽ đem lại an toàn cho các người đó.

Còn Senaka vẫn ngủ khi đàn khi ra đi. Sau khi thức dậy, không thấy ai, nó đi theo dấu chân chúng, thấy mọi người đến, và biết rằng đàn khi sẽ gặp nạn.

Khi thấy một ngôi nhà ở biên địa có lửa đốt lên và một bà già đang ngủ say, nó đi đến và làm như một đứa trẻ ở làng đi ra đồng, nó cầm lấy một que lửa và đứng theo chiều gió thổi, nó đốt làng cháy. Các người ấy liền bỏ đàn khi, vội vàng chạy đến dập tắt lửa. Trước khi chạy, mỗi con khi hái một trái cây mang theo về cho Senaka.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Senaka, cháu của khi chúa là Mahānāma, đàn khi là hội chúng của Như Lai, còn khi chúa là Ta vậy.

§178. CHUYỆN CON RỪA (*Kacchapajātaka*) (J. II. 79)

Tại đây ta sanh ra...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người được chữa

khỏi bệnh thổ tả. Một thời, tại một gia đình ở Xá-vệ, có bệnh thổ tả lan đến. Cha mẹ nói với con trai:

– Nay con thân, chớ sống trong nhà này. Hãy phá tường và trốn đi, đến một chỗ nào đó và bảo vệ sự sống. Sau khi về, tại chỗ này có nhiều cửa chôn cất, con hãy đào lên, dựng lại cơ nghiệp và sống hạnh phúc.

Nghe nói vậy, người con trai vâng theo và phá bức tường chạy trốn. Khi chứng bệnh của mình đã chấm dứt, anh ta trở về, đào cửa của cải lên và sống đời sống gia đình. Một hôm, anh ta đem theo bơ chín, dầu, vải và áo ấm... đi đến Kỳ Viên, đánh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống. Sau khi tiếp đón anh ta, bậc Đạo sư liền hỏi:

– Chúng ta nghe nhà của con có bệnh dịch tả lây lan, làm thế nào con thoát được?

Anh ta kể lại sự tình. Bậc Đạo sư nói:

– Nay cư sĩ, thuở xưa khi tai họa khởi lên, có những kẻ quá luyện tiếc trú xứ của mình và không đi chỗ khác nên đã không giữ được mạng sống. Còn những kẻ không quá luyện tiếc trú xứ và bỏ đi nơi khác thì đã cứu được mình.

Nói như vậy xong, theo lời yêu cầu của người con trai, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình làm đồ gốm ở một ngôi làng nhỏ. Bồ-tát cũng làm nghề gốm để nuôi dưỡng vợ con.

Lúc bấy giờ, có một hồ nước lớn gần một con sông lớn ở Ba-la-nại. Trong thời nước lớn, hồ ngập nước từ con sông tràn vào; trong thời nước yếu, hồ nước tách riêng. Các con cá và rùa biết: “Trong năm nay sẽ có mưa nhiều, hay trong năm nay sẽ có hạn hán.” Vào thời có chuyện này, có con cá và rùa sanh trong hồ ấy biết: “Trong năm nay sẽ hạn hán.”

Vì vậy, trong khi nước hồ còn hợp thành một với sông, chúng từ trong hồ bơi ra và đi đến con sông. Nhưng có một con rùa nghĩ: “Chỗ này ta sanh ra, chỗ ta lớn lên, chỗ ở của cha mẹ, ta không thể bỏ chỗ này được.” Nghĩ vậy, nó không đi ra sông.

Trong thời kỳ mùa hạ, ở đấy, nước bị khô cạn, con rùa ấy đào đất tại chỗ Bồ-tát thường đến lấy đất sét. Bồ-tát đi đến đấy để lấy đất sét với cái cuốc lớn và đào đất lên, đập trên lưng con rùa, với cái cuốc hất nó lên và quăng nó trên mặt đất như một cục đất. Trong khi cảm thọ đau đớn, con rùa ấy nói:

– Do ta không từ bỏ chỗ ở nên phải gặp nạn diệt vong như vậy.

Nói vậy xong, nó khóc với những bài kệ:

55. Tại đây ta sanh ra,
Bùn ấy hủy diệt ta,
Thế Tôn, con van Ngài,
Trong bùn này ta sống,
Ta yếu đuối thế này,
Hãy nghe tiếng con thưa!
56. Ở làng hay tại rừng,
Với người có trí thức,
Chỗ nào có sự sống,
Chỗ nào được an lạc,
Là chỗ sanh, chỗ lớn.
Hãy đi đến chỗ ấy,
Tốt hơn chỗ trú ẩn,
Đem lại sự hủy diệt.

Như vậy, con rùa nói với Bồ-tát rồi chết. Bồ-tát lượm nó lên, hộp mọi người trong làng lại, khuyến dạy họ như sau:

– Hãy xem con rùa này! Trong khi các loài cá, loài rùa khác đi ra trên sông lớn, nó không thể cắt đứt sự duyên ái đối với trú xứ, không cùng đi ra sông, đào đất ở chỗ ta đến lấy đất sét và núp tại đấy. Khi ta đến lấy đất sét, với cái cuốc lớn, ta đập vỡ lưng của nó và quăng nó lên mặt đất như một cục đất. Nó nhớ đến việc làm của mình, than khóc với hai bài kệ rồi chết. Như vậy, do duyên ái trú xứ của mình, nó phải chết. Các người chớ làm như con rùa này. Bắt đầu từ nay, đừng nghĩ rằng: “Sắc của ta, tiếng của ta, các nam nô, nữ tỳ hầu hạ ta, vàng và bạc của ta, chớ có tham ái; vì thọ hưởng chấp thủ chúng, mọi chúng sanh phải trải qua ba hiện hữu (dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu).”

Như vậy, với sự tinh thông của một bậc Giác ngộ, Bồ-tát khuyến dạy đại chúng. Lời khuyên dạy của Bồ-tát lan rộng toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) và tồn tại đến bảy trăm năm. Đại chúng nghe lời Bồ-tát khuyến dạy, làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung, họ sanh lên thiên giới.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư liền giảng các sự thật. Cuối bài giảng, người thanh niên đã đắc quả Dự lưu.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con rùa là Ānanda, còn người làm đồ gốm là Ta vậy.

§179. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN SATADHAMMA (*Satadhammajātaka*) (J. II. 82)

Nhỏ thay dư tàn ấy...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai mươi một sinh kế phi pháp. Một thời, nhiều Tỷ-kheo làm nghề thầy thuốc, nghề sứ giả, nghề đưa tin, nghề liên lạc đường bộ, đồ ăn khát thực, v.v... Những pháp này sẽ được nói đến trong *Chuyện thành Sāketa*.²⁴ Khi bậc Đạo sư biết được các Tỷ-kheo đã sinh sống như vậy, Ngài nói:

²⁴ Xem J. I. 308, *Sāketajātaka* (Chuyện thành Sāketa), số §68; J. II. 234, *Sāketajātaka*, số §237.

– Nay nhiều Tỷ-kheo đã sinh sống phi pháp. Sinh sống như vậy, sẽ không giải thoát mà còn đọa làm dạ-xoa hay ngạ quỷ. Họ sẽ sanh làm những trâu bò chớ nặng, một số sẽ thác sanh vào địa ngục. Vì hạnh phúc và an lạc cho họ, Ta cần phải nói lên một bài pháp liên hệ đến cá nhân.

Vì vậy, bậc Đạo sư bảo họp các Tỷ-kheo lại và nói:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông chớ làm hai mươi một sanh kế phi pháp. Đồ ăn khát thực nhận được phi pháp giống như hòn sặc nung đỏ, ví như nọc rắn độc; các sanh kế phi pháp này đã bị các đệ tử chư Phật, các Độc Giác Phật chỉ trích và bài xích. Hưởng thọ các món ăn khát thực nhận được do sanh kế phi pháp không đem lại vui cười hoan hỷ. Các đồ ăn khát thực nhận được như vậy trong Giáo hội của Ta chẳng khác gì món ăn tàn dư của kẻ hạ tiện.

Sau khi nói vậy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con một người ở giai cấp hạ tiện. Khi đến tuổi trưởng thành, vì một vài công việc, Bồ-tát lên đường ra đi và đem theo một giỏ gạo làm lương thực. Lúc bấy giờ, tại Ba-la-nại, có một thanh niên tên là Satadhamma, là con một gia đình đại Bà-la-môn phương Bắc cũng vì một vài công việc lên đường ra đi, nhưng không đem theo gạo để làm lương thực. Cả hai cùng gặp nhau trên con đường lớn. Thanh niên ấy hỏi Bồ-tát:

– Người ở giai cấp gì?

Bồ-tát đáp:

– Tôi thuộc giai cấp hạ tiện.

Bồ-tát hỏi:

– Cậu ở giai cấp gì?

Anh ta đáp:

– Tôi thuộc giai cấp Bà-la-môn phương Bắc.

– Lành thay, chúng ta cùng đi!

Cả hai cùng đi. Khi đến giờ ăn sáng, Bồ-tát ngồi xuống tại chỗ có nước tốt, rửa tay, mở giỏ cơm và nói với thanh niên ấy:

– Hãy ăn cơm!

– Nay tiện dân, ta không cần cơm.

Bồ-tát nói:

– Lành thay!

Rồi không để cho dư cơm thừa, Bồ-tát để cơm vừa đủ cho mình ăn trên một cái lá khác, cột cái giỏ lại, để nó một bên. Bồ-tát ăn xong, uống nước, rửa tay chân rồi cầm lấy cơm gạo còn lại và nói với thanh niên:

– Này cậu, chúng ta cùng đi!

Rồi họ lại lên đường. Cả ngày hai người cùng đi, đến chiều cả hai tắm tại một chỗ có nước tốt. Sau khi tắm xong, họ lên bờ. Bồ-tát ngồi một chỗ thoải mái, mở giỏ cơm, không mời cậu thanh niên kia và bắt đầu ngồi ăn. Cậu trai kia cả ngày đi mệt mỏi lại đói bụng, đứng nhìn và nghĩ: “Nếu nó cho ta cơm, ta sẽ ăn.” Bồ-tát không nói gì, vẫn ăn. Cậu trai nghĩ: “Kẻ hạ tiện này không mời gì ta, lại ăn hết cả đồ ăn. Để khỏi bị đói bức bách, ta lấy một miếng, quăng đi phần cơm dơ bẩn ở trên và ăn phần cơm còn lại.” Anh ta làm như anh đã nghĩ và ăn phần cơm được làm cho sạch sẽ. Vừa ăn xong, anh ta hết sức hối hận ăn năn. Anh nôn hết thức ăn và máu trào ra theo đó:

– Ôi, vì ta phóng dật, đã làm một việc không thích đáng. Ta đã làm nhục dòng họ, gia tộc cao quý của ta. Ta đã ăn phần cơm dư thừa của một tên hạ đẳng!

Sau khi khóc than, sầu muộn, anh ta nói lên bài kệ đầu:

57. Nhỏ thay dư tàn ấy, Nó cho rất khó khăn!
Ta sanh là Phạm chí, Món ăn bị nôn ra.

Cậu trai ấy than khóc như vậy:

– Hôm nay, ta đã làm một việc không thích đáng chỉ vì sự sống!

Nói vậy xong, anh ta đi sâu vào rừng, không để một ai thấy mình, rồi anh ta sầu muộn và chết trong cô độc.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, giống như thanh niên Satadhamma, sau khi ăn đồ ăn dư tàn của kẻ hạ tiện, tự trách mình đã ăn không xứng đáng nên không vui cười, không hoan hỷ. Cũng vậy, ai xuất gia trong Giáo hội này và sống với sinh kế phi pháp, khi hưởng thọ thức ăn đã nhận được do cách thức như trên, đã sống một nếp sống bị đức Phật bài bác và chỉ trích, kẻ ấy sẽ không vui cười và hoan hỷ.

Rồi bậc Đạo sư đọc bài kệ thứ hai:

58. Ai hủy hoại Chánh pháp, Sinh sống theo phi pháp,
Như Satadhamma, Sống không được hoan hỷ.

Như vậy, bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, nhiều Tỷ-kheo đã đắc các Đạo và Quả.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là kẻ tiện dân ấy.

§180. CHUYỆN KHÓ CHO (*Duddadajātaka*)²⁵ (J. II. 85)

Cho những gì khó cho...

²⁵ Xem J. IV. 64, *Bilārikosiyajātaka* (Chuyện phú ông keo kiệt Bilāri), số §450; J. VI. 481, *Vessantarajātaka* (Chuyện Đại vương Vessantara), số §547; S. I. 39, *Maccharisutta* (Kinh Xan tham).

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự bố thí của hội chúng. Ở Xá-vệ, có hai người bạn là con trai của những điền chủ, cùng nhau đi quyên, rồi sắp đặt tất cả các món vật dụng, mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị lãnh đạo và tổ chức đại bố thí trong bảy ngày. Đến ngày thứ bảy, họ bố thí tất cả các món vật dụng, mời vị cao niên nhất trong hội chúng đánh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn, trong sự bố thí này, có người cho nhiều, có người cho ít. Mong rằng bố thí này sẽ có quả báo lớn cho tất cả mọi người.

Vị cao niên dâng lễ cúng dường tác bạch như vậy. Bậc Đạo sư nói:

– Nay các cư sĩ, các ông cúng dường chúng Tăng với đức Phật là vị lãnh đạo, dâng cúng như vậy là thiện nghiệp lớn. Các bậc Hiền trí thuở xưa, khi bố thí như vậy cũng tác bạch cúng dường như vậy.

Nói xong, theo lời yêu cầu của các vị ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở xứ Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát được học tập tại Takkasilā, sau đó xuất gia sống đời đạo sĩ, cùng với một hội chúng đệ tử đến sống ở vùng Tuyết sơn. Hội chúng sống lâu ngày trong khu vực Tuyết sơn, khi cần muối và giấm chua, đã đi xuống quốc lộ; họ đi đến Ba-la-nại và sống trong ngự uyển của vua.

Ngày hôm sau, Bồ-tát cùng với hội chúng đi khát thực tại ngôi làng gần cửa thành để dân làng bố thí đồ ăn. Ngày tiếp, Bồ-tát đi khát thực tại Ba-la-nại. Dân chúng vui vẻ bố thí đồ ăn. Họ họp thành đoàn thể, thâu góp đồ quyên được, sửa soạn bố thí và tổ chức một cuộc bố thí lớn cho hội chúng đạo sĩ. Cuối cuộc bố thí, bậc cao niên nhất nói về cách thức dâng đồ cúng dường. Bồ-tát nói:

– Nay các Hiền giả, khi nào tâm hoan hỷ thì không có bố thí nào nhỏ cả.

Nói xong lời tùy hỷ, Bồ-tát đọc các bài kệ này:

- | | | |
|------------|-----------------------|---------------------------|
| 59. | Cho những gì khó cho, | Làm những việc khó làm, |
| | Kẻ xấu khó làm được, | Pháp kẻ thiện khó theo. |
| 60. | Do vậy kẻ thiện, ác, | Từ đây đi khác nhau, |
| | Kẻ ác xuống địa ngục, | Bậc thiện lên thiên giới. |

Như vậy, Bồ-tát nói lời tùy hỷ, rồi sống tại đây trong bốn tháng mùa mưa. Sau khi mùa mưa đã qua, ngài đi đến Tuyết sơn tu tập thiền định không gián đoạn và sau khi mạng chung, được sanh lên cõi Phạm thiên.

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, chúng đạo sĩ là hội chúng của Như Lai, và Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

IV. PHẨM ASADISA (ASADISAVAGGA)

§181. CHUYỆN HOÀNG TỬ ASADISA (*Asadisajātaka*) (J. II. 86)

Vị thiện xạ hoàng tử...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về cuộc xuất gia vĩ đại.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới thực hiện cuộc xuất gia vĩ đại. Thuở xưa, Như Lai cũng đã từ bỏ vương vị và xuất gia.

Nói vậy xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm con hoàng hậu, được sanh an toàn và trong ngày đặt tên, được gọi là Hoàng tử Asadisa (Vô Địch). Khi hoàng tử bắt đầu biết chạy, vị hữu tình khác có công đức cũng nhập thai làm con hoàng hậu, được sanh ra an toàn, và trong ngày đặt tên, được gọi là Hoàng tử Brahmadatta.

Khi được mười sáu tuổi, Bồ-tát đi Takkasilā, học ba tập Vệ-đà và mười tám tài nghệ với một sư trưởng có danh tiếng nhiều phương. Trong nghề bắn cung, Bồ-tát là vô địch. Học xong Bồ-tát trở về Ba-la-nại.

Khi vua mạng chung, vua có di chúc lập Hoàng tử Asadisa làm vua và Hoàng tử Brahmadatta làm Phó vương. Sau khi vua băng hà, Hoàng tử Asadisa từ chối vương vị và nói:

– Ta không muốn vương vị.

Và Hoàng tử Brahmadatta được làm lễ Quán đảnh. Bồ-tát không cần danh vọng, không muốn gì hết. Trong khi người em trị nước, Bồ-tát sống như một ông hoàng. Những người hầu cận vu cáo Bồ-tát với vua:

– Hoàng tử Asadisa muốn chiếm vương quốc.

Vua tin lời nói của họ, tâm tư bị mê hoặc, sai người đi bắt Bồ-tát. Một người hầu của Bồ-tát báo cho ngài biết tin này. Bồ-tát tức giận em, liền đi đến một nước khác và báo tin cho vua này biết rằng có một người bắn cung đang đứng đợi trước hoàng môn. Vua hỏi:

– Kẻ ấy muốn bao nhiêu tiền lương?

– Mỗi năm, một trăm ngàn đồng.

– Được, hãy đưa kẻ ấy đến!

Khi Bò-tát đến yết kiến và đứng châu, vua hỏi:

– Khanh là người bắn cung?

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

– Lành thay, hãy phục vụ ta!

Từ đây trở đi Bò-tát phục vụ nhà vua. Nhưng các người bắn cung cũ lấy làm bất mãn vì lương của Bò-tát quá cao.

Một hôm, vua đi đến ngự uyển, tại chỗ đó dưới gốc xoài được dựng lên một lều vải trước bàn thạch dùng làm nghỉ lễ. Vua nằm trên sàng tọa lộng lấy dưới gốc cây xoài, nhìn lên thấy một chùm xoài trên ngọn cây và suy nghĩ: “Không thể leo cây để hái chùm xoài quá cao”, liền cho gọi các người bắn cung đến và nói:

– Các khanh có thể dùng mũi tên cắt đứt chùm xoài này và làm nó rơi xuống không?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, làm việc này không khó gì đối với chúng thần. Đại vương đã thấy tài nghệ chúng thần nhiều lần trước rồi. Người bắn cung mới tới nhận tiền lương nhiều hơn chúng thần, xin hãy bảo kẻ ấy bắn rơi chùm xoài.

Vua truyền Bò-tát đến và hỏi:

– Khanh có thể bắn rơi chùm xoài ấy không?

– Thưa vâng, tâu Đại vương. Nếu được chọn chỗ đứng, thần có thể.

– Chỗ đứng nào?

– Chỗ đứng tại sàng tọa mà Đại vương nằm!

Vua bảo dời sàng tọa và nhường chỗ cho Bò-tát. Bò-tát không có cung tầm tay, nhưng thường nai nịt nó trong bộ áo sát thân, do vậy cần phải có cái lều để thay quần áo. Vua ra lệnh mang lều vải và cắm lều. Rồi Bò-tát đi vào trong lều, cởi tấm vải trắng đã mang trên mình, rồi mặc một áo đỏ sát da, buộc dây nịt và khoác một áo cánh ngang hông màu đỏ.

Từ một cái túi, Bò-tát lấy ra một cây kiếm được tách rời từng mảnh, ráp chúng lại và đeo vào phía bên trái. Kế đó, ngài mang một áo giáp bằng vàng, đeo ông tên sau lưng, lấy ra cái cung lớn bằng sừng dê được làm bằng nhiều mảnh. Bò-tát lắp chúng lại, buộc dây cung đỏ như màu san hô, đội một chiếc khăn trên đầu, lấy móng tay quay mũi tên hai ba vòng và vén màn đi ra giống như hoàng tử rấn từ hang hiện lên. Bò-tát đi đến chỗ bắn cung, lắp tên vào cung và hỏi vua:

– Tâu Đại vương, thần có thể cắt chùm xoài này với mũi tên bắn lên hay tên rơi xuống?

– Nay khanh, ta thường thấy một vật rơi xuống do một mũi tên bắn lên, chứ

chưa hề thấy mũi tên từ trên rơi xuống. Vậy khanh nên làm mũi tên rơi xuống chùm xoài.

– Thừa Đại vương, mũi tên này sẽ được bắn lên xa đến tận trời của Bốn Thiên Vương rồi mới rơi xuống. Xin Đại vương chịu khó chờ đợi.

– Lành thay!

Vua chấp nhận. Rồi Bò-tát nói:

– Thừa Đại vương, mũi tên này khi bắn lên sẽ cắt đứt cành xoài ở chính giữa; và khi rơi xuống, nó không rơi trật ra bên này bên kia dù chỉ một sợi tóc, nhưng rơi đúng chỗ mình muốn và mang theo chùm xoài. Đại vương hãy xem!

Với sự nhanh nhẹn, Bò-tát bắn lên mũi tên ấy đâm đúng chỗ giữa của chùm xoài. Ngay khi biết mũi tên ấy đã lên đến cung điện của Bốn Thiên Vương, ngài bắn thêm một mũi tên khác, đi nhanh hơn cả mũi tên trước, và chạm vào lông của mũi tên đầu, khiến nó quay trở lại, còn mũi tên sau bay thẳng đến lầu đài ở cõi trời Ba Mươi Ba. Tại đây, chư thiên giữ lại mũi tên ấy. Tiếng xé gió của mũi tên rơi xuống vang động như tiếng sấm. Đại chúng hỏi:

– Đó là tiếng gì?

Bò-tát trả lời:

– Đó là tiếng của mũi tên rơi xuống.

Bò-tát biết rằng mọi người sợ mũi tên rơi trúng mình bèn an ủi họ:

– Chớ sợ hãi. Ta sẽ không cho mũi tên rơi xuống đất đâu.

Mũi tên rơi xuống, không đi trật ra bên này bên kia dù chỉ một sợi tóc, nhưng rơi đúng chính giữa và cắt đứt chùm xoài. Bò-tát không cho chùm xoài và mũi tên rơi xuống đất, một tay bắt lấy chùm xoài, một tay bắt lấy mũi tên. Đại chúng thấy sự kiện kỳ diệu ấy tán thán bậc Đại sĩ:

– Chúng ta chưa bao giờ thấy sự kiện hy hữu này.

Họ la lên, vỗ tay, búng ngón tay và vẫy hàng ngàn khăn tay qua lại trên không. Trong sự hân hoan thỏa thích, hội chúng quần thần góp được mười triệu đồng tặng cho Bò-tát. Còn vua ban cho Bò-tát nhiều tặng vật và danh vọng lớn.

Trong khi Bò-tát sống ở đây được vua này cung kính, tôn trọng, thì bảy vua khác nghe Hoàng tử Asadisa không có mặt ở Ba-la-nại, liền đi đến vây kinh thành và gửi tin cho vua:

– Phải đầu hàng hay giao chiến.

Vua hoảng hốt sợ chết và hỏi:

– Hiền huynh của ta nay ở đâu?

Khi được nghe ngài đang phục vụ một vua láng giềng, vua nói:

– Nếu anh ta không đến, ta sẽ mất mạng. Hãy ra đi và nhân danh ta, đánh lễ dưới chân hiền huynh ta, xin lỗi và rước anh ta về!

Vua sai sứ giả ra đi báo tin ấy cho Bò-tát. Ngài xin phép vua của mình trở

về Ba-la-nại, an ủi em đừng sợ, rồi cho khắc những chữ sau đây trên một mũi tên: “Ta, Hoàng tử Asadisa đã trở về. Chỉ bắn một mũi tên, ta có thể giết tất cả các người. Ai còn yêu mạng sống hãy chạy trốn đi!”

Rồi đứng trên tháp canh, Bồ-tát bắn mũi tên này làm nó rơi vào chính giữa cái đĩa vàng mà bảy ông vua ấy đang ăn chung. Khi họ đọc các chữ ấy, họ hoảng hốt sợ chết và tất cả đều tháo chạy. Như vậy, bậc Đại sĩ không làm rơi một giọt máu để một con ruồi nhỏ có thể uống được và đã khiến cho bảy vua bỏ chạy. Rồi nhìn em trai, ngài từ bỏ các dục, xuất gia làm vị đạo sĩ, ngài đạt được các thắng trí và các thiền chứng, đến khi mạng chung, ngài được sanh lên Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư nói:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, sau khi đuổi bảy vua chạy và thắng trận, Hoàng tử Asadisa đã xuất gia làm vị đạo sĩ.

Rồi nhân danh bậc Chánh Giác, bậc Đạo sư đọc những bài kệ:

- | | | |
|-----|--|---|
| 61. | Vị thiện xạ hoàng tử,
Bậc đại hùng vô địch,
Đã phá vỡ tan tàn, | Tên Asadisa,
Bắn xa, nhanh như chớp,
Đại bộ phận quân địch. |
| 62. | Giao chiến giữa quân thù,
Cứu người em an toàn, | Nhưng không hại một ai,
Bồ-tát tự chế ngự. |

Sau khi bậc Đạo sư nói xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người em trai là Ānanda, còn Hoàng tử Asadisa là Ta vậy.

§182. CHUYỆN CON VOI THIÊN CHIẾN

(Saṃgāmāvacarajātaka) (J. II. 92)

Anh hùng quen chiến trận...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả Nanda.

Từ khi trở về thành Kapila lần đầu tiên, cho người em trai là Hoàng tử Nanda (Nan-đà) xuất gia xong, bậc Đạo sư đã đi ra khỏi thành Kapila, tuần tự đi đến Xá-vệ và sống tại đây. Tôn giả Nanda nhớ lại khi cầm lấy bình bát của Thế Tôn, cùng với Thế Tôn đi ra khỏi nhà thì một Thích nữ có tình cảm đối với Nanda, nhìn ra cửa sổ với đầu tóc đang chải dở, thấy vậy nàng nói:

– Sao Hoàng tử Nanda lại đi ra với bậc Đạo sư? Mong Tôn giả hãy sớm trở về!

Nhớ tiếng nói của nàng, Tôn giả sanh luyến ái, không vui vẻ, trở thành vàng vọt và tay chân nổi gân. Bậc Đạo sư biết được tin này, suy nghĩ: “Ta sẽ khuyên dạy Nanda từ bỏ tiếng sét ái tình và tu đạo giải thoát.”

Ngài đi đến phòng Nanda ở, ngồi xuống chỗ soạn sẵn và hỏi:

- Này Nanda, ông có an vui trong Pháp và Luật này không?
- Bạch Thế Tôn, tâm con bị nằng chi phối. Con không an vui.
- Này Nanda, trước đây ông đã đến chiêm bái Tuyết sơn chưa?
- Bạch Thế Tôn, con chưa đến.
- Vậy chúng ta hãy đi.
- Bạch Thế Tôn, nhưng con không có thần thông làm sao con đi được?
- Này Nanda, Ta sẽ đưa ông đi với thần lực của Ta.

Rồi bậc Đạo sư cầm lấy tay vị Trưởng lão bay lên hư không.

Giữa đường, hai vị đi qua một đám ruộng bị cháy, trên một khúc cây bị cháy, một con khỉ cái ngồi với mũi và đuôi bị sứt lông trụi hết, da ngoài bị cháy, chỉ còn da trong bê bết máu. Bậc Đạo sư hỏi:

- Này Nanda, ông có thấy con khỉ không?
- Dạ có, bạch Thế Tôn.
- Hãy nhìn nó cho kỹ.

Rồi bậc Đạo sư dắt Nanda và chỉ cho Nanda thấy trái dài sáu mươi do-tuần là cao nguyên Manosilā, bảy hồ lớn như hồ Anotatta kỳ vĩ, v.v... năm con sông lớn, toàn bộ Tuyết sơn có hàng trăm cảnh trí tuyệt đẹp với núi Vàng, núi Bạc, núi Bảo Châu. Rồi bậc Đạo sư hỏi:

- Này Nanda, trước đây ông có thấy cung điện cõi trời Ba Mươi Ba chưa?
- Bạch Thế Tôn, con chưa thấy.
- Hãy đi, này Nanda, Ta sẽ chỉ cho ông thấy cung điện cõi trời Ba Mươi Ba.

Rồi bậc Đạo sư dắt Nanda đến đây và ngồi trên hoàng thạch tọa. Thiên chủ Sakka (Đế-thích) liền đi đến với chư thiên của hai thiên giới, đánh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên. Hai mươi lăm triệu tiên nữ của Đế-thích và năm trăm thiên nữ với bàn chân bồ câu cũng đến đánh lễ và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư làm cho Nanda khởi tâm say đắm nhìn năm trăm thiên nữ ấy không chớp mắt.

- Này Nanda, ông có thấy các thiên nữ với bàn chân bồ câu này không?
- Bạch Thế Tôn, con đã thấy.
- Này Nanda, những thiên nữ này đẹp hay Thích nữ của ông đẹp?
- Bạch Thế Tôn, ví như con khỉ cái tàn phế so sánh với cung nữ của vua; cũng vậy, nếu so sánh Thích nữ của vua với các thiên nữ này.
- Này Nanda, nay ông sẽ làm gì?
- Bạch Thế Tôn, làm thế nào để được các thiên nữ ấy?
- Hành trì Sa-môn pháp sẽ được các thiên nữ ấy.
- Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn hứa với con rằng do hành trì pháp Sa-môn con sẽ được các thiên nữ ấy thì con sẽ hành trì pháp Sa-môn.

– Này Nanda, Ta hứa với ông đó, hãy hành trì đi!

Như vậy, vị Trưởng lão đứng giữa thiên chúng, sau khi được lời hứa của Thế Tôn, liền thưa:

– Bạch Thế Tôn, chớ quá chậm trễ. Chúng ta hãy đi về và con sẽ hành trì pháp Sa-môn.

Bậc Đạo sư đưa Nanda trở về Kỳ Viên và vị Trưởng lão bắt đầu hành trì pháp Sa-môn. Bậc Đạo sư gọi vị Tướng quân Chánh pháp và bảo:

– Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), Nanda em của Ta, giữa thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba, vì thích thú các thiên nữ đã khiến Ta lấy lời hứa của Ta để khích lệ vị ấy.

Cùng cách ấy, bậc Đạo sư báo tin cho Trưởng lão Mahāmoggallāna, Trưởng lão Mahākassapa (Đại Ca-diếp), Trưởng lão Anuruddha (A-na-luật-đà), Trưởng lão Ānanda (A-nan), vị Thủ kho Chánh pháp, tất cả tám mươi vị Đại đệ tử và lần lượt các Tỷ-kheo còn lại đều biết. Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh pháp đi đến Trưởng lão Nanda và nói:

– Có thật chăng, này Hiền giả Nanda, nghe nói giữa thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba, Hiền giả đã khiến bậc Đạo sư hứa là Hiền giả sẽ hành trì pháp Sa-môn để được các thiên nữ?

Rồi Trưởng lão nói tiếp:

– Nếu sự việc như vậy, thì Phạm hạnh của Hiền giả tùy thuộc nữ nhân và hệ lụy đến phiền não. Nếu Hiền giả hành trì pháp Sa-môn vì mục đích được các nữ nhân ấy thì có gì khác giữa Hiền giả và một người làm thuê để lấy lương?

Lời nói ấy khiến Tôn giả Nanda xấu hổ và liền dập tắt mọi ham muốn. Cũng với phương tiện này, tất cả tám mươi vị Đại đệ tử và các Tỷ-kheo còn lại đều khuyên răn khiến Tôn giả Nanda xấu hổ. Tôn giả Nanda suy nghĩ: “Điều ta làm thật không xứng đáng.” Và với tâm quý, Tôn giả Nanda kiên trì nỗ lực, tăng trưởng thiên quán và chứng quả A-la-hán.

Rồi Tôn giả Nanda đi đến Thế Tôn và thưa:

– Bạch Thế Tôn, con xin giải tỏa Thế Tôn khỏi lời hứa.

Bậc Đạo sư nói:

– Này Nanda, khi ông đã đạt quả A-la-hán thì Ta được giải tỏa khỏi lời hứa rồi.

Biết được sự việc này, các Tỷ-kheo tại pháp đường bắt đầu nói chuyện về Tôn giả Nanda:

– Hiền giả Nanda thật là dễ dạy. Chỉ một lời khuyên răn đã khiến vị ấy xấu hổ. Hiền giả Nanda liền hành trì pháp Sa-môn và chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo sư đi đến pháp đường và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang họp ở đây bàn câu chuyện gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà thuở xưa, Nanda cũng đã nghe lời khuyên dạy như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người huấn luyện voi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đạt được sự thiện xảo trong nghề nghiệp và phục vụ một vị vua thù nghịch với vua xứ Ba-la-nại. Bồ-tát được bảo huấn luyện con voi quý của vua và đã huấn luyện nó tốt đẹp.

Vua ấy quyết định xâm chiếm quốc độ Ba-la-nại liền đem Bồ-tát đi theo, cưỡi lên con voi quý cùng với quân đội lớn đi đến Ba-la-nại, bao vây thành và gửi tồ hậu thư cho vua xứ Ba-la-nại:

– Hãy giao quốc độ hay chiến đấu!

Vua Brahmadatta quyết định đánh, liền triệu tập đội binh hùng hậu tại các cửa thành, tháp canh và chiến đấu. Vua thù địch cho con voi quý mặc áo giáp, rồi tự mình mặc áo giáp cưỡi lên đầu con voi, cầm một câu móc sắc bén, thúc con voi tiến đến trước mặt thành và nói lớn:

– Ta sẽ công phá thành, giết mạng sống của tên vua thù địch, khiến vương quốc nó rơi vào trong tay ta.

Khi thấy các quân giữ thành đồ bần sô, ném các hòn đá từ máy ném, con voi ấy sợ chết, nên không thể tiến tới và lùi bước. Tức thì vị tượng sư đến và nói:

– Nay voi thân, con là bậc anh hùng đã quen thuộc chiến trận. Tại trận địa như vậy, nếu con lùi bước thì thật là không xứng đáng.

Bồ-tát khuyên con voi với bài kệ này:

- | | |
|---|---|
| <p>63. Anh hùng quen chiến trận,
Tấn công các cửa thành,</p> | <p>Voi được tiếng lẫy lừng,
Sao voi lại lùi bước?</p> |
| <p>64. Phá mau thanh cửa sắt,
Đạp nát các cửa thành,</p> | <p>Nhỏ lên các cột trụ,
Hỡi voi, mau vào thành!</p> |

Nghe nói vậy, theo lời khuyên, con voi quay trở lại, lấy cái vòi quấn vào các cột trụ, nhổ chúng lên như nhổ các cọc nắm. Nó đạp nát cửa thành, bẻ gãy thanh cửa, đi vào thành và chiếm lấy vương quốc cho vua.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài liền nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy con voi là Nanda, vua là Ānanda và Sư trưởng huấn luyện voi là Ta vậy.

§183. CHUYỆN NƯỚC LỘC TỪ ĐỒ TÀN THỰC (*Vālodakajātaka*) (J. II. 95)

Nước tôi tệ, ít vị...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về năm trăm người sinh sống bằng cách ăn đồ ăn dư thừa.

Nghe nói ở Xá-vệ có năm trăm cư sĩ giao gánh nặng gia đình cho vợ con rồi sống với nhau và đến nghe pháp bậc Đạo sư giảng. Giữa họ có một số chứng quả Dự lưu, một số chứng quả Nhất lai, một số chứng quả Bất lai, không một người nào là không chứng quả.

Dân chúng mời bậc Đạo sư thọ thực và thường mời luôn các cư sĩ ấy. Nhưng họ có năm trăm người hầu hạ, đem que xĩa răng, nước rửa mặt, hương thơm, vòng hoa, và những người này sinh sống với đồ ăn dư thừa của chủ. Sau buổi ăn sáng, bọn ấy nằm ngủ; rồi khi thức dậy, cả bọn đến sông Aciravatī, la hét trên bờ sông và vật lộn nhau như những người Mallā. Còn năm trăm cư sĩ không làm ồn, không la hét và sống yên lặng tịnh cư. Bậc Đạo sư nghe tiếng ồn ào của những người hầu ăn đồ tàn thực ấy, liền hỏi Trưởng lão Ānanda:

– Tiếng ồn này là gì vậy?

Ngài được đáp lại:

– Bạch Thế Tôn, đây là tiếng ồn của những người hầu ăn đồ tàn thực.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Ānanda, không phải chỉ nay những người hầu này ăn đồ tàn thực xong và làm ồn ào. Còn những người cư sĩ này không phải chỉ nay mới quy tụ với nhau và giữ im lặng. Thuở xưa, họ cũng đã như vậy rồi.

Rồi theo lời Trưởng lão yêu cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một vị đại thần. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát làm người cố vấn cho vua về các vấn đề thánh sự và tục sự.

Một thời, vua nghe nói ở biên địa có nổi loạn, liền chuẩn bị năm trăm con ngựa Sindh cùng với bốn loại binh chủng ra đi và bình định biên địa. Sau khi trở về Ba-la-nại, vua ra lệnh:

– Vì các con ngựa Sindh đã mệt mỏi, hãy cho chúng ăn đồ tươi và uống nước nho!

Các chú ngựa Sindh uống nước thơm ngon rồi đi vào chuồng ngựa và đứng yên lặng trên chỗ của mình. Nhưng còn nhiều đồ ăn cận bã với các chất ngon ngọt đã bị vắt hết. Các người ấy hỏi vua:

– Nay chúng con phải làm gì với những vật này?

Vua nói:

– Hãy nhồi chúng với nước, vắt khô với vải lọc và cho đàn lừa!

Các con lừa uống nước cạn bã, trở thành say sưa, kêu vang và chạy quanh khắp sân vua. Vua mở cửa sổ lớn nhìn xuống sân gọi Bồ-tát đang đứng gần và nói:

– Hãy nhìn xem, những con lừa này uống nước cạn bã xong trở thành say sưa, la hét, nhảy chồm lên và chạy quanh! Còn các con ngựa Sindh sanh ra thuần chủng, sau khi uống nước thơm, lại im lặng và đứng một chỗ, không chạy nhảy qua lại.

Vua hỏi vì sao như vậy và Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

65.	Nước tôi tệ, ít vị, Uống vào lừa say sưa, Ngựa Sindh loài thuần chủng, Đứng yên lặng tại chỗ,	Chất tươi bị vắt sạch, Thừa Nhân chủ, ngài hỏi, Uống loại nước thượng vị, Không chạy nhảy say sưa.
-----	--	---

Rồi Bồ-tát giải thích vấn đề qua bài kệ thứ hai:

66.	Cũng vậy người hạ đẳng, Vẫn say sưa nhảy nhót, Còn hạng người thuần tánh, Cho dù được uống cạn,	Dù ăn món dư tàn, Sống thoải mái an nhàn. Giữ tâm trí vững vàng, Rượu thượng vị cao sang.
-----	--	--

Vua nghe lời Bồ-tát nói, liền cho đuổi các con lừa ra khỏi sân châu. Sau đó, vua tuân theo lời khuyên dạy của Bồ-tát làm các công đức như bố thí, v.v... rồi khi mạng chung, vua đi theo nghiệp của mình.

Khi bậc Đạo sư nói pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, năm trăm con lừa là các người ăn đồ tàn thực này, năm trăm con ngựa Sindh là năm trăm cư sĩ này, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§184. CHUYỆN NGƯỜI LUYỆN NGỰA GIRIDANTA (*Giridantajātaka*) (J. II. 98)

Con ngựa Paṇḍava...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về một người thân cận kẻ ác. Câu chuyện đã được kể trong *Chuyện con voi Mahilāmukha*.²⁶ Bậc Đạo sư nói:

– Đây các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới thân cận kẻ ác. Thuở xưa, Tỷ-kheo này cũng đã thân cận kẻ ác rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

²⁶ Xem J. I. 185, *Mahilāmukhajātaka* (Chuyện con voi Mahilāmukha), số §26.

Thuở xưa, vào thời Vua Sāma trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra trong gia đình vị đại thần và khi đến tuổi trưởng thành, trở thành cố vấn cho vua về các vấn đề thánh sự và tục sự.

Bấy giờ, vua có con ngựa quý tên Paṇḍava và một người huấn luyện ngựa tên Giridanta, là người què chân. Con ngựa thường thấy người cầm dây cương đi phía trước, suy nghĩ: “Người ấy muốn dạy ta đi cà nhắc”, nên nó học theo và đi cà nhắc. Người ta trình cho vua biết là con ngựa què. Vua sai mời thú y. Thú y không thấy bệnh gì trên thân ngựa, liền thưa với vua:

– Hạ thần không thấy bệnh gì trên thân ngựa.

Vua cho gọi Bò-tát:

– Hãy đến, này khanh, và tìm nguyên nhân việc ấy!

Bò-tát đi đến, biết con ngựa ấy què do thân cận với người huấn luyện ngựa bị què, liền tâu vua biết sự kiện này:

– Đây là cái hại do thân cận người xấu.

Rồi Bò-tát đọc bài kệ đầu:

67.	Con ngựa Paṇḍava, Bị tật nguyên tai hại, Nó bỏ bản tánh xưa,	Của Đại vương Sāma, Vì Giridanta, Học theo người huấn luyện.
-----	--	--

Vua hỏi Bò-tát:

– Này khanh, nay phải làm gì?

Bò-tát đáp:

– Hãy tìm một người huấn luyện tốt, không què và con ngựa sẽ trở lại như xưa!

Nói xong, Bò-tát đọc bài kệ thứ hai:

68.	Tìm người đáng tin cậy, Thắt dây cương vào ngựa, Nó mau bỏ tật cũ,	Có phong cách tốt lành, Tập nó chạy vòng tròn, Học theo người huấn luyện.
-----	--	---

Vua làm theo như vậy. Con ngựa dần trở lại tốt lành như xưa. Vua khen Bò-tát hiểu biết tánh tình các loài súc sanh, liền ban thưởng cho Bò-tát nhiều danh vọng lớn.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Giridanta là Devadatta, con ngựa là Tỷ-kheo thân cận người ác, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§185. CHUYỆN TÂM BÁT TỊNH (*Anabhiratijātaka*) (J. II. 99)

Như nước đục vấy bùn...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một thanh niên Bà-la-môn. Chàng tinh thông ba tập Vệ-đà, giảng dạy Thánh điển cho nhiều thanh niên Sát-đế-ly và Bà-la-môn. Sau một thời gian, thanh niên ấy xây dựng gia đình, tâm tư suy nghĩ đến y phục, trang sức, nam nô, nữ tỳ, ruộng đất, trâu bò, vợ con, v.v... Bị tham, sân, si chi phối, tâm tư vẩn đục, chàng không thể đọc các chân ngôn theo thứ tự rõ ràng. Một hôm, người ấy đem theo nhiều hương, vòng hoa đi đến Kỳ Viên cúng dường, đánh lễ bậc Đạo sư, rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư ân cần nói chuyện với người ấy và hỏi:

– Này cư sĩ, ông dạy học các chân ngôn, ông có thuộc lòng các chân ngôn ấy chăng?

– Bạch Thế Tôn, lúc trước con thuộc lòng các chân ngôn ấy, nhưng từ khi con lập gia đình, tâm con trở nên vẩn đục; do vậy, con không thuộc lòng các chân ngôn ấy như trước nữa!

Bậc Đạo sư nói:

– Này cư sĩ, không phải chỉ nay ông mới như vậy. Thuở trước, tâm ông không vẩn đục, ông đã thuộc lòng các chân ngôn. Nhưng khi ông bị các dục vọng chi phối thì ông không nhớ các chân ngôn nữa.

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu của cư sĩ ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh vào một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát học thuộc lòng các chân ngôn ở Takkasilā và trở thành bậc Sư trưởng có danh tiếng. Khi trở về Ba-la-nại, Bồ-tát dạy các chân ngôn ấy cho một số đông thiếu niên Sát-đế-ly và Bà-la-môn.

Trong số ấy có một thanh niên Bà-la-môn học thuộc lòng ba tập Vệ-đà mà không ngập ngừng một câu nào cả và trở thành phụ tá cho Sư trưởng dạy các chân ngôn. Sau một thời gian, vị ấy lập gia đình, luôn luôn bận tâm vì gia sự, nên tâm trở thành vẩn đục, không thể tụng đọc thuộc lòng các chân ngôn nữa. Rồi vị Sư trưởng đi đến thăm thanh niên ấy và hỏi:

– Này thanh niên, con có còn thuộc lòng các chân ngôn không?

Chàng đáp:

– Từ khi con lập gia đình, tâm con trở thành vẩn đục, con không thể đọc thuộc lòng các chân ngôn.

Vị Sư trưởng nói:

– Này con thân, khi tâm bị vẩn đục, dù con cố học kỹ lưỡng đến đâu đi nữa, cũng không thể đọc thuộc lòng các chân ngôn được. Nhưng khi tâm trong sáng thì có thể nhớ chúng rõ ràng.

Sau đó, Bồ-tát đọc hai bài kệ này:

- | | |
|--|---|
| <p>69. Như nước đục vấy bùn,
 Sạn, cát nằm phía dưới,
 Không thấy được lợi mình,</p> <p>70. Như nước lặn trong suốt,
 Cũng vậy tâm thanh thân,</p> | <p>Không thấy sò, hến, cá,
 Cũng vậy tâm vẫn đục,
 Không thấy được lợi người.</p> <p>Thấy sò, cá nằm dưới,
 Thấy lợi mình, lợi người.</p> |
|--|---|

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài trình bày các sự thật. Cuối bài giảng ấy, thanh niên Bà-la-môn đắc quả Dự lưu và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn kia là thanh niên này và vị Sư trưởng là Ta vậy.

§186. CHUYỆN VUA DADHIVĀHANA (*Dadhivāhanajātaka*) (J. II. 101)

Đẹp, thơm và vị ngọt...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thân cận với kẻ ác. Câu chuyện này giống như câu chuyện trước. Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, thân cận kẻ ác là không tốt và có hại. Tại sao ta phải nói đến tác hại của bạn ác đối với con người? Trong thời gian quá khứ, do thân cận với cây nimba không ngọt và không tốt lành, một cây xoài dù thuộc loài vô tri, với vị ngọt sánh bằng thực phẩm chư thiên cũng trở thành chua và đắng.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, bốn anh em Bà-la-môn tại xứ Kāsi xuất gia làm đạo sĩ. Họ làm một dây am thất bằng lá ở khu vực Tuyết sơn và sống tại đây. Người anh cả mạng chung và sanh làm Thiên chủ Sakka (Đế-thích). Biết rõ thần lực của mình, sau khoảng bảy hay tám ngày, Đế-thích thường đến thăm và giúp đỡ đồ chúng.

Một hôm, Thiên chủ đi đến thăm vị khổ hạnh lớn tuổi nhất, đánh lễ, ngồi xuống một bên, rồi hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả cần gì?

Vị này mắc bệnh hoang đản, đáp:

– Tôi cần lửa.

Đế-thích cho một con dao kiếm có búa (con dao kiếm có búa được gọi như vậy là vì khi lấp cán vào có thể dùng như con dao hay cây búa). Vị tu khổ hạnh hỏi:

– Với dụng cụ này, ai mang củi lại cho ta?

Đế-thích nói:

– Thừa Tôn giả, khi Tôn giả cần củi, chỉ lấy tay gõ lên cây búa này và nói: “Hãy đem củi cho ta và nhen lửa”, cây búa sẽ đem củi lại và nhen lửa cho Tôn giả.

Sau khi cho vị ấy con dao kiếm có búa thần ấy, Đế-thích đi đến vị thứ hai và hỏi:

– Thừa Tôn giả, Tôn giả cần gì?

Gần chòi lá vị này có con đường voi đi. Các con voi làm vị này bức phiền. Vị này nói:

– Các con voi này làm ta khổ sở. Hãy đuổi chúng đi!

Đế-thích giao cho vị ấy một cái trống và nói:

– Thừa Tôn giả, đánh mặt phía bên này, Tôn giả sẽ đuổi các kẻ thù; đánh mặt phía bên kia, kẻ thù sẽ trở thành bạn tốt và bao vây Tôn giả với bốn loại binh chủng.

Nói vậy xong, Đế-thích cho vị này cái trống và đi đến vị trẻ tuổi nhất và hỏi:

– Thừa Tôn giả, Tôn giả cần gì?

Vị này cũng bị bệnh hoang đản nên nói:

– Tôi cần sữa đông.

Đế-thích cho vị này một ghè sữa đông và nói:

– Nếu Tôn giả muốn gì, hãy lật ngược ghè này, nó sẽ trở thành sông lớn, chảy dòng nước lớn, và có thể chiếm một quốc độ cho Tôn giả.

Nói vậy xong, Đế-thích ra đi. Từ đó trở đi, con dao kiếm có búa được dùng để đốt lửa cho người anh trưởng. Người thứ hai nhờ đánh mặt trống đuổi các con voi đi, còn người em út dùng sữa đông.

Lúc bấy giờ, một con heo rừng sống trong một ngôi làng cũ, chợt thấy một hòn ngọc có thần lực. Khi nó lấy miệng cắn hòn ngọc, nhờ thần lực hòn ngọc, nó bay lên hư không, đi đến một hòn đảo ở giữa biển, và nghĩ: “Nay ta sẽ ở lại đây.” Nó đi xuống một chỗ tốt đẹp, dưới gốc cây udumbara và nó sống tại đây.

Một hôm, con heo rừng để hòn ngọc trước mặt và nằm ngủ dưới gốc cây ấy. Có một người sống ở nước Kāsi, bị cha mẹ đuổi ra khỏi nhà vì không giúp ích được gì, bèn đi đến bờ biển, leo lên một chiếc tàu làm người giúp việc cho chủ tàu. Khi tàu bị chìm giữa biển, anh ta nằm trên tấm gỗ, trôi đến hòn đảo ấy. Trong khi đi tìm trái cây, thấy con heo rừng nằm ngủ, anh ta đi nhẹ đến gần và lấy hòn ngọc.

Nhờ thần lực hòn ngọc, anh ta bay lên hư không, ngồi trên cây udumbara và suy nghĩ: “Con heo rừng này nhờ thần lực hòn ngọc đi được trên hư không. Ta nghĩ có lẽ nó muốn sống ở đây. Trước hết, ta hãy giết nó, ăn thịt rồi sẽ đi.” Anh ta bẻ một cây gậy và phóng cây gậy rơi xuống trên đầu con heo rừng. Con

heo rừng thức dậy, không thấy hòn ngọc, hoảng sợ chạy nhanh. Anh ta ngồi trên cây cườm lớn. Con heo rừng nhìn lên, thấy anh ta liền húc đầu vào cây và chết tại chỗ. Anh ta trèo xuống đốt lửa nấu thịt con heo rừng, ăn xong liền bay lên hư không.

Khi bay ngang qua dãy Tuyết sơn, anh ta thấy am thất các đạo sĩ liền xuống am thất của người lớn tuổi nhất, ở đấy hai, ba ngày và được vị tu khổ hạnh chiêu đãi. Thấy thần lực của con dao kiếm có búa, anh ta nghĩ: “Ta phải lấy vật dụng này.” Anh ta chỉ cho vị tu khổ hạnh thần lực của hòn ngọc và nói:

– Tôn giả hãy lấy hòn ngọc này của tôi và cho tôi con dao kiếm có búa.

Vị tu khổ hạnh mong muốn đi trên hư không, bèn lấy hòn ngọc và trao đổi con dao kiếm có búa với anh ta. Người ấy lấy con dao kiếm có búa, đi một lát, gõ vào vật ấy và nói:

– Đây con dao kiếm có búa, hãy chém đầu người tu khổ hạnh và đem lại hòn ngọc cho ta!

Con dao kiếm có búa liền đi chém đầu người tu khổ hạnh và đem lại hòn ngọc. Anh ta cắt con dao kiếm có búa tại một chỗ kín, đi đến gần vị đạo sĩ thứ hai và sống tại đấy vài ngày. Anh ta thấy được thần lực của cái trống bèn gõ đổi hòn ngọc để lấy cái trống. Với cách thức trước, anh ta bảo cái búa chém đầu người ấy, rồi đi đến người em út. Thấy thần lực của ghè sữa đông, anh ta cho hòn ngọc, đổi lấy cái ghè sữa đông; và với phương tiện trước, anh ta bảo con dao kiếm có búa chém đầu người ấy. Anh ta lấy lại hòn ngọc, con dao kiếm có búa, cái trống và cái ghè sữa đông, rồi bay lên hư không. Đứng không xa Ba-la-nại, anh ta gửi thư nhờ một người cầm tay mang đến cho vua:

– Hãy giao quốc độ cho ta hay muốn bị chém đầu!

Vua được tin liền nói:

– Ta sẽ bắt tên đạo tặc kia.

Và vua đi ra khỏi thành. Tên cướp ấy đánh trên một mặt trống, khiến bốn loại binh chủng vây quanh mình. Khi biết vua đã dàn bày thế trận, anh ta lật ngược cái ghè sữa đông, khiến dòng sông lớn tuôn chảy. Đại quân của vua bị sữa đông chìm ngập không thể ra được. Rồi anh ta gõ con dao kiếm có búa, bảo con dao chặt đầu vua. Con dao bay đi, đem đầu vua lại và quăng dưới chân anh ta. Không một ai có thể đưa binh khí lên chống anh ta. Với quân lực bao quanh, anh ta vào thành làm lễ Quán đánh, trở thành vua tên là Dadhivāhana (Vua Mang Sữa Đông) và trị nước.

Một hôm, trong khi đang chơi thả lưới trên sông lớn, một trái xoài chín được chur thần sử dụng, trôi từ hồ Kāṇṇamunda (ở Tuyết sơn) xuống và mắc vào lưới. Khi lưới được kéo lên, thấy trái xoài ấy, các quan liền dâng vua. Trái xoài ấy lớn bằng cái ghè, tròn trịa, màu sắc vàng. Vua hỏi các người đi rừng:

– Trái cây gì vậy?

Khi nghe đáp là trái xoài, vua ăn xong, bảo đem gieo hột xoài vào vườn của mình, và tưới nước sữa. Cây mọc lên đến năm thứ ba đã sanh trái. Cây xoài được kính trọng, được tưới nước sữa, được cho hương liệu dày đến năm phân, các vòng hoa được giăng xung quanh. Cây được đốt đèn với dầu thơm, có màn vải bao bọc xung quanh để bảo vệ các trái chín có vị ngọt và sắc vàng.

Khi Vua Dadhivāhana gửi các trái xoài để tặng các vua khác, vì sợ sau này hột xoài sẽ mọc lên thành cây xoài, vua lấy gai chích tại chỗ mộng sanh cây. Các vua ấy ăn xoài xong, gieo hạt nhưng nó không mọc. Họ hỏi nguyên do và biết được sự việc. Một vị vua cho gọi người giữ vườn và hỏi:

– Người có thể phá hoại hương vị trái xoài của Vua Dadhivāhana, khiến nó trở thành đắng được không?

Người ấy đáp:

– Tâu Đại vương, có thể được.

Vua liền sai người ấy đi và cho một ngàn đồng tiền vàng. Người ấy đi đến Ba-la-nại, báo tin cho vua này biết có một người giữ vườn đến. Khi được vua cho gọi, anh ta vào thành, đánh lễ vua. Vua hỏi:

– Người có phải là người giữ vườn không?

Anh ta thưa:

– Tâu Đại vương, phải.

Và anh ta bắt đầu ca tụng khả năng của mình. Vua nói:

– Người có thể làm phụ tá cho người giữ vườn của ta.

Từ đấy trở đi, hai người săn sóc ngự viên. Người giữ vườn mới tới không bao lâu đã làm cho cây trở hoa trái mùa và sanh quả trái mùa, khiến cho khu vườn càng thêm xinh đẹp. Vua rất bằng lòng bèn đuổi người giữ vườn cũ đi và giao khu vườn cho anh ta. Ngay khi người giữ vườn ấy chiếm được khu vườn vào trong tay mình, anh ta liền bao vây cây xoài bằng cách trồng các cây nimba và các loại cây leo.

Dần dần các cây nimba lớn lên, rễ với rễ, cành với cành, chúng xen lẫn chằng chịt với cây xoài. Do xen lẫn với vị không tốt, trái xoài có vị ngọt trở thành đắng giống như là nimba. Vừa khi biết được trái xoài đã trở thành đắng, người làm vườn bỏ chạy trốn.

Vua Dadhivāhana đi đến thăm vườn và ăn trái xoài. Khi nước của trái xoài vào miệng có vị đắng như trái nimba không thể nào nuốt nổi, vua phải khạc nhổ ra. Lúc bấy giờ, Bô-tát là vị cố vấn của vua về thánh sự và tục sự. Vua cho gọi Bô-tát và hỏi:

– Thưa bậc Hiền trí, cây này được săn sóc cẩn thận như xưa, sự việc là vậy, sao trái trở thành đắng? Vì lý do gì vậy?

Và vua đọc bài kệ đầu:

71. Đẹp, thơm và vị ngọt,
Vẫn được ta tôn quý,
Trái xoài xưa là vậy,
Sao lại có vị đắng?
- Để nêu lý do, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:
72. Dadhivāhana,
Bị vây bởi nimba,
Cành xen lẫn với cành,
Đã làm hư trái ngọt,
Trái ngọt trở thành đắng.
- Trái xoài chín của ngài,
Rễ xen lẫn với rễ,
Chính cây đắng bao quanh,
Do sống với bạn ác,

Vua nghe lời Bồ-tát, bảo chặt tất cả các cây nimba và cây leo, nhổ rễ lên, đào bỏ đất bùn không tốt xung quanh và đổ đất bùn tốt vào gốc cây ấy. Rồi cây được nuôi dưỡng cẩn thận với sữa, nước ngọt, nước thơm. Sau đó, nhờ được thấm nhuần đủ mọi vị ngọt nên trái cây trở lại ngọt như trước, vua liền giao khu vườn cho người giữ vườn trước kia săn sóc. Sau khi sống hết thọ mạng, vua đi theo nghiệp của mình.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:
– Lúc bấy giờ, Ta là vị đại thần Hiền trí.

§187. CHUYỆN BỐN VỀ ĐẸP (*Catummajjātaka*) (J. II. 106)

Leo nhánh cây chỗ cao...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo lớn tuổi.

Một hôm, trong khi hai vị đệ tử Thượng thủ đang ngồi cùng nhau hỏi đáp về Chánh pháp, một Tỷ-kheo lớn tuổi đi đến gần hai vị này, trở thành người thứ ba, ngồi xuống và nói:

– Thưa các Tôn giả, chúng tôi sẽ hỏi câu này. Nếu các Tôn giả khó trả lời, hãy hỏi lại chúng tôi!

Các vị Trưởng lão chán ngấy vị này nên đứng dậy bỏ đi. Hội chúng ngồi nghe pháp từ các vị Trưởng lão, sau khi giải tán, đi đến yết kiến bậc Đạo sư. Họ được bậc Đạo sư hỏi:

– Vì sao đến giờ phi thời vậy?

Họ thuật lại câu chuyện ấy. Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên) nhằm chán vị ấy, không trả lời và bỏ đi. Thuở xưa, hai vị cũng đã bỏ đi rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một thần cây trú ở

trong rừng. Một hôm, có hai ngỗng trời con từ núi Cittakūṭa bay ra, đến đậu trên cây ấy để tìm mồi. Khi tìm mồi xong, chúng trở về nghỉ ngơi tại chỗ ấy rồi bay về núi Cittakūṭa. Trong khi đi qua đi lại, Bồ-tát trở thành quen thuộc với chúng. Đi đi, về về nhiều lần, họ hoan hỷ kết bạn với nhau, nói pháp cho nhau nghe rồi ra đi. Một hôm, hai ngỗng trời con đậu trên ngọn cây nói chuyện với Bồ-tát, một con chó rừng đứng dưới gốc cây nói bài kệ này với hai ngỗng trời con ấy:

73. Leo nhánh cây chỗ cao, Một mình ngồi ca hát,
 Hãy xuống đây ngâm kệ, Cho vua loài thú nghe!

Các ngỗng trời con chán ngấy chó rừng, liền bay lên và trở về núi Cittakūṭa. Bồ-tát nói với chó rừng bài kệ thứ hai:

74. Cánh đẹp cùng cánh đẹp, Chư thiên cùng chư thiên,
 Có đủ bốn vẻ đẹp, Sao chó lại ở đây?
 Hỡi con chó rừng kia, Hãy về hang của chó!

Sau khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị Tỷ-kheo lớn tuổi là con chó rừng, hai ngỗng trời con là Sāriputta và Moggallāna, còn vị thần cây là Ta vậy.

§188. CHUYỆN SƯ TỬ LAI CHÓ RỪNG (*Sīhakoṭṭhukajātaka*) (J. II. 108)

Ngón chân và móng chân...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Kokālika.

Một hôm, khi nhiều vị đã vẫn đang nói pháp, Kokālika cũng muốn tự mình nói pháp. Mọi việc đều giống các chi tiết ở chuyện trước, *Chuyện núi Daddara*.²⁷ Khi nghe việc này, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không chỉ nay Kokālika mới phô bày bản chất qua tiếng nói của mình. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một con sư tử ở khu vực Tuyết sơn, do cùng sống với một con chó rừng cái đã sanh một thú con. Con sư tử lai này về ngón chân, móng, lông bờm, màu sắc, hình dáng, mặt mày đều giống cha nhưng tiếng hú thì giống mẹ.

Một hôm, trời mưa, các sư tử họp lại, rống lên chơi các trò chơi sư tử, và con sư tử này cũng muốn rống lên giữa bọn chúng, nhưng chỉ hú lên tiếng hú của chó rừng. Nghe nó hú, các sư tử đều im lặng. Khi nghe tiếng ấy, một sư tử con cũng được sanh từ Bồ-tát, liền hỏi:

²⁷ Xem J. II. 65, *Daddarajātaka* (Chuyện núi Daddara), số §172; J. II. 108, *Sīhacammajātaka* (Chuyện tám da sư tử), số §189; Cv. I. 16.

– Thừa cha, con sư tử này về dung sắc, v.v... giống chúng con nhưng tiếng hú lại khác. Con thú ấy là ai?

Rồi nó đọc bài kệ đầu:

75.	Ngón chân và móng chân,	Là ngón, móng sư tử,
	Nó có chân sư tử,	Đề đứng dựa lên trên,
	Nhưng giữa chúng sư tử,	Tiếng kêu nó lại khác.

Nghe vậy, Bồ-tát nói:

– Nay con thân, em con là con một chó rừng cái, giống cha về dung sắc, giống mẹ về tiếng.

Rồi Bồ-tát nói với con sư tử có mẹ là con chó rừng cái:

– Nay con thân, bắt đầu từ nay, sống ở đây chó lên tiếng! Nếu con lên tiếng, chúng sẽ biết con là giống chó rừng.

Khuyên dạy vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

76.	Này con thân chó hú,	Sống im lặng trong rừng,
	Với tiếng, chúng biết con,	Tiếng con không giống bố!

Sau khi nghe lời khuyên dạy này, con thú ấy không bao giờ thử rống nữa.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Kokālika, con sư tử cùng một cha là Rāhula (La-hầu-la), còn vua các loài thú là Ta vậy.

§189. CHUYỆN TẮM DA SƯ TỬ (*Sīhacammajātaka*)²⁸ (J. II. 109)

Tiếng hí này không phải...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Kokālika.

Trong thời này, Kokālika muốn tự tán tụng. Bậc Đạo sư biết được sự việc này, liền kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người nông phu. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát sống với nghề nông. Lúc bấy giờ, một nhà buôn làm nghề bán rong đồ vật do một con lừa chở. Khi ông đến một chỗ nào, ông lấy xuống các hàng hóa, trùm lên con lừa một tấm da con sư tử và thả nó giữa ruộng lúa gạo và lúa mì. Các người chủ ruộng thấy nó tưởng là con sư tử, không dám lại gần.

Một hôm, người lái buôn ấy đến trú tại một cửa hàng. Trong khi nấu cơm sáng, ông trùm lên con lừa một tấm da sư tử và thả nó vào ruộng lúa mì. Các

²⁸ Xem *Buddhist Birth Stories* (Những chuyện tiền thân Phật giáo), p. v.

người chủ ruộng nghĩ đó là con sư tử, không dám đến gần, bèn về nhà thông báo. Toàn dân trong làng cầm các binh khí, thổi tù và, đánh trống đi đến gần ruộng và la hét. Con lừa hoảng hốt vì sợ chết, vội hí lên tiếng lừa. Biết được nó là con lừa, Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

77.	Tiếng hí này không phải,	Tiếng sư tử hay cọp,
	Cũng không phải tiếng beo,	Con vật ti tiện này,
	Dù trùm da sư tử,	Cũng chỉ hí tiếng lừa.

Các người làng biết nó là con lừa, đánh cho nó gãy xương, rồi lấy tấm da sư tử và bỏ đi. Người lái buôn ấy đến, thấy con lừa lâm nạn, liền đọc bài kệ thứ hai:

78.	Đã lâu lừa khôn khéo,	Ăn lúa gạo, lúa mì,
	Da sư tử trùm lên,	Do tiếng kêu bị đánh.

Trong khi người lái buôn nói vậy, con lừa tắt thở. Người ấy bỏ con lừa lại và ra đi.

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con lừa là Kokālika và người nông phu Hiền trí là Ta vậy.

§190. CHUYỆN LỢI ÍCH CỦA GIỮ GIỚI (*Sīlānisamsajātaka*) (J. II. 111)

Hãy nhìn kết quả này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một nam cư sĩ có lòng tin.

Một vị Thánh đệ tử có lòng tin, một hôm, trên đường đi đến Kỳ Viên, xuống con sông Aciravatī vào buổi chiều, chứng kiến dân chài kéo thuyền lên bờ để nghe thuyết pháp. Không thấy thuyền nào đậu tại bến, vị cư sĩ ấy sanh hoan hỷ, lấy đức Phật làm đề tài tu niệm, nên khi bước xuống sông, chân không chìm xuống nước.

Vị ấy đi như trên đất liền nhưng khi đến giữa sông thấy sóng nên đề tài tu niệm trở thành yếu và chân bắt đầu chìm xuống. Vị ấy liền kiên trì gìn giữ hỷ tâm, lấy đức Phật làm đề tài tu niệm nên vẫn đi trên mặt nước. Vào Kỳ Viên, đánh lễ bậc Đạo sư, vị ấy ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư tiếp đón thân tình và hỏi:

– Nay nam cư sĩ, mong rằng trên con đường đi đến đây, ông không mệt mỏi.

Vị ấy trả lời:

– Bạch Thế Tôn, nhờ hỷ tâm với đức Phật làm đề tài tu niệm nên con đi trên mặt nước như đặt chân trên đất liền và đến đây.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay cư sĩ, ông không phải là người đầu tiên nhờ niệm các công đức Phật mà được an toàn. Thuở trước, có những nam cư sĩ, khi tàu bị chìm, nhờ niệm các công đức Phật mà được an toàn.

Rồi theo lời yêu cầu của vị này, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, trong thời đức Phật Ca-diếp, có vị Thánh đệ tử đã chứng quả Dự lưu lên tàu đi cùng với một thợ hớt tóc giàu có. Người vợ nói với chồng:

– Nay ông, ông hãy lo giúp đỡ, săn sóc vị cư sĩ này trong bất cứ hoàn cảnh vui buồn nào nhé!

Người thợ đi trên chiếc thuyền ấy. Sau một tuần, thuyền bị đắm giữa biển. Cả hai người nằm trên một tấm ván và trôi đến được một hòn đảo. Tại đây, người hớt tóc giết các con chim, nấu ăn một phần và đem một phần cho vị nam cư sĩ. Người cư sĩ tự cho là vừa đủ nên không ăn thêm. Vị ấy nghĩ: “Tại chỗ này, ngoài Ba ngôi báu, chúng ta không có sự giúp đỡ nào khác.” Rồi vị ấy niệm tưởng công đức của Ba ngôi báu. Trong khi người ấy niệm như vậy, một con rắn chúa đã sanh ở đảo ấy biến hóa thành một chiếc thuyền lớn, có một vị thần biển làm thuyền trưởng. Chiếc thuyền chứa đầy bảy báu: Ba cột buồm làm bằng ngọc xanh, cái neo làm bằng vàng, sợi dây làm bằng bạc và các tấm ván bằng vàng. Vị thần biển đứng trên thuyền gọi lớn:

– Có ai đi đến Diêm-phù-đề không?

Vị nam cư sĩ nói:

– Có chúng tôi về đó.

– Vậy hãy leo lên tàu!

Vị cư sĩ lên tàu và gọi người hớt tóc. Vị thần biển nói:

– Ngài thì được nhưng người kia thì không.

– Vì sao?

– Người ấy không có công đức. Vì vậy, tôi đưa ngài lên tàu nhưng không đưa người này.

– Thôi được, các công đức bố thí ta đã làm, các giới ta đã giữ, các sức mạnh ta đã tu tập, ta cho người này kết quả tất cả các hạnh ấy của ta.

Người hớt tóc nói:

– Thừa ông chủ, con rất hèn.

Vị thần biển nói:

– Nay ta nhận thêm người này lên tàu.

Rồi vị thần đưa cả hai người vượt biển và ngược dòng sông đi đến Ba-la-nại. Sau đó, với thần lực của mình, vị thần tạo ra tài sản trong nhà của hai người ấy và nói:

– Hãy thân cận những bậc Hiền trí! Nếu người thợ hớt tóc không thân cận với vị cư sĩ này, người ấy đã chết giữa biển rồi.

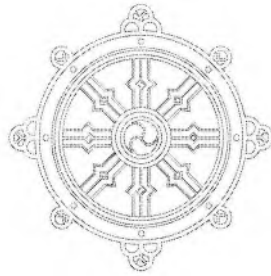
Để tán thán công đức thân cận với người Hiền trí, vị thần nói lên những bài kệ này:

79. Hãy nhìn kết quả này, Của tín, giới và thí,
 Biến hình thành chiếc thuyền, Con rắn chở thiện nam.
80. Hãy thân cận bậc lành, Hãy giao du kẻ tốt,
 Chung sống với bậc thiện, Người hót tóc an toàn.

Vị thần biển đứng trên hư không, sau khi thuyết pháp xong, liền cùng với con rắn chúa bay về cung điện của mình.

Sau khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị nam cư sĩ có lòng tin đặc quả Nhất lai và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị nam cư sĩ chứng quả Dự lưu đắc Niết-bàn, rắn chúa là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và vị thần biển là Ta vậy.



V. PHẨM TẾ SƯ RUHAKA (RUHAKAVAGGA)

§191. CHUYỆN TẾ SƯ RUHAKA (*Ruhakajātaka*) (J. II. 113)

Dây cung dù bị đứt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự luyến ái người vợ cũ. Hoàn cảnh câu chuyện sẽ được đề cập ở chương VIII, *Chuyện các căn*.²⁹ Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân ấy đã làm hại ông. Thuở xưa, cô ta đã làm nhục ông trước mặt vua và triều đình. Ngay sau đó, ông đã đuổi cô ta ra khỏi nhà.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con của hoàng hậu chánh cung. Khi đến tuổi trưởng thành, phụ vương mạng chung, Bồ-tát được đặt trên vương vị và trị nước theo Chánh pháp.

Bồ-tát có một cô vắn tể tự tên là Ruhaka. Ông ta có bà vợ già là một nữ Bà-la-môn. Vua cho vị Bà-la-môn một con ngựa với đầy đủ đồ trang sức, leo lên ngựa đi đến châu vua. Khi ông ngồi trên lưng ngựa được trang sức như vậy, dân chúng đứng khắp nơi đều khen con ngựa ấy:

– Ôi, chói sáng thay con ngựa! Nó đẹp làm sao!

Người Bà-la-môn đi về nhà, lên lầu và nói với bà vợ:

– Này hiền thê, con ngựa của chúng ta tuyệt đẹp. Người đứng hai bên đường đều khen nó.

Nữ Bà-la-môn là người có chút ác tánh và hay lừa phỉnh, liền nói với chồng:

– Ông có biết nguyên nhân nào làm cho con ngựa này đẹp không? Con ngựa này đẹp là nhờ các thứ trang hoàng cho loài ngựa. Nếu ông muốn đẹp như con ngựa, hãy trang sức như con ngựa, rồi đi xuống giữa đường, vừa đi vừa nhún chân như con ngựa. Khi ông đến yết kiến vua, vua sẽ tán thán ông và mọi người ai cũng đều khen ông cả.

Vị Bà-la-môn ấy bần tánh ngu ngốc, nghe lời bà vợ, không biết ý đồ của vợ, cứ làm đúng như vậy. Những ai thấy người Bà-la-môn ấy đều cười lớn và nói:

– Đẹp thay là bậc Sư trưởng!

²⁹ Xem J. III. 461, *Indriyajāṭaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

Vua nói với người Bà-la-môn:

– Này Sư trưởng, có phải ông nổi giận rồi sao? Ông có điên không?

Câu nói của vua chê vậy khiến ông sanh hổ thẹn. Lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn biết: “Ta làm một việc không thích đáng”, liền sinh lòng căm tức nữ Bà-la-môn:

– Nó đã làm ta xấu hổ trước mặt vua và quân đội. Ta sẽ đánh nó và đuổi nó ra khỏi nhà.

Ông đi về nhà với ý nghĩ trả thù như vậy. Nữ Bà-la-môn ác tánh biết chồng trở về với lòng căm giận mình, liền trốn ra khỏi nhà bằng một cửa nhỏ, đi đến cung điện của vua và ở tại đấy bốn, năm ngày. Vua biết được tin ấy, cho gọi vị cố vấn tế tự, khuyên ông tha thứ:

– Này Sư trưởng, đàn bà đầy lỗi lầm, ông nên tha thứ cho nữ Bà-la-môn.

Rồi với mục đích khuyến giáo vị ấy tha thứ, vua nói lên bài kệ đầu:

81. Dây cung dù bị đứt, Cũng có thể nối liền.
Hãy giảng hòa với vợ, Chớ để tâm hận hiềm.

Nghe xong, Ruhaka đọc bài kệ thứ hai:

82. Có vợ làm dây khác, Lại có thợ biết làm.
Tôi sẽ tìm vợ mới, Vợ cũ, tôi chán nhàm!

Nói vậy xong, ông đuổi nữ Bà-la-môn ấy và cưới một nữ Bà-la-môn khác.

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài trình bày các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo có tâm luyện ái đã đắc quả Dự lưu.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người vợ cũ là nữ Bà-la-môn, Ruhaka là Tỷ-kheo có tâm luyện ái, còn vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§192. CHUYỆN THIÊN NỮ SIRI VÀ KĀḶAKAṆṆĪ (*Sirikāḷakaṇṇijātaka*) (J. II. 115)

Nữ nhân có thể đẹp...

Chuyện thiên nữ Siri và Kāḷakaṇṇī này sẽ được trình bày ở Chuyện đường hầm vĩ đại.³⁰

§193. CHUYỆN HOÀNG TỬ CULLAPADUMA (*Cullapadumajātaka*) (J. II. 115)

Nàng chính là người ấy...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thôi thất

³⁰ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (Chuyện đường hầm vĩ đại). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

tinh tấn. Chuyện này sẽ được trình bày trong *Chuyện kỹ nữ Ummadantī*.³¹ Bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy trả lời:

– Bạch Thế Tôn, con thấy một nữ nhân mặc áo quần rất đẹp nên bị ái nhiễm và thối thất tinh tấn.

Bậc Đạo-sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, các nữ nhân đều vô ơn, phản bội tình bạn. Các bậc Hiền trí thuở xưa, với tâm tư điên cuồng đến độ cho họ uống máu đầu gối phải của mình, trọn đời mang tặng phẩm hiền dāng cho họ nhưng vẫn không chinh phục được tâm của nữ nhân.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con trai của bà hoàng hậu chánh cung, khi đến ngày đặt tên, được gọi là Hoàng tử Paduma (Liên Hoa). Sau Bồ-tát, còn có sáu người em trai nữa. Bảy người ấy tiếp tục lớn lên, lập gia đình, sống bên cạnh nhà vua. Một hôm, vua đứng nhìn xuống sân thấy họ đi đến hầu vua với một đoàn tùy tùng đông đảo, vua sinh lòng nghi ngờ: “Những người này có thể giết ta và cướp lấy quốc độ.” Nghĩ vậy, vua cho gọi họ đến và nói:

– Nay các con thân, các con không thể sống trong thành này. Hãy đi đến một chỗ khác, và sau khi ta băng hà, hãy trở về cai trị vương quốc, vì vương quốc là sở hữu của gia đình!

Các con vâng lời cha. Họ khóc than, đi về nhà, đem theo vợ con mình và nói:

– Chúng ta hãy đi bất cứ nơi nào và sống tại đấy.

Họ ra khỏi thành, lên đường đi đến một chỗ hoang vu không có đồ ăn nước uống, chịu đựng đói khát không nổi và nghĩ: “Chúng ta còn sống sẽ được nữ nhân khác.”

Họ giết vợ của người em út, chia thành mười ba phần, rồi ăn thịt. Bồ-tát và vợ lấy phần mình chia làm ba, để lại một phần và ăn hai phần. Như vậy trong sáu ngày, họ giết sáu nữ nhân để ăn thịt. Mỗi ngày kế tiếp Bồ-tát để lại một phần, vì vậy có được sáu phần. Đến ngày thứ bảy, họ có ý định giết vợ của Bồ-tát. Nghe vậy, Bồ-tát cho họ ăn sáu phần còn lại, và nói:

– Hãy ăn sáu phần này, ngày mai sẽ tính.

Cho họ ăn thịt xong, khi họ nằm ngủ, Bồ-tát đem vợ chạy trốn. Người vợ đi một lát, rồi nói:

– Thưa chàng, em không thể đi được.

³¹ Xem J. V. 209, *Ummadantījātaka* (*Chuyện kỹ nữ Ummadantī*), số §527.

Bồ-tát cõng vợ lên vai, đi đến rặng đông, ra khỏi được cảnh hoang vu. Khi mặt trời mọc, người vợ nói:

– Thưa chàng, em khát.

Bồ-tát nói:

– Này hiền thê, không có nước.

Nghe nàng nói đi nói lại, Bồ-tát lấy gươm đâm đầu gối chân phải của mình và nói:

– Này hiền thê, không có nước uống. Đây là máu đầu gối chân phải của ta. Hãy ngồi xuống và uống nó đi.

Người vợ làm như vậy. Họ tiếp tục đi, đến sông Hằng hùng vĩ, họ uống nước, tắm, ăn các loại trái và rau, v.v... rồi nghỉ ngơi tại một chỗ thoải mái. Gần một khúc quanh của sông Hằng, họ dựng lên một am thất và sống tại đây.

Một hôm, một tên cướp ở thượng lưu sông Hằng, phạm tội phản nghịch vua nên tay chân, tai mũi đều bị cắt đứt, bị quăng nằm trong chiếc xuồng nhỏ và thả trôi trên sông Hằng rộng lớn, rên la vì đau đớn và trôi đến chỗ ấy. Bồ-tát nghe tiếng than đau thương bi ai của nó, liền đi đến bờ sông Hằng, kéo nó lên bờ, dắt nó đến am thất và xức thuốc chữa trị vết thương. Người vợ nói:

– Một đứa què lười biếng như thế này mà chồng ta lại mang từ sông Hằng về để săn sóc và cứu sống!

Nói vậy xong, nàng khinh bỉ nhô vào mặt người què ấy. Khi các vết thương của nó được lành mạnh, Bồ-tát cho nó ở tại am thất với vợ mình, rồi đem trái cây và các loại khác từ rừng về nuôi nó và người vợ. Trong khi họ chung sống như vậy, nữ nhân ấy sanh ái luyến người què, thông dâm với nó và muốn giết Bồ-tát với phương tiện ác độc, liền nói với chồng:

– Thưa chàng, khi em ngồi trên lưng chàng ra đi khỏi khu vực hoang vu, em nhìn hòn núi này và cầu xin như sau: “Thưa vị thần núi, nếu con được sống an lành với chồng, con sẽ làm lễ cúng tạ ngài!” Nay thần ấy làm em hoảng sợ. Em phải làm lễ cúng tạ thần ấy.

Bồ-tát không biết vợ mình lừa dối liền bằng lòng, sửa soạn lễ cúng, giao cho vợ đĩa đựng đồ cúng, rồi leo lên chóp núi. Người vợ nói với chồng:

– Thưa chàng, không phải vị thần mà chính chàng mới là vị thần tối thượng. Trước hết, em sẽ cúng dường chàng hoa rừng, đi nhiều xung quanh chàng, đánh lễ chàng, rồi sau đó em cúng lễ cho vị thần núi.

Nói vậy xong, nàng đặt Bồ-tát đứng trên bờ vực thẳm, cúng dường Bồ-tát hoa rừng, đi nhiều xung quanh và làm như muốn đánh lễ chồng, nàng đứng phía sau đánh trên lưng Bồ-tát, rồi xô Bồ-tát rơi xuống vực thẳm và la lên vì thỏa mãn:

– Ta đã thấy cái lưng kẻ thù ta rồi!

Và nàng xuống núi đi với người què ấy.

Bồ-tát rơi từ trên núi xuống vực thẳm nhưng bị mắc vào một chùm lá không có gai trên chóp cây sung nên không thể xuống núi được. Bồ-tát ăn trái cây sung và sống giữa các cành cây.

Một con kỳ đà chúa có thân to lớn, từ chân núi thường leo lên ăn trái của cây sung ấy. Nó thấy Bồ-tát và chạy trốn. Ngày sau nó lại đến, ăn những trái ở một bên cây rồi bỏ đi. Nó đến nhiều lần như vậy cho đến khi nó kết thân với Bồ-tát và hỏi:

– Làm thế nào anh đến được chỗ này?

Khi được Bồ-tát nói cho biết lý do, nó nói:

– Thôi được, anh chớ sợ.

Rồi nó bảo Bồ-tát ngồi trên lưng mình, sau đó nó bò xuống núi, ra khỏi khu rừng, đặt Bồ-tát trên con đường lớn và nói:

– Hãy đi theo con đường này!

Bồ-tát đi đến một ngôi làng nhỏ và sống tại đấy. Khi nghe tin phụ vương đã mạng chung, Bồ-tát đi đến Ba-la-nại, lên ngôi kế vị trong vương quốc thuộc quyền sở hữu của gia đình và trở thành Vua Paduma. Nguyên theo mười vương pháp trị nước đúng luật, Bồ-tát cho xây sáu hội trường bố thí tại bốn cửa thành, tại chính giữa thành, tại trước cửa cung điện và mỗi ngày bố thí sáu trăm ngàn đồng tiền.

Trong lúc ấy, nữ nhân độc ác kia cõng người què trên lưng, đi ra khỏi rừng, xin ăn giữa con đường có người qua kẻ lại, thâu lượm cháo cơm để nuôi dưỡng người tình. Có người hỏi:

– Người này là ai đối với cô?

Nàng nói dối:

– Mẹ người này là chị của cha tôi. Người này là anh họ tôi. Người ta cho tôi người này. Dầu cho chàng bị đọa đầy đến chết, tôi cũng sẽ mang chồng tôi trên vai đi khát thực và nuôi dưỡng chàng.

Mọi người khen:

– Thật là người vợ trung tín với chồng!

Từ đấy trở đi, người ta cho nàng cháo và cơm nhiều hơn trước. Những người khác nói với nàng:

– Chớ sống như thế này. Vua Paduma trị vì Ba-la-nại, công đức bố thí của ngài vang dội toàn cõi Diêm-phù-đề. Vua thấy nàng sẽ hoan hỷ, và sẽ cho nàng nhiều tài sản. Hãy để chồng nàng ngồi trong cái giỏ này và cõng đi!

Họ cõ vũ nàng và cho nàng một cái giỏ tre. Người đàn bà ác hạnh kia đặt người què ngồi trên lưng mình rồi đi đến Ba-la-nại, xin ăn tại các nhà bố thí và sống như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát thường hay ngồi trên lưng voi với trang sức lộng lẫy, đi đến

nhà bố thí và sau khi tự tay bố thí cho tám hay mười người, ngài lại đi về cung. Nữ nhân ác hạnh ấy đặt người què ngồi trong cái giỏ, mang nó trên lưng và đứng trên đường vua đi qua. Vua thấy họ bèn hỏi:

– Người này là ai vậy?

– Thưa Đại vương, một người vợ trung tín.

Vua cho gọi nàng đến, nhận diện nàng, liền bảo đưa người què ra khỏi cái giỏ, và hỏi:

– Người này là gì của nàng?

Nàng trả lời:

– Thưa Đại vương, người này là con của người chị cha tôi. Gia đình đó cho tôi và tôi nhận người này làm chồng tôi.

Các người không biết nội dung câu chuyện liền nói to:

– Ôi, thật là người vợ trung tín!

Và họ tán thán nữ nhân ác hạnh ấy. Vua hỏi thêm:

– Có phải người què này do gia đình cho nàng làm chồng không?

Nữ nhân ấy không nhận diện được vua nên mạnh dạn nói:

– Thưa Đại vương, đúng vậy.

– Và đây có phải là con vua xứ Ba-la-nại không? Nàng có phải là con gái của một vị vua, là vợ của Hoàng tử Paduma?

Sau khi dẫn mặt nàng, vua vạch mặt nàng:

– Chính nàng uống máu từ đầu gối của ta và vì luyện ái với người què này, nàng đã xô ta xuống vực thẳm. Nàng nghĩ rằng ta đã chết nhưng ta vẫn còn sống. Nay nàng đến đây với dấu hiệu tử thần in trên trán đấy!

Rồi vua nói với các triều thần:

– Hỡi các triều thần, trước kia các khanh hỏi trăm và trăm đã trả lời như sau: Sáu người em trai trăm đã giết vợ và đã ăn thịt vợ họ. Nhưng trăm đã bảo vệ vợ mình an toàn, đưa nàng đến bờ sông Hằng và sống tại một am thất. Ở đấy, trăm cứu một kẻ què bị xử tội chết và nuôi dưỡng nó. Còn nữ nhân đã sanh tâm luyện ái nó và xô trăm xuống vực sâu, không ai khác mà chính là nữ nhân ác hạnh này. Nhưng trăm đã tự cứu mình nhờ tỏ bày tình thân ái. Còn người què bị xử tội chết không ai khác mà chính là tên này!

Rồi Bồ-tát đọc những bài kệ này:

85. Nàng chính là người ấy,
Người què chính là nó,
Tuy vậy, nàng vẫn nói,
Đàn bà thật đáng chết,

86. Hãy lấy một cái chày,
Kẻ độc ác rình rập,

Còn ta không ai khác,
Bị chặt tay, chính nó.
“Là chồng tôi lúc trẻ.”
Chúng không có sự thật!

Đánh chết tên khốn nạn,
Để cướp lấy vợ người.

Sau đó bắt người vợ, Ác độc, tà hạnh này,
Châm dứt mạng sống nó, Cắt cả mũi lẫn tai!

Bồ-tát không thể dẹp được cơn phẫn nộ và ra lệnh trừng phạt chúng nhưng rồi không thi hành như đã ra lệnh. Để làm nguôi giận, Bồ-tát bảo cột cái giỏ vào đầu nàng thật chặt, để nàng không cởi nó ra được rồi quăng kẻ què vào giỏ và đuổi cả hai ra ngoài quốc độ của mình.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật và cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả Dự lưu.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Sáu anh em thời ấy là sáu vị Trưởng lão, người vợ là thiếu nữ Ciccā, người què phạm tội là Devadatta, con kỳ đà chúa là Ānanda, còn Vua Paduma là Ta vậy.

§194. CHUYỆN KỂ TRỘM NGỌC (*Mañicorajātaka*) (J. II. 121)

Không có thiên thần nào...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) muốn sát hại mình.

Khi nghe Devadatta đang âm mưu sát hại mình, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà thuở xưa cũng vậy, Devadatta đã âm mưu sát hại Ta. Nhưng kẻ ấy cũng không thể làm như vậy được.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình của một gia chủ tại một ngôi làng nhỏ không xa Ba-la-nại bao nhiêu. Khi Bồ-tát đến tuổi trưởng thành, người ta đi cưới con gái của một gia đình từ Ba-la-nại về gả cho Bồ-tát. Nàng dễ thương, xinh đẹp, mỹ lệ giống như thiên nữ, yếu điệu giống như cây leo nở hoa, yêu kiều như con chim thần Kinnarī, có tên là Sujātā. Nàng thủy chung, có giới hạnh, luôn luôn làm tròn bổn phận đối với chồng. Nàng được Bồ-tát thương mến và quý trọng, vì vậy cả hai sống với nhau hoan hỷ, đồng tâm và thuận hòa.

Một hôm Sujātā thưa với Bồ-tát:

– Em muốn về thăm cha mẹ em.

– Lành thay, hiền thê. Hãy chuẩn bị thật đầy đủ lương thực đi đường!

Rồi Bồ-tát bảo nấu đủ loại đồ ăn và sắp đặt các lương thực đi đường. Chuẩn bị xong, Bồ-tát ngồi phía trước đánh xe, còn vợ ngồi phía sau. Cả hai đi đến gần thành Ba-la-nại, tháo đôi bò khỏi xe, tắm rửa và ăn uống. Rồi Bồ-tát cột bò vào xe lại và ngồi phía trước, còn Sujātā đã thay áo, trang điểm và ngồi phía sau.

Khi cỗ xe đi vào thành, vua xứ Ba-la-nại ngồi trên lưng con voi đẹp đang đi xung quanh thành và đến chỗ ấy. Sujātā vừa xuống xe và đi bộ sau xe. Vua thấy nàng, sanh tâm luyến ái, bảo một vị cận thần đi theo dò hỏi nàng ấy đã có chồng hay chưa, và về tâu với vua:

– Thần nghe nàng ấy đã có chồng và chồng nàng đang ngồi phía trước xe.

Vua không thể chế ngự tâm ái luyến của mình và tham dục đã tràn ngập trong lòng, vua suy nghĩ: “Với mọi phương tiện, ta sẽ giết tên này và lấy nữ nhân.”

Vua gọi một người và bảo:

– Này người kia, hãy cầm lấy viên ngọc này, giả bộ đang đi trên đường, rồi bỏ rơi hòn ngọc trong xe của người ấy!

Nói vậy xong, vua giao cho anh ta một hòn ngọc và thúc giục anh ta đi. Người ấy vâng lời lấy hòn ngọc, đi đến thả nó vào trong xe rồi trở về thưa:

– Thưa Thiên tử, tôi đã thả hòn ngọc xong.

Vua la lớn:

– Ta đã mất một hòn ngọc!

Mọi người làm ầm ĩ lên và vua ra lệnh:

– Hãy đóng tất cả, cắt đứt mọi đường đi ra và bắt tên ăn trộm!

Các người hầu vua làm theo đúng lệnh. Còn người kia đem theo một số người, đi gần đến Bô-tát và nói:

– Này ông, hãy để xe lại! Vua mất hòn ngọc trên vương miện. Chúng tôi phải khám xe của ông.

Anh ta khám xe, lấy hòn ngọc mà chính anh ta đã bỏ vào, rồi bảo Bô-tát là kẻ ăn cắp hòn ngọc, lấy tay chân đánh đá ngài, cột tay ngài ra đằng sau, dẫn đến trình vua và thưa:

– Hãy xem, đây là tên trộm hòn ngọc!

Vua ra lệnh:

– Hãy chặt đầu nó!

Các người của vua tại các ngã tư đường đánh Bô-tát bằng roi, rồi dẫn ngài ra ngoại thành qua cửa phía Nam.

Bấy giờ, Sujātā bỏ xe, giơ tay lên trời than khóc chạy theo chồng:

– Ôi, chồng tôi! Vì tôi mà chồng tôi phải chịu cảnh đau khổ này!

Nàng đi theo và khóc than như vậy. Các người hầu của vua bắt Bô-tát nằm ngửa với ý định chặt đầu ngài. Thấy vậy, Sujātā nghĩ đến công đức giới hạnh của mình và nói thầm: “Ta chắc rằng trong đời này không vị thiên thần nào có khả năng chặn đứng bàn tay những người độc ác đã man làm hại những người có giới hạnh.”

Rồi nàng than khóc và đọc bài kệ đầu:

87. Không có thiên thần nào, Chắc các ngài đi vắng,
 Có lẽ không một ai, Bảo vệ cõi đời này.
 Kẻ bạo ngược hung hãn, Muốn làm gì thì làm,
 Có lẽ không một ai, Chặn đứng được bọn chúng!

Vì nàng là người có giới hạnh than khóc như vậy nên chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích trở thành nóng. Đế-thích nghĩ: “Ai lại muốn ta rời khỏi ngôi vị Thiên chủ của ta đây?” Rồi Đế-thích xem xét địa giới, biết sự việc đã xảy ra và nói:

– Vua xứ Ba-la-nại đang làm một điều thật ác độc khiến cho Sujātā có giới hạnh phải đau đớn. Nay ta cần phải đi xuống đó!

Đế-thích từ thiên giới đi xuống, với thần lực của mình bắt ông vua độc ác đang ngồi trên lưng voi phải rời khỏi voi và đặt vua nằm ngửa tại chỗ hành quyết thay Bồ-tát. Đế-thích đỡ Bồ-tát dậy, trang điểm ngài với mọi thứ đồ trang sức, rồi mặc áo mũ của vua và đặt ngài ngồi trên lưng voi của vua.

Quân hầu của vua giơ cao búa lên chém đầu. Khi chém xong, họ mới biết là đầu của vua! Thiên chủ Đế-thích hiện hình có thể thấy được, đi đến Bồ-tát, làm lễ Quán đánh cho ngài và đặt Sujātā lên ngôi hoàng hậu. Các vị đại thần và các Bà-la-môn gia chủ, v.v... thấy Thiên chủ Đế-thích, sung sướng nói:

– Vua phi pháp đã bị giết, chúng ta nay được vua đúng pháp do Đế-thích ban cho chúng ta!

Đế-thích đứng giữa hư không nói:

– Đây là vua của các người do Đế-thích ban cho. Bắt đầu từ nay, vua ấy sẽ trị vì quốc độ đúng pháp. Nếu vua làm việc phi pháp, trời sẽ mưa phi thời, đúng thời trời không mưa và có ba tai nạn về đói, về bệnh, về chiến tranh. Ba tai nạn này sẽ đến cho dân chúng vì vua ác.

Rồi Đế-thích thuyết giáo họ với bài kệ thứ hai:

88. Với nó, mưa phi thời, Đúng thời, trời không mưa,
 Từ trời, vua xuống đất, Hãy nhìn rõ nguyên nhân,
 Kẻ này đã bị giết.

Như vậy, Đế-thích thuyết giáo cho đại quần chúng xong, liền trở về cõi thiên của mình. Còn Bồ-tát trị nước đúng pháp và về sau đi lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

Sau khi kẻ pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua phi thời là Devadatta, Đế-thích là Anuruddha (A-na-luật-đà), Sujātā là mẹ của Rāhula (La-hầu-la), còn vị vua do Đế-thích đặt lên ngôi là Ta vậy.

§195. CHUYỆN HÒN NÚI ĐẸP (*Pabbatūpattharajātaka*) (J. II. 125)

Trái dài hòn núi đẹp...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Có tiếng đồn một vị đại thần thông dân trong nội cung. Vua cho điều tra, biết được sự việc ấy có thật, liền đi đến Kỳ Viên, đánh lễ bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, nay trẫm phải làm gì với nó?

Bậc Đạo sư hỏi:

– Thưa Đại vương, đại thần ấy có giúp ích Đại vương không, và Đại vương có thương nữ nhân ấy không?

Vua đáp:

– Bạch Thế Tôn, đại thần ấy đã giúp ích nhiều cho trẫm, vị ấy cai quản toàn bộ triều đình, và trẫm yêu nữ nhân ấy.

Khi nghe nói vậy, bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, khi các người hầu cận có lợi ích cho mình và khi các nữ nhân được thương yêu thì không thể hại họ được. Thuở xưa, các vua nghe theo lời các bậc Hiền trí đã giữ một thái độ thận trọng đối với các việc như vậy.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình vị đại thần, khi trưởng thành, trở thành vị cố vấn cho vua trong các vấn đề thế sự và thánh sự. Bấy giờ, có một đại thần thông dân trong nội cung. Khi biết được sự việc này, vua suy nghĩ: “Viên đại thần giúp ích nhiều cho ta, và ta yêu nữ nhân ấy, nên ta không thể làm hại hai người này được. Ta hãy hỏi vị đại thần Hiền trí. Nếu cần phải kham nhẫn, ta sẽ kham nhẫn; nếu không cần, ta sẽ không kham nhẫn.” Vua truyền mời Bồ-tát đến, rồi hỏi:

– Thưa bậc Hiền trí, trẫm muốn hỏi một câu.

– Thưa Đại vương, xin hãy nói và thần sẽ trả lời.

Vua liền hỏi qua bài kệ đầu:

89.	Trái dài hòn núi đẹp, Biết sự tử bảo vệ,	Có hồ nước trong xanh, Chớ rừng uống nước lạnh.
------------	---	--

Nghe bài kệ, Bồ-tát suy nghĩ: “Chắc hẳn có đại thần thông dân trong nội cung”, và đọc bài kệ thứ hai:

90.	Tất cả loài có chân, Sông vẫn là con sông,	Đều uống nước sông lớn. Nếu quý, hãy kham nhẫn!
------------	---	--

Bậc Đại sĩ khuyên bảo vua như vậy. Vua vâng theo lời chỉ dạy của Bồ-tát và nói:

– Chớ làm tội lỗi như vậy nữa!

Rồi vua tha thứ cho hai người. Từ đây về sau, họ không làm như vậy nữa. Còn vua trọn đời làm các công đức như bố thí, v.v... và khi mạng chung, vua đi lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

Sau khi nghe pháp thoại này, vua xứ Kosala đã tha thứ cho cả hai người ấy và giữ thái độ thân nhiên.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§196. CHUYỆN CON NGỰA BAY (*Valāhassajātaka*)³² (J. II. 127)

Những ai không làm theo...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, có thật chẳng ông thối thất tinh tấn?

Tỷ-kheo ấy đáp:

– Thưa, có thật.

Ngài lại hỏi:

– Vì nguyên nhân gì?

Vị ấy đáp:

– Vì thấy một nữ nhân trang sức xinh đẹp nên con bị phiền não chinh phục.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, các nữ nhân này với sắc, thanh, hương, vị, xúc của mình, với mưu chước cám dỗ của mình, đã làm đàn ông tham đắm, khiến đổi phương rơi vào thế lực của mình; và khi đã bị chi phối, các nữ nhân ấy phá hoại giới đức, tài sản của kẻ si tình bằng các ác hạnh. Do vậy, nữ nhân được gọi là nữ dạ-xoa. Thuở xưa, các nữ dạ-xoa đi đến một đoàn lữ hành, với mưu chước, nữ nhân làm các thương nhân tham đắm, khiến họ rơi vào thế lực của chúng, rồi khi chúng thấy những người đàn ông khác, chúng liền giết và ăn thịt những người trước, chúng gặm xương nghe rạo rạo với máu thịt chảy dài hai bên má.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại đảo Tambapaṇṇi thuộc xứ Tích Lan, có một thành phố dạ-xoa tên là Sirīsavatthu, được các nữ dạ-xoa trú ẩn. Khi các tàu đắm, chúng ra sức trang điểm, đem theo các đồ ăn loại cứng, loại mềm, với nữ tỳ vây quanh, với trẻ con ôm bên nách, và đi đến gần các người lái buôn. Nhằm mục đích làm cho các người ấy tưởng đó là thành phố có loài người ở, chúng tạo ra khắp nơi

³² Tham chiếu: *Pháp tập yếu tụng kinh* “Nhu Lai phẩm” 法集要頌經如來品 (T.04. 0213.21. 0787b22).

những người đang cày bừa, chăn bò, những đàn bò đang ăn cỏ và đàn chó chạy qua lại, v.v... Rồi chúng đi đến gần các người lái buôn và nói:

– Hãy uống cháo này, hãy ăn cơm này, hãy chia đồ ăn này, hỡi các vị khách phương xa!

Các người lái buôn không biết nên cứ thọ hưởng các món ăn do chúng cho. Khi các người lái buôn ăn xong, và trong lúc họ nghỉ ngơi, các nữ dạ-xoa thân mật hỏi:

– Các người ở đâu? Các người từ đâu lại? Các người sẽ đi đâu? Các người đến đây để làm gì?

Họ trả lời:

– Chúng tôi bị vỡ tàu nên đến đây.

Các nữ dạ-xoa nói:

– Tốt lắm, thưa các ông. Chồng của chúng tôi lên tàu ra đi đã quá ba năm. Chắc họ đã chết rồi. Các ông là những lái buôn, chúng tôi sẽ là những người hầu hạ các ông.

Sau khi nói vậy, chúng dùng mưu chước của đàn bà cám dỗ, làm các người lái buôn say đắm rồi đưa họ đến thành dạ-xoa. Nếu những người bị bắt trước còn sót lại, chúng trói họ với những sợi dây chuyền thần bí và quăng họ vào nhà cực hình. Nếu chúng không tìm được những người đắm tàu để ăn thịt, chúng thường sục sạo dọc theo bờ biển xa cho đến tận sông Kalyāṇi³³ phía bên kia và đảo Nāga phía bên này. Đây là việc làm hàng ngày của chúng.

Một hôm, năm trăm người lái buôn bị đắm tàu, lên được bờ gần thành của nữ dạ-xoa này. Các nữ dạ-xoa đi đến và làm cho họ say đắm, rồi đưa họ đến thành dạ-xoa. Chúng trói những người đã bị bắt trước kia với những sợi dây chuyền thần bí và quăng họ vào nhà cực hình. Nữ chúa dạ-xoa lấy người thuyền trưởng và các nữ dạ-xoa còn lại lấy những người kia, như vậy năm trăm nữ dạ-xoa lấy năm trăm người đi buôn ấy làm chồng.

Rồi ban đêm, khi các thương nhân đã ngủ say, nữ chúa dạ-xoa liền dậy đi đến nhà cực hình giết những người tại đấy, ăn thịt rồi trở về. Các nữ dạ-xoa còn lại cũng làm như vậy. Sau khi ăn thịt người, nữ chúa dạ-xoa trở về, thân thể trở thành lạnh. Người lái buôn trưởng ôm nàng, biết nàng là nữ chúa dạ-xoa, liền nghĩ: “Năm trăm nàng này là nữ dạ-xoa. Chúng ta phải chạy trốn.”

Sáng sớm hôm sau, khi đi rửa mặt, anh ta nói với các người đi buôn kia:

– Những nàng này là nữ dạ-xoa, không phải là người. Khi có những người bị đắm tàu khác đến, chúng sẽ lấy những người ấy làm chồng và ăn thịt chúng ta. Vậy chúng ta hãy chạy trốn!

Hai trăm năm mươi người trong bọn nói:

³³ Xem *JPTS*. 1888, p. 20.

– Chúng tôi không thể bỏ các nữ dạ-xoa này được. Nếu các ông muốn thì hãy đi đi. Nhưng chúng tôi sẽ không chạy trốn đâu.

Sau đó, người lái buôn trưởng đem hai trăm năm mươi người nghe lời của mình chạy trốn.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm con ngựa toàn trắng với đầu như con quạ, với tóc như cỏ muñja, có thần thông, có thể bay trên hư không. Bồ-tát từ Tuyết sơn bay lên hư không, đến hòn đảo Tambapaṇṇi, trên các ao, hồ ở Tambapaṇṇi và ăn các loại lúa mọc tại đây. Trong khi bay qua như vậy, vì lòng từ bi, ba lần Bồ-tát nói lớn tiếng với giọng người:

– Có người nào muốn trở về tổ quốc không?

Các người đi buôn nghe lời Bồ-tát, đi đến chấp tay và thưa:

– Thưa ngài, chúng con muốn trở về.

– Vậy hãy leo lên lưng ta!

Một số người leo lên thân ngựa, một số người nắm đuôi ngựa, một số người chấp tay và đứng im lặng kính cẩn. Bồ-tát dùng thần lực đem hai trăm năm mươi người ấy về tổ quốc của họ, rồi sau đó trở lại trú xứ của mình.

Và khi có những người khác đến đây, các nữ dạ-xoa liền giết hai trăm năm mươi người còn lại tại chỗ để ăn thịt.

Bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, giống như những người lái buôn bị rơi vào thế lực của các nữ dạ-xoa và đã mạng chung, nhưng những người khác làm theo lời của con ngựa thần biết bay đều trở về trú xứ của mình; cũng vậy, những ai không làm theo lời khuyên dạy của các đức Phật, dù là Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni, các nam nữ cư sĩ, đều bị đau khổ lớn trong bốn địa ngục và chịu các hình phạt trong năm loại xiềng xích. Còn những ai biết vâng lời khuyên đều đạt được ba sanh loại tốt đẹp, sáu cõi trời dục giới, hai mươi Phạm thiên giới và đạt trạng thái Niết-bàn bất tử, cực lạc.

Sau khi nói vậy, bậc Chánh Đẳng Giác đọc các bài kệ:

- | | | |
|------------|--|---|
| 91. | Những ai không làm theo,
Họ sẽ gặp tai nạn,
Bị các nữ dạ-xoa, | Lời dạy của đức Phật,
Họ giống các lái buôn,
Ăn thịt và mạng chung. |
| 92. | Còn những ai làm theo,
Họ sẽ được an toàn,
Được ngựa bay cứu giúp, | Lời dạy của đức Phật,
Họ giống các lái buôn,
Đưa về tận trú xứ. |

Sau khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này, Ngài thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo thời thất đã đắc quả Dự lưu và nhiều vị khác đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai và A-la-hán. Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hai trăm năm mươi người lái buôn làm theo lời con ngựa bay là hội chúng của Như Lai, còn con ngựa bay là Ta vậy.

§197. CHUYỆN BẠN VÀ THÙ (*Mittāmittajātaka*)³⁴ (J. II. 130)

Khi thấy, nó không cười...

Câu chuyện này khi ở Xá-vệ, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo.

Vị ấy nghĩ: “Nếu ta lấy cái này, vị Giáo thọ sư của ta sẽ không tức giận.” Vì vậy, Tỷ-kheo ấy lấy một miếng vải do Giáo thọ sư để dành và làm thành một cái túi đựng dép, rồi sau mới xin phép thầy mình. Vị Giáo thọ sư hỏi:

– Vì lý do gì ông lấy vật ấy?

– Con tin tưởng rằng khi con lấy vật này, thầy sẽ không tức giận.

Sau khi nghe Tỷ-kheo nói vậy, vị Giáo thọ sư nổi nóng, đứng dậy đánh Tỷ-kheo ấy và nói:

– Có sự tin tưởng gì giữa ông và ta được chứ?

Việc làm ấy được các Tỷ-kheo biết. Một hôm, các Tỷ-kheo họp tại pháp đường nói chuyện ấy với nhau:

– Thừa các Hiền giả, Tỷ-kheo trẻ tuổi có tên này, với lòng tin tưởng vị Giáo thọ sư, đã lấy tấm vải làm thành cái túi đựng dép. Sau đó, vị Giáo thọ sư đã nổi nóng và đứng dậy đánh Tỷ-kheo ấy.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp ở đây và đang bàn chuyện gì?

Khi được kể chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này mới mất tin tưởng đối với vị đồng trú của mình. Thuở xưa, vị ấy cũng đã như vậy rồi.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra tại nước Kāsi, trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát xuất gia làm vị đạo sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, rồi làm vị Sư trưởng tại khu vực Tuyệt sơn.

Trong chúng đạo sĩ ấy, có một vị tu khổ hạnh không nghe lời Bồ-tát, nuôi dưỡng con voi đã mất mẹ. Khi con voi lớn lên, nó giết vị tu khổ hạnh ấy và đi vào rừng. Chúng đạo sĩ chôn cất vị tu khổ hạnh ấy, rồi đến vây quanh Bồ-tát và hỏi:

– Thừa Tôn giả, vì lý do gì, Tôn giả có thể biết thế nào là bạn, thế nào không phải là bạn?

³⁴ Xem J. IV. 197, *Mittāmittajātaka* (Chuyện bạn và thù), số §473.

Bồ-tát trình bày lý do qua các bài kệ:

93. Khi thấy, nó không cười, Không hoan hỷ tiếp đón,
Không đưa cặp mắt nhìn, Và làm điều trái nghịch.
94. Với những hình tướng này, Biết nó không phải bạn,
Bậc trí thấy nghe vậy, Biết nó là kẻ thù.

Như vậy, Bồ-tát nói lên ý nghĩa thế nào là bạn và không phải là bạn. Sau đó, ngài tu tập bốn vô lượng tâm, rồi đi lên Phạm thiên giới.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị tu khổ hạnh nuôi con voi là vị Tỷ-kheo đồng trú, con voi là vị Giáo thọ sư, hội chúng đạo sĩ là hội chúng của Như Lai và Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

§198. CHUYỆN CON VỆT RĀDHA (*Rādhajātaka*) (J. II. 132)

Này con, ta đi xa...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn. Nghe nói, bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy đáp:

– Bạch Thế Tôn, thật vậy.

Khi được hỏi vì lý do gì, vị ấy đáp:

– Vì con thấy một nữ nhân trang sức đẹp để nên phiền não khởi lên.

Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, không thể canh giữ đàn bà được. Thuở xưa, có người đã sắp đặt việc canh cửa nhưng không có thể giữ họ được. Dầu ông có chiếm được đàn bà đi nữa, ông cũng không thể canh giữ họ được.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con vẹt tên là Rādha, và con vẹt em tên là Potṭhapāda. Khi còn trẻ, hai con vẹt bị một người thợ săn bắt được và đem cho một vị Bà-la-môn ở Ba-la-nại. Chúng được Bà-la-môn ấy săn sóc như con đẻ. Nhưng người vợ vị ấy theo ác giới, không ai canh giữ bà ta được.

Vị Bà-la-môn ấy có công việc phải đi xa và nói với hai con vẹt:

– Này các con thân, ta có công việc phải đi, dầu ban ngày hay ban đêm, các con hãy xem mẹ con làm gì. Hãy xem kỹ có người đàn ông nào khác đến thăm mẹ không!

Sau khi giao cho hai vệt con coi sóc nữ Bà-la-môn, người cha ra đi. Nữ Bà-la-môn ở nhà liên hành động bất chánh, đêm ngày đều có vô số người đến và đi. Thấy vậy, Pottṭhapāda nói với Rādhā:

– Vị Bà-la-môn ra đi đã giao nữ Bà-la-môn cho chúng ta canh giữ. Nay bà đang làm ác hạnh, em sẽ nói với bà ấy.

Rādhā bảo đừng nhưng vệt em không nghe. Rồi Pottṭhapāda nói với nữ Bà-la-môn:

– Thừa mẹ, vì sao mẹ làm ác hạnh?

Nữ Bà-la-môn ấy rất muốn giết Pottṭhapāda nhưng làm bộ vờ về nó và nói:

– Nay con thân, con là con của ta, từ nay về sau, ta sẽ không làm như vậy nữa. Vậy nay con thân, hãy đến đây!

Nữ Bà-la-môn làm bộ thương yêu gọi Pottṭhapāda lại gần. Khi nó lại gần, nữ Bà-la-môn bắt nó và thét:

– Sao mày lại khuyên dạy ta à! Mày không biết lượng sức mình!

Nữ Bà-la-môn nắm cổ con vệt, giết nó và quăng xác vào lò.

Khi vị Bà-la-môn trở về, nghỉ ngơi xong, ông liền hỏi Bô-tát:

– Nay Rādhā thân, mẹ của chúng con như thế nào? Bà có làm tà hạnh hay không?

Hỏi vậy xong, vị Bà-la-môn đọc bài kệ đầu:

95. Nay con, ta đi xa, Nay ta mới về nhà,
 Mẹ con như thế nào, Có theo người khác không?

Rādhā trả lời:

– Thừa cha thân, bậc Hiền trí không nói điều gì không đưa đến hạnh phúc, dầu sự việc ấy có xảy ra hay không.

Rādhā giải thích việc này với bài kệ thứ hai:

96. Đây không phải khéo nói, Dù nói đúng sự thật,
 Như Pottṭhapāda, Nay đã phải nằm chết,
 Bị cháy dưới than hồng, Con sợ chung số phận.

Như vậy Bô-tát thuyết pháp cho vị Bà-la-môn, và nói:

– Nay con cũng không thể sống trong nhà này.

Sau khi xin phép vị Bà-la-môn, Bô-tát bay đi vào rừng.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả Dự lưu và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Pottṭhapāda là Ānanda, còn Rādhā là Ta vậy.

§199. CHUYỆN NGƯỜI GIA CHỦ (*Gahapatijātaka*) (J. II. 135)

Cả hai, ta không nhận...

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thói thất tinh tấn. Trong lúc nói chuyện, bậc Đạo sư bảo:

– Không bao giờ có thể canh giữ nữ nhân được. Sau khi làm ác, chúng dùng mọi cách lừa dối chồng.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra làm con một người gia chủ ở nước Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát lập gia đình. Người vợ mới cưới theo ác giới, thông gian với một người thôn trưởng. Bồ-tát biết được, tìm cách bắt quả tang.

Lúc bấy giờ, tất cả thóc lúa đều bị trôi mất trong mùa mưa, vì thế có nạn đói. Nhưng đó cũng là thời các cây lúa bắt đầu mọc. Tất cả dân làng cùng đi đến vị thôn trưởng và thưa:

– Chúng tôi đang đói, hãy cho chúng tôi mượn cái gì để ăn. Hai tháng nữa, khi chúng tôi gặt hái, chúng tôi sẽ trả lúa.

Họ nhận được từ tay thôn trưởng một con bò già và ăn thịt con bò ấy. Một hôm, người thôn trưởng chờ Bồ-tát đi ra ngoài, liền đi vào nhà. Trong khi chúng đang hưởng hoan lạc với nhau thì Bồ-tát từ cổng làng đi về nhà. Người đàn bà ấy hướng mặt về phía cổng làng thấy Bồ-tát đi về, liền báo cho thôn trưởng biết. Thôn trưởng hoảng hốt run sợ. Nữ nhân ấy nói:

– Chớ sợ, em đã có cách và bày mưu. Hãy làm như ông đang đến đòi tiền thịt. Em sẽ leo lên vừa lúa đứng trước cửa và nói: “Không có lúa!” Còn ông đứng giữa nhà đòi năng nặc: “Nhà chúng tôi có trẻ con. Hãy trả tiền thịt đây!”

Nói vậy xong, nữ nhân ấy leo lên vừa lúa, ngồi trước cửa vừa lúa. Người kia đứng giữa nhà và la to:

– Hãy trả tiền thịt đi!

Nữ nhân ấy nói:

– Trong vừa không có lúa. Khi nào gặt lúa, tôi sẽ trả. Hãy đi đi!

Khi vào nhà, Bồ-tát thấy chúng làm như vậy, liền suy nghĩ: “Đây là mưu mô do ác nữ nhân này bày ra”, liền gọi người thôn trưởng và nói:

– Nay ông thôn trưởng, chúng tôi ăn thịt con bò già của ông, có hứa đến hai tháng nữa chúng tôi mới trả lúa. Nửa tháng chưa qua, sao nay ông lại đến đòi? Ông đến đây không phải vì lý do này, ông đến đây vì lý do khác. Tôi không ưa hành động của ông làm. Nữ nhân vô hạnh, ác giới này biết rằng trong vừa không có lúa, nay lại leo lên vừa lúa và nói to: “Không có lúa!” Còn ông lại bảo: “Hãy đưa đây!” Ta không ưa hành động của hai người!

Đề nêu rõ ý nghĩa này, Bồ-tát đọc những bài kệ:

97. Cả hai, ta không nhẫn, Cả hai, ta không ưa.
 Nữ nhân này leo lên, Đứng một bên vựa lúa,
 Lại nói lớn lên rằng, “Tôi không thể trả được!”
98. Nghe đây, ông thôn trưởng, Ta sống cực khổ thay,
 Mượn con bò già gầy, Sau hai tháng mới trả,
 Thời chưa đến, đòi nợ, Ta không thích chuyện đó!

Nói vậy xong, Bồ-tát nắm lấy cái búi tóc người thôn trưởng, kéo ra sân quăng gã xuống và nói:

– Mày là thôn trưởng lại vi phạm của cải trong nhà người khác!

Bồ-tát nói lên những lời mỉa mai, đánh gã cho đến kiệt sức, nắm cổ gã và tổng ra ngoài nhà. Còn nữ nhân ác hạnh kia, Bồ-tát nắm lấy tóc, lôi nó từ vựa lúa xuống, đánh ngã nhào và dọa:

– Nếu ngươi còn làm như vậy nữa, ngươi sẽ biết tay ta!

Từ đây trở đi, tên thôn trưởng không dám nhìn ngôi nhà ấy nữa, còn người vợ không dám phạm tội, cho đến ý nghĩ cũng không.

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thổi thất đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người gia chủ trừng phạt tên thôn trưởng là Ta vậy.

§200. CHUYỆN GIỚI HẠNH TỐT LÀNH (*Sādhūsīlajātaka*) (J. II. 137)

Một người trẻ đẹp trai...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một vị Bà-la-môn.

Vị ấy có bốn con gái và cũng có bốn người đàn ông đến cầu hôn. Một người trai trẻ, thân hình đẹp; một người tuổi đã già; một người sanh trong gia đình quý phái; một người có đức độ. Vị Bà-la-môn suy nghĩ: “Khi con gái có nhiều người cầu hôn, không biết nên gả cho người nào?” Vị Bà-la-môn suy nghĩ không thể quyết đoán được, nên tự bảo: “Sự việc này cần phải trình bậc Chánh Đẳng Giác biết! Ta sẽ hỏi Ngài và ta sẽ gả cho ai là người xứng đáng trong những người ấy.” Nghĩ vậy xong, vị Bà-la-môn đem theo hương liệu và vòng hoa đi đến tinh xá. Đánh lễ bậc Đạo sư xong, vị ấy ngồi xuống một bên, bắt đầu kể lại việc và thưa:

– Bạch Thế Tôn, giữa bốn người này, con không biết chọn ai.

Bậc Đạo sư nói:

– Thuở trước cũng vậy, các bậc Hiền trí đã hỏi câu này, nhưng tái sanh nhiều lần, ông không nhớ được.

Rồi theo lời Bà-la-môn thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đi học các tài nghệ ở Takkasilā, và khi về, trở thành vị Sư trưởng nổi tiếng nhiều phương.

Bấy giờ, một vị Bà-la-môn có bốn con gái và bốn người cầu hôn các cô gái ấy như trên đã nêu. Vị Bà-la-môn không biết nên gả cho người nào, tự nghĩ: “Sau khi hỏi Sư trưởng, ta sẽ gả chúng cho người nào xứng đáng nhất.” Người Bà-la-môn đi đến Sư trưởng, hỏi việc ấy và đọc bài kệ đầu:

99. Một người trẻ đẹp trai, Một người tuổi lại lớn,
 Một người sanh quý phái, Một người có giới hạnh,
 Tôi hỏi bậc Sư trưởng, Chúng tôi nên chọn ai?

Nghe nói vậy, vị Sư trưởng trả lời:

– Một người đẹp trai và các đức tánh khác nhưng nếu không có giới hạnh thì cũng đáng chê trách. Chúng tôi chỉ thích những người có giới hạnh.

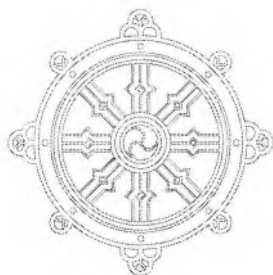
Để nêu lên ý nghĩ này, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

100. Thật tốt, người đẹp xinh, Người lớn tuổi nên trọng,
 Cũng tốt, người thiện sanh, Nhưng ta thích đức hạnh.

Vị Bà-la-môn nghe theo lời của Sư trưởng và gả tất cả các con gái cho người đức hạnh.

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Bà-la-môn đảnh lễ và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người này là vị Bà-la-môn, còn vị Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương là Ta vậy.



VI. PHẨM NATAMDALHA (NATAMDALHAVAGGA)

§201. CHUYỆN NHÀ TÙ TRÓI BUỘC (*Bandhanāgārājātaka*)³⁵ (J. II. 139)

Bậc trí đã nói rằng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một nhà tù.

Nghe nói, thời ấy một số đông kẻ trộm cướp là những người phá nhà, cướp đường, giết người, đã bị bắt và dẫn đến trước vua xứ Kosala. Vua sai trói chúng lại với còng sắt, dây thừng và xích sắt.

Khoảng ba mươi Tỷ-kheo ở quê muốn yết kiến bậc Đạo sư, đã đi đến thăm viếng và đánh lễ Ngài. Ngày hôm sau, trong khi đi khát thực, họ đi đến nhà tù và thấy các tên trộm cướp ấy. Sau khi đi khát thực trở về, vào buổi chiều, họ yết kiến đức Như Lai và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, hôm nay trong khi chúng con đi khát thực, chúng con được thấy nhiều tên trộm cướp trong nhà tù, bị còng sắt, v.v... trói buộc, chịu đựng nhiều đau khổ. Chúng không thể chặt đứt các còng sắt trói buộc ấy để chạy trốn. Có sự trói buộc nào khác kiên cố hơn các dây trói buộc ấy chăng?

Bậc Đạo sư đáp:

– Nay các Tỷ-kheo, đây là những dây trói buộc về thân, tuy đau khổ nhưng còn nhẹ. Trái lại, những dây trói như tham ái đối với tài sản, lúa gạo, vợ con, v.v... còn mạnh hơn trăm lần, ngàn lần những dây trói buộc trên. Tuy vậy, những trói buộc ấy, dầu to lớn và khó chặt đứt, cũng đã bị các vị Hiền trí thuở xưa chặt đứt khi họ quyết chí đi đến Tuyệt sơn và trở thành ẩn sĩ.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình nghèo khổ. Khi Bồ-tát đến tuổi trưởng thành, người cha mạng chung. Bồ-tát làm thuê để nuôi mẹ. Bồ-tát không bằng lòng khi bà mẹ hỏi một người con gái cho Bồ-tát lập gia đình. Sau một thời gian, bà mẹ mất, thì người vợ đã có thai, Bồ-tát biết vợ mình có thai, nói với vợ:

³⁵ Tham chiếu: S. I. 76, *Bandhanasutta* (Kinh Trói buộc); *Thag*, v. 187; *Pháp cú kinh* “Ái dục phẩm” 法句經愛欲品 (T.04. 0210.32. 0570c16); *Pháp cú thí dụ kinh* “Ái dục phẩm” 法句譬喻經愛欲品 (T.04. 0211.32. 0600c22); *Xuất diệu kinh* “Dục phẩm” 出曜經欲品 (T.04. 0212.2. 0626c27); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ái dục phẩm” 法集要頌經愛欲品 (T.04. 0213.2. 0778a02).

– Này hiền thê, hãy làm thuê để sống. Tôi sẽ xuất gia.

Người vợ nói:

– Em đang có thai. Chờ em sanh con và cha nó thấy đứa bé rồi hãy xuất gia.

Bồ-tát bằng lòng. Khi người vợ sanh xong, Bồ-tát nói:

– Này hiền thê, hiền thê đã sanh xong an toàn. Nay tôi sẽ xuất gia.

Người vợ nói:

– Nay đứa con trai còn bú. Chờ cho nó hết bú, hãy đi.

Nhưng rồi người vợ lại có thai, Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu ta chấp nhận lời yêu cầu của vợ, ta sẽ không thể đi được. Vậy không cho nàng biết, ta sẽ trốn và xuất gia.” Bồ-tát không nói cho nàng biết, ban đêm thức dậy và ra đi. Những người giữ cửa thành bắt Bồ-tát, Bồ-tát nói:

– Thừa các ông, tôi có bà mẹ phải nuôi, hãy thả tôi ra!

Bồ-tát làm cho họ thả mình ra, tạm trú tại một chỗ, rồi ra khỏi thành bằng cổng chánh, đi vào Tuyết sơn và sống đời xuất gia làm vị đạo sĩ. Sau thời gian tu tập, đã đắc được các thắng trí và các thiền chứng, Bồ-tát sống sung sướng với cảnh giới thiền. Sống tại đây, Bồ-tát suy nghĩ: “Như vậy, ta đã cắt đứt dây trói buộc của phiền não, dây trói của vợ con thật khó chặt đứt”, và nói lên nguồn cảm hứng của mình với những bài kệ:

- | | |
|---|--|
| <p>101. Bạc trí đã nói rằng,
Còng sắt và gông gổ,
Chính dục ái cường thịnh,
Đối với vợ và con,</p> | <p>“Không phải trói buộc chặt,
Cùng các loại dây trói,
Đối với ngọc, bông tai,
Mới thật chính buộc ràng!”</p> |
| <p>102. Bạc trí đã nói rằng,
Chúng kéo lui, lôi xuống,
Bạc trí chặt đứt chúng,
Đoạn tận các dục lạc,</p> | <p>“Chính chúng trói buộc chặt,
Mềm mỏng nhưng khó thoát.”
Tất cả trói buộc này,
Không chờ đợi, ước mong.³⁶</p> |

Như vậy, sau khi nói lên lời cảm hứng, Bồ-tát hành trì thiền định không gián đoạn, rồi sanh lên thế giới Phạm thiên.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng, một số vị đắc Dự lưu đạo, một số đắc Nhất lai đạo, một số đắc Bất lai đạo, một số đắc A-la-hán đạo.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người mẹ là Mahāmāyā, người cha là Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), người vợ là mẹ của Rāhula (La-hầu-la), người con trai là Rāhula. Vị từ bỏ vợ con và trở thành người xuất gia là Ta vậy.

³⁶ Dh. v. 345, 346.

§202. CHUYỆN TÁNH NGHỊCH NGỢM (*Keṭisīlajātaka*)³⁷ (J. II. 142)

Thiên nga, cò, chim công...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả Lakunṭaka hiền thiện.

Tôn giả được danh tiếng trong giáo pháp của đức Phật là người có trí tuệ, nói lời dịu ngọt, thuyết pháp dịu ngọt, đạt được biện tài, hoàn toàn đoạn tận các phiền não. Nhưng trong tám mươi bậc Trưởng lão, Tôn giả là vị nhỏ nhất về thân hình, như một người lùn. Tôn giả Lakunṭaka có dáng như một Sa-di nhỏ bé, như được nuôi để làm trò chơi.

Một hôm, Tôn giả đi đến cổng Kỳ Viên để đánh lễ đức Như Lai. Lúc ấy, cũng có khoảng ba mươi Tỷ-kheo ở quê lên với mục đích đánh lễ bậc Đạo sư. Khi vào Kỳ Viên, thấy Trưởng lão ấy trong khu vực tịnh xá, họ tưởng Trưởng lão là một Sa-di. Họ nắm góc y của Trưởng lão, nắm tay, xoa đầu, bóp mũi, nắm lắt tai và đối xử nặng nề với Trưởng lão.

Rồi các Tỷ-kheo đề y bát một bên, đi đến đánh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên. Sau khi được bậc Đạo sư thân mật hỏi thăm, các Tỷ-kheo ấy hỏi:

– Bạch Thế Tôn, chúng con nghe nói có Tôn giả Lakunṭaka hiền thiện là đệ tử của Thế Tôn, một vị thuyết pháp rất dịu ngọt, nay Tôn giả ở đâu?

– Nay các Tỷ-kheo, các ông có muốn yết kiến Tôn giả ấy không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, người mà các ông đã thấy ở gần cổng; người mà các ông đã nắm góc y, đã đối xử nặng nề, thô lỗ khi các ông đến, chính là Tôn giả ấy!

– Bạch Thế Tôn, vì sao một đệ tử đã được những gì cao thượng, thành tựu đầy đủ đại nguyện mà không có một chút uy lực?

Đạo sư nói:

– Vì tự mình đã làm ác nghiệp.

Rồi theo thỉnh cầu của các Tỷ-kheo ấy, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm Thiên chủ Đế-thích. Lúc bấy giờ, Vua Brahmadatta không thể chịu đựng khi nhìn thấy con voi, con ngựa hay con bò đã già yếu. Vua có tánh nghịch ngợm, thấy người và vật như vậy liền đánh đuổi đi; thấy cỗ xe cũ kỹ liền cho đập nát; thấy các bà già, vua gọi vào và đánh trên bụng, khiến họ ngã rồi dựng đứng họ lên và dọa nạt họ; thấy những ông già, vua bắt họ lăn lộn giữa đất và chơi đùa như những người nhào lộn.

³⁷ Tham chiếu: S. II. 279, *Lakunḍakabhaddiyasutta* (Kinh *Lakunḍaka Bhaddiya*); Tap. 雜 (T.02. 0099.1063. 0276a22); Biệt Tap. 別雜 (T.02. 0100.2. 0374a19).

Nếu không thấy ai nhưng nghe tại một nhà nọ có một người già, vua bèn cho gọi vào và đùa giỡn. Mọi người xấu hổ đưa cha mẹ mình ra khỏi nước, không còn có người hầu hạ cha mẹ. Các người hầu cận cũng nghịch ngợm như vậy. Vì thiếu đạo đức nên khi họ chết, họ bị đọa vào bốn đọa xứ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la), còn hội chúng chư thiên bị tổn giảm.

Đế-thích không thấy các thiên tử mới sanh, liền tìm hiểu nguyên nhân và quyết định: “Ta sẽ nhiếp phục nhà vua ấy.” Đế-thích hóa thân làm một ông già, đặt hai ghè sữa bơ trên một cỗ xe gỗ cũ kỹ tồi tàn, thắng vào xe hai con bò già và đi dự ngày hội lớn. Vua Brahmadatta cười trên lưng voi được tô điểm rực rỡ, đi nhiễu xung quanh thành được trang hoàng long lẫy khắp nơi.

Khi ấy, Đế-thích mặc áo rách rưới, đánh cỗ xe này đi đến gặp vua. Vua thấy cỗ xe cũ kỹ liền sai đuổi nó đi. Quân hầu nói:

– Thưa Thiên tử, cỗ xe nào, chúng con không thấy.

Do thần lực của mình, Đế-thích chỉ để riêng vua thấy cỗ xe mà thôi. Đế-thích đánh xe nhiều lần trên đầu vua, rồi đập cái ghè sữa bơ trên đầu vua và quay xe trở lại đập vỡ ghè sữa bơ thứ hai, và từ trên đầu của vua, khắp nơi mọi phía sữa bơ chảy xuống. Như vậy, Đế-thích quấy rầy, hành hạ vua trông thật đáng thương. Sau khi thấy vua khốn khổ như vậy, Đế-thích làm cỗ xe biến mất, rồi hiện thân Đế-thích, tay cầm cái chùy kim cương, đứng trên hư không và nói:

– Này tên vua ác hạnh và phi pháp kia, ngươi sẽ không già sao? Thân của ngươi sẽ không bị tuổi già tấn công sao? Sao ngươi lại thích đùa nghịch, hành hạ làm khổ nhục những người lớn tuổi? Chính do các việc của ngươi làm mà dân chúng chết đi tràn đầy bốn đọa xứ vì chúng không thể nuôi dưỡng cha mẹ. Nếu ngươi không từ bỏ hành động này, ta sẽ đánh vỡ đầu ngươi với chùy kim cương. Bắt đầu từ nay, ngươi chớ làm như vậy nữa!

Sau khi dọa nạt vua, Đế-thích nói lên công đức của cha mẹ và trình bày những lợi ích của các hành động kính trọng người lớn tuổi. Giáo huấn xong, Đế-thích trở về trú xứ của mình. Từ đấy, vua không còn khởi tâm làm các việc như trước nữa.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nhân danh bậc Chánh Đẳng Giác, đọc những bài kệ này:

- | | | |
|-------------|--|--|
| 103. | Thiên nga, cò, chim công,
Tất cả sợ sư tử, | Voi và nai có đốm,
Dù chúng không ngang bằng. |
| 104. | Cũng vậy giữa mọi người,
Vị ấy thật vĩ đại,
Không hề được như vậy. | Còn trẻ nhưng có trí,
Kẻ ngu dầu thân lớn, |

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, một số Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu, một số đắc quả Nhất lai, một số đắc quả Bất lai, một số đắc quả A-la-hán và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Lakundaka hiền thiện, vì tánh nghịch ngợm đối với người khác nên bị trêu ghẹo lại, còn Đế-thích là Ta vậy.

§203. CHUYỆN TU TẬP TỪ TÂM (*Khandhavattajātaka*)³⁸ (J. II. 144)

Ta khởi lên từ tâm...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo.

Trong khi đang ngồi chẻ củi ở cửa nhà tắm, một con rắn bò từ khúc cây mục ra cắn vào ngón chân của Tỷ-kheo ấy và vị ấy chết ngay tại chỗ. Tỷ-kheo ấy chết như thế nào cả tinh xá đều biết rõ. Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện sau đây:

– Thưa Hiền giả, nghe nói Tỷ-kheo tên này đang ngồi chẻ củi tại cửa nhà tắm, bị rắn cắn và chết tại chỗ.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ở đây đang bàn vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề này, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy đối với bốn loại gia đình vua rắn có khởi lên lòng từ thì con rắn đã không cắn vị ấy. Các vị tu khổ hạnh xưa, khi đức Phật chưa ra đời, tu tập lòng từ đối với bốn loại gia đình vua rắn, nên đã thoát khỏi sự sợ hãi khởi lên cho bốn loại gia đình vua rắn ấy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một Bà-la-môn ở nước Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát đoạn tận các dục, xuất gia làm đạo sĩ, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, rồi xây dựng am thất tại một khúc quanh của sông Hằng gần chân Tuyết sơn và sống tại đây, vui hưởng thiền lạc cùng với chúng đạo sĩ vây quanh.

Lúc bấy giờ, có nhiều loại rắn trên bờ sông Hằng làm hại các vị đạo sĩ và phần lớn các vị ấy mạng chung. Các vị tu khổ hạnh trình chuyện ấy với Bồ-tát. Ngài liền họp tất cả vị tu khổ hạnh lại và nói:

– Nếu các ông tu tập từ tâm đối với bốn loại gia đình vua rắn này, các con rắn sẽ không cắn các ông; do vậy, bắt đầu từ nay, hãy tu tập từ tâm như vậy đối với bốn loại vua rắn!

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

³⁸ Xem A. II. 72, *Ahirājasutta* (Kinh Vua các loài rắn); Vin. II. 105; JPTS. 1893, p. 64.

105. Ta khởi lên từ tâm, Ta khởi lên từ tâm , Ta khởi lên từ tâm, Ta khởi lên từ tâm,	Với Virūpakkha, Với Erāpatha, Với Chabbyāputtā, Kaṇhāgotama.
---	---

Như vậy, sau khi nêu tên bốn gia đình vua rắn, Bồ-tát nói:

– Nếu các ông có thể tu tập từ tâm đối với những loài vật này thì các con rắn không cắn và không bức hại các ông.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

Với các loài không chân, Với các loài hai chân, Với các loài bốn chân, Nhiều chân hoặc không chân,	Ta khởi lên lòng từ. Ta khởi lên lòng từ. Ta khởi lên lòng từ. Ta khởi lên lòng từ.
---	--

Như vậy, sau khi nêu rõ sự tu tập từ tâm của mình, Bồ-tát nói lên lời cầu nguyện với bài kệ:

Hỡi các loài không chân, Hỡi các loài hai chân, Hỡi các loài bốn chân, Hỡi các loài nhiều chân,	Chớ có làm hại Ta! Chớ có làm hại Ta! Chớ có làm hại Ta! Chớ có làm hại Ta!
--	--

Rồi nêu rõ sự tu tập không hạn chế, Bồ-tát đọc thêm bài kệ này:

Tất cả loài chúng sanh, Phàm tất cả sanh loại, Mong được thấy tốt lành,	Tất cả loài hữu tình, Có mặt ở trên đời, Chớ có làm điều ác!
---	--

Như vậy, Bồ-tát nói:

– Hãy tu tập từ tâm đối với tất cả mọi loài chúng sanh không có hạn chế!

Rồi Bồ-tát tán thán công đức của Ba ngôi báu với thính chúng:

106. Vô lượng là Phật! Vô lượng là Tăng!	Vô lượng là Pháp!
--	-------------------

Bồ-tát nói tiếp:

– Hãy ghi nhớ công đức của Ba ngôi báu này!

Sau khi trình bày công đức Ba ngôi báu là vô lượng, Bồ-tát nêu rõ các chúng sanh đều có hạn lượng, Bồ-tát nói thêm:

– Các loài bò sát, các loài rắn, các loài bò cạp, các loài một trăm chân, các loài nhện, các loài rắn mối, các loài chuột đều có hạn lượng.

Rồi Bồ-tát lại nói:

– Vì tham dục trong nội tâm của những chúng sanh này khiến chúng có hạn lượng.

Sau khi nêu rõ như vậy, Bồ-tát nói thêm:

– Mong rằng chúng ta sẽ được bảo vệ ngày đêm đối với các chúng sanh có hạn lượng này nhờ uy lực của Ba ngôi báu vô lượng. Vì vậy, hãy ghi nhớ công đức của Ba ngôi báu!

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này để nêu rõ việc cần phải làm thêm nữa:

Nay ta được bảo vệ,	Nay ta được che chở,
Hỡi các loài sanh vật,	Hãy đi xa, tránh xa!
Con đánh lễ Thế Tôn,	Và bầy đức Phật-đà,
Chư Phật đã tịch diệt.	

Như vậy, Bồ-tát khuyên:

– Trong khi đánh lễ, hãy ghi nhớ bầy đức Phật!

Rồi Bồ-tát trao thần chú che chở này cho các đạo sĩ. Bắt đầu từ đây, các đạo sĩ vâng theo lời khuyên dạy của Bồ-tát, tu tập từ tâm, ghi nhớ công đức chư Phật. Như vậy, nhờ các đạo sĩ ấy ghi nhớ các công đức chư Phật, tất cả các loài rắn đều bỏ đi. Còn Bồ-tát tu tập các Phạm trú (bốn vô lượng tâm) và được sanh lên Phạm thiên giới.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, hội chúng đạo sĩ là hội chúng của Như Lai, còn Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

§204. CHUYỆN CON QUẠ VĪRAKA (*Vīrakajātaka*)³⁹ (J. II. 148)

Hồi này Vīraka...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự bắt chước bậc Thiện Thệ.

Sau khi hai vị Trưởng lão đưa hội chúng của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) về, bậc Đạo sư hỏi các Trưởng lão:

– Nay Sāriputta (Xá-lợi-phất), khi Devadatta thấy các ông, kẻ ấy đang làm gì?

Họ đáp:

– Devadatta bắt chước bậc Thiện Thệ.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Sāriputta, không phải chỉ nay Devadatta mới làm theo Ta và gặp nạn. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã như vậy rồi.

Rồi theo lời Trưởng lão thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con quạ nước ở dưới chân Tuyết sơn và sống gần một cái hồ. Vīraka là tên của Bồ-tát.

³⁹ Xem Cv. VII. 198.

Lúc bấy giờ, tại nước Kāśi có nạn đói. Dân chúng không thể cho quạ ăn hay làm lễ cúng cho các dạ-xoa và các loại rắn. Phần lớn các con quạ từ bỏ các địa phương có nạn đói và đi vào rừng. Tại đây, có con quạ trú ở Ba-la-nại tên là Savitṭhaka, đem theo quạ mái đi đến chỗ của Vīraka và dựa vào hồ nước ấy làm chỗ ở một bên.

Một hôm, con quạ ấy tìm mồi ăn tại hồ, thấy Vīraka lặn xuống hồ ăn cá rồi đi lên và phơi thân cho khô. Nó nghĩ: “Nương tựa con quạ này có thể được nhiều cá, vậy ta hãy hầu nó.” Nghĩ vậy xong, quạ Savitṭhaka đến gần Vīraka. Vīraka hỏi:

– Này bạn, bạn đến có việc gì?

Savitṭhaka đến gần đáp:

– Thưa ngài, tôi muốn hầu hạ ngài.

Khi được Vīraka ưng thuận, quạ Savitṭhaka bắt đầu hầu hạ Vīraka. Từ đây về sau, Vīraka ăn vừa đủ cá để nuôi sống, số còn lại nó đem cho Savitṭhaka ngay khi vừa bắt được cá; và khi Savitṭhaka đã ăn vừa đủ để nuôi sống, nó đem số còn lại cho con quạ mái vợ nó. Sau một thời gian, Savitṭhaka khởi lên lòng tự ái: “Con quạ nước này màu đen, ta cũng màu đen. Nó có mắt, có mỏ, có chân, ta cũng không khác gì nó. Bắt đầu từ nay, ta không cần những con cá nó bắt, ta sẽ tự bắt cá.” Nó đi đến Vīraka và nói:

– Này bạn, bắt đầu từ nay, tự tôi sẽ đi xuống hồ bắt cá.

Vīraka nói:

– Này bạn, bạn sanh ra không thuộc gia đình loài quạ xuống sông bắt cá, vậy chớ tự hại mình!

Dầu được Vīraka ngăn chặn, quạ Savitṭhaka vẫn không nghe lời. Nó xuống hồ, lặn vào trong nước, nhưng nó bị mắc vào giữa đám rong, chỉ trôi lên cái mỏ. Savitṭhaka không thể thở được và đã chết dưới nước. Con quạ cái không thấy nó trở về, liền đi đến tìm Vīraka để hỏi tin:

– Thưa ngài, Savitṭhaka không thấy về, không biết chàng ở đâu?

Rồi nó đọc bài kệ đầu:

107.	Hỡi này Vīraka,	Bạn có thấy con chim,
	Với giọng nói dịu ngọt,	Đây là chồng của tôi,
	Cổ như cổ chim công,	Tên Savitṭhaka?

Nghe quạ mái nói, Vīraka trả lời:

– Này bạn, tôi biết chồng bạn đi đâu rồi.

Nói vậy xong, Vīraka đọc bài kệ thứ hai:

108.	Con chim có thể đi,	Trong nước, trên đất liền,
	Luôn luôn nó được ăn,	Các loại cá tươi sống.
	Còn Savitṭhaka,	Bắt chước loài chim ấy,
	Mắc vướng trong đám rong,	Và đã chết tại đây.

Nghe nói vậy, con quạ mái than khóc và bay trở về Ba-la-nại.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Saviṭṭhaka là Devadatta, còn Vīraka là Ta vậy.

§205. CHUYỆN CÁ SÔNG HẰNG (*Gaṅgeyyajātaka*) (J. II. 151)

Bầy cá sông Hằng đẹp...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về hai Tỷ-kheo trẻ. Tương truyền, có hai thiện nam tử trú ở Xá-vệ, xuất gia trong giáo pháp nhưng không tu tập quán bất tịnh, tham đắm sắc đẹp của mình và đi chỗ nào cũng khoe khoang sắc đẹp.

Một hôm, hai người ấy tranh nhau khoe sắc đẹp và bắt đầu tranh luận. Thấy một Trưởng lão già ngồi không xa bao nhiêu, họ nghĩ: “Vị này sẽ biết giữa hai chúng ta ai đẹp, ai không đẹp.” Họ đến hỏi:

– Thưa Tôn giả, giữa chúng tôi ai đẹp hơn?

Vị ấy trả lời:

– Nay các Hiền giả, ta đẹp hơn các ông.

Các Tỷ-kheo nói:

– Ông già này, không trả lời điều chúng ta hỏi, lại trả lời điều chúng ta không hỏi.

Sau khi mắng nhiếc vị ấy, họ bỏ đi. Câu chuyện ấy được chúng Tỷ-kheo biết rõ. Rồi một hôm, tại pháp đường, họ bắt đầu nói chuyện ấy:

– Thưa các Hiền giả, nghe nói vị Trưởng lão già cả làm xấu hổ các Tỷ-kheo trẻ ấy vì họ quá say mê sắc đẹp của mình.

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp ở đây đã bàn luận chuyện gì?

Khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay các người trẻ ấy mới tán thán sắc đẹp của mình. Thuở xưa, chúng đi chỗ nào cũng khoe khoang sắc đẹp như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bô-tát sanh làm một thân cây ở trên bờ sông Hằng. Lúc bấy giờ, ở tại chỗ sông Hằng và sông Yamunā giao nhau, có hai con cá gặp nhau, một con ở sông Hằng, một con ở sông Yamunā. Vì cãi nhau: “Tôi đẹp, bạn đẹp”, chúng bắt đầu cuộc tranh luận. Chúng thấy một con rùa nằm không xa bao nhiêu trên bờ sông Hằng, liền nói:

– Vị này sẽ cho biết giữa chúng ta ai đẹp hơn ai?

Nghĩ vậy chúng đi đến gặp con rùa và hỏi:

– Thừa bác rùa, con cá ở sông Hằng đẹp, hay con cá ở sông Yamunā đẹp?

Con rùa đáp:

– Con cá ở sông Hằng đẹp, con cá ở sông Yamunā cũng đẹp, nhưng ta đẹp hơn rất nhiều so với hai người!

Rồi để nêu rõ ý nghĩa này, con rùa đọc bài kệ đầu:

109.	Bầy cá sông Hằng đẹp, Nhưng vật bốn chân này, Tròn tựa như cây bàng,	Yamunā cũng đẹp, Cổ dài như đòn gánh, Tuyệt đẹp hơn tất cả!
------	--	---

Hai con cá nghe rùa nói vậy, liền kêu to:

– Ôi, lão rùa ác độc kia, lão không trả lời câu chúng ta hỏi, lại trả lời khác đi!

Rồi chúng đọc bài kệ thứ hai:

110.	Điều hỏi, không trả lời, Chỉ biết tự khen mình,	Trả lời khác câu hỏi, Ta không ưa điều ấy!
------	--	---

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hai con cá là các Tỷ-kheo trẻ, con rùa là vị Trưởng lão, còn vị thần cây ở trên bờ sông Hằng đã chứng kiến câu chuyện này là Ta vậy.

§206. CHUYỆN CON NAI NÚI (*Kuruṅgamigajātaka*) (J. II. 152)

Này rùa, hãy dùng răng...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư nghe Devadatta âm mưu sát hại Ngài, Ngài liền nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta. Trong thời quá khứ, kẻ ấy cũng đã như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh làm con nai núi, sống tại một bụi cây ở trong rừng không xa một cái hồ bao nhiêu; trên một ngọn cây gần hồ có một con chim gõ mõ làm tổ, trong hồ lại có một con rùa. Như vậy, ba con vật làm bạn với nhau và sống chung trong tình thương yêu nhau.

Một người thợ săn đang đi trong rừng nhận thấy dấu chân của Bò-tát gần bên nước. Anh ta đặt một cái bẫy thòng lọng bằng da vừng chắc như sợi dây bằng sắt, rồi bỏ đi. Bò-tát đi đến uống nước trong canh một, bị mắc vào bẫy, liền lớn tiếng kêu cứu. Nghe tiếng kêu của Bò-tát, lập tức chim gõ mõ từ ngọn cây bay xuống và con rùa từ dưới nước bò lên và bàn bạc chuyện phải làm. Con chim gõ mõ nói với con rùa:

– Này bạn, bạn có răng, hãy cắn đứt cái bẫy này! Còn tôi sẽ đi lập kế làm thế nào cho người thợ săn không thể đến đây được. Như vậy, hai chúng ta nỗ lực tối đa để bạn chúng ta khỏi mất mạng.

Để nêu rõ ý nghĩa của việc này, con chim gõ mõ đọc bài kệ đầu:

111. Này rùa, hãy dùng răng, Cắn đứt cái bẫy da,
 Ta sẽ làm thợ săn, Không thể đến gần ta.

Con rùa bắt đầu nhai cắn sợi dây bằng da. Còn con chim gõ mõ đi vào làng người thợ săn để lập kế hoãn binh. Trời vừa tảng sáng, người thợ săn đã cầm con dao ra đi. Ngay khi con chim thấy anh ta ra khỏi trước cửa, nó kêu lên, đập đôi cánh và đánh vào miệng anh ta. Người thợ săn suy nghĩ: “Ta bị một con chim diêm xấu đánh”, liền trở vào nằm một lát, rồi cầm dao đứng dậy.

Con chim suy nghĩ: “Người này lần đầu đi ra bằng cửa trước, nay sẽ đi ra bằng cửa sau.” Biết vậy, nó liền bay đậu phía sau nhà. Người thợ săn cũng nghĩ: “Khi ta đi ra cửa trước, ta thấy một con chim diêm xấu. Nay ta sẽ đi ra bằng cửa sau.” Vì vậy, anh ta đi ra bằng cửa sau. Nhưng con chim lại kêu lên, bay đến và đánh vào miệng anh ta. Người thợ săn thấy mình bị con chim diêm xấu đánh lần thứ hai ở miệng, suy nghĩ: “Con chim này không cho ta ra đi.” Vì vậy, anh ta trở vào nằm xuống cho đến sáng và khi mặt trời đã lên cao, anh ta mới cầm dao ra đi.

Con chim gõ mõ vội vàng bay đi trước và nói với Bò-tát:

– Người thợ săn sắp tới.

Lúc bấy giờ, con rùa đã nhai đứt tất cả sợi dây da, chỉ trừ một sợi. Cái răng của nó như sắp bị rụng ra và miệng nó lấm đầy máu. Bò-tát thấy người thợ săn trẻ cầm dao trong tay đi đến nhanh như chớp, liền giựt đứt sợi dây và chạy vào rừng. Con chim gõ mõ bay lên đậu trên ngọn cây. Con rùa quá yếu nên nằm tại chỗ. Người thợ săn quăng con rùa vào cái túi và treo túi ấy trên một khúc cây. Bò-tát trở lui nhìn, biết con rùa bị bắt, liền quyết định sẽ cứu sống bạn. Vì thế, nai liền giả vờ mất sức đứng ra để người thợ săn thấy. Người thợ săn nghĩ: “Con vật này yếu đuối rồi, ta sẽ giết nó”, liền cầm dao đuổi theo Bò-tát.

Bò-tát dụ anh ta chạy vào rừng. Khi anh ta chạy đã xa, Bò-tát tẩu thoát khỏi anh ta và dùng một con đường khác trở về nhanh như gió. Nai lấy cặp sừng nhắc bổng cái túi rơi xuống đất, rồi phá bỏ cái túi và cứu con rùa ra. Con chim gõ mõ từ trên cây bay xuống, Bò-tát khuyên bảo cả hai bạn:

– Tôi nhờ hai bạn cứu mạng sống, tôi đã làm những gì cần phải làm để cứu hai bạn. Nay người thợ săn sắp tới bắt các bạn, vậy này bạn chim gõ mõ, hãy đem các con của mình dời đi nơi khác. Còn bạn rùa, hãy lặn xuống nước.

Và chúng làm đúng như vậy.

Bậc Đạo sư nhân danh bậc Giác Ngộ đọc bài kệ thứ hai:

112. Con rùa bò xuống nước, Con nai chạy vào rừng,
 Còn con chim gõ mõ, Từ trên ngọn cây cao,
 Vội đem bầy con nhỏ, Bay xa thật là mau.

Người thợ săn đi đến chỗ ấy, không thấy con vật nào cả. Anh ta thấy cái túi rách, đành lượm túi lên, lòng đầy buồn bực và đi về nhà.

Còn ba con vật ấy làm bạn với nhau, trọn đời sống trong tình bạn không bị gián đoạn và rồi lúc chết chúng đi theo nghiệp của mình.

Sau khi nói lên pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ người thợ săn là Devadatta, con chim gõ mõ là Sāriputta (Xá-lợi-phất), con rùa là Moggallāna (Mục-kiền-liên) và con nai là Ta vậy.

§207. CHUYỆN VUA ASSAKA (*Assakajātaka*) (J. II. 154)

Chính chỗ này tôi sống...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người luyến ái vợ cũ. Tỷ-kheo ấy được bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, có thật chăng ông bị ái nhiễm?

Vị ấy đáp:

– Thưa có thật vậy.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Ông luyến ái ai?

Tỷ-kheo đáp:

– Con luyến ái vợ cũ.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, không phải chỉ nay ông luyến ái nữ nhân ấy. Thuở trước, vì luyến ái nữ nhân ấy, ông đã gặp đau khổ lớn.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại nước Kāsi, Vua Assaka trị vì thành Potali. Hoàng hậu tên là Ubbarī rất được vua yêu thương. Hoàng hậu khả ái, kiều diễm vượt xa sắc đẹp của các nữ nhân, dù chưa bằng một thiên nữ. Sau một thời gian, bà bị bệnh và mạng chung. Khi hoàng hậu mạng chung, vua sầu khổ, đau đớn, ưu tư. Vua để xác hoàng hậu nằm trong một cái hòm, ướp với dầu và chất dẻo đặt dưới long sàng. Vua đau khổ nằm dài, không ăn, khóc lóc, than thở. Mẹ cha, các bà con khác, thân hữu và các cận thần, Bà-la-môn, gia chủ... đều đến khuyên giải:

– Thưa Đại vương, chớ sầu muộn. Cuộc đời là vô thường.

Nhưng họ không thể làm vua nghe lời. Trong khi vua than khóc như vậy, bảy ngày đã trôi qua.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị tu khổ hạnh đã đạt được năm thắng trí và tám thiên chứng, trú dưới chân Tuyết sơn. Ngài đầy đủ trí tuệ giác ngộ, và với thiên nhãn nhìn cõi Diêm-phù-đề, ngài thấy vua than khóc như vậy, liền quyết định giúp đỡ cho vị vua này. Bồ-tát dùng thần lực bay trên hư không rồi hạ xuống khu vườn của vua và ngồi xuống trên phiến đá tể lễ như một hình tượng bằng vàng. Rồi một thanh niên Bà-la-môn trú ở thành Potali đi đến khu vườn, thấy Bồ-tát, đánh lễ ngài và ngồi xuống. Bồ-tát nói chuyện thân mật với thanh niên ấy và hỏi:

– Nay cậu thanh niên, nhà vua có theo Chánh pháp không ?

– Thưa có, bạch Tôn giả, vua theo Chánh pháp. Nhưng hoàng hậu của vua vừa mạng chung, vua cho đặt thân hoàng hậu trong một cái hòm, nằm dài bên cạnh than khóc, nay đã là ngày thứ bảy. Sao Tôn giả không giải thoát vua khỏi nỗi đau khổ lớn như vậy? Nay là thời gian thích hợp để Tôn giả nhiếp phục nỗi đau khổ của nhà vua.

– Nay cậu, ta không biết nhà vua, nhưng nếu vua đến hỏi ta, ta sẽ nói cho vua biết chỗ đầu thai của hoàng hậu và khiến nàng nói cho vua nghe.

– Vậy thưa Tôn giả, hãy ngồi lại đây cho đến khi tôi đưa vua đến.

Thanh niên ấy được Bồ-tát hứa, liền đi đến cung vua, báo tin ấy và khuyên vua:

– Đại vương nên đi đến gặp vị có thiên nhãn ấy.

Vua nói:

– Trẫm sẽ thấy hoàng hậu!

Vua vô cùng hoan hỷ ngự lên xe, đi đến đánh lễ Bồ-tát, ngồi xuống một bên và hỏi:

– Có đúng sự thật chẳng, trẫm nghe nói Tôn giả biết được chỗ đầu thai của hoàng hậu?

– Tôi có biết, thưa Đại vương.

– Hoàng hậu thọ sanh ở đâu?

– Thưa Đại vương, hoàng hậu say mê sắc đẹp của mình, vì vậy đã sống phóng dật, không làm các thiện nghiệp, nay sanh làm con sâu nhỏ ăn phân ngay chính trong vườn này.

– Trẫm không tin chuyện ấy.

– Nay tôi sẽ chỉ hoàng hậu cho Đại vương và bảo hoàng hậu nói cho Đại vương rõ.

Bồ-tát dùng thần lực của mình và ra lệnh:

– Cả hai con vật đang lẫn một hòn phân bò hãy đi đến trước mặt vua!

Bồ-tát sai khiến hai con sâu đi đến như vậy rồi chỉ một con và nói:

– Thưa Đại vương, đây là Hoàng hậu Ubbarī của Đại vương. Nó bỏ Đại vương đi theo sau con sâu ăn phân làm chồng nó. Đại vương hãy nhìn xem!

– Thưa Tôn giả, Hoàng hậu Ubbarī sanh ra làm con sâu ăn phân ư? Trẫm không tin được chuyện ấy!

– Thưa Đại vương, tôi sẽ bảo nó nói lên.

– Thưa Tôn giả, hãy bảo nó nói đi.

Bồ-tát nói với thân lực của mình:

– Này Ubbarī!

Con sâu nói bằng tiếng người, đáp lại:

– Thưa Tôn giả, cái gì ạ?

Bồ-tát hỏi:

– Ngươi hãy nói tiền thân của ngươi tên là gì?

– Thưa Tôn giả, trước tôi là Ubbarī, hoàng hậu của Vua Assaka.

Con sâu đáp. Bồ-tát hỏi tiếp:

– Nay ngươi thương yêu Vua Assaka hay con sâu ăn phân này là chồng của ngươi?

– Thưa Tôn giả, trong đời sống trước đây của tôi, tôi đã sống với vua và cùng thưởng thức sắc, thanh, hương, vị, xúc trong ngôi vườn này. Nhưng vì qua nhiều đời sống chết cho đến nay, tôi không biết vua là ai! Tôi sẵn sàng giết Vua Assaka và lấy máu từ cổ vua để bôi hai bàn chân con sâu ăn phân là chồng của tôi!

Rồi giữa hội chúng của vua, con sâu đọc những bài kệ này bằng tiếng người:

113. Chính chỗ này tôi sống, Với Vua Assaka,
Yêu thương, được yêu thương, Tôi đi dạo quanh vườn.

114. Nay các khổ lạc mới, Làm.mờ cảm giác cũ,
Vây đối với sâu chồng, Tôi yêu hơn Đại vương!

Nghe nói vậy, vua cảm thấy hối hận, ngay tại chỗ lập tức truyền lệnh đem xác hoàng hậu ra ngoài và gọi đầu. Vua đánh lễ Bồ-tát, rồi sau đó đi vào thành cưới một hoàng hậu khác và trị nước đúng Chánh pháp.

Còn Bồ-tát khuyến dạy vua xong, khiến vua hết sầu muộn, rồi đi về Tuyết sơn.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật và cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo luyến ái đã đắc quả Dự lưu. Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ Ubbarī là người vợ cũ, Vua Assaka là Tỷ-kheo bị ái nhiễm, thanh niên Bà-la-môn là Sāriputta (Xá-lợi-phất), còn vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§208. CHUYỆN CON CÁ SẤU (*Sumsumārajātaka*)⁴⁰ (J. II. 158)

Thôi đủ rồi, các trái...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) âm mưu sát hại mình.

Khi nghe các âm mưu này, Ngài nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới âm mưu sát hại Ta. Trước kia, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi. Nhưng dù chỉ làm Ta sợ hãi, kẻ ấy cũng không làm được.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con khi ở khu vực Tuyết sơn. Bồ-tát lớn lên lực lưỡng, thân thể cường tráng, dung sắc tươi đẹp, sống ở trong rừng tại khúc quanh của sông Hằng.

Bấy giờ, một con cá sấu cũng sống ở sông Hằng. Vợ nó thấy thân thể Bồ-tát, sinh thèm thuồng quả tim Bồ-tát, liền nói với con cá sấu đực:

– Nay chàng, em muốn ăn quả tim con khi chúa này.

Sấu đực nói:

– Nay hiền thê, chúng ta tìm ăn dưới nước, nó tìm ăn trên cạn, làm sao chúng ta có thể bắt được nó?

– Hãy tìm mọi phương tiện bắt cho được con khi, nếu em không được ăn tim nó, em sẽ chết.

– Thôi được, chớ lo lắng. Ta đã có một mưu kế và ta sẽ cho em ăn thịt quả tim.nó.

Con cá sấu đực an ủi con cá sấu cái.

Khi Bồ-tát uống nước sông Hằng xong, đang ngồi trên bờ, con cá sấu đi lại gần và nói:

– Thưa ngài khi chúa, tại nơi này bạn chỉ ăn được các trái cây hư thối, sao bạn lại thường đến chỗ cũ này? Ở bên kia bờ sông Hằng không bao giờ hết các loại quả ngọt như xoài, mít, v.v... sao bạn lại không qua bên ấy để ăn đủ loại quả?

Khi đáp:

– Nay vua cá sấu, sông Hằng sâu và rộng. Làm sao tôi đi qua đó được?

– Nếu bạn muốn đi, tôi mời bạn leo trên lưng tôi và tôi đưa bạn qua.

Con khi tin lời con cá sấu, nói:

– Lành thay, bạn cá sấu!

Cá sấu bảo:

⁴⁰ Xem Cv. VII. 188.

– Vậy hãy leo lên lưng ta!

Bồ-tát liền lên lưng con cá sấu. Con cá sấu bơi đi một lát, rồi lặn xuống nước. Bồ-tát kêu to:

– Này bạn, sao bạn làm tôi chìm xuống? Để làm gì vậy?

Sấu đực đáp:

– Ta đưa người qua có phải vì bản chất chơn chánh đâu? Vì vợ ta thèm quả tim của người nên ta muốn lấy nó cho nàng ăn!

Khi nói:

– Này bạn, thật là tốt lành khi bạn nói với tôi như vậy. Cá sấu ạ, nếu trái tim nằm trong bụng chúng tôi thì khi tôi nhảy từ đầu cành này qua đầu cành khác, nó đã bị vỡ vụn ra như bột rồi!

Sấu đực hỏi:

– Vậy người để quả tim người ở đâu?

Bồ-tát chỉ một cây sung không xa bao nhiêu, đầy những chùm sung và nói:

– Hãy xem, đây là những quả tim của chúng tôi đang treo lủng lẳng ở cây sung.

Sấu đực bảo:

– Nếu người chỉ cho ta quả tim, ta sẽ không giết người đâu.

– Vậy hãy đưa ta lại đây, ta sẽ chỉ cho bạn quả tim đang treo lủng lẳng trên cây!

Con cá sấu đưa Bồ-tát đến chỗ ấy. Bồ-tát từ lưng cá sấu nhảy lên, ngồi trên cây sung và nói:

– Này bạn cá sấu ngu đần ơi, bạn nghĩ rằng các loài vật để các quả tim ở đầu cành cây sao? Bạn thật là ngu! Ta đã lừa bạn đây! Bạn có thể giữ lại các trái cây này cho bạn. Thân của bạn to lớn nhưng bạn không có trí khôn.

Để làm sáng tỏ ý nghĩa này, Bồ-tát đọc các bài kệ sau:

115.	Thôi đủ rồi, các trái,	Hồng đào, mít và xoài,
	Được thấy bờ bên kia,	Ta không ham chúng nữa,
	Cây sung ta tốt hơn.	

116.	Thân của bạn thật lớn,	Nhưng trí bạn quá nhỏ,
	Này sấu, ta lừa bạn,	Hãy đi như bạn muốn.

Như đánh mất một ngàn đồng tiền, sấu đực buồn khổ, sững sờ đi về chỗ ở của mình.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con cá sấu đực là Devadatta, con cá sấu cái là thiếu nữ Ciñcā, còn khi chúa là Ta vậy.

§209. CHUYỆN CON CHIM MỎI (*Kakkarajātaka*) (J. II. 160)

Ta thấy nhiều cây rừng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo trẻ tuổi đồng trú với Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất), vị Tướng quân Chánh pháp.

Nghe nói, vị này khéo săn sóc thân mình, không dám ăn đồ quá lạnh hay quá nóng vì sợ thân sẽ không an lạc; không dám đi ra ngoài vì sợ nóng và lạnh sẽ làm thân mệt mỏi; và vị ấy không ăn cơm nấu quá nhão hay quá cứng.

Sự khéo léo săn sóc thân thể của Tỷ-kheo ấy được chúng Tăng biết đến. Các Tỷ-kheo ngồi ở pháp đường và nói chuyện:

– Nay các Hiền giả, nghe nói Tỷ-kheo tên này khéo săn sóc thân thể lắm!

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi hội họp ở đây đang bàn luận vấn đề gì?

Và khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo trẻ này mới khéo léo săn sóc thân thể. Thuở xưa, vị ấy cũng đã như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một thần cây ở trong rừng. Có một người thợ săn chim, với một con chim mồi, đem sợi dây thông lọng làm bằng tóc và cây gậy vào rừng bắt chim. Khi đuổi theo một con chim già, anh ta bắt đầu cột con chim mồi và cho nó bay theo vào rừng. Con chim già ấy khéo biết bay sập, không để mình bị bắt, cứ bay lên rồi đậu xuống. Vì vậy, kẻ đi săn giấu mình dưới cành lá, tiếp tục dựng cây gậy và giơ bẫy mồi. Nhưng con chim muốn làm cho người thợ săn xấu hổ, dùng giọng người đọc bài kệ đầu:

117. Ta thấy nhiều cây rừng, Như assakaṇṇa,
Các cây ấy không làm, Như ông đã làm đâu!

Nói vậy xong, con chim ấy bay đến một chỗ khác.

Khi con chim đã bay đi rồi, người thợ săn đọc bài kệ thứ hai:

118. Chim cũ phá cái lồng, Đã bay đi mất rồi,
Khéo biết về bẫy sập, Thoát bẫy, nói giọng người!

Nói vậy xong, người thợ săn đi sâu vào rừng, lấy những gì có thể kiếm được rồi đi về nhà.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người thợ săn là Devadatta, con chim là Tỷ-kheo trẻ khéo léo săn sóc thân mình, còn vị thần cây đã chứng kiến mọi việc là Ta vậy.

Này bạn, cây gì đây...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về sự bắt chước bậc hiền Thê.

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới bắt chước Ta và bị hại. Thuở xưa, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi.

Một hôm, con chim này đi đến gặp Khadiravaniya. Khadiravaniya thấy bạn đến liền dắt bạn đi vào rừng, lấy mỗ mỗ khúc cây keo, khiến các con sâu từ cây bò ra và cho bạn ăn. Kandagalaka mỗ các con sâu được bạn cho như ăn bánh ngọt. Trong khi ăn, Kandagalaka sinh lòng tự ái: “Con này là con chim gõ mõ, ta cũng vậy. Sao ta ăn các thứ do nó cho ta? Ta sẽ tự kiếm ăn trong rừng cây keo.” Nó liền nói với Khadiravaniya:

Bồ-tát nói với bạn:

Kandagalaka nói:

Kandagalaka không nghe lời bạn, bay thật mau mỏ vào cây keo. Trong chốc lát, mỏ nó bị gãy, mắt như muốn lồi ra và đầu như bị vỡ. Nó đứng trên thân cây không vững, phải rơi xuống đất và đọc bài kệ đầu:

Nghe vậy, Khadiravaniya đọc bài kệ thứ hai:

120. Loại chim này chỉ quen,
Và các khúc gỗ mục,
Mỏ ăn loại cây mềm
Không có lõi cây cứng.

⁴¹ Xem J. II. 158, *Sumsumārajātaka* (Chuyện con cá sấu), số §208.

Rủi thay, mỗ cây keo,
Tại đây con chim chết,

Loại cây có lõi cứng,
Đầu như bị vỡ ra.

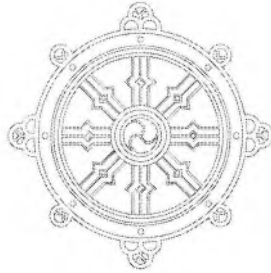
Khadiravaniya nói thêm:

– Đây bạn Kandagalaka, cây làm bạn vỡ đầu tên là cây keo gai, loại cây có lõi cứng như thép.

Còn con chim không nghe lời bạn phải chết tại chỗ.

Thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Kandagalaka là Devadatta, còn Khadiravaniya là Ta vậy.



VII. PHẨM ĐÁM CỎ BĪRAṆA (BĪRAṆATTHAMBHAKAVAGGA)

§211. CHUYỆN CHÀNG TRAI SOMADATTA (*Somadattajāta*) (J. II. 164)

Thường xuyên học thuộc lòng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Lāludāyī (Udāyī khờ khạo). Tương truyền khi ở trước mặt hai, ba người, vị ấy không thể nói được một lời. Vị ấy nhút nhát đến độ nghĩ thế này lại nói thế khác.

Các Tỷ-kheo ngồi trong pháp đường, bàn luận về vấn đề này của Trưởng lão. Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp tại đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Lāludāyī mới nhút nhát quá đáng. Thuở trước, vị ấy cũng đã như vậy. Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở xứ Kāsi. Khi lớn lên, Bò-tát học nghề ở Takkaṣilā xong, đi về nhà, biết được cha mẹ nghèo khổ và quyết định: “Ta sẽ xây dựng lại gia đình bị sa sút.” Bò-tát xin phép cha mẹ đi đến Ba-la-nại và trở thành người hầu hạ vua, được vua thương mến.

Bấy giờ, người cha của Bò-tát làm nghề cày ruộng với hai con bò, nhưng một con vừa chết. Ông đi đến gặp Bò-tát và nói:

– Nay con thân, một con bò chết rồi, không thể cày ruộng được nữa. Hãy xin vua một con bò khác!

– Thừa cha thân, con mới hầu vua không lâu. Nay con xin bò không thích hợp. Cha hãy xin đi!

– Con thân, con không biết cha nhút nhát quá đáng. Trước mặt hai, ba người, cha không thể nói lên một lời. Nếu cha đi đến xin vua một con bò, cuối cùng cha sẽ cho vua con bò còn lại này.

– Thừa cha thân, cha đừng giận con. Con không thể xin vua nên con phải tập cho cha xin.

– Vậy thì hay lắm! Hãy tập cho cha xin đi!

Bồ-tát đem cha đến một nghĩa địa có đám cỏ thơm, cột từng năm cỏ lại, rải cỏ chỗ này chỗ kia và lần lượt chỉ cho cha:

– Đây là vua, đây là phó vương, đây là tướng quân.

Và rồi Bồ-tát nói:

– Thưa cha thân, khi đi đến gặp vua, trước tiên cha nhớ nói: “Đại vương muôn năm”, và đọc bài kệ này, rồi xin con bò.

Và Bồ-tát dạy cha học thuộc lòng bài kệ này:

Thưa Đại vương, thân có,	Hai con bò cày ruộng,
Một con bị chết đi.	Thưa bậc Sát-đế-ly,
Hãy cho con bò khác!	

Vị Bà-la-môn cần một năm để học thuộc lòng câu kệ này, rồi nói với Bồ-tát:

– Này con thân! Cha đã thuộc lòng bài kệ này, cha có thể nói lên bài kệ ấy với bất cứ ai. Hãy đưa cha đến hầu vua!

– Lành thay, thưa cha thân!

Vì vậy, Bồ-tát đem theo quà tặng thích hợp, đưa cha đến yết kiến vua. Vị Bà-la-môn nói:

– Đại vương muôn năm!

Và ông dâng vua tặng phẩm. Vua hỏi:

– Này Somadatta, vị Bà-la-môn là gì đối với khanh?

– Thưa Đại vương, đó là cha thân.

– Ông đến đây có việc gì?

Lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn đọc bài kệ để xin bò:

– Thưa Đại vương, thân có hai con bò cày ruộng, một con bị chết đi. Thưa bậc Sát-đế-ly, hãy lấy con bò kia!

Vua biết vị Bà-la-môn nói sai, liền cười và nói:

– Này Somadatta, hình như ở nhà khanh có nhiều bò lắm ư?

– Tâu Đại vương, nếu có vậy là do Đại vương ban cho.

Vua bằng lòng với câu trả lời của Bồ-tát, liền cho vị Bà-la-môn mười sáu con bò với các dây đai trang sức, một ngôi làng để ở và bảo đưa người cha về với nhiều nghi lễ long trọng. Vị Bà-la-môn leo lên cỗ xe do ngựa Sindh toàn trắng kéo đi về làng với một số tùy tùng đông đảo trong cảnh huy hoàng. Bồ-tát ngồi trong xe cùng với cha và nói:

– Thưa cha thân, cả năm con đã dạy cha học thuộc lòng. Khi thời cơ đến, cha lại cho vua con bò!

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

121. Thường xuyên học thuộc lòng,	Không bao giờ phóng dật,
Cả năm trường như vậy,	Học với chùm cỏ thơm,

Khi đứng trước triều thần, Thực hành không ích lợi,	Trả lời sai ý nghĩa, Vì trí tuệ ít ỏi.
Nghe Bồ-tát nói vậy, vị Bà-la-môn đọc bài kệ thứ hai:	
122. Somadatta thân, Giữa hai điều được một. Hoặc có được tài sản,	Người yêu cầu điều gì, Hoặc không được gì cả, Pháp yêu cầu là vậy.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Udāyī mới nhút nhát quá đáng. Thuở xưa, vị ấy cũng nhút nhát quá đáng như vậy rồi.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, cha của Somadatta là Lāludāyī, còn Somadatta là Ta vậy.

§212. CHUYỆN THỨC ĂN THỪA (*Ucchiṭṭhabhattajātaka*) (J. II. 167)

Trên đầu sắc lại khác...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về sự luyến ái người vợ cũ.

Tỷ-kheo ấy được bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Tỷ-kheo, nghe nói ông bị ái nhiễm?

Vị ấy đã trả lời:

– Có thực vậy.

– Ông luyến ái ai?

– Con luyến ái người vợ cũ.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Tỷ-kheo, nữ nhân này thuở trước đã làm hại ông và khiến ông ăn đồ ăn thừa của nhân tình nó.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người nhào lộn nghèo khổ, sống bằng cách ăn xin. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát nghèo khổ, thiếu thốn và xin ăn để sống.

Lúc bấy giờ, trong nước Kāsi, tại làng nhỏ, người vợ của một Bà-la-môn có tà hạnh, theo ác pháp, thường hành động tội lỗi. Một hôm, vì một vài công việc, vị Bà-la-môn đi ra ngoài, và người tình của nữ nhân ấy được cơ hội liền lên vào nhà. Sau khi hành lạc với nữ nhân ấy xong, gã nói:

– Ta muốn ăn một chút gì rồi sẽ đi.

Bà ta liền sửa soạn đồ ăn, dọn cơm, hâm canh và cho người tình ăn, còn mình đứng ở cửa canh chồng đi về.

Tại chỗ người tình ấy đang ăn, Bô-tát đứng chờ xin cơm và chứng kiến câu chuyện. Khi vị Bà-la-môn xong việc, ông trở về nhà. Nữ Bà-la-môn thấy chồng về, liền đi nhanh vào nhà nói:

– Hãy đứng dậy, vị Bà-la-môn đang đi về!

Người vợ bảo tình nhân đi trốn vào kho chứa đồ và đón vị Bà-la-môn vào nhà. Khi vị Bà-la-môn ngồi xuống, bà vợ sửa soạn chỗ ngồi, đưa nước rửa tay và trên phần cơm nguội lạnh do người kia ăn thừa, bà thêm phần cơm nóng và mời ông ăn. Vị Bà-la-môn đặt tay xuống cơm, thấy cơm dưới nguội trên nóng suy nghĩ: “Cơm này có thể là cơm thừa của một người khác đã ăn rồi.” Ông liền hỏi nữ Bà-la-môn với bài kệ đầu:

123. Trên đầu sắc lại khác,	Phía dưới sắc lại khác,
Ta hỏi nữ Phạm chí,	Sao dưới vậy, trên vậy?

Nữ Bà-la-môn sợ việc làm của mình bị bại lộ, dầu vị Bà-la-môn hỏi đi hỏi lại vẫn giữ im lặng. Lúc bấy giờ, người nhào lộn đang đứng xin ăn ở ngoài cửa suy nghĩ: “Người đàn ông núp trong kho chứa đồ chắc là tình nhân. Người này chắc là chủ nhà. Nữ Bà-la-môn sợ việc làm của mình bị bại lộ nên không nói gì. Vậy ta hãy phô bày việc làm của nữ Bà-la-môn ấy, nói cho vị Bà-la-môn biết chỗ nấp của người tình trong kho chứa đồ.”

Bô-tát liền đem toàn bộ câu chuyện nói cho vị Bà-la-môn biết, từ khi ông đi ra khỏi nhà, người kia đi vào nhà, hành lạc, ăn cơm ngon; và nữ Bà-la-môn đứng ở cửa nhìn ra đường, bảo người kia núp xuống trong kho chứa đồ. Người nhào lộn nói như vậy cho ông chủ nhà biết và đọc bài kệ thứ hai:

124. Kính thưa bậc Tôn giả,	Tôi là người nhào lộn,
Tôi đã đi đến đây,	Chỉ là để xin ăn,
Người núp trong kho chứa,	Là người Tôn giả tìm.

Bô-tát nắm búi tóc kẻ tình địch, kéo gã ra khỏi kho chứa, dặn gã chớ có làm việc ác như vậy nữa, rồi ra đi. Còn vị Bà-la-môn, đánh và dạy cả hai người chớ làm ác như vậy nữa. Rồi về sau ông mạng chung và đi theo nghiệp của mình.

Sau khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo ấy đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nữ Bà-la-môn là người vợ trước, vị Bà-la-môn là vị Tỷ-kheo bị ái nhiễm, còn người nhào lộn là Ta vậy.

§213. CHUYỆN VUA BHARU (*Bharujātaka*) (J. II. 169)

Ta nghe vua Bharu...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn được vua xứ Kosala cung kính tôn trọng đánh lễ, cúng dường, nhận các tặng vật dồi dào như đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cúng dường.

Hội chúng ngoại đạo thấy lợi dưỡng, danh vọng của họ bị giảm thiểu bèn hội họp bí mật, ngày đêm thảo luận như sau:

– Từ khi Sa-môn Gotama xuất hiện, các lợi dưỡng và danh vọng của chúng ta bị tổn giảm.⁴² Sa-môn Gotama được lợi dưỡng và danh vọng tối thượng. Vì nhân duyên gì, Sa-môn ấy được thành công như vậy?

Một người trong hội chúng nói:

– Sa-môn Gotama có một trú xứ tối thượng, an toàn nhất ở cõi Diêm-phù-đề. Do vậy, Sa-môn Gotama được lợi dưỡng cung kính. Để có lợi dưỡng, chúng ta cũng xây dựng một tịnh thất ngoại đạo ở bên cạnh Kỳ Viên, như vậy chúng ta sẽ được cúng dường nhiều tặng vật.

Tất cả đi đến kết luận là như vậy. Nhưng rồi họ nghĩ: “Nếu chúng ta không báo tin cho vua biết việc xây tịnh thất này thì các Tỷ-kheo sẽ ngăn chặn chúng ta. Còn nếu vua nhận được quà tặng, vua sẽ không ngần ngại phá trú xứ của họ. Do vậy, chúng ta phải hối lộ vua và chúng ta sẽ lấy được chỗ làm tịnh thất.”

Họ thỏa thuận, yêu cầu các cận thần đem dâng vua một trăm ngàn đồng và thưa:

– Thưa Đại vương, chúng tôi muốn làm một tịnh thất ngoại đạo ở bên cạnh Kỳ Viên. Nếu các Tỷ-kheo nói với Đại vương: “Chúng tôi không cho phép làm” thì Đại vương chớ trả lời họ.

Vì tham của hối lộ, vua chấp thuận việc ấy. Hội chúng ngoại đạo được vua chấp thuận, liền mời một kiến trúc sư bắt đầu công trình xây dựng và gây tiếng ồn ào. Bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Ānanda, tiếng ồn ào âm ỉ này là tiếng gì?

– Bạch Thế Tôn, các người ngoại đạo đang xây dựng tịnh thất bên cạnh Kỳ Viên. Tiếng ồn ào nổi lên từ đấy.

– Nay Ānanda, chỗ ấy không thích hợp cho tịnh thất ngoại đạo. Các phái ngoại đạo ưa lớn tiếng ồn ào. Không thể sống với họ được.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư họp chúng Tỷ-kheo lại và nói:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy đi báo cho vua biết, yêu cầu vua ngăn chặn việc làm tịnh thất ngoại đạo!

Chúng Tỷ-kheo đi đến và đứng tại cửa hoàng cung. Vua nghe chúng Tỷ-kheo đến, biết rằng họ đến để ngăn việc xây tịnh thất ngoại đạo. Nhưng tự mình đã nhận tiền hối lộ nên vua bảo người hầu cận ra nói rằng vua không có ở nhà.

⁴² Xem *Divy.* 91.

Các Tỷ-kheo trở về trình bậc Đạo sư. Ngài biết vua nhận hối lộ nên làm vậy. Ngài cử hai vị Đại đệ tử ra đi. Vua nghe hai vị Đại đệ tử đến, cũng bảo người trả lời như trước. Hai vị Đại đệ tử ấy trở về trình bậc Đạo sư. Ngài nói:

– Này Sāriputta (Xá-lợi-phất), chắc chắn hôm nay vua không ở trong cung. Có lẽ vua đi ra ngoài.

Vào sáng hôm sau, bậc Đạo sư đắp y, cầm y bát, cùng với năm trăm Tỷ-kheo đi đến cửa cung. Vua nghe chư vị đến, liền từ trên lầu bước xuống cầm lấy bình bát của bậc Đạo sư. Vua cúng dường các món cơm cháo lên chúng Tăng với đức Phật là vị lãnh đạo, và đánh lễ bậc Đạo sư, rồi vua ngồi xuống một bên.

Bậc Đạo sư bắt đầu thuyết giảng cho vua:

– Thừa Đại vương, các vua thuở trước đã nhận của hối lộ, do đó gây ra sự đấu tranh giữa các vị có giới đức nên đã mất chủ quyền nước mình và gặp đại nạn.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại nước Bharu, vua nước Bharu trị vì quốc độ. Lúc bấy giờ, Bô-tát là vị khổ hạnh, đã đạt được năm thắng trí và tám thiện chứng, là bậc Sư trưởng một hội chúng cư trú lâu ngày tại khu vực Tuyết sơn.

Vì cần dùng muối và giấm, Bô-tát cùng năm trăm vị tu khổ hạnh từ Tuyết sơn theo thứ tự đi đến thành Bharu. Tại đây, hội chúng khát thực xong, đi ra khỏi thành, ngồi xuống gần cổng phía Bắc, dưới gốc một cây bàng đầy cành lá. Họ dùng cơm và trú ở đây.

Bấy giờ, khi chúng đạo sĩ ấy sống tại đây khoảng nửa tháng, một vị Sư trưởng hội chúng khác với năm trăm đạo sĩ cùng đi đến khát thực trong thành xong, đi ra khỏi thành, ngồi xuống tại cổng phía Nam, dưới một gốc cây bàng tương tự. Sau khi ăn uống xong, họ cũng trú tại đây. Như vậy, hai hội chúng đạo sĩ ăn uống ở đây cho đến thỏa thích rồi đi về Tuyết sơn.

Khi hội chúng đi rồi, cây bàng ở cổng phía Nam bị khô héo. Lần sau, hai hội chúng ấy lại đến. Những vị trú ở cây bàng tại cổng phía Nam đến trước, và thấy cây bàng của mình bị khô héo. Sau khi đi khát thực, họ ra khỏi thành, đến gốc cây bàng tại cổng phía Bắc. Ăn uống xong, họ sống ở tại đây. Các đạo sĩ của hội chúng kia đến sau, khát thực trong thành xong, đi đến gốc cây của mình, ngồi ăn uống và cũng muốn trú tại đây. Họ nói:

– Cây này không phải là cây của các ông. Chính là cây của chúng tôi.

Như vậy, vì cái cây họ bắt đầu tranh cãi nhau. Cuộc tranh cãi trở thành lớn chuyện. Một số đạo sĩ này nói:

– Các ông không được lấy chỗ của chúng tôi ở trước kia.

Một số đạo sĩ khác nói:

– Lần này chúng tôi đến đây trước. Các ông không được lấy chỗ này. Như vậy chúng tôi là chủ.

Và vì vấn đề gốc cây, cả hai hội chúng đi đến hoàng cung. Vua quyết định cho hội chúng đạo sĩ đến ở trước tiên là chủ nhân của gốc cây ấy. Nhóm kia nói với nhau:

– Nay chúng ta không thể nhịn thua những người này.

Với thiên nhân họ nhìn xung quanh, thấy một hòm xe xứng đáng là sở hữu của một vị Đại vương, liền mang xe báu ấy hối lộ cho nhà vua và thừa:

– Thừa Đại vương, hãy làm cho chúng tôi thành người chủ cái cây!

Nhà vua nhận hối lộ và quyết định cả hai hội chúng ở đây đều là chủ nhân. Nhóm đạo sĩ kia đem lại những bánh xe bằng bạc của chính hòm xe ấy, hối lộ vua và thừa:

– Thừa Đại vương, hãy làm chúng tôi trở thành người chủ độc nhất!

Vua làm đúng như vậy. Sau đó, hai hội chúng đạo sĩ suy nghĩ: “Chúng ta là những người đã đoạn tận các dục về sở hữu và các dục gây phiền não, xuất gia tu hành, nay lại vì một gốc cây mà sanh ra đấu tranh, rồi đem của hối lộ. Đây là việc không xứng đáng.”

Họ ăn năn hối lỗi và vội vã đi về Tuyết sơn. Chư thần trú trong toàn nước Bharu đều nhất trí phẫn nộ đối với vua nước Bharu vì vua đã làm các vị có đức hạnh tranh đấu với nhau, một việc làm không thích đáng. Họ liền dâng nước lên tràn ngập xứ Bharu đến ba trăm do-tuần khiến cả nước ấy không còn nữa. Như vậy, chỉ vì vua nước Bharu, toàn dân trong nước Bharu gặp nạn diệt vong.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nhân danh bậc Chánh Đăng Giác, nói lên những bài kệ này:

125.	Ta nghe vua Bharu,	Làm đạo sĩ đấu tranh,
	Tự mình gặp đại nạn,	Cùng với cả quốc độ,
	Như vậy vì tội ấy,	Vua đi đến diệt vong.

126.	Vậy bậc trí không khen,	Dục chinh phục nội tâm,
	Vị có tâm không nhiễm,	Nói toàn lời chân thật.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nói với đức vua:

– Thừa Đại vương, chớ để lòng dục ngự trị, làm cho hai hội chúng xuất gia đấu tranh với nhau là việc không nên.

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là người lãnh đạo nhóm các vị Hiền trí.

Khi cúng dường đức Như Lai xong và bậc Đạo sư đã ra về, vua sai người đến phá hủy tịnh thất ngoại đạo, khiến các phái ngoại đạo không có trú xứ.

§214. CHUYỆN CON SÔNG ĐẦY NƯỚC (*Puṇṇanadījātaka*) (J. II. 173)

Vật gì người ta nói...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về trí tuệ Ba-la-mật.

Một thời, tại pháp đường, các Tỷ-kheo nói chuyện liên hệ đến trí tuệ của Như Lai:

– Thừa các Hiền giả, bậc Chánh Đẳng Giác có trí tuệ vĩ đại, trí tuệ rộng rãi, minh trí, mẫn tiệp, trí tuệ sắc bén, trí tuệ thấu triệt và đầy đủ phương tiện.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông hội họp ở đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà thuở trước cũng vậy, Như Lai đã có trí tuệ và phương tiện thiện xảo.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình của vị cố vấn tế tự. Khi trưởng thành, vị ấy đi học tất cả các nghề ở Takkaśilā. Sau khi phụ thân mất, vị ấy nhận được chức vụ cố vấn tế tự cho vua về thánh sự và tục sự.

Sau một thời gian, vua nghe theo lời gièm pha của các nịnh thần, phần nộ không cho Bồ-tát ở gần và tẩn xuất vị ấy ra khỏi thành Ba-la-nại. Bồ-tát đem vợ con đi và sống tại một làng nhỏ ở Kāśi.

Sau một thời gian, vua nhớ lại công đức của Bồ-tát, suy nghĩ: “Nếu ta cử một sứ giả đi mời Sư trưởng về, như vậy không thích hợp. Ta hãy làm một bài kệ, viết trên lá cây, cho nấu thịt quạ, gói cả lá và thịt trong miếng vải trắng đóng dấu ấn của vua rồi gửi đi. Nếu Sư trưởng là bậc Hiền trí, sau khi đọc tám lá và biết là thịt quạ, Sư trưởng sẽ đến. Nếu không, vị ấy sẽ không đến.”

Vì vậy, nhà vua viết bài kệ này trên tám lá:

127. Vật gì người ta nói,	Uống được nước sông đầy?
Vật gì người ta nói,	Được lúa mì che lấp?
Vật gì người ta nói,	Người lữ hành đi xa?
Vật ấy, nay đã đến,	Hãy ăn, Bà-la-môn!

Như vậy, vua viết bài kệ này trên tám lá rồi gửi cho Bồ-tát. Bồ-tát đọc thư, tự nghĩ: “Vua muốn gặp ta”, và đọc bài kệ thứ hai:

128. Vì vua còn nhớ ta,	Nên mới gọi cho quạ,
Ngỗng trời, hạc, chim công,	Vua cũng sẽ gửi thôi,
Nêu vua không gửi gì,	Ấy là điều đáng ngại.

Bồ-tát cho thắng bò vào xe và đi đến yết kiến vua. Vì thế vua thỏa mãn, đặt Bồ-tát vào chức vụ cố vấn tế tự như cũ.

Bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, liền nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda, còn vị cố vấn tế tự là Ta vậy.

§215. CHUYỆN CON RỪA (*Kacchapajātaka*) (J. II. 175)

Con rùa nói lên lời...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Kokālika. Câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện Hiền giả Takkāriya*.⁴³ Bấy giờ, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Kokālika mới bị hại vì lời nói. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã bị hại như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một đại thần, khi lớn lên trở thành vị cố vấn của vua về thánh sự và thế sự. Nhưng vua có tánh hay nói nhiều. Khi vua nói, không cho ai cơ hội xen vào. Và Bồ-tát muốn ngăn chặn vua nói nhiều nên cố tìm một cơ hội.

Lúc bấy giờ, trong khu vực Tuyết sơn có một con rùa sống ở một hồ nước. Hai con ngỗng trời trẻ đi tìm mồi, đến kết thân với con rùa ấy. Dần dần, chúng trở thành rất thân thiết. Một hôm, ngỗng trời nói với rùa:

– Nay bác rùa, chỗ chúng tôi ở tại Tuyết sơn, trên cao nguyên núi Cittakūṭa, trong một cái hang bằng vàng, trú xứ rất đẹp. Hãy đi với chúng tôi nhé!

– Ô, làm sao tôi đi được!

– Chúng tôi sẽ đưa bác đi nếu bác có thể giữ gìn cái miệng của bác và đừng nói một điều gì hết.

– Được, tôi sẽ giữ gìn. Hãy đem tôi đi!

Chúng chấp thuận, bảo con rùa ngậm một cây gậy, còn chúng cắn vào hai đầu gậy, rồi bay lên hư không.

Bọn trẻ con trong làng thấy con rùa được các con ngỗng trời trẻ đưa đi như vậy, liền la lên:

– Hai con ngỗng trời mang con rùa trên cái gậy!

Con rùa muốn nói lên: “Nếu bạn ta đưa ta đi thì có can hệ gì đến các ngươi, đồ bọn vô loại kia?”

Trong khi ấy, hai con ngỗng trời đã bay mau đến khoảng trên cung điện vua

⁴³ Xem J. IV. 242, *Takkāriyajātaka* (*Chuyện Hiền giả Takkāriya*), số §481.

trong thành Ba-la-nại. Con rùa vừa nhả cây gậy định nói, liền rơi xuống trong sân trống và bị vỡ làm hai. Khi ấy tiếng ồn ào nổi lên:

– Con rùa rơi trên sân trống đã bị vỡ làm hai rồi!

Vua đem theo Bồ-tát cùng với các đại thần vây quanh, đi đến chỗ ấy, thấy con rùa, hỏi Bồ-tát:

– Này bậc Hiền trí, vì sao con rùa này rơi xuống?

Bồ-tát suy nghĩ: “Chờ đợi đã lâu, ta muốn giáo huấn vua và đang tìm một phương tiện. Nay thời cơ đã đến. Chắc con rùa này kết thân với những con thiên nga, được chúng đưa đi đến Tuyết sơn. Chúng bảo rùa ngậm cây gậy và đưa nó đi giữa hư không, rồi có lẽ con rùa nghe lời ai đó nói, không thể giữ gìn cái miệng, nó muốn nói nên nhả cái gậy ra, liền rơi từ hư không xuống như vậy và đi đến chỗ chết.” Và Bồ-tát thưa với vua:

– Thưa Đại vương, những ai lẩm mồm miệng, nói không dừng nghỉ, đều phải gặp tai họa như vậy.

Rồi Bồ-tát đọc các bài kệ này:

- | | |
|--|--|
| <p>129. Con rùa nói lên lời,
Tuy khéo ngậm cái gậy,</p> | <p>Lời nói tự hại mình,
Mở miệng tự sát hại.</p> |
| <p>130. Hãy thấy rõ điều này,
Hãy nói lên vừa phải,
Kẻ nào nói nhiều lời,</p> | <p>Bậc Nhân chủ vĩ đại,
Cẩn thận nói đúng thời.
Như con rùa gặp nạn.</p> |

Vua biết Bồ-tát kể chuyện này vì mình, liền nói:

– Thưa bậc Hiền trí, có phải vì trẫm mà bậc Hiền trí nói vậy?

Bồ-tát trình bày rõ ràng và trả lời:

– Dù Đại vương hay người khác, nếu nói quá lượng đều gặp nạn như vậy.
Từ đây trở đi, vua bỏ tánh nói nhiều và trở thành người ít nói.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con rùa là Kokālika, hai con ngỗng trời là hai vị Trưởng lão lừng danh, vua là Ānanda, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§216. CHUYỆN CON CÁ (*Macchajātaka*) (J. II. 178)

Không vì lửa này đốt...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người luyến ái với vợ cũ.

Thế Tôn hỏi Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, có thật chăng ông bị ái nhiễm?

Tỷ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, có thật vậy.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Vì ai?

– Bạch Thế Tôn, vì người vợ cũ.

Bậc Đạo sư nói với vị ấy:

– Nay Tỷ-kheo, nữ nhân này đã đem tai họa cho ông. Thuở xưa, vì nữ nhân này, ông gần bị cây cọc đâm và bị nướng trên lửa để làm đồ ăn. Nhờ các bậc Hiền trí, ông được cứu mạng.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vị cố vấn tể tự cho vua ấy. Một hôm, các người đánh cá kéo lên một con cá bị mắc trong lưới, liền quăng con cá trên mặt cát nóng.

Họ đều nhón một cái que và nghĩ: “Chúng ta sẽ nướng con cá này trên than đỏ và ăn.” Con cá nghĩ đến con cá cái, khóc than và đọc hai bài kệ này:

131. Không vì lửa này đốt, Không vì dùi nhọn đâm,
Vì cá cái nghi tôi, Vui chơi với cá khác!

132. Chính lửa tình đốt tôi, Làm khổ tâm tư tôi,
Các ngài hãy thả tôi, Ái dục không đáng chết!

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đi đến bờ sông nghe con cá ấy than khóc, liền đi đến gặp các người thợ săn và can thiệp để họ thả con cá ấy.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo bị ái nhiễm đã đắc quả Dự lưu.

Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con cá cái là người vợ thuở trước, Tỷ-kheo bị ái nhiễm là con cá, còn vị cố vấn tể tự là Ta vậy.

§217. CHUYỆN CON CÁI CỦA NGƯỜI BÁN RAU

(*Seggujātaka*) (J. II. 179)

Thế giới thích hoan lạc...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một nam cư sĩ bán rau trái. Câu chuyện này đã được nói đến trong chương I, *Chuyện người bán rau*.⁴⁴ Tại đây, bậc Đạo sư hỏi nam cư sĩ ấy:

⁴⁴ Xem J. I. 411, *Paṇṇikajātaka* (Chuyện người bán rau), số §102.

– Này nam cư sĩ, sao lâu ngày ông không đến?

– Bạch Thế Tôn, con gái của con thường hay cười. Sau khi thử thách nó, con đã gả nó cho con trai một gia đình quý tộc. Vì phải làm việc này, con không có dịp đến yết kiến Ngài.

Rồi bậc Đạo sư nói với nam cư sĩ ấy:

– Này nam cư sĩ, không phải chỉ nay con gái ông có giới hạnh. Thuở trước, nàng cũng có giới hạnh rồi. Không phải chỉ nay ông mới thử thách nàng. Thuở trước, ông cũng đã thử thách nàng.

Rồi theo lời nam cư sĩ thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát làm một vị thần cây.

Lúc bấy giờ, người nam cư sĩ buôn bán rau trái này nghĩ: “Ta sẽ thử con gái của ta.” Rồi ông đem cô vào rừng, cầm tay cô làm như thể ông có ham muốn tội lỗi với cô. Sau đó, người cư sĩ đọc bài kệ đầu với con gái đang than khóc:

133.	Thế giới thích hoan lạc,	Còn con gái của ta,
	Lại không khéo hiểu biết,	Đối với chuyện hạ liệt.
	Nay con còn được gọi,	Thiếu nữ đồng trinh chẳng?
	Bị ta bắt trong rừng,	Thôi con đừng khóc nữa!

Nghe vậy, cô con gái nói:

– Thừa cha thân, con vẫn là con gái! Con không biết gì về dâm dục cả.

Rồi vừa khóc, cô vừa đọc bài kệ thứ hai:

134.	Người đáng bảo vệ con,	Khỏi buồn phiền đau khổ,
	Người ấy là cha con,	Lại ác ý trong rừng,
	Nay con khóc với ai,	Giữa núi rừng thanh vắng,
	Người đáng bảo vệ con,	Lại muốn dùng sức mạnh?

Như vậy, người bán rau trái ấy thử con gái mình xong, liền đưa cô về nhà, và gả cô cho một chàng trai tốt. Về sau, ông mạng chung và đi theo nghiệp của mình.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, người bán rau chứng quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người cha và cô con gái là hai người hiện tại, còn vị thần cây chứng kiến câu chuyện ấy là Ta vậy.

§218. CHUYỆN NGƯỜI ĐI BUÔN LỪA ĐẢO

(*Kūṭavāṇijajāṭaka*) (J. II. 181)

Man trá trị man trá...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một người đi buôn lừa đảo.

Có hai người lái buôn ở Xá-vệ, một người lừa đảo và một người lương thiện. Hai người này hùn vốn với nhau, chất đầy hàng hóa trên năm trăm cỗ xe, di chuyển từ Đông sang Tây, buôn bán thâu hoạch lợi tức nhiều, rồi đi trở về Xá-vệ.

Người lái buôn lương thiện nói với người lái buôn lừa đảo:

– Thưa bạn, chúng ta sẽ chia hàng hóa.

Người lái buôn lừa đảo suy nghĩ: “Người này lâu ngày mệt mỏi vì thiếu ăn, thiếu ngủ; nay về nhà, được ăn uống đầy đủ các món ngon đặc biệt khác nhau sẽ chết vì không tiêu hóa được; khi ấy, tất cả hàng hóa thuộc về ta.” Vì vậy, anh ta nói:

– Các sao trời hôm nay không được tốt, ngày cũng không được lành. Mai mới chúng ta sẽ tính việc ấy.

Anh ta cố tìm có tri hoãn. Nhưng người lương thiện cứ thúc bách mãi nên họ cũng chia hàng hóa. Sau đó, vị ấy đem hương và vòng hoa đi đến cúng dường bậc Đạo sư, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Ông về từ bao giờ?

– Bạch Thế Tôn, con về khoảng nửa tháng.

Ngài lại hỏi:

– Tại sao ông chậm đến thăm Như Lai?

Vị ấy trình câu chuyện trên. Bậc Đạo sư nói:

– Nay nam cư sĩ, không phải chỉ nay kẻ ấy lừa đảo như vậy. Thuở xưa, kẻ đó cũng là người lái buôn lừa đảo.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vị ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình của một đại thần. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được cử làm quan Tư pháp.

Lúc bấy giờ, có hai người lái buôn, một người ở làng, một người ở thành phố làm bạn với nhau. Người ở làng giao cho người ở thành phố năm trăm lưỡi cày. Người ở thành phố bán những lưỡi cày ấy giữ lấy tiền, và tại chỗ cất những lưỡi cày ấy, anh ta rải phân chuột.

Sau một thời gian, người ở làng đến và nói:

– Hãy trả các lưỡi cày cho ta!

Người lái buôn lừa đảo nói:⁴⁵

– Các lưỡi cày của bạn đã bị chuột ăn hết!

⁴⁵ Xem D. I. 236, *Tevijjasutta* (Kinh Tam minh), số 13.

Và anh ta chỉ những đồng phân chuột. Người kia nói:

– Ôi, những con chuột! Chúng mày đã ăn thì ta còn làm gì được nữa?

Khi đi tắm, anh ta đem theo con trai của người lái buôn lừa đảo, gửi nó trong nhà một người bạn và dặn không cho đưa bé đi đâu cả, cứ bắt nó ngồi trong phòng. Sau khi tắm xong, anh ta đến nhà người lái buôn lừa đảo. Người này hỏi:

– Con tôi đâu?

– Thưa bạn, tôi để con bạn trên bờ sông. Trong khi tôi lặn dưới nước thì một con điều hâu đến giờ móng vuốt bắt con bạn và bay lên không rồi. Tôi cố gắng đập nước, la lớn tiếng, nhưng không thể cứu nó được.

– Bạn nói láo, con điều hâu không thể bắt đứa trẻ đem đi được!

– Nay bạn, sự thật là vậy. Việc không đáng xảy ra lại xảy ra thì tôi làm gì được? Con bạn đã bị con điều hâu bắt đi mất rồi!

Người kia mắng nhiếc:

– Ôi, tên lừa đảo độc ác! Ôi, kẻ giết người! Nay ta sẽ đi đến quan tòa và kéo mày đến đây!

Rồi anh ta ra đi. Người lái buôn ở làng nói:

– Hãy làm như ý bạn muốn!

Và anh ta đi đến pháp đường trình quan. Người lái buôn lừa đảo nói với Bô-tát:

– Thưa quan lớn, người này dắt con tôi đi tắm. Khi tôi hỏi con tôi đâu rồi, anh ta nói nó đã bị con điều hâu bắt đi rồi. Xin ngài xử vụ kiện này cho tôi.

Bô-tát nói với người kia:

– Nay ông, hãy khai sự thật!

– Thưa quan lớn, vâng đúng vậy. Tôi dẫn con nó đi, con nó bị điều hâu tha rồi. Sự thật là như vậy, thưa ngài.

– Nhưng ở đời làm sao điều hâu lại tha đứa trẻ đi được.

– Thưa quan lớn, tôi có một câu muốn hỏi ngài: Nếu các con điều hâu không thể bắt đứa trẻ và bay lên không được thì làm sao các con chuột lại ăn những lưỡi cày?

– Ông muốn nói gì thế?

– Thưa quan tòa, tôi có cất tại nhà người này năm trăm lưỡi cày. Khi tôi hỏi, anh ta nói những lưỡi cày ấy đã bị chuột ăn. Rồi anh ta chỉ cho tôi đồng phân của các con chuột đã ăn các lưỡi cày. Thưa quan lớn, nếu các con chuột ăn được lưỡi cày thì các con điều hâu cũng có thể mang đi các đứa trẻ. Nếu các con chuột không ăn được thì các con điều hâu cũng sẽ không mang đứa trẻ đi được. Anh ta nói các con chuột đã ăn các lưỡi cày, xin ngài hãy phán xét, chúng có thể bị ăn hay không thể bị ăn. Hãy xử vụ kiện này cho tôi!

Bồ-tát biết anh ta nghĩ ra cách man trá để đối trị với cách man trá của tên kia, nên ngài nói:

– Thật là một sự suy nghĩ khôn ngoan!

Rồi Bồ-tát đọc hai bài kệ này:

- | | |
|--|--|
| <p>135. Man trá trị man trá,
Dùng lừa đảo phản công,
Nếu cho rằng loài chuột,
Thì sao các điều hâu,</p> | <p>Đây thật suy tính hay,
Đối trị kẻ lừa đảo,
Có thể ăn lưỡi cày,
Lại không mang đứa trẻ?</p> |
| <p>136. Có những kẻ lừa đảo,
Có những kẻ lường gạt,
Mất con, ông hãy cho,
Người đã mất lưỡi cày,</p> | <p>Lừa đảo kẻ lừa đảo,
Lường gạt kẻ lường gạt!
Lưỡi cày kẻ đã mất,
Hãy trả con người khác!</p> |

Như vậy, kẻ mất con nhận lại con và kẻ mất lưỡi cày nhận lại lưỡi cày. Và về sau, cả hai đi theo nghiệp của mình khi mạng chung.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Người lái buôn lừa đảo thời bấy giờ và người ngày nay là một, người lái buôn lương thiện cũng là người hiện tại và vị quan Tư pháp là Ta vậy.

§219. CHUYỆN ĐÁNG CHỈ TRÍCH (*Garahitajātaka*) (J. II. 184)

Vàng ròng là của tôi...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thối thất tinh tấn và không hoan hỷ.

Vị này không thể tập trung tư tưởng vào một đối tượng độc nhất, và sống với tâm luôn luôn bất mãn. Tăng chúng đưa Tỷ-kheo ấy đến bậc Đạo sư. Ngài hỏi:

– Có thật chăng ông thối thất tinh tấn?

Vị ấy trả lời:

– Thật vậy, vì con bị phiền não chi phối.

Bậc Đạo sư nói với Tỷ-kheo ấy:

– Nay Tỷ-kheo, phiền não này, thuở trước đã bị ngay các loài bàng sanh khinh miệt. Ông đã xuất gia trong giáo pháp này, sao lại thối thất tinh tấn vì bị chi phối bởi thứ phiền não mà ngay các loài bàng sanh cũng khinh miệt?

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con khi

chúa ở khu vực Tuyết sơn. Bồ-tát bị một người đi rừng bắt đem về dâng vua. Sống lâu ngày trong cung vua, làm đầy đủ các bồn phận, Bồ-tát rõ biết việc làm, nếp sống trong thế giới loài người. Vua bằng lòng với sự phục vụ của khi chúa, liền cho gọi người thợ rừng và ra lệnh thả khi chúa tại chỗ trước kia nó đã bị bắt. Người đi rừng làm đúng như lệnh truyền. Khi đàn khi biết được Bồ-tát đã về, chúng đến thăm và hội họp trên một tảng đá lớn. Sau khi chào đón hỏi thăm Bồ-tát, chúng nói:

– Thừa chúa khi, trong thời gian dài như vậy, ngài sống ở đâu ?

– Trong cung vua tại Ba-la-nại, vua dùng ta như con khi làm trò mua vui và bằng lòng vì sự phục vụ của ta nên đã thả ta.

Các con khi ấy hỏi:

– Chắc ngài biết cách sống của loài người. Hãy nói cho chúng tôi biết! Chúng tôi muốn nghe chuyện ấy.

– Chớ có hỏi ta về nếp sống của loài người.

– Hãy nói đi, chúng tôi muốn nghe!

Bồ-tát nói:

– Loài người dầu là Sát-đế-ly hay Bà-la-môn đều nói: “Đây là tài sản của tôi!” Họ không hiểu tánh vô thường làm cho mọi vật biến hoại. Các bạn hãy nghe những hành động của những kẻ mù lòa ngu si ấy.

Rồi Bồ-tát đọc những bài kệ này:

- | | |
|--|---|
| <p>137. Vàng ròng là của tôi,
Như vậy suốt ngày đêm,
Những người ngu si ấy,</p> | <p>Vàng quý là của tôi!
Chúng rêu rao lớn tiếng,
Không nhìn đến Chánh pháp.</p> |
| <p>138. Trong nhà có hai chủ,
Vú dài, có tóc bện,
Được mua với nhiều tiền,</p> | <p>Một chủ không có râu,
Hai tai có đâm lỗ,
Làm khổ đau mọi người.</p> |

Nghe vậy, tất cả đều nói:

– Chớ nói, chớ nói nữa, chúng tôi vừa nghe điều không đáng nghe!

Chúng bịt chặt tai với hai tay. Và chúng không ưa chỗ ấy vì chúng nói:

– Tại chỗ này chúng ta đã nghe một điều không xứng đáng nghe!

Vì vậy, chúng đi chỗ khác. Tảng đá chúng ngồi được gọi là tảng đá bị chỉ trích, người ta nói như vậy.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo đặc quả Dự lưu và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, đàn khi là hội chúng của Như Lai, còn khi chúa là Ta vậy.

§220. CHUYỆN TẾ SƯ DHAMMADDHAJA**(Dhammaddhajajātaka) (J. II. 186)***Ngài sống về an lạc...*

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về những âm mưu sát hại Ngài. Lúc bấy giờ, Đạo sư nói:

– Đây các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà thuở trước cũng vậy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đã âm mưu sát hại Ta nhưng dù chỉ làm Ta sợ hãi cũng không thành.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, Vua Yasapāṇi trị vì Ba-la-nại, vua có một vị Tướng quân tên là Kālaka (Hắc Nhân). Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị cổ vắn tể tự tên là Dhammaddhaja (Ngọn Cờ Chánh Pháp). Vua có một người thợ hớt tóc và làm đồ trang sức đầu tóc cho vua tên là Chattapāṇi (Người Cầm Dù).

Vua trị vì theo Chánh pháp, nhưng vị tướng quân lo việc xử kiện thường ăn hối lộ và hay gièm pha. Khi đã lấy hối lộ, ông lừa đảo và chiếm đoạt tài sản của những người chủ sở hữu chính đáng.

Một hôm, một người bị thua trong một vụ kiện, hươ tay khóc lóc, khi đi ra khỏi pháp đình, thấy Bồ-tát đang hầu vua, liền gieo mình xuống chân Bồ-tát và thưa:

– Thưa ngài, trong khi ngài khuyến giáo vua về thánh sự và tục sự thì Tướng quân Kālaka lấy hối lộ, làm các người chủ sở hữu phải mất tài sản.

Và ông ta thuật lại vụ kiện của mình. Bồ-tát động mỗi bi tâm nói:

– Đây bạn, hãy đi theo ta, ta sẽ xử vụ kiện cho bạn!

Bồ-tát đưa người ấy đến pháp đường. Một số đông quần chúng tụ họp lại. Bồ-tát xử vụ kiện của người ấy, và khiến người chủ sở hữu được lấy lại tài sản. Quần chúng đều hoan hô. Tiếng hoan hô làm thành tiếng ồn ào lớn. Vua nghe tiếng ồn ào liền hỏi:

– Tiếng ồn ào gì vậy?

– Thưa Đại vương, một vụ kiện xử sai đã được bậc Hiền trí Dhammaddhaja xử lại đúng pháp, vì vậy, đó là tiếng ồn ào do quần chúng hoan hô.

Vua bằng lòng, bảo mời Bồ-tát đến và hỏi:

– Thưa Sư trưởng, trăm nghe nói Sư trưởng mới xử kiện?

– Thưa Đại vương, phải. Thân vừa xử xong một vụ kiện mà Tướng quân Kālaka đã xử sai.

Vua nói:

– Bắt đầu từ nay, Sư trưởng hãy xử các vụ kiện! Đôi tai trăm sẽ sung sướng và thế giới sẽ tăng thịnh.

Bồ-tát không muốn xử kiện. Nhưng vua yêu cầu:

– Vì thương xót mọi loài hữu tình, Sư trưởng hãy ngồi xử kiện!

Vì vậy, Bồ-tát nhận lời. Từ đây trở đi, Bồ-tát ngồi xử kiện và xử cho người chủ sở hữu chính đáng được thắng kiện. Còn Kālaka không được tiền hồi lộ, lợi dưỡng bị hao hụt nên bắt đầu gièm pha Bồ-tát trước mặt vua. Ông ta tâm với vua:

– Thưa Đại vương, Dhammaddhaja muốn đoạt quốc độ của ngài.

Vua không tin và bảo ông ta đừng nói như vậy nữa. Kālaka nói:

– Nếu Đại vương không tin thần, khi nào Dhammaddhaja đi đến hầu, Đại vương hãy nhìn qua cửa sổ, rồi Đại vương sẽ thấy Dhammaddhaja đã làm cho toàn thành phố nằm trong tay của ông ta.

Vua thấy đám người được Bồ-tát xử kiện, tưởng rằng đây là hội chúng của Bồ-tát. Vua sinh lòng nghi ngờ Bồ-tát và hỏi:

– Nay tướng quân, nay chúng ta phải làm gì?

– Thưa Thiên tử, hãy giết nó!

– Chúng ta không thấy nó phạm trọng tội nào, làm sao ta giết nó được?

– Đã có một cách.

– Cách gì vậy?

– Hãy bảo nó làm một việc không thể làm được! Khi nó làm không được, ta lấy tội ấy và ta sẽ giết nó.

– Nhưng việc gì không thể làm được?

– Thưa Đại vương, một khu vườn có đất tốt, được trồng cây và chăm sóc phải cần từ hai đến bốn năm mới sanh trái được. Đại vương hãy cho gọi nó đến và bảo: “Ngày mai, trẫm muốn đến chơi tại một khu vườn. Hãy làm cho trẫm một khu vườn!” Nó sẽ không thể làm được. Chúng ta nhân tội ấy sẽ giết nó.

Vua mời Bồ-tát đến nói:

– Thưa bậc Hiền trí, trẫm đến chơi tại khu vườn cũ lâu ngày đã chán. Nay trẫm muốn đến chơi ở một khu vườn mới. Hãy xây dựng cho trẫm một khu vườn mới! Nếu khanh không làm được việc ấy, khanh sẽ mất mạng!

Bồ-tát biết: “Có lẽ vì Kālaka không nhận được tiền hồi lộ nên nó làm cho vua chống đối ta.” Bồ-tát nói với vua:

– Thưa Đại vương, thần biết, thần sẽ lo việc ấy.

Rồi đi về nhà, sau bữa ăn, Bồ-tát nằm trên giường suy nghĩ.

Lúc ấy, chiếc ngai của Đế-thích trở thành nóng. Đế-thích hướng tâm suy nghĩ, biết rằng Bồ-tát đang gặp khó khăn, liền vội vàng hiện đến phòng ngủ của ngài, đứng trên không và hỏi:

– Thưa bậc Hiền trí, ngài đang suy nghĩ gì?

– Người là ai?

– Ta là Đế-thích.

– Vua bảo ta làm một khu vườn nên ta suy nghĩ về vấn đề ấy.

– Thưa bậc Hiền trí, chớ lo âu, tôi sẽ làm cho ngài một khu vườn như rừng Nandana, như rừng Cittalata ở thiên giới. Ta sẽ làm tại chỗ nào?

– Hãy làm tại chỗ ấy!

Đế-thích làm khu vườn xong, đi về thành chư thiên. Ngày hôm sau, tận mắt thấy khu vườn, Bồ-tát đi báo cho vua:

– Thưa Đại vương, khu vườn đã làm xong cho ngài, xin hãy đi đến tiêu khiển.

Vua đi đến, thấy khu vườn có thành bao vây, rộng mười tám khuỷu tay, có sắc đỏ, có các cửa và vọng lâu, được tô điểm với nhiều loại cây nặng trĩu hoa và trái, vì vậy vua nói với Kālaka:

– Bậc Hiền trí đã làm như lời ta nói. Nay chúng ta phải làm gì?

– Thưa Đại vương, nếu nó có thể làm một ngôi vườn trong đêm thời sao nó không thể cướp đoạt vương quốc?

– Nay chúng ta phải làm cái gì?

– Chúng ta có thể bảo nó làm một việc khác không thể làm được.

– Việc gì vậy?

– Chúng ta bảo nó làm một cái hồ bằng bảy báu.

Vua nói:

– Tốt lắm.

Và vua cho gọi Bồ-tát đến và bảo:

– Thưa Sư trưởng, Sư trưởng đã làm xong khu vườn. Sư trưởng hãy làm một cái hồ bảy báu tương xứng với khu vườn này. Nếu không thể làm được, mạng sống của khanh không còn nữa!

Bồ-tát thưa:

– Tốt lắm, thưa Đại vương, có thể thần sẽ làm được.

Rồi Đế-thích làm một cái hồ tuyệt đẹp có một trăm cái bến, có một ngàn khúc cong, trên che kín với sen năm sắc, giống như hồ trong vườn Nandana ở thiên giới.

Hôm sau, Bồ-tát tận mắt thấy cái hồ ấy liền báo cho vua biết:

– Thưa Thiên tử, cái hồ đã làm xong cho ngài.

Vua thấy cái hồ, lại bảo Kālaka:

– Nay chúng ta phải làm gì?

– Thưa Đại vương, hãy bảo nó làm một cái nhà tương xứng với khu vườn!

Vua bảo Bồ-tát:

– Thưa Sư trưởng, nay hãy làm một ngôi nhà toàn bằng ngà tương xứng với

khu vườn và cái hồ này. Nếu khanh không làm được, mạng sống của khanh sẽ không còn.

Và Đế-thích làm một ngôi nhà đúng như vậy. Hôm sau, Bồ-tát tận mắt thấy ngôi nhà liền báo cho vua biết. Vua thấy ngôi nhà ấy, hỏi Kālaka:

– Nay chúng ta phải làm gì?

– Thưa Đại vương, hãy bảo nó làm một hòn ngọc tương xứng với ngôi nhà!

Vua bảo Bồ-tát:

– Nay bậc Hiền trí, hãy làm một hòn ngọc tương xứng với ngôi nhà bằng ngà này! Với ánh sáng hòn ngọc, trăm sẽ đi dạo chơi trong nhà. Nếu khanh không làm được, khanh sẽ không còn mạng sống nữa.

Rồi Đế-thích làm xong hòn ngọc. Hôm sau, Bồ-tát tận mắt thấy hòn ngọc liền trình vua. Vua hỏi Kālaka nên làm gì, Kālaka thưa:

– Thưa Đại vương, thần nghĩ có một vị thần nào đó đã làm theo ý muốn của Bà-la-môn Dhammaddhaja, nay hãy bảo nó làm một cái gì mà ngay các vị thần cũng không làm được. Các vị thần không thể làm được một con người đầy đủ bốn đức tánh. Do vậy, Đại vương hãy bảo nó làm một người giữ vườn đầy đủ bốn đức tánh!

Vua bảo Bồ-tát:

– Nay Sư trưởng, Sư trưởng đã làm xong cho chúng ta một khu vườn, một cái hồ, một cung điện bằng ngà, một hòn ngọc chiếu tỏa ánh sáng. Nay khanh hãy làm một người giữ vườn đầy đủ bốn đức tánh để bảo vệ khu vườn của ta! Nếu khanh không thể làm được, khanh sẽ mất mạng.

Bồ-tát đáp:

– Thưa vâng, nếu có thể, thần sẽ lo làm việc ấy.

Rồi ngài đi về nhà. Sau bữa ăn ngon, ngài nằm nghỉ. Sáng sớm, ngài thức dậy ngồi trên mặt giường, suy nghĩ: “Thiên chủ Đế-thích đã làm những gì có thể làm được, nhưng Đế-thích không có thể làm con người giữ vườn đầy đủ bốn đức tánh. Sự việc là như vậy, thà chết cô độc trong rừng tốt hơn là chết trong tay người khác.”

Vì vậy, không nói với một ai, Bồ-tát từ lâu đi xuống, ra khỏi thành bằng cổng chính, vào rừng và ngồi dưới một gốc cây suy tư về thiện pháp. Đế-thích biết sự việc ấy, hóa làm một người thợ rừng đến gặp Bồ-tát và thưa:

– Thưa ngài Bà-la-môn, ngài được nuôi dưỡng tế nhị, sao lại đi vào rừng này ngồi làm gì?

Để hỏi ý nghĩa này, Đế-thích đọc bài kệ đầu:

139. Ngài sống về an lạc, Sao bỏ nước vào rừng?
 Như một người khốn khổ, Một mình dưới gốc cây,
 Ngồi thần thờ sầu muộn?

Nghe vậy, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

140. Ta sống về an lạc,
Như một người khốn khổ,
Suy tư về thiện pháp.

Nhưng bỏ nước vào rừng,
Cô độc ngồi gốc cây,

Rồi Đế-thích thưa:

– Thưa ngài Bà-la-môn, sự việc là như vậy, sao ngài ngồi tại chỗ này?

– Vua bảo làm một người giữ vườn đầy đủ bốn đức tánh và vì không thể làm được một người như vậy nên ta suy nghĩ: “Sao ta lại chết trong tay người khác? Ta sẽ vào rừng và chết cô độc ở đó.” Vì vậy nên ta đến đây.

– Thưa ngài Bà-la-môn, tôi là Thiên chủ Đế-thích, tôi đã làm ngôi vườn, v.v... cho ngài. Tôi không thể làm một người đầy đủ bốn đức tánh, nhưng trong nước của vua có một thợ hót tóc tên là Chattapāṇi đầy đủ bốn đức tánh. Nếu phải có một người giữ vườn, hãy giới thiệu người hót tóc này là người giữ vườn.

Đế-thích khuyên nhủ Bồ-tát, an ủi Bồ-tát chớ sợ gì nữa, rồi đi về thành phố chư thiên. Bồ-tát về nhà, ăn sáng xong, đi đến cửa cung thấy Chattapāṇi tại đây. Ngài cầm tay anh ta và hỏi:

– Thưa bạn Chattapāṇi, nghe nói bạn có đủ bốn đức tánh phải không?

Chattapāṇi nói:

– Ai bảo ngài tôi có đầy đủ bốn đức tánh?

– Chính Thiên chủ Đế-thích!

– Vì nguyên nhân gì Đế-thích nói vậy?

Bồ-tát kể lại tất cả câu chuyện và nói lý do ấy.

Anh ta đáp:

– Thưa vâng, tôi có đầy đủ bốn đức tánh.

Bồ-tát liền cầm tay Chattapāṇi đi đến yển kiến vua và thưa:

– Thưa Đại vương, Chattapāṇi này có đủ bốn đức tánh. Nếu cần một người giữ vườn, Đại vương hãy bảo người này giữ vườn!

Vua hỏi Chattapāṇi:

– Có thật là khanh đầy đủ bốn đức tánh?

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

– Khanh có bốn đức tánh nào?

Vị ấy đọc bài kệ này:

Tôi không có ganh tị,
Tôi không có ái nhiễm,
Thiên tử, tôi là vậy.

Tôi cũng không uống rượu,
An trú không phần nộ,

Vua hỏi:

– Này Chattapāṇi, có phải khanh nói: “Tôi không có ganh tị?”

– Đúng vậy, thưa Thiên tử.

– Thấy những duyên có gì, khanh không có ganh tị?

– Thừa Đại vương, hãy nghe đây!

Chattapāṇi đọc bài kệ này, nói lên tính không ganh tị của mình:

Xưa vì một nữ nhân,	Là vua, tôi ra lệnh,
Bắt trói vị tể sư,	Nhưng vị ấy dạy tôi,
An trú vào Thánh pháp,	Do vậy, tôi không ganh.

Rồi vua hỏi Chattapāṇi:

– Nay Chattapāṇi, do thấy tác hại gì, khanh là người không uống rượu?

Chattapāṇi đọc bài kệ này:

Kính thưa bậc Đại vương,	Xưa tôi uống rượu say,
Tôi đã ăn cả thịt,	Chính đứa con trai tôi,
Tôi khổ đau sâu muộn,	Thề từ bỏ uống rượu.

Rồi vua lại hỏi:

– Nay bạn, do thấy duyên có gì bạn không còn ái nhiễm?

Chattapāṇi nói lên duyên có ấy với một bài kệ này:

Xưa tôi chính Đại vương,	Tên Kitavāsa,
Con tôi đã làm vỡ,	Bình bát Độc Giác Phật,
Và nó phải mạng chung,	Do vậy, không ái nhiễm.

Vua tiếp tục hỏi Chattapāṇi:

– Do duyên có gì, bạn trở thành người không phần nộ?

Chattapāṇi nói lên duyên có ấy với một bài kệ này:

Tôi là Araka,	Bảy năm tu từ tâm,
Bảy kiếp sống Phạm thiên,	Do vậy không phần nộ.

Khi Chattapāṇi đã nói lên bốn đức tánh của mình, vua khen ngợi Bồ-tát trước hội chúng. Ngay lúc ấy, các vị đại thần, Bà-la-môn, gia chủ, v.v... đều đứng dậy và la lớn:

– Ôi, đồ ăn hôi lộ! Ôi, kẻ ăn trộm ác độc! Người không được của hôi lộ nên nói xấu bậc Hiền trí và muốn giết vị ấy.

Họ bắt giữ Kālaka, kéo ông ta ra khỏi cung vua, rồi chụp lấy bất cứ vật gì, kẻ lấy đá, người lấy côn, họ đánh ông ta vỡ đầu và chết ngay. Xong họ nắm chân ông ta lôi đi và quăng xác trên đồng phân.

Từ đó về sau, vua trị nước thật đúng pháp, rồi đi theo nghiệp của mình lúc mạng chung.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, tướng Kālaka là Devadatta, người thợ hớt tóc Chattapāṇi là Sāriputta, còn Dhammaddhaja là Ta vậy.

VIII. PHẨM KĀSĀVA (KĀSĀVAVAGGA)

§221. CHUYỆN TÂM Y VÀNG (*Kāsāvajātaka*)⁴⁶ (J. II. 196)

Ai đây những uế nhiễm...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Một thời, vị Tướng quân Chánh pháp Sāriputta (Xá-lợi-phất) sống với năm trăm Tỷ-kheo ở Trúc Lâm. Devadatta sống với hội chúng Tỷ-kheo theo ác giới ở tại Gayāsīsa.

Lúc bấy giờ, dân chúng ở Vương Xá thường chung nhau lại để bố thí. Một thương gia đến đây để buôn bán, đem theo một tấm y vàng đượm mùi thơm có giá trị lớn và nói:

– Xin hãy cho tôi dự phần vào sự cúng dường, tôi xin cúng dường tấm y này!

Dân ở thành Vương Xá tổ chức một cuộc bố thí lớn. Tất cả những phẩm vật tùy nguyện đóng góp đều được phân phát hết, chỉ còn lại tấm y. Quần chúng hội họp lại và bàn tính:

– Chỉ còn tấm y đẹp và thơm tho này, chúng ta sẽ cúng dường cho ai? Cúng cho Trưởng lão Sāriputta hay Trưởng lão Devadatta?

Một số người nói:

– Trưởng lão Sāriputta chỉ sống ở đây một vài ngày rồi đi tùy theo sở thích. Còn Trưởng lão Devadatta luôn luôn sống gần thành phố của chúng ta trong lúc may mắn cũng như lúc rủi ro. Chúng ta hãy cúng dường Devadatta!

Khi so sánh xem nên cúng cho ai giữa hai Trưởng lão thì những người muốn cúng cho Devadatta chiếm đa số. Vì vậy, họ cúng dường tấm y ấy cho Devadatta. Vị ấy cắt may và nhuộm tấm y vàng. Sau khi hoàn thành, Devadatta đắp tấm y ấy.

Lúc bấy giờ, có ba mươi Tỷ-kheo đi từ Vương Xá về đánh lễ bậc Đạo sư. Sau khi nói những lời chào đón hỏi thăm, các Tỷ-kheo báo tin ấy cho bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, Devadatta tự mình không xứng đáng, lại đắp biểu tượng của A-la-hán.

⁴⁶ Tham chiếu: J. V. 40, *Chaddantajāṭaka* (Chuyện tương vương ở hồ Chaddanta), số §514; Dh. v. 9; Thag. v. 949; *Pháp cú kinh* “Song yếu phẩm” 法句經雙要品 (T.04. 0210.9. 0562a11); *Xuất diệu kinh* “Song yếu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tương ưng phẩm” 法集要頌經相應品 (T.04. 0213.29. 0792c29).

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta không xứng đáng đắp biểu tượng của bậc A-la-hán. Thuở trước, Devadatta cũng đã như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra làm con voi trong một đàn voi ở khu vực Tuyết sơn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát là chúa đàn cùng với tám mươi con voi sống ở trong rừng.

Một người nghèo khổ sống ở Ba-la-nại thấy các thợ ngà tại một con đường đang làm các loại vòng tay, v.v... bằng ngà, liền hỏi:

– Nếu ta có ngà voi, các người có mua không?

Họ nói:

– Vâng, chúng tôi sẽ mua.

Rồi anh ta cầm binh khí, mặc một tấm vải vàng, giả dạng một vị Phật Độc Giác, buộc một búi tóc giả, đứng nấp tại con đường voi đi, dùng binh khí giết voi, lấy ngà bán tại Ba-la-nại và sinh sống với cách ấy.

Ngày này qua ngày khác, khi đàn voi đi qua, anh ta chỉ rình giết con voi đi cuối cùng của đàn voi do Bồ-tát làm chủ. Với thời gian, số voi dần dần giảm thiểu, và chúng hỏi Bồ-tát vì nguyên nhân gì số voi giảm thiểu. Bồ-tát tìm hiểu và suy nghĩ: “Có thể một người nào đó đội lột Độc Giác Phật, đứng ở cuối đường các con voi đi qua, có thể nó đã giết các con voi. Ta sẽ tìm cho ra manh mối.”

Một hôm, Bồ-tát cho các con voi đi đầu và mình đi sau cùng. Người ấy thấy Bồ-tát, liền cầm binh khí xông ra. Bồ-tát quay lại, đứng giương vòi ra và nghĩ: “Ta sẽ quật nó ngã xuống đất và giết nó!” Nhưng khi thấy tấm áo vàng người ấy mặc, Bồ-tát nghĩ: “Ta phải kính trọng biểu tượng của bậc A-la-hán mà nó lạm dụng để mặc.”

Bồ-tát cuộn vòi lại và nói:

– Nay người, sao người lại mặc biểu tượng của bậc A-la-hán khi người không xứng đáng mặc?

Rồi Bồ-tát đọc những bài kệ này:

- | | |
|---|--|
| <p>141. Ai đây những uesthiễm,
Tự mình không chế ngự,
Kẻ ấy không xứng đáng,</p> | <p>Lại mặc áo cà-sa,
Không tôn trọng sự thật,
Được mặc áo cà-sa.</p> |
| <p>142. Ai gột sạch uesthiễm,
Tự mình có chế ngự,
Vị ấy thật xứng đáng,</p> | <p>Vững vàng trong giới luật,
Biết tôn trọng sự thật,
Được mặc áo cà-sa.</p> |

Như vậy, Bồ-tát nói lên những lời giáo hóa này với người ấy, rồi hăm dọa như sau:

– Bắt đầu từ nay chớ đến đây nữa. Nếu người đến, người sẽ mất mạng.
Và Bồ-tát đuổi anh ta đi.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:
– Lúc bấy giờ, người giết voi là Devadatta, còn chúa voi là Ta vậy.

§222. CHUYỆN CON KHỈ CULLANANDIYA

(*Cullanandiyajātaka*)⁴⁷ (J. II. 199)

Đây là lời Sư trưởng...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Một hôm, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện:

– Thừa các Hiền giả, Devadatta khắc nghiệt, độc ác, tàn nhẫn, thúc đẩy tên tướng cướp hại bậc Chánh Đẳng Giác. Rồi vị ấy xô hòn đá, thúc đẩy con voi Nālāgiri,⁴⁸ không có kham nhẫn, từ bi, lân mẫn đối với đức Như Lai.

Bậc Đạo sư đến tại pháp đường và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông hội họp ở đây đang bàn vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không chỉ nay mà trước kia cũng vậy, Devadatta đã khắc nghiệt, độc ác, không có từ bi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm con khỉ tên là Mahānandiya (Đại Hoan Hỷ), sống ở vùng Tuyết sơn. Con khỉ em của Bồ-tát tên là Cullanandiya (Tiểu Hoan Hỷ), cả hai được tám trăm ngàn con khỉ vây quanh và sống sẵn sóc mẹ mù. Chúng đặt mẹ nằm trong bụi cây và đi vào rừng hái những trái cây ngọt, v.v... gửi về cho mẹ, nhưng những con khỉ đem về không đưa trái cây cho bà nên bà bị đói hành hạ, chỉ còn da bọc xương.

Khi về, Bồ-tát nói với mẹ:

– Thừa mẹ, chúng con có gửi cho mẹ các loại trái cây ngon ngọt, sao mẹ ốm yếu thế này?

Bà mẹ trả lời:

– Nay con thân yêu, mẹ không nhận được gì cả.

⁴⁷ Xem J. III. 158, *Dhonasākhajātaka* (Chuyện cảnh cây tòa rộng), số §353; Pe. 23, *Sāsanapaṭṭhānadutiyabhūmi* (Phần thứ hai, sự hình thành giáo pháp); *Questions of Milinda* trong SBE. XXXV, p. 287.

⁴⁸ Xem Cv. VII. 190.

Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu ta săn sóc đàn khi, mẹ ta sẽ chết mất. Ta sẽ rời đàn khi để săn sóc cho mẹ ta.”

Bồ-tát gọi Cullanandiya và nói:

– Này em thân, hãy săn sóc đàn khi. Còn ta, ta sẽ săn sóc mẹ!

Cullanandiya nói:

– Thừa anh, em không thể lo lắng cho đàn khi. Em chỉ muốn săn sóc mẹ.

Như vậy, cả hai đều đồng một ý muốn, đi xuống Tuyết sơn, lựa một gốc cây bàng tại biên địa làm chỗ trú ẩn và nuôi dưỡng khi mẹ.

Bấy giờ, một thanh niên Bà-la-môn sống ở Ba-la-nại, sau khi học tất cả các nghề với một Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương ở Takkasilā, anh ta đến xin phép Sư trưởng để ra đi. Vị Sư trưởng có tài đoán tướng, biết người đệ tử này độc ác, tàn nhẫn, khắc nghiệt, liền nói:

– Này con thân, người độc ác, tàn nhẫn sẽ gặp tai nạn đau khổ lớn. Con chó nên khắc nghiệt, chó làm gì ác độc để sau phải hối hận!

Vị Sư trưởng khuyên dạy như vậy rồi để đệ tử ra đi. Thanh niên ấy đánh lễ vị Sư trưởng rồi trở về Ba-la-nại và lập gia đình. Anh ta không thể sống với các nghề khác nên quyết định sống nhờ mũi nhọn cung tên. Anh ta trở thành một người thợ săn, và rời khỏi thành Ba-la-nại để kiếm sống tại một làng ở biên địa. Hàng ngày, nai nịt với cung tên, anh ta đi vào rừng, giết các loài thú đem về bán thịt và sống qua ngày.

Một hôm, anh ta không săn được gì trong rừng; khi về, anh ta thấy một cây bàng đứng ở cuối một khoảng rừng trống. Anh ta đi đến hướng cây bàng ấy với hy vọng tìm được vật gì ở đây. Lúc bấy giờ, hai anh em nhà khi đang cho bà mẹ ăn các loại trái ngọt, và đặt bà ngồi trên thân cây. Khi thấy người thợ săn đi đến, hai anh em liền núp giữa các cành cây, xem anh ta sẽ làm gì. Con người tàn nhẫn ấy, khi đến gốc cây thấy khi mẹ của chúng mù lòa, già yếu, liền nghĩ: “Sao ta lại về tay không? Bán con khi này xong ta sẽ đi.” Rồi anh ta liền cầm cung lên để bắn. Thấy vậy, Bồ-tát nói:

– Này em Cullanandiya thân, người này muốn giết mẹ chúng ta. Anh sẽ thay thế mạng sống cho mẹ. Sau khi anh chết, em sẽ săn sóc mẹ.

Nói xong, Bồ-tát từ giữa cành cây đi ra và nói:

– Này người kia, chó có bắn mẹ ta. Mẹ ta mù, già yếu, ta sẽ đổi mạng sống cho mẹ ta. Ông chó giết mẹ ta, hãy giết ta!

Sau khi hứa với kẻ ấy, Bồ-tát liền ngồi xuống tại chỗ. Tên thợ săn ấy không có lòng từ, nhắm bắn Bồ-tát ngã xuống, rồi lấp cung tên định nhắm bắn khi mẹ. Cullanandiya thấy vậy, suy nghĩ: “Người độc ác này muốn bắn cả mẹ ta nữa. Nếu mẹ ta sống thêm một ngày là một ngày mẹ ta-tăng thêm tuổi thọ, vậy ta sẽ cứu sống mẹ ta.” Nó từ giữa cành cây đi ra và nói:

– Này người kia, chớ giết mẹ ta, ta sẽ chết để cứu mẹ được sống. Hãy bắn ta, bắt cả hai anh em chúng ta để mẹ chúng ta được sống!

Sau khi hứa với thợ săn, khi em ngồi xuống trong tầm mũi tên. Kẻ săn bắn độc ác giết luôn khi em và suy nghĩ: “Ta còn mấy đứa con ở nhà nữa. Ta phải bắn luôn khi mẹ, để đem thịt về cho chúng.” Khi đã hạ sát ba mẹ con khi, anh ta mang cả ba xác khi trên một đòn gánh và về nhà. Trong lúc ấy, sấm sét nổi lên đánh xuống nhà kẻ độc ác, thiêu cháy vợ, con và cả cái nhà. Cái nhà bị sét đánh thiêu rụi chỉ còn lại bộ sườn nhà và các cây cột tre cháy đen.

Tại cổng làng, một người thấy anh ta liền báo tin ấy cho anh ta biết. Quá sầu khổ vì vợ con, ngay tại chỗ anh ta quăng đòn gánh, thịt, cây cung, bỏ cả áo mặc, trần truồng, hươ tay khóc than đi vào nhà. Khi ấy, một cây cột bị gãy, rơi xuống và đánh vỡ đầu anh ta. Cùng lúc ấy, đất mở rộng, lửa từ địa ngục A-tỳ (Vô Gian) phun lên đốt tan xác anh ta. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, anh ta nhớ lời khuyên giáo của vị Sư trưởng: “Đây là lời dạy mà Bà-la-môn Pārāsariya đã cho ta.” Rồi anh ta than khóc và đọc hai bài kệ này:

- | | |
|--|--|
| <p>143. Đây là lời Sư trưởng,
“Chớ nên làm điều ác,</p> | <p>Pārāsariya,
Khiến người phải hối tiếc.”</p> |
| <p>144. Việc gì con người làm,
Làm việc lành được lành,
Như gieo hạt giống nào,</p> | <p>Sẽ thấy nó trên thân,
Làm việc ác gặp ác,
Đem lại quả giống ấy.</p> |

Anh ta vừa đọc kệ xong, đất liền vui lấp anh ta và ngay lúc ấy anh ta đọa vào địa ngục A-tỳ.

Bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới cay nghiệt, độc ác. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã cay nghiệt, độc ác, không có lòng từ bi như vậy rồi.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, kẻ đi săn là Devadatta, vị Sư trưởng danh tiếng nhiều phương là Sāriputta, Cullanandiya là Ānanda, bà mẹ là Mahāpajāpati, còn khi chúa Mahānandiya là Ta vậy.

§223. CHUYỆN THỨC ĂN ĐI ĐƯỜNG (*Putabhatajātaka*)⁴⁹ (J. II. 202)

Cung kính người biết kính...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một điền chủ.

Tương truyền, một người điền chủ sống ở thành Xá-vệ có giao thiệp buôn bán với một người điền chủ ở thôn quê. Ông ta đem theo vợ đi đến gặp người có mắc nợ. Người mắc nợ nói:

⁴⁹ Xem J. III. 106, *Godhajātaka* (Chuyện con kỳ nhông), số §333.

– Tôi không thể trả được.

Và anh ta không trả gì. Người điền chủ này tức giận đi về và không ăn cơm. Trên đường đi, vài người thấy anh ta có vẻ đói quá liền cho một nồi cơm và nói:

– Hãy ăn và cho vợ anh ăn với!

Anh ta lấy nồi cơm ấy, nhưng không muốn chia phần cho vợ ăn nên nói:

– Này em, chỗ này là chỗ trú ẩn của bọn ăn cướp. Em hãy đi trước!

Anh ta bảo vợ đi trước, rồi ăn hết phần cơm và khi đưa vợ xem cái nồi trống, anh ta nói:

– Này em, người ta cho một cái nồi không có cơm.

Người vợ biết chồng đã ăn hết cơm một mình nên lòng rất buồn bã. Khi đi đến gần tinh xá Kỳ Viên, cả hai người muốn vào đó và xin nước uống.

Bậc Đạo sư ngồi nơi bóng mát của hương phòng, dõi nhìn dáng họ đang đi đến, như người thợ săn đang im [chờ mồi]. Thấy bậc Đạo sư, hai vợ chồng đi đến, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư thân mật đón tiếp và hỏi:

– Này nữ cư sĩ, chồng con có thương con và muốn con được hạnh phúc không?

– Bạch Thế Tôn, con thương chồng con nhưng anh ta không thương con, không kể những chuyện tệ bạc khác, ngay hôm nay, bạch Thế Tôn, giữa đường có một người cho anh ta một nồi cơm nhưng anh ta không cho con gì cả mà chỉ ăn một mình.

– Này nữ cư sĩ, con luôn luôn thương chồng con và con muốn anh ta hạnh phúc. Nhưng chồng con lại không thương con. Tuy vậy, nếu các bậc Hiền trí cho chồng con biết các đức tánh quý báu của con thì anh ta sẽ hết sức thương yêu, kính trọng con.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của người vợ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một vị đại thần. Khi lớn lên, ngài trở thành cố vấn cho vua về các vấn đề thánh sự và tục sự. Lúc bấy giờ, vua sợ con mình có âm mưu chống lại mình nên đuổi con đi. Hoàng tử đem vợ con theo, đi ra khỏi thành và đến sống tại một ngôi làng nhỏ ở nước Kāsi.

Một thời gian sau, hoàng tử nghe vua cha từ trần và suy nghĩ: “Nay ta sẽ nhận lấy vương quốc thuộc quyền sở hữu của gia đình.” Hoàng tử trở về, giữa đường, có một người cho hoàng tử một nồi cơm và nói:

– Hãy ăn và cho vợ cậu ăn cùng!

Hoàng tử nhận lấy nồi cơm nhưng không cho vợ, chỉ ăn hết một mình. Vợ chàng suy nghĩ: “Người này thật là cay nghiệt!” và nàng cảm thấy lòng đầy sầu muộn.

Sau đó, hoàng tử về đến Ba-la-nại, nhận được vương quốc, phong vợ lên địa vị hoàng hậu và nghĩ: “Như vậy là đủ với vợ ta rồi.” Vua đối với hoàng hậu không tỏ thêm một sự quan tâm hay tôn trọng gì khác, cho đến độ hoàng hậu đến hầu, vua cũng không hỏi: “Hiện thế sống ra sao?”

Lúc ấy, Bồ-tát là cố vấn của vua suy nghĩ: “Hoàng hậu này giúp ích vua nhiều và thương yêu vua. Nhưng vua không nghĩ gì đến hoàng hậu. Ta sẽ làm cho vua tôn trọng, kính nể hoàng hậu.” Vì vậy, Bồ-tát đi đến gần hoàng hậu chào hỏi cung kính và đứng một bên.

Hoàng hậu hỏi:

– Này khanh, có việc gì?

Bồ-tát nói:

– Thưa Hoàng hậu, làm sao chúng thần có thể hầu lệnh bà được? Lệnh bà phải cho các người già cả một miếng vải hay một vắt cơm chứ?

– Này khanh thân, chính ta cũng không hề có một vật gì, làm sao ta có thể cho các người được? Khi ta có của, ta đâu có hà tiện, nhưng nay đức vua không cho ta gì cả. Đừng nói cái gì khác, ngay khi đức vua đi về để nhận quốc độ, giữa đường được người cho một nồi cơm, đức vua cũng không cho ta một chút cơm, chỉ một mình ăn hết!

– Thưa Hoàng hậu, lệnh bà có thể đi đến yết kiến vua và nói lên như vậy không?

– Này khanh thân, ta có thể nói.

– Vậy hôm nay, khi thần đứng gần vua và khi thần hỏi, lệnh bà hãy trả lời như vậy. Thần sẽ làm cho vua biết được công hạnh của lệnh bà.

Nói vậy xong, Bồ-tát đi đến đứng một bên vua. Hoàng hậu cũng đến và đứng gần vua. Rồi Bồ-tát hỏi:

– Thưa Hoàng hậu, lệnh bà thật là keo kiệt. Đúng ra, lệnh bà nên bố thí cho những người già một miếng vải hay một vắt cơm chứ?

Bà liền đáp:

– Này khanh, ta không nhận được từ đức vua một cái gì cả, làm sao ta có thể cho các người được?

– Phải chăng lệnh bà không phải là hoàng hậu chánh cung?

– Này khanh, khi không được một chút tôn trọng thì địa vị chánh cung hoàng hậu để làm gì? Nay đức vua có thể cho gì ta được nữa? Khi về nước, giữa đường, đức vua được cho nồi cơm nhưng đức vua không cho ta một chút gì, chỉ ăn một mình!

Bồ-tát hỏi:

– Thưa Đại vương, có phải như vậy chăng?

Vua xác nhận là có. Bồ-tát nghe vua xác nhận, liền thưa:

– Thưa Hoàng hậu, khi đức vua không yêu thương lệnh bà, sao lệnh bà còn

ở đây? Ở đời, khổ thay là chung sống không có tình thương! Khi lệnh bà ở đây, hết lòng chung thủy với đức vua nhưng đức vua không có tình thương, việc ấy chắc chắn sẽ đem lại khổ đau cho lệnh bà.

Bồ-tát khuyên dạy tiếp:

– Các loài chúng sanh san sẻ với những ai biết san sẻ. Ngay khi biết ai không có tánh san sẻ, ta cần phải bỏ đi chỗ khác vì còn có rất nhiều người sống ở đời này!

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc các bài kệ này:

- | | |
|--|--|
| <p>145. Cung kính người biết kính,
Với ai làm bốn phận,
Với ai làm lợi mình,
Với ai không san sẻ,
Hãy xử sự khinh xuất,</p> | <p>Chia với người biết chia,
Hãy làm đủ bốn phận,
Hãy làm lợi người ấy,
Chớ nên san sẻ lại,
Với những ai khinh xuất.</p> |
| <p>146. Chớ giữ lòng thương yêu,
Phải có lòng chia sẻ,
Khi loài chim biết được,
Chúng bay đến cây khác,</p> | <p>Với ai hết thương yêu,
Chung sống để an ủi,
Cây không còn trái nữa,
Thế giới thật lớn thay!</p> |

Nghe nói vậy, vua xứ Ba-la-nại liền dành cho hoàng hậu tất cả sự kính trọng và uy quyền. Từ đó trở đi, vua và hoàng hậu sống hòa hợp, hoan hỷ và thương yêu nhau hơn.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng, hai vợ chồng ấy đắc quả Dự lưu. Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Hai vợ chồng này là hai vợ chồng thuở trước, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§224. CHUYỆN CON CÁ SÁU (*Kumbhīlajātaka*) (J. II. 205)

Ai đủ bốn pháp này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), như chương I, *Chuyện khi chúa*.⁵⁰

- | | |
|--|---|
| <p>147. Ai đủ bốn pháp này,
Chân thật và chánh nghĩa,
Vị ấy vượt thắng lên,</p> | <p>Hỡi vua các loài khi,
Kiên trì và xả thí,
Các tà kiến bất chánh.</p> |
| <p>148. Ai không đủ bốn pháp,
Chân thật và chánh nghĩa,
Vị ấy không vượt lên,</p> | <p>Công đức thiện thù thắng,
Kiên trì và xả thí,
Các tà kiến bất chánh.</p> |

⁵⁰ Xem J. I. 280, *Vānarindajātaka* (Chuyện khi chúa), số §57; Cp. 97, *Kapirājacariya* (Hạnh của con khi chúa).

§225. CHUYỆN ĐỀ CAO TÍNH KHAM NHẪN**(*Khantivāṇṇanajātaka*) (J. II. 206)***Thưa Thiên tử, thần có...*

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Bấy giờ, một vị đại thần giúp ích nhiều cho vua đã lợi dụng chức vụ và thông gian trong nội cung. Vua biết được kẻ phạm tội nhưng vì vị đại thần ấy giúp nhiều cho vua nên vua chịu đựng tội lỗi kia và thưa chuyện với bậc Đạo sư. Ngài nói:

– Các vua thuở trước, thưa Đại vương, cũng chịu đựng như vậy.

Rồi theo lời vua thỉnh cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một đại thần thông gian trong nội cung. Vị đại thần ấy cũng có một người hầu cận thông gian trong nhà mình. Đại thần ấy không thể chịu đựng tội phạm ấy, vì thế đã đem nó đến trước vua và hỏi:

– Thưa Thiên tử, thần có một người hầu cận làm tất cả mọi việc cho thần nhưng nó lại thông gian tại nhà thần. Nay phải làm gì với nó?

Và vị ấy đọc bài kệ đầu:

149.	Thưa Thiên tử, thần có, Người ấy đã phạm tội,	Một người giỏi nhiều việc, Ngài nghĩ phải làm gì?
-------------	--	--

Nghe vậy, vua đọc bài kệ thứ hai:

150.	Và chính ta cũng có, Người tốt thật khó tìm,	Người như vậy đứng đây, Nên ta cần kham nhẫn!
-------------	---	--

Vị đại thần biết lời vua nói ám chỉ mình và từ đấy trở đi không dám thông gian trong nội cung nữa. Còn người hầu hạ ấy biết vấn đề đã được tâu với vua nên từ đấy trở đi không dám hành động sai quấy nữa.

Sau khi nói pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Ta là vua xứ Ba-la-nại, còn vị đại thần ấy biết vua đã thưa với bậc Đạo sư câu chuyện về mình, nên từ đấy trở đi không dám hành động sai quấy nữa.

§226. CHUYỆN CON CHIM CÚ (*Kosiyajātaka*) (J. II. 208)*Lành thay nếu xuất hành...*

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về vua xứ Kosala.

Vua ấy đi đẹp loạn ở biên địa nhưng xuất hành không đúng thời. Câu chuyện đã được kể ở chương II, *Chuyện năm hạt đậu*.⁵¹

⁵¹ Xem J. II. 74, *Kalāyamuttijātaka* (*Chuyện năm hạt đậu*), số §176.

Cũng như trước, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ theo lời thỉnh cầu của vua.

Thuở xưa, vua xứ Ba-la-nại xuất hành phi thời, cắm trại ở một khu ngự viên. Lúc bấy giờ, một con chim cú bay vào một khóm tre và nấp tại đấy. Một đàn quạ cũng đến, vây quanh nó với ý định: “Khi nào nó ra, chúng ta sẽ bắt nó.”

Không chờ đợi mặt trời lặn, chim cú đi ra không đúng thời và bắt đầu chạy trốn. Các con quạ vây quanh, lấy mỏ đánh nó, làm nó rơi xuống đất. Nhà vua gọi Bò-tát và hỏi:

– Này bậc Hiền trí, vì sao những con quạ lại tấn công và đánh ngã con cú?

– Thưa Đại vương, hễ ai đi ra khỏi trú xứ của mình không đúng thời, đều phải gặp khổ nạn như vậy. Do vậy, chớ nên đi ra khỏi trú xứ của mình phi thời.

Và để nêu lên ý nghĩa này, Bò-tát đọc hai bài kệ:

- | | |
|--|---|
| 151. Lành thay nếu xuất hành,
Khi xuất hành phi thời,
Thế nào cũng gặp nạn,
Như con cú khôn khổ, | Đúng thời, không phi thời,
Nhiều người hay chỉ một,
Vì không rõ nghĩa này,
Phải chết vì quạ bày. |
| 152. Bậc trí biết quy luật,
Chinh phục mọi kẻ thù,
Sẽ được nhiều an lạc. | Biết nhược điểm người khác,
Như cú, nếu khôn ngoan, |

Vua nghe lời Bò-tát, liền quay về nhà, không đem quân đi đánh nữa.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoạt này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua là Ānanda và vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§227. CHUYỆN CON BỌ ĂN PHÂN (*Gūthapāṇajātaka*) (J. II. 209)

Anh hùng địch anh hùng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo.

Lúc bấy giờ, cách xa Kỳ Viên khoảng hai, ba dặm, tại một thị trấn có nhiều đồ ăn được phát theo thẻ và theo hạn kỳ. Ở đây, có một kẻ thô lỗ hay hời khiêu khích, những ai đến để lãnh món ăn được phát theo thẻ hay định kỳ đều bị nó hỏi:

– Những ai nhai, những ai uống, những ai ăn?

Nếu không trả lời được, họ sẽ bị nó làm cho xấu hổ. Vì sợ kẻ ấy, nhiều người không đi đến làng ấy để lấy phần ăn nữa.

Một hôm, một Tỷ-kheo đi đến chỗ phát thẻ và nói:

– Thưa các Tôn giả, tại làng kia có đồ ăn phát theo thẻ và định kỳ phải không?

Có người trả lời:

– Thưa Hiền giả, có. Nhưng tại đây có một kẻ cật vấn thô lỗ hỏi các câu và nếu ai không trả lời được sẽ bị nó mắng nhiếc, chửi rủa. Vì sợ nó nên không ai đi.

Tỷ-kheo ấy nói:

– Thưa các Tôn giả, hãy cho tôi đi lấy đồ ăn tại đây, tôi sẽ nhiếp phục kẻ ấy, làm cho kẻ ấy khiêm tốn, khiến từ đây trở đi, khi thấy các Tôn giả, kẻ ấy sẽ xấu hổ và bỏ trốn.

Các Tỷ-kheo chấp thuận cho vị ấy đi lấy đồ ăn tại chỗ kia. Tỷ-kheo ấy đáp y đi đến cửa làng. Thấy Tỷ-kheo ấy, tên cật vấn thô lỗ liền đi mau đến như con cừu điên và nói:

– Này Sa-môn, hãy trả lời ta!

– Này cư sĩ, sau khi đi vào làng lấy cháo và trở lại phòng đợi này, tôi sẽ trả lời.

Khi Tỷ-kheo ấy lấy cháo và trở lại phòng đợi, kẻ ấy cũng hỏi như trước. Tỷ-kheo ấy nói:

– Hãy để ta ăn cháo xong, ta quét phòng và đi lấy phần cơm phát theo thẻ của ta!

Sau đó, Tỷ-kheo ấy đi lấy phần cơm về rồi đưa bình bát cho người ấy cầm và nói:

– Hãy đi theo ta, ta sẽ trả lời câu hỏi của anh!

Tỷ-kheo ấy dắt nó ra ngoài làng, xếp y lại, đặt y trên vai, lấy bình bát từ tay nó và đứng chờ đợi. Nó nói:

– Này Sa-môn, hãy trả lời câu hỏi của ta!

– Này cư sĩ, ta trả lời cho anh đây.

Tỷ-kheo ấy nói xong, với một cú đấm đánh ngã tên ấy, đánh nó như xương rồi quăng phân vào mặt nó và dọa nó:

– Từ nay trở đi, nếu có Tỷ-kheo nào đến làng này, và anh còn hỏi câu nào thì anh biết ta.

Tỷ-kheo ấy nói vậy rồi bỏ đi. Từ đây, chỉ vừa thấy bóng các Tỷ-kheo, nó liền chạy trốn. Sau một thời gian, việc này được chúng Tăng biết rõ. Một hôm, tại pháp đường, họ bắt đầu nói chuyện ấy:

– Này các Hiền giả, nghe nói Tỷ-kheo tên này, quăng phân vào mặt kẻ thô lỗ rồi bỏ đi.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông họp tại đây đang bàn vấn đề gì?

Và khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Tỷ-kheo này tấn công kẻ ấy với đồ dơ. Thuở trước, vị này cũng đã làm như vậy rồi.

Nói xong, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, dân chúng hai nước Aṅga và Magadha thường hay đi qua lại thân thiết với nhau. Một ngày nọ, họ đến ở tại một ngôi nhà giáp ranh giữa hai nước để uống rượu, ăn thịt cá suốt đêm. Vào buổi sáng, khi tỉnh rượu, họ thắng bò vào xe rồi ra đi.

Khi họ đi rồi, một con bọ ăn phân, vì mùi phân bay đến, thấy rượu còn đọng lên đồng phân bèn uống cho đã khát. Rồi say rượu, nó leo lên đồng phân nằm. Trong khi nó leo lên, một viên phân nhỏ rơi xuống, nó la to:

– Trái đất không có thể đỡ ta nổi!

Ngay lúc ấy, có một con voi điên đi đến, ngửi thấy mùi phân, ghê tởm bỏ đi lui. Con bọ ăn phân thấy vậy tưởng rằng con voi sợ mình, liền nghĩ: “Nay ta phải đánh con vật lớn xác này một trận mới được”, nó liền gọi con voi ấy qua bài kệ đầu:

153.	Anh hùng địch anh hùng,	Dũng mãnh, ta đánh nhau,
	Hãy quay lại, voi kia,	Sao sợ mà bỏ chạy?
	Hãy cho dân hai nước,	Aṅga, Magadha,
	Thấy được sức hùng mạnh,	Của bác và của ta.

Con voi lắng tai nghe tiếng con bọ nói, rồi trở lại gần nó và mắng trách nó với bài kệ thứ hai:

154.	Ta không cần giết bọ,	Bằng chân, ngà hay vòi,
	Ta giết bọ bằng phân,	Hỡi vật đầy hôi thối,
	Hãy chết với đồ dơ!	

Rồi con voi trút xuống một bãi phân lớn ngay trên đầu con bọ và đá trên đó. Con bọ bị giết ngay tại chỗ ấy. Rồi con voi rống lên như tiếng kèn và chạy vào rừng.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con bọ ăn phân là kẻ thô lỗ này. Con voi là vị Tỷ-kheo và vị thần cây trong rừng tận mắt chứng kiến việc ấy là Ta vậy.

§228. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN KĀMANĪTA (*Kāmanītajātaka*) (J. II. 212)

Ta tham muốn ba thành...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Bà-la-môn có tên Kāmanīta (dục tham chi phối). Chuyện này sẽ được nêu rõ trong chương XII, *Chuyện dục tham*.⁵²

⁵² Xem J. IV. 167, *Kāmajātaka* (*Chuyện dục tham*), số §467.

Thuở xưa, vua xứ Ba-la-nại có hai hoàng tử. Trong hai hoàng tử ấy, người anh cả đi đến Ba-la-nại và làm vua, còn người em làm phó vương. Người anh làm vua ham mê của cải, dục lạc và tham lam thắng lợi.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát làm Thiên chủ Đế-thích nhìn xuống cõi Diêm-phù-đề, biết vua đắm say các loại dục lạc này, liền nghĩ: “Ta sẽ khiến trách vua và làm cho vua xấu hổ.” Bồ-tát hiện thân làm một thanh niên Bà-la-môn và đi đến đứng nhìn vua. Vua hỏi:

– Đây thanh niên Bà-la-môn, người đến với mục đích gì?

Thiên chủ Đế-thích trả lời:

– Thưa Đại vương, thần thấy ba thành phố an ổn, phú cường, nhiều voi, ngựa, cỗ xe, bộ binh, đầy những thứ trang sức bằng vàng ròng. Ba thành ấy có thể được chiếm lấy chỉ với một đội quân rất nhỏ. Thần sẽ đến lấy những thành ấy và dâng Đại vương.

Vua hỏi:

– Đây thanh niên, khi nào chúng ta khởi binh?

– Ngày mai, thưa Đại vương!

– Vậy người hãy đi và mai đến.

– Thưa vâng, Đại vương. Hãy mau chóng chuẩn bị quân đội!

Thiên chủ Đế-thích nói vậy rồi đi về trú xứ của mình. Ngày hôm sau, vua truyền đánh trống chuẩn bị quân đội, rồi gọi các đại thần và nói:

– Hôm qua, có một thanh niên Bà-la-môn đến và nói: “Thần sẽ chiếm đất của ba thành Uttarapañcāla, Indapatta và Kekaka dâng ngài.” Nay ta sẽ đem nó đi để chiếm lấy ba thành ấy. Hãy gọi nó đến mau!

– Thưa Thiên tử, Thiên tử đã cho nó ở nơi nào?

– Ta không cho nó ở nơi nào hết.

– Nhưng Thiên tử đã cho nó tiền để trả nhà trọ không?

– Ta cũng không cho.

– Vậy sao chúng thần kiếm nó được?

– Hãy tìm nó tại những con đường trong thành!

Họ đi tìm nhưng không thấy vị ấy, liền trở về trình vua:

– Thưa Đại vương, chúng thần tìm không thấy nó.

Vua suy nghĩ: “Một vinh quang lớn như vậy đã bị tiêu tan.” Nỗi sầu muộn khủng khiếp khởi lên, tâm vua trở thành nóng bức, máu bị dao động, và bệnh kiết lý phát ra tấn công vua, các thầy thuốc không thể chữa trị được.

Sau ba, bốn ngày, Đế-thích nghĩ đến vua, biết vua bị bệnh, ngài tự bảo: “Ta sẽ chữa trị cho vua.” Đế-thích giả dạng một Bà-la-môn đi đến đứng trước cửa cung và báo tin: “Một thầy thuốc Bà-la-môn xin đến chữa bệnh cho Đại vương.”

Khi nghe vậy vua nói:

– Các đại danh sư của triều đình cũng không thể chữa lành trầm được. Thôi hãy cho nó một số tiền lộ phí rồi bảo nó đi.

Đế-thích nghe vậy, liền đáp:

– Ta không cần tiền trả nhà trọ, ta không lấy tiền chữa trị, ta sẽ chữa bệnh cho vua mau lành. Hãy để ta gặp vua!

Khi nghe vua nói:

– Vậy hãy để nó đến!

Đế-thích đi vào, chúc vua thắng trận và đứng một bên. Vua hỏi:

– Người muốn chữa bệnh cho trầm đó ư?

– Thừa Thiên tử, vâng.

– Vậy hãy chữa đi!

– Thừa Thiên tử, vâng. Hãy cho thần biết triệu chứng bệnh trạng. Do nhân duyên nào bệnh khởi lên. Do Đại vương ăn gì, uống gì hay do Đại vương thấy gì, nghe gì?

– Nay khanh, bệnh của trầm phát ra do nghe một chuyện.

– Thiên tử nghe chuyện gì?

– Nay khanh, một thanh niên Bà-la-môn đến và nói: “Thần sẽ lấy ba thành dâng Đại vương.” Nhưng trầm không cho nó trú xứ ở, cũng không cho tiền để trả nhà trọ, chắc nó giận trầm và đã đi đến một ông vua khác rồi! Trầm nghĩ rằng một sự vinh quang lớn như vậy đã bị tiêu tan nên chứng bệnh phát ra. Nếu có thể, khanh hãy chữa trị chứng bệnh do tâm trầm tham muốn.

Để rõ ý nghĩa này, vua đọc bài kệ đầu:

155.	Ta tham muốn ba thành,	Mỗi thành xây trên núi,
	Thành tên Pañcāla,	Kuruya, Kekaka,
	Hỡi chàng Bà-la-môn,	Ta còn muốn hơn nữa,
	Hãy chữa ta căn bệnh,	Nô lệ của dục tham.

Đế-thích nói:

– Thừa Đại vương, bệnh của ngài không thể chữa bằng thuốc rễ cây, v.v... bệnh của ngài chữa bằng thuốc tri kiến.

Rồi Đế-thích đọc bài kệ thứ hai:

156.	Có người chữa trị được,	Vết cắn của rắn đen.
	Bạc Hiền trí chữa trị,	Người bị ma quỷ ám.
	Không ai chữa trị được,	Người nô lệ dục tham.
	Làm sao chữa trị được,	Kẻ thói thất tình cần?

Như vậy, bậc Đại sĩ nêu rõ ý nghĩa này rồi nói thêm như sau:

– Thừa Đại vương, nếu ngài có lấy được ba thành ấy và cai trị đất nước của bốn thành này, Đại vương có thể mang bốn bộ áo một lần chăng? Có thể ăn trong bốn đĩa bằng vàng chăng? Và nằm ngủ trên bốn long sàng lộng lẫy

chăng? Thừa Đại vương, không nên để dục tham chi phối! Dục tham là cội gốc của tội ác. Ai để dục tham tăng trưởng sẽ bị đọa vào tám địa ngục lớn, mười sáu địa ngục nhỏ cùng với nhiều loại khổ đau khác.

Như vậy, bậc Đại sĩ dọa vua ấy với những cảnh địa ngục rồi thuyết pháp cho vua nghe. Vua nghe pháp, hết sầu muộn và trong chốc lát được khỏi bệnh.

Đế-thích khuyến giáo vua xong, an trú vua vào giới luật và đi về thiên giới. Còn vua, từ đây về sau làm các công đức bố thí, v.v... và khi mạng chung, đi theo nghiệp của mình.

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, nhà vua bị tham dục chi phối là Tỷ-kheo này, còn Đế-thích là Ta vậy.

§229. CHUYỆN DU SĨ PALĀYI (*Palāyijātaka*) (J. II. 216)

Với các voi tối thắng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về du sĩ ngoại đạo Palāyi. Vì mục đích biện luận, vị này đi khắp mọi nơi ở Diêm-phù-đề và không gặp ai có khả năng đối thoại, liền đi đến Xá-vệ và hỏi các người tại đây:

– Có ai đủ khả năng biện luận với ta không?

Họ nói:

– Có một người đủ khả năng biện luận với một ngàn người như ông. Vị ấy là bậc Nhất Thiết Trí, bậc Tối Thắng giữa những loài hai chân, Đạo sư Gotama, bậc Pháp Vương, bậc Nhiếp Phục mọi đối thủ ngoại đạo trong toàn cõi Diêm-phù-đề; không người ngoại đạo nào có khả năng biện luận với bậc Thế Tôn ấy. Như các ngọn sóng tràn vào bờ biển, tất cả biện luận ngoại đạo chạm đến gót chân Ngài đều bị tan tác vỡ vụn.

Họ nói lên các công đức của đức Phật như vậy. Du sĩ ngoại đạo ấy hỏi:

– Vị ấy nay ở đâu?

– Ở Kỳ Viên.

– Nay ta sẽ có cuộc đối thoại với vị ấy.

Rồi được vây quanh với một đám đông người, du sĩ ấy đi vào Kỳ Viên, thấy cửa thành ngoài do Vương tử Jeta (Kỳ-đà) đã dùng chín mươi triệu đồng vàng để xây dựng liền hỏi:

– Đây có phải lâu đài trú xứ của Sa-môn Gotama không?

Khi được trả lời đây chỉ là cửa thành ngoài, du sĩ ấy nói:

– Cửa thành còn như vậy, thì trú xứ của vị ấy sẽ như thế nào nữa?

Khi nghe nói các hương phòng thật là vô lượng, vị ấy liền nghĩ: “Với một

Sa-môn như vậy, ai có thể biện luận được.” Nói vậy xong, vị ấy liền bỏ trốn. Quân chúng la ó và ồa vào Kỳ Viên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Các người đến phi thời như vậy vì mục đích gì?

Họ trình Ngài chuyện ấy. Ngài nói:

– Nay các cư sĩ, không phải chỉ nay mà thuở trước cũng như vậy, chỉ thấy cửa thành ngoài trú xứ của Ta, vị ấy cũng bỏ chạy rồi.

Rồi theo thỉnh cầu của các cư sĩ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, tại xứ Gandhāra, Bồ-tát làm vua ở Takkasilā, còn Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại. Vua Brahmadatta quyết định lấy Takkasilā và mang đến một đạo quân lớn, cắm trại không xa thành bao nhiêu.

Vua Brahmadatta truyền lệnh bày binh bố trận như sau:

– Đây là chỗ các con voi, đây là chỗ các con ngựa, đây là chỗ các cỗ xe, đây là chỗ các bộ binh. Như vậy, các người hãy tấn công và đánh phá với mọi vũ khí. Như trời đổ mưa xuống, các người hãy làm một trận mưa tên đổ xuống!

Rồi vua đọc hai bài kệ này:

- | | |
|---|--|
| <p>157. Với các voi tối thắng,
 Với các ngựa tối thắng,
 Với xe như đợt sóng,
 Với quân kiếm cầm tay,
 Chúng bao vây trọn vẹn,
 Cho đến khi địch quân,</p> | <p>Như mây bão trên trời,
 Quay tròn như vòng hoa,
 Với tên như mưa rào,
 Bủa vây chém dữ dội,
 Thành Takkasilā,
 Phải ngã nhào xuống đất!</p> |
| <p>158. Hãy xông tới đánh chúng,
 Hãy la lớn khởi binh,
 Trong khi các đàn voi,
 Hãy cất cao giọng nói,
 Như sấm chớp lóe sáng,</p> | <p>Hãy nhào tới đập chúng,
 Hãy hát khúc hành quân,
 Đồng thét lên vang dội,
 Náo động giữa chiến trường,
 Âm âm giữa không gian!</p> |

Như vậy, vua la hét cho quân chuyển động và tiến đến gần cửa thành. Khi thấy cửa thành với lầu đài, tháp canh, Vua Brahmadatta liền hỏi:

– Đây có phải cung điện của vua chăng?

Họ trả lời:

– Đây là cửa thành với lầu tháp.

Vua ấy liền nói:

– Tháp ở cửa thành như vậy thì cung điện của vua sẽ như thế nào?

Họ trả lời:

– Cung điện giống như lầu đài Vejayanta của Thiên chủ Đế-thích.

Vua nghe vậy liền kết luận:

– Ta không bao giờ có thể chiến đấu với một vị vua vinh quang như vậy!
Và chỉ thấy lầu tháp ở cửa thành ngoài, vua liền quay trở lui bỏ chạy về Ba-la-nại.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại là du sĩ ngoại đạo Palāyi, còn vua xứ Takkasilā là Ta vậy.

§230. CHUYỆN DU SĨ PALĀYI, THỨ HAI (*Dutiyapalāyijātaka*) (J. II. 219)

Cờ xí ta vô lượng...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một du sĩ ngoại đạo. Trong câu chuyện này, du sĩ ngoại đạo ấy đi vào Kỳ Viên. Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư được hội chúng đông đảo vây quanh, ngồi trên pháp tòa được trang hoàng rực rỡ trên tám thảm đỏ, đang rống tiếng rống sư tử. Du sĩ ngoại đạo thấy thân hình bậc Đạo sư như thân hình Phạm thiên, thấy mặt Ngài sáng chói như trăng rằm, với cái trán như một cái đĩa bằng vàng, liền nghĩ: “Ai có thể chiến thắng một người như vậy!”, liền quay trở lui, lẩn vào trong đám đông và bỏ chạy. Đại chúng đuổi theo kẻ ấy rồi quay vào, báo cáo câu chuyện cho bậc Đạo sư rõ. Ngài nói:

– Không phải chỉ nay du sĩ ngoại đạo ấy làm như vậy. Thuở trước, thấy mặt Ta sáng chói, kẻ ấy cũng bỏ chạy như vậy rồi.

Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, Bồ-tát làm vua trị vì Ba-la-nại. Còn tại Takkasilā, có một vị vua của xứ Gandhāra. Vua ấy nói:

– Ta sẽ đánh chiếm Ba-la-nại.

Rồi vua đi đến vây thành với bốn loại binh chủng. Đứng trước cửa thành, nhìn quân đội của mình, vua tự bảo:

– Ai có thể đánh thắng được một quân đội như vậy!

Rồi vua tán thán quân đội của mình với bài kệ:

159.	Cờ xí ta vô lượng,	Không ai đối địch nổi,
	Dầu quạ bay từng đàn,	Đâu chặn đứng được biển,
	Chẳng khác gì ngọn núi,	Không bị bão thổi bạt,
	Nay ta cũng như vậy,	Không ai chinh phục ta.

Bồ-tát nghe lời khoe khoang của vua xứ Gandhāra như vậy, liền xuất hiện trước cửa thành với gương mặt chói sáng như trăng rằm và nói:

– Nay kẻ ngu si kia, đừng nói lắm nhảm vô ích! Nay ta sẽ đập nát quân đội của ngươi như con voi điên đập nát cánh rừng cây lau.

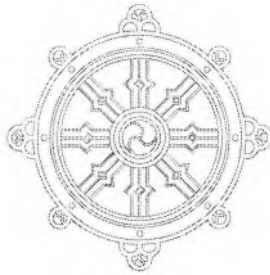
Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

160. Chớ nói lời ngu muội, Ngươi lắm nhảm mắt trí, Chẳng khác ngươi tấn công, Với chân chà ngươi nát,	Chẳng có ai bằng ngươi! Sao chế ngự được ta? Con voi dữ độc hành, Như chà nát cọng lau!
--	---

Khi vua xứ Gandhāra nghe lời Bồ-tát dọa chà nát, liền ngẩng đầu lên, thấy vàng trán của Bồ-tát như cái đĩa bằng vàng, ông ta hoảng hốt vì sợ bị bắt liền quay lùi, bỏ chạy về thành của mình.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong. Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, vua xứ Gandhāra là du sĩ ngoại đạo Palāyi, còn vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.



IX. PHẨM CHIẾC GIÀY (UPĀHANAVAGGA)

§231. CHUYỆN CHIẾC GIÀY (*Upāhanajātaka*) (J. II. 221)

Như người mua giày hư...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Các Tỷ-kheo họp tại pháp đường, bắt đầu nói chuyện này:

– Thưa Hiền giả, Devadatta phản lại bậc Sư trưởng, trở thành kẻ chống đối, kẻ thù nghịch với đức Như Lai và gặp đại nạn.

Bậc Đạo sư đi đến pháp đường và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp đang luận bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới phản lại bậc Sư trưởng, trở thành kẻ chống đối, kẻ thù nghịch với Như Lai và gặp đại nạn. Thuở trước, kẻ ấy cũng đã như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người huấn luyện voi. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát được thành thực trong nghề huấn luyện voi. Một thanh niên Bà-la-môn ở một làng của nước Kāśi đến học nghề với Bồ-tát. Trong khi dạy nghề, các vị Bồ-tát thường không giấu giếm điều gì cả. Những gì các vị hiểu biết đều đem dạy cho tất cả. Do vậy, thanh niên ấy học mọi nghề với Bồ-tát và hiểu biết không sót một chút gì. Khi người thanh niên học xong, liền thưa với Bồ-tát.

– Thưa Sư trưởng, nay con xin đi phục vụ vua.

Bồ-tát nói:

– Lành thay!

Rồi Bồ-tát đi đến yết kiến vua và thưa:

– Thưa Đại vương, đệ tử của thần muốn phục vụ ngài.

– Tốt lắm, hãy để nó phục vụ trăm.

– Nhưng Đại vương có biết tiền lương là bao nhiêu?

– Đệ tử của khanh sẽ không nhận được tiền lương như khanh. Nếu khanh nhận được một trăm, nó sẽ nhận năm mươi. Nếu khanh nhận được hai, nó sẽ nhận một.

Bồ-tát đi về nhà báo tin cho đệ tử của mình. Anh ta nói:

– Thưa Sư trưởng, con biết nghề giống như Sư trưởng nên tay nghề bằng nhau. Nếu tiền lương bằng nhau thì con sẽ phục vụ. Nếu không, con sẽ không phục vụ.

Bồ-tát trình cho vua biết. Vua nói:

– Nếu nó làm được việc bằng khanh, nếu nó có thể cho thấy tài nghệ của nó bằng tài nghệ của khanh thì nó sẽ nhận lương bằng khanh.

Bồ-tát báo tin ấy cho đệ tử biết. Anh ta nói:

– Tốt lắm, con sẽ trở tài.

Bồ-tát lại trình vua. Vua nói:

– Vậy ngày mai, các khanh sẽ trở tài nghệ.

– Lành thay, chúng thần sẽ trở tài.

Nhà vua liền ra lệnh đánh trống báo tin.

– Ngày mai cả Sư trưởng và đệ tử đều trở tài nghệ huấn luyện voi. Ngày mai, những ai muốn xem hãy tụ họp tại sân của hoàng cung để xem.

Vị Sư trưởng suy nghĩ: “Đệ tử của ta quá huênh hoang tự mãn, nó tưởng nó có tài năng bằng ta trong khi nó chưa biết hết mọi phương tiện thiện xảo của ta.”

Sư trưởng chọn một con voi và trong một đêm, vị ấy dạy nó làm mọi việc trái ngược. Sư trưởng dạy nó đi lui trong khi bảo nó đi tới, và dạy nó đi tới trong khi bảo nó đi lui; dạy nó nằm khi bảo nó đứng dậy, dạy nó đứng khi bảo nó nằm; dạy nó thả rơi khi bảo nó nhặt lên và dạy nó nhặt lên khi bảo nó thả rơi.

Ngày hôm sau, Sư trưởng leo lên con voi ấy đi đến sân của hoàng cung. Người đệ tử cũng cưỡi một con voi thật đẹp. Một đám đông người tụ họp tại đó. Cả hai đều trở tài nghệ giống nhau. Rồi Bồ-tát bảo con voi của mình làm việc trái ngược với mệnh lệnh. Khi bảo nó đi tới, nó lại đi lui; khi bảo nó đứng, nó lại nằm; khi bảo nó nằm, nó lại đứng dậy; khi bảo nó nhặt lên, nó thả rơi; khi bảo nó thả rơi, nó lại nhặt lên. Đại chúng la ó lên:

– Kẻ đệ tử độc ác kia, chớ đối địch với Sư trưởng của người. Người không biết lượng sức mình khi người nghĩ: “Ta biết trở tài như Sư trưởng.”

Quần chúng đánh anh ta với gạch, gậy gộc và giết chết anh ta ngay tại chỗ.

Bồ-tát từ trên voi bước xuống đi đến trước mặt vua và thưa:

– Thưa Đại vương, người ta học nghề để mưu cầu an lạc cho mình. Nhưng có một người do học nghề tự đem lại đại nạn, giống như chiếc giày hư đem lại khổ đau.

Nói vậy xong, Bồ-tát đọc bài kệ:

- | | |
|--|--|
| <p>161. Như người mua giày hư,
Không ngờ, giày đem khổ,
Gót chân bị bức bách,</p> <p>162. Cũng vậy kẻ phàm phu,
Đến người để học nghề,
Chính do thiếu hiểu biết,
Kẻ nông nổi nóng vội,</p> | <p>Mong giày đem an lạc,
Bị nóng bức đốt cháy,
Chân người ấy bị thương.</p> <p>Sanh gia đình hạ tiện,
Và học cả mọi việc,
Trở lại làm hại mình,
Giống như chiếc giày hư.</p> |
|--|--|
- Vua vô cùng hoan hỷ và đem thưởng Bồ-tát nhiều danh vọng vinh hiển.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người đệ tử là Devadatta và vị Sư trưởng là Ta vậy.

§232. CHUYỆN CÂY ĐÀN LUÝT (*Vīṇāthūṇajātaka*) (J. II. 224)

Việc này do con nghĩ...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một thiếu nữ.

Nàng ấy là một triệu phú ở Xá-vệ, thấy trong nhà mình một con bò đực được cung kính, liền hỏi người vú:

– Đây vú, ai lại được cung kính như vậy?

– Thưa cô, đó là con ngưu vương.

Rồi thiếu nữ ấy đứng trong lầu đài nhìn ra đường, thấy một kẻ lưng gù và suy nghĩ: “Giữa loài bò, con đầu đàn có một cái bướu trên lưng. Người đứng đầu loài người chắc cũng như vậy. Người này sẽ làm chủ loài người. Ta sẽ trở thành kẻ hầu hạ của người này.”

Thiếu nữ ấy sai nữ tỳ báo cho người lưng gù này biết:

– Con gái nhà triệu phú muốn đi với chàng. Hãy đi đến chỗ ấy và đứng đợi!

Rồi nàng thu góp và đem theo các thứ nữ trang, vật dụng của mình, rồi cải trang, từ lầu bước xuống và trốn đi với người lưng gù.

Sau một thời gian, việc làm ấy được cả thành phố và chúng Tỷ-kheo biết đến. Tại pháp đường, các Tỷ-kheo bắt đầu nói chuyện này:

– Đây các Hiền giả, con gái nhà triệu phú đã trốn đi với một người lưng gù.

Giữa lúc ấy, bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Đây các Tỷ-kheo, các ông đang họp bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Đây các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay cô ta mới đam mê người lưng gù. Thuở trước, cô ta cũng như vậy rồi.

Và bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình vị triệu phú ở một thị trấn. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát lập gia đình, sanh được một con trai và một con gái. Bồ-tát muốn cưới con gái một của vị triệu phú ở Ba-la-nại cho con trai mình và chọn ngày làm lễ cưới. Con gái vị triệu phú ấy thấy trong nhà mình một con bò đực được cung kính, liền hỏi người vú:

– Ai đây?

Người vú nói:

– Đây là con bò chúa.

Sau đó, cô gái thấy một người lưng gù đang đi giữa đường lại nghĩ: “Đây là người tối thượng giữa loài người”, bèn đem theo mọi thứ trang sức, vật dụng và trốn theo người ấy.

Còn Bồ-tát suy nghĩ: “Ta sẽ rước con gái vị triệu phú về nhà”, liền lên đường đi đến Ba-la-nại với một số đông tùy tùng. Người gù lưng và cô gái cũng đi trên con đường ấy. Suốt đêm người gù lưng bị lạnh, vào lúc rạng đông, anh ta bị cảm gió, thân thể run rẩy vô cùng đau khô. Anh ta ngã xuống, nằm co quắp bên đường như cành cây đàn cầm bị gãy, con gái nhà triệu phú ngồi dưới chân anh ta. Bồ-tát và người tùy tùng nhận ra nàng, đi đến nói chuyện với con gái nhà triệu phú qua bài kệ đầu:

163. Việc này do con nghĩ, Ngu si, không người dốt,
Ở bên một kẻ gù, Không xứng đáng với con.

Nghe Bồ-tát nói vậy, con gái nhà triệu phú đọc bài kệ thứ hai:

164. Nghĩ là người tối thượng, Con yêu kẻ gù lưng,
Nay nó nằm cong queo, Như đàn cầm dây đứt.

Bồ-tát biết rằng nàng chỉ hóa trang đi theo người gù nên cho nàng tắm rửa, trang điểm cho nàng rồi đưa nàng lên xe về nhà.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, chính người này là con gái nhà triệu phú và vị triệu phú thành Ba-la-nại là Ta vậy.

§233. CHUYỆN MŨI TÊN (*Vikaṇṇakajātaka*) (J. II. 227)

Người muốn đi chỗ nào...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo thói thất tinh tấn.

Vị ấy được đưa đến pháp đường và được bậc Đạo sư hỏi:

– Có thật thế chăng?

Tỷ-kheo ấy trả lời:

– Thật có vậy.

– Vì sao thôi thất tinh tấn?

Vị ấy trả lời:

– Vì nhân duyên các dục.

Bậc Đạo sư nói:

– Các dục, này Tỷ-kheo, giống như mũi tên có ngạnh đâm vào trong tim. Khi đã đâm vào đấy, nó có thể giết người như mũi tên giết con cá sấu.

Nói xong, bậc Đạo sư kể một câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, Bồ-tát làm vua trị vì đúng pháp ở Ba-la-nại. Một hôm, vua đi vào công viên, đến trên bờ hồ xem những người thiện xảo về múa hát bắt đầu biểu diễn. Đàn cá và đám rùa thích nghe tiếng hát, tụ tập lại và đi theo vua. Vua thấy đàn cá dài bằng thân cây cọ dừa, liền hỏi các đại thần:

– Sao những con cá này lại đi theo ta như vậy?

Các đại thần trả lời:

– Chúng đang hầu Thiên tử.

Vua bằng lòng với lời nói ấy và ra lệnh cho chúng ăn cơm thường xuyên hàng ngày. Một số cá đến vào giờ ăn, một số khác không đến và cơm bị phí phạm. Các người hầu tâu với vua sự kiện này. Vua ra lệnh:

– Bắt đầu từ nay, vào giờ cho cơm hãy đánh trống. Khi nghe tiếng trống, các con cá tụ họp lại, hãy cho chúng cơm!

Từ đấy, người nào cho cá ăn cơm cũng đánh trống và khi đàn cá họp lại, anh ta cho chúng ăn cơm. Khi các con cá đang ăn cơm, một con cá sấu đến để ăn vài con cá. Người cho cơm trình vua việc ấy. Vua nghe nói vậy liền ra lệnh:

– Khi con cá sấu ăn cá, hãy bắn nó với mũi tên có ngạnh và bắt nó!

Người ấy nói:

– Thừa vâng, tốt lắm.

Rồi anh ta lên một chiếc thuyền và ngay khi con cá sấu đến ăn cá, anh ta bắn nó bằng một mũi tên có ngạnh. Mũi tên bắn vào lưng, con cá sấu đau đớn điên cuồng mang theo mũi tên chạy trốn. Người cho cơm biết mũi tên đã trúng con cá sấu, gọi nó với bài kệ đầu:

165. Người muốn đi chỗ nào,
Mũi tên ta có ngạnh,

Hãy đi đến chỗ ấy,
Đã bắn trúng người rồi.

Nghe tiếng trống gọi cơm, Người tham lam đã đến,
 Đuổi bắt ăn đàn cá, Nên người phải mạng chung.
 Con cá sấu đi về chỗ ở của mình và chết tại đây.

Bậc Đạo sư là bậc Chánh Giác muốn giải thích sự việc này, liền đọc bài kệ thứ hai:

166. Các thú vật trong đời, Khi đã bị cám dỗ,
 Và chúng bị chinh phục, Bởi dục vọng của mình,
 Chúng sẽ bị giết hại, Giữa bà con, bạn bè,
 Như con cá sấu ấy, Đi theo ăn đàn cá.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc quả Dự lưu và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§234. CHUYỆN NÀNG ASITĀBHŪ (*Asitābhujātaka*) (J. II. 229)

Nay chính nhờ chàng làm...

Câu chuyện này, bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về một thiếu nữ.

Ở Xá-vệ, trong gia đình một người hầu hạ hai vị Đại đệ tử của bậc Đạo sư có một thiếu nữ tuyệt sắc. Khi nàng lớn lên, nàng được gả cho một gia đình tương xứng. Nhưng người chồng không nghĩ gì đến nàng, thường tham đắm vui chơi các chỗ khác. Nàng không để ý đến sự lạnh nhạt của chồng đối với mình nên đã mời hai vị Đại đệ tử đến để cúng dường bố thí, nghe pháp và chứng quả Dự lưu. Từ đấy trở đi, nàng sống an lạc trong Đạo và Quả. Về sau nàng nghĩ: “Chồng ta không cần ta, ta không có việc gì phải sống trong gia đình, vậy ta sẽ xuất gia.” Vì vậy, nàng báo tin cho cha mẹ rồi xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Việc làm của nàng được các Tỷ-kheo biết đến. Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo bắt đầu nói chuyện này:

– Thừa các Hiền giả, người con gái của gia đình ấy cố gắng đi tìm mục đích tối thượng. Biết được người chồng không kể gì đến mình, nàng cúng dường hai vị Đại đệ tử, rồi nghe pháp với hai vị ấy và được an trú trong quả Dự lưu. Sau đó, nàng xin phép mẹ cha xuất gia và chứng quả A-la-hán. Như vậy, này các Hiền giả, thiếu nữ ấy đã đạt mục đích đời đời.

Trong lúc ấy, bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông hội họp và bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay thiếu nữ ở gia đình này đi tìm mục đích tối thượng. Thuở trước, nàng cũng đã làm như vậy rồi.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát xuất gia làm vị ẩn sĩ khổ hạnh, đạt được các thắng trí và các thiền chứng, rồi sống tại khu vực Tuyết sơn. Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại thấy con mình là Hoàng tử Brahmadatta có nhiều tùy tùng sinh nghi ngờ và đuổi con ra khỏi quốc độ.

Hoàng tử đem theo vợ mình tên Asitābhū đi vào Tuyết sơn, ăn cá, thịt, các loại rau quả và trú tại một am thất bằng lá. Hoàng tử thấy một nữ thần chim và đắm mê nàng; chàng muốn lấy nàng làm vợ, không đếm xỉa đến Asitābhū.

Asitābhū thấy chồng mình đi theo nữ thần liền nghĩ: “Người này không đếm xỉa gì đến ta và đi theo nữ thần, vậy ta cần người ấy làm gì?” Nghĩ vậy, tâm nàng không vui, nàng đi đến gặp Bồ-tát, đánh lễ, và xin ngài dạy cho nàng một đối tượng để quán tưởng. Nàng nhìn vào đối tượng ấy, rồi phát triển các thắng trí và các thiền chứng. Nàng đi đến Bồ-tát và đánh lễ, rồi trở về đứng trước cửa thảo am của mình.

Bấy giờ, Hoàng tử Brahmadatta đi theo nữ thần chim nhưng tìm khắp không thấy được con đường nữ thần chim ấy đi, chàng thất vọng hướng mặt về phía chòi lá của mình. Asitābhū thấy chồng đi đến, bèn bay lên hư không, đứng trên tầng trời có màu sắc châu báu và nói:

– Nay Tôn giả trẻ tuổi, nhờ chàng, ta đã chứng được an lạc thiền định này.

Và nàng đọc bài kệ đầu:

167.	Nay chính nhờ chàng làm, Như ngà bị cưa đứt,	Ta hết say đắm dục, Không thể gắn lại được.
------	---	--

Nói vậy xong, trước mắt chàng, nàng bay lên hư không và đến một chỗ khác. Khi nàng đi rồi, Hoàng tử Brahmadatta than thở qua bài kệ thứ hai:

168.	Như tham lam quá độ, Cướp đi mọi công đức,	Làm tâm trí si mê, Ta đánh mất vợ ta!
------	---	--

Hoàng tử khóc than với bài kệ này, rồi sống một mình trong rừng. Khi vua cha băng hà, chàng trở về nhận vương quốc.

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, hoàng tử và công chúa là hai người này, còn Vị ẩn sĩ khổ hạnh là Ta vậy.

§235. CHUYỆN ẨN SĨ VACCHANAKHA (*Vacchanakhajātaka*) (J. II. 231)

Này *Vacchanakha*...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Roja, một người của bộ tộc Mallā.

Người này là bạn cư sĩ của Tôn giả Ānanda, một hôm, gởi một bức thư nhắn tin mời Tôn giả đến thăm mình. Tôn giả xin phép bậc Đạo sư và ra đi. Sau khi đãi Tôn giả ăn các món thượng vị khác nhau, vị ấy ngồi xuống một bên, nói chuyện thân mật với Tôn giả, và mời Tôn giả thọ hưởng cuộc sống đầy đủ dục lạc ở nhà mình:

– Thưa Tôn giả Ānanda, nhà tôi rất nhiều kho động sản và bất động sản. Tôi sẽ chia tài sản này làm hai và tặng Tôn giả một nửa. Hãy đến đây, chúng ta chung sống trong một gia đình!

Vị Trưởng lão nói cho bạn biết sự nguy hiểm của các dục, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về tịnh xá.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Nay Ānanda, ông có gặp Roja không?

Trưởng lão trả lời:

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Roja nói chuyện gì với ông?

Trưởng lão trả lời:

– Bạch Thế tôn, Roja mời con sống đời gia đình. Con nói lên những nguy hiểm của một đời sống gia đình cho bạn con.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay Ānanda, không phải chỉ nay Roja, người Mallā ấy mời các vị xuất gia sống đời gia đình. Lúc trước, kẻ ấy cũng đã làm như vậy rồi.

Rồi theo thỉnh cầu của Tôn giả Ānanda, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở một thị trấn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia làm vị ẩn sĩ, sống lâu ngày tại khu vực Tuyết sơn. Vì mục đích lấy muối và giấm, ngài đi đến Ba-la-nại trú ở công viên của vua. Hôm sau vị ẩn sĩ đi vào thành.

Bấy giờ, một vị triệu phú ở Ba-la-nại hoan hỷ với uy nghi của Bồ-tát, đưa ngài về nhà, mời ngài thọ trai. Ngay khi được ngài nhận lời ở lại với mình, vị ấy đem ngài vào ở trong hoa viên và thường đến phục vụ ngài đủ mọi nhu cầu. Hai người nảy sinh tình thân mến với nhau.

Một hôm, vị triệu phú ở Ba-la-nại, vì thương mến Bồ-tát, suy nghĩ như sau: “Đời sống xuất gia thật cực khổ. Ta sẽ khuyên bạn ta từ bỏ xuất gia. Ta sẽ chia tất cả tài sản của ta làm hai và cho bạn một nửa, rồi hai chúng ta cùng chung sống với nhau.” Vì vậy, một hôm, sau khi ăn uống xong, nói chuyện thân mật với bạn, vị triệu phú ở Ba-la-nại nói:

– Thưa Tôn giả Vacchanakha, đời sống xuất gia đầy phiền toái, đời sống

gia đình đầy an lạc. Hãy hoàn tục và hai chúng ta cùng thọ hưởng các dục lạc với nhau!

Nói vậy xong, vị triệu phú đọc bài kệ đầu:

169.	Này Vacchanakha, Đầy đủ thứ vàng bạc, Ở đây, ăn và uống,	An lạc thay gia đình, Đầy đủ các món ăn, Rồi nằm dài thỏa thích!
------	--	--

Nghe vậy, Bồ-tát nói:

– Này đại triệu phú, bạn đắm say dục lạc; vì không có trí, bạn tán thán công đức của đời tại gia, không tán thán công đức của đời xuất gia. Tôi sẽ nói với bạn mọi phiền toái của đời sống gia đình. Nay hãy lắng nghe!

Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

170.	Người sống trong gia đình, Người ấy thường nói láo, Người ấy thường đánh đập, Các tội lỗi như vậy, Vậy ai nay còn muốn,	Không bao giờ an lạc, Người ấy thường lừa đảo, Làm hại những người khác. Làm sao chế ngự được, Sống ở trong gia đình?
------	---	---

Với những lời này, bậc Đại sĩ nói lên những khuyết điểm của đời sống gia đình, rồi đi đến hoa viên như cũ.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, vị triệu phú ở Ba-la-nại là Roja, người của bộ tộc Mallā; còn ần sĩ Vacchanakha là Ta vậy.

§236. CHUYỆN CON CÒ (*Bakajāṭaka*) (J. II. 233)

Thật trắng thay chim này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một kẻ giả dối. Khi kẻ ấy được đưa đến trước mặt bậc Đạo sư, Ngài nói:

– Này các Tỷ-kheo, người này không những nay mà thuở xưa đã là một kẻ giả dối.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vua cá, sống trong cái hồ ở khu vực Tuyết sơn cùng với một số lớn cá tùy tùng.

Lúc ấy, một con cò muốn ăn các con cá tại chỗ gần hồ nước. Vì vậy, nó cúi đầu, dang cánh ra, nhìn các con cá một cách mơ màng, chờ đợi khi nào chúng mất cảnh giác thì bắt chúng.

Bấy giờ, Bô-tát cùng với đàn cá đi tìm mồi, đến tại chỗ ấy. Đàn cá thấy con cò đang rình mồi, liền đọc bài kệ đầu:

171. Thật trắng thay chim này, Loài chim hai lần sanh,
 Chẳng khác gì hoa súng, Lặng lẽ dang hai cánh,
 Im lặng, mơ màng nhìn, Như trầm tư mặc tưởng!

Bô-tát nhìn con cò và đọc bài kệ thứ hai:

172. Con cò ấy làm gì, Các người đâu biết được,
 Vì không biết rõ ràng, Nên có lời tán tụng,
 Chim hai lần sanh ấy, Đang đợi giết chúng ta,
 Do vậy hai cánh nó, Không vẫy, không động đậy.

Nghe nói vậy, đàn cá vẫy nước và đuổi con cò đi.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con cò là kẻ giả dối này, còn vua cá là Ta vậy.

§237. CHUYỆN THÀNH SĀKETA (*Sāketajātaka*) (J. II. 234)

Thế Tôn, do nhân gì...

Câu chuyện này, khi ở gần Sāketa, bậc Đạo sư kể về sự sanh khởi luyến ái. Chuyện hiện tại và quá khứ giống như ở chương I, *Chuyện thành Sāketa*.⁵³

Khi đức Như Lai đi vào tỉnh xá, các Tỷ-kheo hỏi:

– Bạch Thế Tôn, luyến ái bắt đầu như thế nào?

Và họ đọc bài kệ đầu:

173. Thế Tôn, do nhân gì, Ở đời có số người,
 Tâm hết sức lạnh nhạt. Nhưng đối với kẻ khác,
 Tâm lại rất yêu thương?

Bậc Đạo sư giải thích bản chất của luyến ái qua bài kệ thứ hai:

174. Xưa do vì sống chung, Nay do vì hạnh phúc,
 Như vậy luyến ái sanh, Như sen mọc trong nước.

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Hai người này là hai vợ chồng vị Bà-la-môn thời xưa và con trai của họ là Ta vậy.

§238. CHUYỆN MỘT CHỮ (*Ekapadajātaka*) (J. II. 235)

Cha thân, hãy nói lên...

⁵³ Xem J. I. 308, *Sāketajātaka* (*Chuyện thành Sāketa*), số §68.

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một vị điền chủ ở Xá-vệ.

Một hôm, đưa con trai của vị ấy ngồi trên bắp vế của cha và hỏi vị ấy về ý nghĩa cái cửa. Người điền chủ ấy nói:

– Câu hỏi này, trừ đức Phật, không một ai khác có thể trả lời.

Vì vậy, ông dắt con đi đến Kỳ Viên, đánh lễ bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, đưa con trai của con ngồi trên bắp vế con và hỏi về ý nghĩa cái cửa. Con không biết trả lời nên đến đây, mong Thế Tôn trả lời câu hỏi này.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay nam cư sĩ, đứa trẻ này, nay đang đi tìm lý tưởng. Thuở trước, nó cũng đã đi tìm lý tưởng và hỏi các nhà Hiền trí câu hỏi này rồi. Các nhà Hiền trí đã trả lời nó. Nhưng qua nhiều lần tái sinh chồng chất, nó không nhớ.

Rồi theo lời thỉnh cầu của người điền chủ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình triệu phú. Lúc lớn lên, cha chết, Bồ-tát được hưởng địa vị của người triệu phú.

Bấy giờ, con trai của Bồ-tát ngồi trên bắp vế cha và hỏi:

– Thưa cha thân, hãy nói cho con một việc chỉ gồm có một chữ nhưng bao hàm nhiều ý nghĩa!

Rồi nói lên đọc bài kệ đầu:

175.	Cha thân, hãy nói lên, Với chữ ấy, chúng ta,	Một chữ gồm nhiều nghĩa, Thành đạt được lý tưởng.
-------------	---	--

Người cha nói lên bài kệ thứ hai:

176.	Một chữ đáng kính trọng, Đó chính là tài năng, Gắn liền với nhẫn nhục, Và cảnh giác kẻ thù.	Một chữ gồm nhiều nghĩa, Liên hệ với giới đức, Để con giúp bạn hữu,
-------------	--	---

Như vậy, Bồ-tát đã trả lời câu hỏi của con trai. Đưa con trai ấy dùng phương pháp mà người cha nêu ra để thành tựu lý tưởng. Về sau, khi mạng chung nó đi theo nghiệp của mình.

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo sư giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, cả hai cha con đắc quả Dự lưu. Và Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, người con trai ấy là người con trai ngày nay, còn Ta là vị triệu phú thành Ba-la-nại.

§239. CHUYỆN CON NHÁI XANH (*Haritamātajātaka*)⁵⁴ (J. II. 237)

Khi ta là con rắn...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Vua Ajātasattu (A-xà-thế).

Khi phụ vương của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala gả con gái cho Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), có cho nàng một làng ở Kāsi như món tiền sắm lễ. Khi Ajātasattu giết cha là Vua Bimbisāra, không bao lâu, mẫu hậu mạng chung vì thương chồng. Sau khi mẹ mất, Vua Ajātasattu vẫn hưởng lợi tức của ngôi làng ấy. Vua nước Kosala quyết định không để ngôi làng thuộc tài sản gia đình mình cho tên nghịch tử đã giết cha và vua gây chiến với Ajātasattu.

Khi thì người cậu (tức là Vua Pasenadi) chiến thắng, khi thì người cháu (tức Ajātasattu) chiến thắng. Khi Ajātasattu thắng trận, vua giương cờ lên khắp trong nước và đi về thành với khí thế tung bừng. Khi vua thất trận, vua về sâu muện và không cho ai biết.

Một hôm, tại pháp đường, các Tỷ-kheo ngồi nói chuyện này:

– Thừa các Hiền giả, khi Ajātasattu thắng người cậu thì hân hoan, còn khi thất trận thì sâu muện.

Bậc Đạo sư đến pháp đường và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi họp bàn vấn đề gì?

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Không phải chỉ nay, ngày xưa cũng vậy, khi nào ai thắng trận cũng hân hoan, khi nào ai thất trận cũng sâu muện.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra làm con nhái xanh. Lúc bấy giờ, khắp nơi tại những hang lỗ sâu dưới sông, dân chúng thường đặt các lưới nơm để bắt cá. Một bầy cá lội vào trong một cái nơm ấy và một con rắn nước cũng bò vào đó để bắt cá. Đàn cá hợp lại và cắn con rắn nước toàn thân chảy máu. Con rắn không thấy ai cứu mình, sợ chết vội bò ra khỏi miệng nơm và nó vô cùng đau đớn, nằm nấp một bên bờ nước.

Lúc bấy giờ, con nhái xanh nhảy đến và rơi vào miệng cái lưới. Con rắn biết không ai có thể phán xử cho mình, thấy nhái xanh nằm đấy liền hỏi:

– Nay bạn nhái xanh, bạn có bằng lòng với việc làm của đàn cá này không?

Rồi nó đọc bài kệ đầu:

177. Khi ta là con rắn,
Các con cá cắn ta,
Với việc đàn cá làm?

Đi vào trong miệng nơm,
Bạn nhái có hoan hỷ,

⁵⁴ Bản CST viết *Haritamañḍukajātaka*. Xem S. I. 84, *Dutiyasaṅgāmasutta* (Kinh Nói về chiến tranh, thứ hai).

– Vâng, thưa bạn, tôi hoan hỷ. Vì sao vậy? Khi những con cá đi vào khu vực của bạn, bạn ăn chúng. Khi bạn vào khu vực đàn cá, chúng ăn bạn. Tại khu vực của mình, tại chỗ mình kiếm ăn, không ai là không có sức mạnh.

178. Loài người thường ăn cướp, Khi nào thấy được lợi,
Khi người khác ăn cướp, Kẻ bị cướp, cướp lại.

– Chúng ta sẽ bắt kẻ thù.

Đàn cá đi ra khỏi miệng nôm, giết con rắn ngay tại chỗ rồi bỏ đi.

– Lúc bấy giờ, con rắn nước là Ajātasattu, còn con nhái xanh là Ta vậy.

Chính Vua Piṅgala...

Trong chín tháng Devadatta đã tìm mọi cách hãm hại bậc Đạo sư, sau đó đất nứt và chôn vùi ấy vào trong lòng đất của Kỳ Viên. Những ai sống tại Kỳ Viên và toàn dân sống ở trong vùng ấy nghe tin đều hân hoan và nói:

Khi nghe những lời này được lan truyền khắp nơi, dân chúng ở toàn cõi Diêm-phù-đề, các dạ-xoa, các loài hữu tình và chư thiên cũng đều hân hoan vui vẻ như vậy.

– Thừa các Hiền giả, khi Devadatta bị nuốt vào lòng đất, quần chúng sanh hoan hỷ và nói: “Devadatta đã bị nuốt vào lòng đất rồi.”

– Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp đang bàn vấn đề gì?

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta chết, đại chúng hân hoan vui mừng. Thuở trước, đại chúng cũng hân hoan vui mừng như vậy.

Thuở xưa, tại Ba-la-nại, Vua Mahāpiṅgala (Đại Hoàng Nhân) trị vì phi pháp và bất công, làm các nghiệp ác theo ý muốn của mình. Vua dùng hình phạt thuê má, còng chân, bức hiếp quần chúng như nghiền mía trong máy ép. Vua cay nghiệt, độc ác, hung bạo, không có một chút tình thương đối với kẻ khác. Ở nhà, vua cư xử hà khắc, nghịch ý đối với vợ, con trai, con gái, đại thần, Bà-la-môn, gia chủ, v.v... Vua như là hạt bụi rơi vào mắt, như viên sạn trong vắt cơm, như mũi dao đâm vào gót chân.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh ra làm hoàng tử của Vua Mahāpiṅgala. Suốt một thời gian dài, Vua Mahāpiṅgala trị vì rồi mạng chung. Khi ấy, dân chúng toàn thành Ba-la-nại hân hoan vui sướng, cười thật lớn, thiêu đốt thi hài vua với ngàn xe củi, và dập tắt lửa với hàng ngàn ghè nước.

Khi làm lễ Quán đánh tôn Bồ-tát lên ngôi vua, họ hân hoan vui sướng vì được một vị vua trị vì đúng pháp, dân chúng đánh trống khắp nơi ở trong thành. Dân chúng treo cờ xí trang hoàng thành phố. Tại mỗi cửa nhà, họ dựng lều, rải hoa năm loại, năm màu, và ngồi ăn uống trong các lều được trang hoàng đẹp đẽ ấy trên các bục gỗ được tô điểm rực rỡ.

Còn Bồ-tát ngồi trên một vương sàng tuyệt đẹp, đặt trên một cái bệ cao, dưới chiếc lọng trắng che trên đầu thật oai phong凛冽. Các đại thần, Bà-la-môn, gia chủ, người đánh xe, người giữ cửa đứng bao vây xung quanh ngài. Một người giữ cửa đứng không xa, đang khóc và thở dài. Bồ-tát thấy vậy hỏi:

– Này bạn giữ cửa, cha ta chết, mọi người đều hân hoan vui sướng, chơi đùa ồn ào, còn bạn sao lại đứng khóc vậy? Cha ta có tử tế với bạn và yêu quý bạn sao?

Bồ-tát hỏi xong, đọc bài kệ đầu:

179.	Chính Vua Piṅgala, Nay vua đã chết đi, Phải chăng Vua Hoàng Nhân, Khiến người phải than khóc,	Làm hại khắp mọi người, Ai cũng thấy thoải mái, Đã được người thương yêu? Hỡi người giữ cửa kia?
-------------	--	---

Nghe câu nói của Bồ-tát, người giữ cửa ấy nói:

– Tôi khóc không phải vì Vua Mahāpiṅgala chết làm tôi buồn. Nay tôi rất được an lạc. Trước kia, mỗi khi Vua Mahāpiṅgala đi từ lầu xuống hay lên lầu, thường dùng nắm tay đánh tôi tám cái trên đầu, như cái đánh của cây búa thợ rèn. Khi vua đi đến thế giới bên kia, vua sẽ đánh tám cái trên đầu của thần Yama giữ địa ngục như đã đánh đầu tôi. Dân chúng ở đây sẽ nói: “Vua này quá ác đối với chúng tôi”, và chúng sẽ gọi vua lên trên này lại. Tôi sợ vua sẽ đến và nắm tay lại đánh trên đầu tôi nên tôi khóc.

Để nêu rõ ý nghĩa này, anh ta đọc bài kệ thứ hai:

180.	Tôi không hề thương mến, Tôi chỉ sợ một việc,	Vua có con mắt vàng, Vua sẽ trở lại đây.
-------------	--	---

Vì làm hại thân chết,
Thân chết bị vua hại,

Nên từ đây vua đi,
Lại đưa vua trở về.

Bồ-tát nói với anh ta:

– Vua ấy bị đốt với ngàn xe củi, được tưới với ngàn ghè nước, và chỗ đất được đào lên xung quanh, chúng sanh đi đến thế giới bên kia; do sức mạnh của nghiệp, không thể trở lại với thân trước được, người chớ sợ.

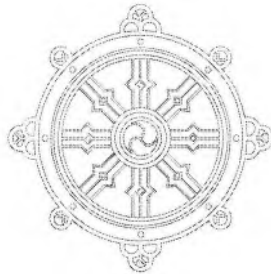
Rồi để an ủi anh ta, Bồ-tát đọc bài kệ này:

181. Bị ngàn xe củi đốt, Bị trăm ghè nước tưới,
Đất đã bị đào quanh, Chớ sợ vua trở lại.

Từ đây trở đi, người giữ cửa được an tâm. Còn Bồ-tát trị vì đúng pháp và trọn đời làm công đức như bồ thí, v.v... rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, Vua Piṅgala là Devadatta và vị Hoàng tử là Ta vậy.



X. PHẨM CHÓ RỪNG (*SIGĀLAVAGGA*)

§241. CHUYỆN VUA CHÓ RỪNG SABBADĀṬHA (*Sabbadāṭhajātaka*) (J. II. 242)

Kiên trì trong kiên mạn...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Sau khi được Vua Ajātasattu (A-xà-thế) tín nhiệm, Devadatta được lợi dưỡng và cung kính, nhưng tình cảm ấy không thể duy trì lâu dài. Từ khi quần chúng thấy thân thông thị hiện⁵⁵ khi con voi Nālāgiri được thúc đẩy chống đức Phật thì lợi dưỡng và danh vọng của Devadatta cũng mất. Một hôm, các Tỷ-kheo trong pháp đường bắt đầu nói chuyện:

– Thưa các Hiền giả, Devadatta đã cố gắng tạo được lợi dưỡng và danh vọng nhưng không thể duy trì chúng lâu dài!

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông tụ tập ở đây và đang bàn vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới làm mất các lợi dưỡng và danh vọng của mình. Lúc trước, kẻ ấy cũng đã làm mất chúng như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát làm cố vấn tể tự cho vua, thông đạt ba tập Vệ-đà và mười tám học nghệ. Bò-tát biết được thần chú “Chiến thắng thế giới.” Bấy giờ thần chú này liên hệ đến thiên định.

Một hôm, Bò-tát có ý nghĩ: “Ta sẽ tụng bài chú này.” Rồi ngồi tại góc sân, trên một tảng đá phẳng, Bò-tát bắt đầu tụng chú. Nghe nói, bài chú ấy không được đọc cho người khác nghe nếu không dùng một nghi lễ đặc biệt. Do vậy, Bò-tát đọc tại chỗ ấy. Khi Bò-tát đang đọc chú, một con chó rừng nằm trong hang nghe bài chú ấy và đã học thuộc lòng bài chú. Nghe nói con chó rừng ấy trong một đời sống trước đã là một Devadatta tự học thuộc bài chú chiến thắng thế giới ấy rồi.

Bò-tát đọc chú xong, đứng dậy và nói:

⁵⁵ Xem Cv. VII. 194.

– Ta chắc chắn đã học thuộc lòng bài chú này.

Con chó rừng từ trong hang đi ra và kêu to:

– Này Bà-la-môn, bài chú ấy, ta đã thuộc lòng tốt hơn ông rồi!

Nói xong, con chó rừng bỏ chạy, Bồ-tát đuổi theo nó một khoảng cách và nói:

– Con chó rừng này sẽ làm điều đại bất hạnh, hãy bắt lấy nó!

Con chó rừng chạy trốn vào rừng, tìm được một con chó rừng cái, liền cắn nhẹ vào thân nó. Chó rừng cái hỏi:

– Thừa ngài, có việc gì?

Con chó rừng nói:

– Người có biết ta hay không?

Con chó rừng cái trả lời:

– Tôi không biết.

Con chó rừng liền đọc bài chú, ra lệnh cho hàng trăm con chó rừng, tất cả voi, ngựa, sư tử, cọp, heo rừng, các con thú và tất cả các loài bốn chân tụ họp lại xung quanh nó; và con chó rừng trở thành vua của chúng tên là Sabbadāṭha (tất cả nanh vuốt) và tôn chó rừng cái làm hoàng hậu. Trên lưng hai con voi có con sư tử, và trên con sư tử, vua chó rừng Sabbadāṭha ngồi với hoàng hậu. Muôn loài vật đều tôn sùng kính trọng nó. Say mê danh vọng, con chó rừng sanh ra kiêu mạn và nói:

– Ta sẽ lấy thành Ba-la-nại.

Được vây quanh với tất cả loài thú bốn chân dài đến mười hai do-tuần, nó đứng không xa và đưa tin cho vua:

– Hãy giao quốc độ hay giao chiến!

Dân chúng Ba-la-nại hốt hoảng lo sợ, đóng các cửa thành và đứng chờ bên trong. Bồ-tát đi đến gần vua và thưa:

– Thừa Đại vương, chớ sợ. Thân chịu trách nhiệm giao chiến với con chó rừng Sabbadāṭha. Ngoài thân ra, không một ai khác có thể đánh nó được cả.

Như vậy, Bồ-tát trấn an vua và dân chúng ở trong thành. Bồ-tát leo lên một tháp canh trên cửa thành và hỏi to:

– Này Sabbadāṭha, ngươi làm gì để lấy thành?

– Ta sẽ ra lệnh cho các con sư tử xông lên làm đại chúng hoảng sợ và ta sẽ lấy thành!

Bồ-tát biết được như vậy, bèn từ tháp canh đi xuống bảo đánh trống ra lệnh:

– Toàn dân ở thành Ba-la-nại trong khoảng mười hai do-tuần hãy lấy bột gạo bịt tai lại!

Đại chúng vâng lệnh, bịt tai với bột gạo, cho đến khi họ không thể nghe tiếng của người khác, và họ cũng bịt tai các con mèo và các thú nhà khác.

Rồi Bồ-tát leo lên tháp canh lần thứ hai và gọi to:

– Này Sabbadāṭha! Ngươi làm gì để đánh lấy thành?

– Ta sẽ bảo các con sư tử rống lên, làm đại chúng hoảng sợ đến chết hết và ta sẽ lấy thành.

– Ngươi không thể làm cho các con sư tử rống lên được. Các con sư tử thuộc chủng tộc cao quý, với bốn chân vững mạnh, với bờm lông rậm rạp, sư tử sẽ không vâng lệnh một con chó rừng già như ngươi!

Con chó rừng cứng đầu kiêu mạn nói:

– Không chỉ các con sư tử khác mà ta sẽ làm cho con sư tử hiện ta đang ngồi trên lưng phải rống lên!

– Ngươi hãy làm cho sư tử rống lên nếu có thể được.

Con chó rừng liền lấy chân ra hiệu cho con sư tử mà nó đang ngồi trên lưng:

– Hãy rống lên!

Con sư tử liền kề miệng vào trán con voi, rống lên ba lần tiếng rống sư tử không đứt đoạn. Các con voi hoảng sợ làm cho con chó rừng rơi xuống dưới chân, chúng liền lấy chân giẫm lên trên đầu chó rừng và chà nó nát vụn như bột. Như vậy, Sabbadāṭha bị tiêu diệt. Và các con voi nghe tiếng rống sư tử đã kinh hoàng sợ chết, đập lên nhau và chết tại chỗ. Trừ các con sư tử, tất cả các con thú còn lại như nai, heo rừng cho đến các con thỏ, con mèo, đều chết tại chỗ. Các con sư tử chạy trốn vào rừng. Suốt mười hai do-tuần đường được phủ bằng đồng thịt thú vật.

Lúc ấy, Bồ-tát từ tháp canh đi xuống, cho mở rộng cửa thành, đánh trống và tuyên bố như sau:

– Tất cả mọi người hãy rút bột gạo ra khỏi tai của mình, và những ai muốn ăn thịt hãy đem thịt về.

Dân chúng ăn các loại thịt tươi và các thịt còn lại được họ phơi khô và để dành. Tương truyền, cách cất giữ thịt khô bắt đầu từ thời ấy.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong. Ngài đọc những bài kệ đầy trí tuệ sau đây:

- | | | |
|-------------|--|--|
| 182. | Kiên trì trong kiêu mạn,
Làm vua cả đại địa, | Chó rừng ham hội chúng,
Cả muôn loài có răng. |
| 183. | Cũng vậy là người nào,
Tạo nên danh vọng lớn,
Với các loài bốn chân. | Được nhiều người vây quanh,
Giống như vua chó rừng, |

Rồi Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con chó rừng là Devadatta, vua là Ānanda, còn vị đại thần tế tự là Ta vậy.

§242. CHUYỆN CON CHÓ (*Sunakhajātaka*) (J. II. 246)

Ngủ thay, con chó này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về con chó được ăn cơm tại một nhà nghỉ gần cửa lâu Ambala.

Người ta nói rằng từ khi nó mới sanh, nó được mấy người gánh nước đem về nuôi tại đó. Sau một thời gian, con chó ăn cơm tại đấy và thân thể trở thành to lớn. Một hôm, một người sống ở làng đến tại chỗ ấy, thấy con chó liền cho những người gánh nước một thượng y và một đồng tiền, rồi lấy dây thừng cột nó và dắt nó đi. Con chó bị dắt đi, không cưỡng lại, không kêu; nó ăn các đồ ăn được cho và đi theo người ấy. Người ấy nghĩ: “Con chó này đã thương mến ta nên tháo dây thừng cho nó!” Con chó vừa được thả, liền mau chóng chạy một mạch về ngôi nhà cũ.

Các Tỷ-kheo thấy con chó, biết rõ đầu đuôi sự việc, vào buổi chiều, tại pháp đường, họ bắt đầu nói chuyện này:

– Thưa các Hiền giả, con chó vừa khéo thoát khỏi dây trói buộc nay đã trở về ngôi nhà này.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi tại đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay con chó ấy khéo thoát khỏi dây trói buộc. Thuở xưa, nó cũng đã như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình giàu có ở nước Kāsi. Khi trưởng thành, Bồ-tát xây dựng một nhà riêng cho mình.

Lúc bấy giờ, ở Ba-la-nại có một người có một con chó. Con chó ấy được cơm ăn đầy đủ cho đến khi thân thể trở thành to lớn. Một người ở làng đi đến Ba-la-nại, thấy con chó ấy, cho người kia một thượng y và một đồng tiền, rồi bắt con chó, lấy dây da cột nó lại và dắt nó đi. Đến cửa rừng, anh ta đi vào một cái chòi, cột con chó lại và nằm ngủ trên tấm thảm. Lúc bấy giờ, Bồ-tát có việc đi vào rừng, thấy con chó ấy bị dây da cột chặt, liền đọc bài kệ đầu:

184. Ngủ thay, con chó này, Sao không cắn dây da?
Và thoát khỏi trói buộc, Hân hoan chạy về nhà!

Khi nghe nói vậy, con chó đọc bài kệ thứ hai:

185. Ý ta đã quyết định, Ta ghi nhớ trong tâm,
Ta chờ đợi thời cơ, Khi mọi người đi ngủ.

Nó nói vậy xong, chờ khi mọi người đã ngủ, nó cắn dây thừng và sung sướng chạy trốn về nhà chủ nó.

Khi bậc Đạo sư kể pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:
– Con chó lúc bấy giờ là con chó này, còn vị Hiền trí là Ta vậy.

§243. CHUYỆN NHẠC SĨ GUTTILA (*Guttīlajātaka*)⁵⁶ (J. II. 248)

Tôi có một đệ tử...

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư kể về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo nói với Devadatta:

– Này Hiền giả Devadatta, nhờ bậc Chánh Đẳng Giác, Hiền giả học xong Ba tạng giáo điển và chứng được bốn thiền. Thật không xứng đáng nếu Hiền giả trở thành kẻ chống đối với bậc Sư trưởng.

Devadatta đáp:

– Này các Hiền giả, Sa-môn Gotama đâu có phải là Sư trưởng của ta? Chính do tự lực của ta, ta học Ba tạng giáo điển và chứng được bốn thiền.

Nói vậy xong, Devadatta từ bỏ bậc Sư trưởng.

Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện này:

– Hiền giả Devadatta từ bỏ bậc Sư trưởng, trở thành kẻ thù của bậc Chánh Đẳng Giác và đã gặp đại nạn.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông đang họp bàn vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Devadatta mới từ bỏ Sư trưởng, trở thành kẻ đối nghịch với Ta và gặp nạn. Thuở trước, kẻ ấy cũng như vậy rồi.

Và bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh vào một gia đình nhạc sĩ và được đặt tên là Guttilakumāra. Khi lớn lên, Bồ-tát thành thạo tất cả các ngành âm nhạc, và trở thành nhạc sĩ Guttila. Bồ-tát không lấy vợ và nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa.

Lúc bấy giờ, một số thương nhân sống ở Ba-la-nại đi đến Ujjenī để buôn bán. Nhân ngày lễ hội được tổ chức, họ họp nhau đem theo nhiều vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, các thức ăn và đến một chỗ vui chơi. Họ nói:

– Hãy trả tiền thuê để gọi các nhạc sĩ đến.

⁵⁶ Xem Vv. 42, *Guttīlavimāna* (Lâu đài Guttila).

Lúc bấy giờ, nhạc sĩ Mūsila là vị nhạc trưởng ở Ujjenī. Họ mời Mūsila đến đàn cho họ nghe. Mūsila chơi đàn tỳ-bà, vặn dây rất căng rồi gảy đàn. Nhưng họ đã từng nghe nhạc sĩ Guttila chơi đàn nên nhạc của Mūsila chơi chẳng khác gì gảy trên chiếu. Vì vậy không một ai tỏ vẻ hài lòng.

Khi Mūsila thấy họ tỏ vẻ không hài lòng, ông ta nghĩ: “Có lẽ ta chơi đàn căng thẳng quá”, ông ta vặn dây xuống bậc trung và gảy tiếp. Các người nghe vẫn tỏ vẻ thản nhiên, ông ta lại nghĩ: “Những người này không biết một chút gì về âm nhạc”; và làm như vẻ mình không biết, ông ta gảy đàn với dây hết sức chùng. Đến đây, họ cũng không nói một lời gì. Rồi Mūsila nói với họ:

– Này các thương nhân, tôi gảy đàn tỳ-bà không làm cho các ông thích thú sao?

Họ nói:

– Nhưng ông gảy đàn tỳ-bà đó sao? Chúng tôi nghĩ rằng ông chỉ lên dây đàn!

– Vậy các ông biết một nhạc trưởng nào giỏi hơn tôi, hay vì các ông không biết gì nên các ông không thích nghe tôi gảy?

Các thương nhân nói:

– Chúng tôi trước đây đã nghe tiếng đàn tỳ-bà của nhạc sĩ Guttila ở Ba-la-nại. Còn tiếng đàn của ông chẳng khác gì bà mẹ ru ngủ con nít!

– Vậy các ông hãy lấy lại tiền mướn. Tôi không cần tiền ấy. Chỉ khi nào các ông đi Ba-la-nại, hãy đem tôi theo!

Họ bằng lòng, và khi ra đi, họ đem theo Mūsila đến Ba-la-nại, chỉ cho ông ta biết chỗ ở của Guttila, rồi họ về nhà.

Mūsila đi vào nhà của Bồ-tát, thấy cây đàn tỳ-bà xinh đẹp của Bồ-tát được treo trên dây, liền lấy xuống và đàn. Bấy giờ, cha mẹ của Bồ-tát do mù nên không thấy Mūsila, nghĩ rằng có lẽ các con chuột đang ăn dây đàn tỳ-bà, liền nói:

– Suyt, suyt! Các con chuột ăn dây đàn tỳ-bà!

Lúc ấy, Mūsila đặt đàn xuống, chào cha mẹ Bồ-tát, và hai vị hỏi:

– Ông từ đâu đến?

Ông ta đáp:

– Tôi từ Ujjenī đến học nghề dưới chân Sư trưởng.

Hai vị nói:

– Lành thay!

Mūsila hỏi:

– Sư trưởng ở đâu?

– Này con thân, nó không có ở nhà nhưng hôm nay nó sẽ về.

Rồi Mūsila ngồi xuống đợi đến khi Bồ-tát về, liền nói lên những lời hỏi thăm và cho Bồ-tát biết lý do mình đến. Bồ-tát là người giỏi xem tướng, thấy người này không phải bậc chân nhân, liền từ chối:

– Nay con thân, nghề này không phải là nghề của con.

Mūsila ôm chân cha mẹ Bồ-tát van lơn yêu cầu giúp đỡ.

– Hãy bảo con của ông bà dạy cho con học với!

Trước lời yêu cầu của cha mẹ, Bồ-tát không thể cưỡng lại, và dạy cho ông ta nghề nhạc. Rồi Mūsila đi với Bồ-tát đến cung điện vua, vua thấy ông ta liền hỏi:

– Nay Sư trưởng, ai đây?

– Tâu Đại vương, đây là đệ tử của thần.

Mūsila dần dần trở thành người thân tín của vua. Bồ-tát không phải là vị Sư trưởng giàu nghề, những gì mình biết, Bồ-tát đều dạy cho Mūsila.

Dạy xong, Bồ-tát nói:

– Nay con thân, nghề con đã học xong.

Mūsila suy nghĩ: “Nay ta học thành tài xong. Thành Ba-la-nại này là kinh đô tối thượng trong cõi Diêm-phù-đề. Sư trưởng đã già. Nay ta phải sống tại đây.”

Vì vậy ông ta liền thưa với Sư trưởng:

– Thưa Sư trưởng, nay con sẽ hầu vua.

Sư trưởng nói:

– Lành thay, con thân. Ta sẽ tâu với vua!

Bồ-tát đi tâu với vua:

– Đệ tử của thần muốn hầu hạ Đại vương. Hãy trả tiền lương cho nó!

– Nó sẽ nhận phân nửa lương của khanh.

Sư trưởng báo cho Mūsila biết tin này, Mūsila nói:

– Nếu con được trả tiền bằng lương của thầy, con sẽ hầu hạ vua. Nếu không được, con sẽ không hầu hạ.

– Vì sao? Phải chăng con biết tất cả nghề của Sư trưởng?

– Phải, con biết như vậy. Tại sao vua lại cho con phân nửa lương?

Bồ-tát tâu việc ấy với vua. Vua nói:

– Nếu nó có thể chứng tỏ tài nghệ nó bằng khanh, nó sẽ nhận lương ngang bằng.

Bồ-tát tin cho Mūsila biết. Ông ta đồng ý:

– Lành thay! Con sẽ trở tài!

Khi vua được tin báo về việc này, vua nói:

– Lành thay! Ngày nào người sẽ trở tài?

– Tâu Đại vương, từ nay đến ngày thứ bảy.

Vua hỏi:

– Có thật chẳng người sẽ thi tài với Sư trưởng của người?

– Thưa Đại vương, thật vậy!

Vua muốn ngăn chặn ông ta nên nói:

– Không nên có sự cạnh tranh giữa đệ tử và Sư trưởng! Chớ làm như vậy!

– Thôi vừa rồi, tâu Đại vương. Đến ngày thứ bảy sẽ có cuộc thử tài giữa thần với Sư trưởng của thần. Chúng ta sẽ biết ai là người có tài hơn.

Vua chấp thuận và cho người đánh trống truyền rao khắp kinh thành lời bố cáo này:

– Từ nay cho đến ngày thứ bảy, Sư trưởng Guttila và đệ tử Mūsila có cuộc tranh tài với nhau tại cung vua để biểu diễn tài nghệ. Quân chúng ở thành hãy tụ họp lại để xem tài nghệ của họ.

Bồ-tát suy nghĩ: “Mūsila còn trẻ đang độ thanh niên. Còn ta đã già, sức khoẻ yếu kém. Việc làm của người già không thể thành công. Nếu đệ tử thất bại thì cũng không có gì vinh dự cả. Nhưng nếu đệ tử thắng cuộc thì vào rừng mà chết còn tốt hơn sự ô nhục mà ta phải gánh chịu!”

Vì vậy, Bồ-tát đi vào rừng nhưng rồi sợ chết liền quay trở về, và rồi sợ nhục, lại đi vào rừng. Như vậy Bồ-tát đi đi, về về và sáu ngày trôi qua. Cỏ dưới chân Bồ-tát đã héo úa và con đường mòn do dấu chân ngài đi đã hiện ra. Trong lúc ấy, chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích trở thành nóng. Đế-thích hướng tâm tìm hiểu và biết sự việc xảy ra. Đế-thích suy nghĩ: “Nhạc sĩ Guttila đang chịu nhiều đau khổ trong rừng vì người đệ tử. Ta phải giúp đỡ nhạc sĩ Guttila.”

Đế-thích vội vàng đi đến đứng trước Bồ-tát và hỏi:

– Thưa Sư trưởng, sao Sư trưởng lại đi vào rừng?

Bồ-tát hỏi:

– Ông là ai?

Đế-thích đáp:

– Ta là Đế-thích.

Bồ-tát thưa:

– Thưa Thiên chủ, tôi sợ đệ tử đánh bại nên trốn vào rừng.

Nói rồi, Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

186.	Tôi có một đệ tử,	Đã học đàn với tôi,
	Đàn tỳ-bà bảy dây,	Thật du dương êm ái,
	Nó thách tôi biểu diễn.	Thiên chủ Kosiya,
	Xin hãy giúp đỡ tôi!	

Thiên chủ Đế-thích đáp:

– Đừng sợ, ta là chỗ nương tựa và bảo vệ bạn.

Rồi Thiên chủ đọc bài kệ thứ hai:

187.	Đừng sợ, ta sẽ giúp,	Khi nào bạn cần ta,
	Danh dự là phần thưởng,	Xứng đáng với giáo sư.

Đừng sợ, vì đệ tử,
Và bạn sẽ chiến thắng.

Không thể đối địch thầy,

Rồi Đế-thích dặn:

– Khi bạn gảy đàn tỳ-bà, hãy cắt đứt một dây và chơi với sáu dây. Tiếng đàn tỳ-bà của bạn vẫn hay như cũ. Mūsila cũng sẽ cắt đứt một dây nhưng tiếng đàn tỳ-bà của nó sẽ mất đi. Khi ấy, nó sẽ thua cuộc. Biết nó thất bại, bạn hãy cắt đứt dây thứ hai, dây thứ ba, dây thứ tư, dây thứ năm, dây thứ sáu, dây thứ bảy. Bạn sẽ gảy đàn với cái trục đàn mà thôi, tiếng đàn sẽ phát ra từ các đầu dây bị đứt và sẽ vang dội toàn thành Ba-la-nại rộng đến mười hai do-tuần.

Sau đó, Đế-thích cho Bô-tát ba cây đuă thần và nói tiếp:

– Khi tiếng đàn tỳ-bà vang dội toàn thành, hãy quăng một đuă thần lên hư không. Khi ấy ba trăm thiên nữ sẽ hiện xuống và múa trước mặt bạn. Khi chúng múa như vậy, bạn sẽ quăng đuă thần thứ hai, ba trăm thiên nữ khác sẽ hiện xuống và múa trước đàn tỳ-bà của bạn. Rồi hãy quăng chiếc đuă thần thứ ba, khi ấy ba trăm thiên nữ khác sẽ hiện xuống và múa tại sân tròn của đầu trường. Ta cũng sẽ đến cùng với chúng. Hãy đi lên nào, chớ sợ hãi!

Vào buổi sáng, Bô-tát đi về nhà. Tại cửa cung vua, một cái đình tròn được dựng lên và đặt một chiếc ngai. Vua từ trên lầu đi xuống, ngồi chính giữa trên sàng tọa ở trong cái đình được trang hoàng rực rỡ. Mười ngàn nữ nhân phục sức diễm lệ, cùng với các đại thần Bà-la-môn, nhân dân, v.v... vây xung quanh vua. Tất cả những người ở trong thành đều tụ họp lại. Trong sân châu, họ sắp chỗ ngồi theo hình vòng tròn, hàng hàng lớp lớp chồng chất lên nhau.

Bô-tát được tắm rửa, trang sức và thoa dầu thơm; sau khi ăn nhiều món thượng vị, ngài cầm cây đàn tỳ-bà và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Còn Đế-thích cũng đến, với phép tàng hình đứng trên hư không, được một hội chúng đông đảo vây quanh, nhưng chỉ Bô-tát có thể thấy Đế-thích. Mūsila cũng đến và ngồi trên chỗ của mình. Đại quân chúng bao vây xung quanh họ.

Đầu tiên, cả hai đều gảy đàn giống nhau. Đại quân chúng thích thú với hai người gảy đàn và vỗ tay không ngớt.

Đế-thích đứng trên hư không nói với Bô-tát:

– Hãy cắt đứt các dây!

Bô-tát cắt đứt sợi dây bhamara (sợi dây ong). Dù sợi dây bị cắt, đầu sợi dây đứt vẫn phát ra tiếng như thiên nhạc. Mūsila cũng cắt đứt một dây nhưng từ sợi dây bị đứt, tiếng không phát ra.

Sư trưởng cắt đứt dây thứ hai, lần lượt đến sợi dây thứ bảy, tiếng vẫn phát ra từ cây đàn và vang dậy cả kinh thành. Quân chúng vây hàng ngàn khăn tay trên hư không, hàng ngàn người vỗ tay tán thưởng.

Bô-tát liền quăng một đuă thần lên hư không, ba trăm thiên nữ liền hiện xuống và bắt đầu nhảy múa. Cũng vậy, khi Bô-tát quăng đuă thần thứ hai, thứ ba, sáu trăm thiên nữ hiện xuống và cùng múa như Thiên chủ đã nói trước.

Lúc bấy giờ, vua ra dấu cho quần chúng. Quần chúng đứng dậy la to:

– Người muốn đánh bại Sur trưởng! Người phản thầy phản bạn, tưởng mình có thể đối địch thầy! Người không biết lượng sức mình!

Họ la hét phản đối Mūsila, và đá với gậy, v.v... hay bất cứ cái gì đến tay, họ đánh ông ta đến chết và cầm chân ông ta, quăng xác trên một đồng rác.

Vua rất hoan hỷ, ban cho Bô-tát rất nhiều tặng phẩm như trời đổ mưa xuống và thị dân cũng làm như vậy.

Đế-thích thân mật chào mừng Bô-tát và nói:

– Thưa bậc Hiền trí, ta sẽ cho thắng cỗ xe với một ngàn con ngựa thuần chủng, rồi gởi thần đánh xe Mātali xuống đây. Ngài sẽ ngự lên cỗ xe Vejayanta thù thắng có ngàn ngựa kéo và ngài sẽ du hành thiên giới.

Nói xong, Đế-thích ra đi. Khi Đế-thích trở về và ngồi trên ngai vàng của mình toàn bằng đá quý (ngai vàng bảo thạch), các thiên nữ liền hỏi:

– Thưa Thiên chủ, ngài đi ở đâu về?

Đế-thích kể lại cho thiên chúng rõ toàn câu chuyện với các chi tiết, rồi tán thán giới hạnh và công đức của Bô-tát. Các thiên nữ thưa:

– Thưa Thiên chủ, chúng con muốn thấy vị Sur trưởng ấy. Hãy đưa Sur trưởng đến đây!

Đế-thích bảo Mātali:

– Này khanh, các thiên nữ muốn thấy nhạc sĩ Guttila. Hãy đi mời Bô-tát ngồi trên cỗ xe Vejayanta và đưa vị ấy đến đây!

Thần lái xe Mātali vâng lời ra đi và đưa Bô-tát đến. Đế-thích hoan hỷ chào đón vị ấy và nói:

– Thưa Sur trưởng, các thiên nữ muốn nghe nhạc của Sur trưởng.

Bô-tát nói:

– Chúng tôi là nhạc sĩ, nương tựa vào nghề để sống. Hãy trả công rồi tôi sẽ chơi nhạc.

– Hãy chơi nhạc đi, ta sẽ trả công cho ngài!

– Tôi không cầu trả món gì khác trừ việc này: Hãy để cho các thiên nữ này nói lên thiện nghiệp của mình, rồi tôi sẽ chơi nhạc!

Các thiên nữ thưa:

– Sau khi được nghe nhạc thoải mái, chúng con sẽ nói lên các thiện nghiệp chúng con đã làm. Thưa Sur trưởng, vậy trước tiên hãy đánh nhạc.

Suốt bảy ngày Bô-tát đánh nhạc, và nhạc của Bô-tát vượt hơn cả thiên nhạc. Vào ngày thứ bảy, Bô-tát hỏi các thiên nữ về thiện nghiệp của họ. Một thiên nữ, trong thời đức Phật Ca-diếp, đã cúng một thượng y cho một Tỷ-kheo. Sau khi tái sanh làm thị giả của Đế-thích, nàng trở thành thiên nữ có một ngàn tiên nữ khác hầu hạ. Bô-tát hỏi nàng:

– Trong một đời trước, nàng đã làm gì khiến nàng được sanh tại đây?

Cách thức hỏi và câu trả lời của nàng đã được kể trong *Chuyện Thiên cung* (*Vimānavatthu*) như sau:

Với dung sắc thù thắng,
Nàng chiếu khắp mọi hướng,
Từ đâu, nàng huy hoàng,
Xuất hiện ra cho nàng?
Làm tâm trí ưa thích?
Ta hỏi nàng điều này,
Khi nàng là nữ nhân,
Đại thần lực chói sáng,
Chiếu tỏa khắp mười phương?
Đã cúng dường thượng y,
Tối thắng giữa nữ nhân,
Tối thắng giữa nữ nhân,
Vật khả ái như vậy,
Mỹ lệ và khả ái.
Ta, thiên nữ đẹp nhất,
Các công đức ta làm,
Do vậy ta huy hoàng,
Khả ái, tâm ưa thích,
Tối thắng về uy lực,
Chiếu tỏa khắp mười phương.

Ôi, thiên nữ vinh quang,
Chẳng khác gì sao mai,
Từ đâu, các lạc thú,
Các sở hữu khả ái,
Hỡi thiên nữ đại lực!
Nàng tạo công đức gì,
Khiến nay nàng đạt được,
Và dung sắc rực rỡ,
Nàng là bậc nữ nhân,
Tối thắng giữa nam nhân,
Khiến nay nàng đạt được,
Chính nàng đã bố thí,
Nên được sanh thiên cung,
Hãy ngắm lâu đài ta!
Hãy xem quả dị thực,
Do vậy ta tuyệt mỹ,
Ta được các sở hữu,
Do vậy ta đạt được,
Và dung sắc của ta,

Sau khi đọc các bài kệ, các thiên nữ tiếp tục kể:

– Một thiên nữ khác đã cúng dường hoa cho một Tỷ-kheo đang đi khát thực. Một thiên nữ khác được yêu cầu cúng dường năm loại vòng hoa thơm ở điện thờ Phật Ca-diếp, và nàng đã cúng dường chúng. Một thiên nữ đã cúng dường các loại trái có vị ngọt. Một thiên nữ khác đã cúng dường năm thứ hương liệu. Một thiên nữ khác đã nghe pháp từ các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni đang hành đạo hay đang an cư mùa mưa tại nhà của một gia đình. Một thiên nữ khác đứng trong nước cúng dường một Tỷ-kheo thọ trai trong một chiếc thuyền. Một thiên nữ khác sống trong gia đình đã hầu hạ mẹ chồng, cha chồng và không bao giờ tức giận. Một thiên nữ khác chia phần món ăn mình nhận được cho một Tỷ-kheo và giữ giới hạnh. Một thiên nữ là nữ tỳ trong một gia đình, không phần nộ, không kiêu mạn, đã san sẻ phần ăn của nàng nên được sanh làm thị giả của Thiên chủ... Như vậy, tất cả ba mươi bảy thiên nữ đã được Bồ-tát hỏi do họ đã làm nghiệp gì và được sanh ở đây. Tất cả thiên chúng đã nói lên nghiệp của mình làm.

Khi nghe chuyện này, Bồ-tát nói:

– Thật lợi ích cho ta, thật vô cùng lợi ích cho ta! Ta đã đến đây và nghe các

thành quả đạt được nhờ các thiện nghiệp nhỏ nhất biết bao. Từ nay khi trở về thế giới loài người, ta sẽ làm các thiện nghiệp như bố thí, v.v...

Rồi Bồ-tát thốt lên lời cảm hứng này:

Hôm nay ta may mắn,	Rạng đông thật tốt lành,
Ta thấy các thiên nữ,	Diễm lệ và cao sang,
Và nghe pháp diệu ngọt!	Ta sẽ làm điều thiện,
Bố thí và chân thật,	Tự chế và khắc kỷ,
Ta sẽ đến chỗ kia,	Nơi không còn sầu muộn.

Bảy ngày đã qua, Thiên chủ Đế-thích ra lệnh cho thần lái xe Mātali mời Guttala lên ngồi và đưa ngài về Ba-la-nại. Khi về đến Ba-la-nại, ngài nói cho mọi người biết những việc mình đã thấy ở thiên giới. Từ đây, mọi người quyết định làm việc lành với nỗ lực của họ.

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Mūsila là Devadatta, Đế-thích là Anuruddha, vua là Ānanda và nhạc sĩ Guttala là Ta vậy.

§244. CHUYỆN LY DỤC (*Vīticchajātaka*) (J. II. 257)

Cái thấy, nó không muốn...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một du sĩ đã chạy trốn.

Người ta nói vị này không tìm được một người đối thoại với mình trong toàn cõi Diêm-phù-đề nên đã đến Xá-vệ và hỏi:

– Ai có thể cùng với ta thảo luận?

Khi được nghe có bậc Chánh Đẳng Giác, vị ấy liền đi đến Kỳ Viên với quần chúng vây quanh, và hỏi Thế Tôn một câu trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp giữa bốn hội chúng. Bậc Đạo sư trả lời cho vị ấy xong liền hỏi lại một câu. Du sĩ ấy không thể trả lời liền đứng dậy và bỏ chạy. Hội chúng đang ngồi đồng nói to:

– Bạch Thế Tôn, du sĩ ấy bị Thế Tôn đánh bại chỉ với một câu.

Bậc Đạo sư nói:

– Nay các nam cư sĩ, không phải chỉ nay Ta mới đánh bại kẻ ấy với một câu hỏi. Thuở xưa, Ta cũng đã làm như vậy rồi.

Và bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở nước Kāsi. Khi lớn lên, ngài từ bỏ các dục, xuất gia, trở thành vị ẩn sĩ du hành, sống lâu ngày trong Tuyết sơn. Rồi Bồ-tát xuống núi, sống trong một chòi lá tại một khúc quanh của sông Hằng, gần một thị trấn nhỏ.

Bấy giờ, có một du sĩ không tìm được một người đối thoại với mình trong toàn cõi Diêm-phù-đề, đã đến thị trấn ấy và hỏi:

– Ai có khả năng đối thoại với ta không?

Khi được trả lời có người và nghe nói đến uy lực của Bồ-tát, vị ấy cùng đại chúng vây quanh đi đến trú xứ của Bồ-tát và sau khi chào hỏi ngài, vị ấy liền ngồi xuống. Bồ-tát hỏi:

– Ông có uống nước sông Hằng được pha trộn với các loại hương rừng hay không?

Du sĩ ấy dùng lời mở rộng vấn đề và nói:

– Cái gì là sông Hằng? Cát là sông Hằng, nước là sông Hằng, bờ bên này là sông Hằng, bờ bên kia là sông Hằng chăng?

Bồ-tát nói:

– Hãy để một bên cát, nước, bờ bên này, bờ bên kia! Thế ông có được sông Hằng gì?

Du sĩ không trả lời câu ấy được, liền đứng dậy và bỏ chạy.

Khi kẻ ấy đã đi rồi, Bồ-tát thuyết pháp cho đại chúng ngồi nghe, và đọc các bài kệ này:

- | | |
|---|--|
| <p>188. Cái thấy, nó không muốn,
Ta nghĩ nó đi lâu,</p> | <p>Cái không thấy, nó muốn,
Không được điều nó muốn.</p> |
| <p>189. Cái được, nó không thỏa,
Ước muốn nó không cùng,</p> | <p>Được rồi, nó không muốn,
Ta kính bậc Ly dục.</p> |

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, du sĩ ấy là du sĩ ngày nay, còn vị ẩn sĩ khổ hạnh là Ta vậy.

§245. CHUYỆN PHÁP MÔN CĂN BẢN

(*Mūlapariyāyātaka*) (J. II. 259)

Thời gian ăn hữu tình...

Câu chuyện này, khi ở rừng Subhaga gần Ukkatthā, bậc Đạo sư kể về *Kinh Pháp môn căn bản* (*Mūlapariyāyasutta*).⁵⁷

Nghe nói lúc bấy giờ, có năm trăm Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã xuất gia trong giáo pháp, đã học Ba tạng kinh điển và sanh lòng ngã mạn.

Họ suy nghĩ: “Bậc Chánh Đẳng Giác biết Ba tạng kinh điển, chúng ta cũng biết Ba tạng kinh điển. Như vậy, giữa chúng ta và bậc Chánh Đẳng Giác nào có khác gì?” Họ không đi đến hầu Thế Tôn, và họ sống với một hội chúng đệ tử ngang bằng hội chúng của bậc Đạo sư.

⁵⁷ Xem M. I. 1.

Một hôm, bậc Đạo sư đi đến gặp họ, và khi họ đã ngồi gần mình, bậc Đạo sư thuyết *Kinh Pháp môn căn bản* và tô điểm thêm tám thứ bậc tu chứng. Họ không hiểu được một lời gì. Trước kia, họ kiêu mạn nghĩ rằng không có bậc Hiền trí nào bằng họ. Nay đứng trước Phật, họ thấy mình không hiểu một tí gì. Họ tự bảo: “Thật không có ai hiền trí như chư Phật. Ôi, công đức chư Phật thật tối thắng!”

Từ đây trở đi, họ không còn kiêu mạn, trở thành hiền lành như rắn bị rút nanh.

Bậc Đạo sư trú ở Ukkatthā cho đến khi thỏa thích, rồi đi Vesālī, đến điện thờ Gotama và giảng *Kinh Gotama*.⁵⁸ Cả ngàn thế giới đều rung động! Khi nghe kinh ấy xong, các Tỷ-kheo này trở thành các vị A-la-hán.

Nhưng khi bậc Đạo sư giảng xong *Kinh Pháp môn căn bản* và trú ở Ukkatthā, các Tỷ-kheo hội họp tại pháp đường, bắt đầu nói chuyện như sau:

– Thưa các Hiền giả, ôi uy lực của đức Phật thật vĩ đại! Các du sĩ Bà-la-môn ấy thường vẫn kiêu mạn tự đắc như vậy, nay đã diệt trừ kiêu mạn nhờ bài thuyết pháp về *Pháp môn căn bản* của Thế Tôn.

Bậc Đạo sư đến tại pháp đường và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông hội họp ở đây đang bàn luận vấn đề gì?

Khi biết vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mới như vậy. Thuở xưa, những người này sống đầy tự cao, tự đại, Ta cũng đã nhiếp phục lòng kiêu mạn của họ.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài tinh thông ba tập Vệ-đà, trở thành bậc Sư trưởng có danh tiếng nhiều phương và giảng dạy thần chú cho năm trăm thanh niên Bà-la-môn. Năm trăm thanh niên ấy chú tâm học tập cho đến thành tựu viên mãn, rồi lòng kiêu mạn khởi lên, họ tự nghĩ: “Chúng ta hiểu biết chừng nào, vị Sư trưởng cũng hiểu chừng ấy thôi, không có gì khác.” Vì vậy, họ không đi đến hầu Sư trưởng, cũng không làm các bổn phận đối với Sư trưởng.

Một hôm, họ thấy Sư trưởng ngồi dưới gốc cây táo, muốn nhạo báng Sư trưởng, họ lấy móng tay gõ vào cây táo và nói:

– Cây này thật sự không có lỗi!

Bồ-tát biết họ nhạo báng mình, liền nói:

– Nay các đệ tử, ta sẽ hỏi các anh một câu.

Họ thích thú nói:

– Hãy nói lên, chúng tôi sẽ trả lời!

⁵⁸ Xem A. I. 276.

Sư trưởng hỏi bằng cách đọc bài kệ đầu:

190. Thời gian ăn hữu tình, Ăn tất cả, ăn mình,
Ai là hữu tình ấy, Ăn cả đến thời gian,
Ai là người nấu chín, Thời gian nấu hữu tình?

Nghe câu hỏi này, không một ai trong đám thanh niên Bà-la-môn có thể hiểu được. Rồi Bồ-tát nói với chúng:

– Chớ tưởng rằng câu hỏi này nằm trong ba tập Vệ-đà! Các anh tưởng rằng mình biết tất cả mọi điều ta biết. Các anh hành động giống như cây táo. Các anh không biết rằng ta biết được nhiều hơn mọi điều các anh biết. Hãy đi đi! Ta cho các anh bảy ngày. Hãy nghiền ngẫm câu hỏi này suốt thời gian ấy!

Họ đánh lễ Bồ-tát rồi đi về nhà của mình. Họ suy nghĩ suốt bảy ngày nhưng cuối cùng không giải quyết được câu hỏi. Sau bảy ngày, họ đi đến gặp Sư trưởng, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Sư trưởng hỏi:

– Nay các đệ tử với mặt mày hiền thiện kia, các anh có đáp được câu hỏi ấy không?

Họ trả lời:

– Thưa không, chúng tôi không biết.

Rồi Bồ-tát quả trách họ với bài kệ thứ hai:

191. Loài người có nhiều đầu, Trên đầu tóc mọc lên,
Đầu dính lên trên cổ, Bao nhiêu đầu có tai?

Bồ-tát tiếp tục chê trách các thanh niên Bà-la-môn ấy:

– Các anh là người ngu si, tai của các anh chỉ có lỗ chứ không có trí tuệ.

Sau đó, Bồ-tát trả lời câu hỏi. Nghe xong, họ nói:

– Ôi, Sư trưởng thật vĩ đại thay!

Họ liền xin lỗi, rồi nhiếp phục lòng kiêu mạn và hầu hạ Bồ-tát.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, năm trăm thanh niên Bà-la-môn là những Tỷ-kheo này, còn vị Sư trưởng là Ta vậy.

§246. CHUYỆN LỜI PHỈ BÁNG (*Telovāḍajātaka*)⁵⁹ (J. II. 262)

Người ác không tự chế...

Câu chuyện này, khi ở tại ngôi nhà có nóc nhọn gần Vesālī (Tỳ-xá-ly), bậc Đạo sư đã kể về Tướng quân Sīha. Sau ngày quy y đức Thế Tôn, vị này đã mời Ngài dùng cơm có thịt. Các Niganṭṭha Nāthaputta (Ni-kiền-tử) nghe vậy liền phẫn nộ, không hoan hỷ. Muốn làm hại đức Như Lai, họ đã phỉ báng như sau:

⁵⁹ Bản Tích Lan viết *Telovāḍajātaka*, nghĩa là *Chuyện giáo giới về đầu*.

– Sa-môn Gotama tuy biết món thịt bất tịnh được làm cố ý vì mình mà vẫn ăn.
Do đó, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện này:

– Nay các Hiền giả, Nigantṭha Nāthaputta đi khắp nơi với hội chúng của mình và phỉ báng như sau: “Sa-môn Gotama tuy biết món thịt bất tịnh được làm cố ý vì mình mà vẫn ăn.”

Nghe vậy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Nigantṭha Nāthaputta mới phỉ báng ta ăn món thịt được làm cố ý vì mình mà trước kia vị ấy cũng hành động như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở trước, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia làm vị ẩn sĩ.

Vì mục đích lấy muối và giấm, ngài từ vùng Tuyết sơn đi đến Ba-la-nại, và ngày hôm sau vào thành khát thực. Có một điền chủ muốn làm hại vị tu khổ hạnh liền mời ngài vào nhà, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và đãi món thịt cá. Sau bữa ăn, gia chủ ngồi xuống một bên vị ẩn sĩ thưa:

– Khi làm món thịt này, chính vì ngài mà tôi giết các loài vật hữu tình. Việc bất thiện này không thuộc chúng tôi mà chỉ thuộc về ngài thôi.

Rồi ông ta đọc bài kệ đầu:

192.	Người ác không tự chế, Người ăn món thịt này,	Bảo giết, nấu, mời ăn, Bị ác làm ô nhiễm.
-------------	--	--

Nghe vậy, vị ẩn sĩ đọc bài kệ thứ hai:

193.	Nếu người không tự chế, Người có trí, tuy ăn,	Giết vợ con, mời ăn, Không bị ác làm nhiễm.
-------------	--	--

Bồ-tát thuyết pháp như vậy rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Khi thuyết pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, người điền chủ là Nigantṭha Nāthaputta, còn vị tu khổ hạnh là Ta vậy.

§247. CHUYỆN HOÀNG TỬ PĀDAÑJALI (*Pādañjalijātaka*) (J. II. 263)

Thật sự hoàng tử này...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Lāludāyī (Udāyī khờ khạo).

Một hôm, hai vị Đại đệ tử đang bàn luận một câu hỏi. Các Tỷ-kheo nghe cuộc bàn luận đều tán thán các Trưởng lão ấy. Trưởng lão Lāludāyī ngồi trong

hội chúng bữu môi và suy nghĩ: “Làm sao họ hiểu biết bằng ta được!” Thấy vậy, các Trưởng lão đứng dậy và đi. Hội chúng liền giải tán.

Sau đó, các Tỷ-kheo ngồi ở pháp đường bắt đầu nói chuyện ấy:

– Nay các Hiền giả, Lāḷudāyī chỉ trích hai vị đệ tử Tối thượng và bữu môi.

Nghe chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay mà trước kia cũng vậy, ngoại trừ bữu môi, Lāḷudāyī không biết gì khác.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một đại thần cố vấn cho vua về thế sự và thánh sự. Vua có một hoàng tử tên là Pādañjali, ngu đần và biếng nhác.

Sau một thời gian, vua mạng chung. Khi tang lễ của vua đã xong, các đại thần suy nghĩ: “Chúng ta hãy làm lễ Quán đánh lên ngôi cho Hoàng tử Pādañjali.” Nhưng Bồ-tát nói:

– Hoàng tử này ngu đần và biếng nhác. Chúng ta lựa hoàng tử ấy làm lễ Quán đánh lên ngôi vua sao?

Sau đó, các đại thần tổ chức một cuộc xử án, đặt hoàng tử ngồi gàn và xử không đúng đắn. Họ xử người chủ sở hữu trở thành người mất tài sản và hỏi hoàng tử:

– Thưa Hoàng tử, chúng tôi xử án như vậy có đúng không?

Hoàng tử bữu môi. Bồ-tát suy nghĩ: “Ta tưởng hoàng tử ngu! Nhưng không phải, hoàng tử là người có trí biết vụ xử án không đúng đắn”, và Bồ-tát đọc bài kệ:

194. Thật sự hoàng tử này, Trí tuệ sáng hơn người,
 Hoàng tử bữu môi vậy, Chắc thấy rõ chúng ta!

Ngày hôm sau, các đại thần lại tổ chức một cuộc xử án khác. Lần này, họ xử đúng đắn và hỏi:

– Thưa Hoàng tử, xử án như vậy có đúng không?

Hoàng tử cũng bữu môi. Biết rằng hoàng tử chỉ là người ngu đần, Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

195. Kẻ này không biết được, Pháp, phi pháp, chân, vọng,
 Ngoài cái bữu môi ra, Nó không biết gì cả.

Các đại thần biết được Pādañjali chỉ là kẻ ngu đần nên họ làm lễ Quán đánh tôn Bồ-tát lên làm vua.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:
– Lúc bấy giờ, Pādañjali là Lāḷudāyī, còn vị đại thần Hiền trí là Ta vậy.

§248. CHUYỆN THÍ DỤ VỀ CÂY KIMSUKA

(*Kimsukopamajātaka*) (J. II. 265)

Tất cả các con ta...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về *Kinh Thí dụ cây kimsuka* (*Kimsukopamasuttanta*).

Một hôm, bốn Tỷ-kheo đi đến gặp đức Như Lai và xin đề tài thiền quán để tu tập. Bậc Đạo sư gợi ý cho các vị ấy về đề tài thiền quán. Họ nhận được đề tài thiền quán sáu xứ, đi về trú xứ của mình. Một vị trong số họ liễu tri sáu xứ, đã chứng quả A-la-hán; còn một vị liễu tri năm uẩn; một vị liễu tri bốn đại; một vị liễu tri mười tám giới; tất cả đều chứng quả A-la-hán.

Bốn vị Tỷ-kheo trình lên bậc Đạo sư các quả chứng của mình. Khi ấy, một Tỷ-kheo khởi lên tư tưởng: “Những đề tài thiền quán này có khả năng đưa đến Niết-bàn, vì sao tất cả lại đạt được quả A-la-hán?”, và vị này hỏi bậc Đạo sư.

Ngài đáp:

– Nay các Tỷ-kheo, sự kiện này có khác gì những người anh em-thấy cây kimsuka.

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu của họ, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vua có bốn con trai. Một hôm, họ gọi người đánh xe và nói:

– Nay bạn, chúng tôi muốn thấy cây kimsuka. Hãy chỉ cây ấy cho chúng tôi!

Người đánh xe nói:

– Lành thay, tôi sẽ chỉ!

Nhưng người đánh xe không chỉ cây ấy cho bốn người cùng một lần. Anh ta đem người anh cả lên xe đi vào rừng, và chỉ cây kimsuka vào thời nó chỉ là một thân cây với các nụ mới mọc, rồi nói:

– Đây là cây kimsuka.

Sau đó, anh ta chỉ cho người thứ hai một cây kimsuka có lá còn xanh, rồi chỉ cho người thứ ba một cây đang trở hoa, và chỉ cho người thứ tư một cây kimsuka đã sanh trái.

Sau một thời gian, bốn anh em ngồi với nhau, và nói câu chuyện này:

– Cây kimsuka giống như cây gì?

Một người nói:

– Giống như một khúc cây bị cháy!

Người thứ hai nói:

– Giống như cây bàng!

Người thứ ba nói:

– Giống như miếng thịt!

Người thứ tư nói:

– Giống như cây keo!

Họ không đồng ý với câu trả lời của mỗi người, liền đi đến vua cha và hỏi:

– Thưa Phụ vương, cây kimsuka giống cây gì?

Vua cha nói:

– Các con trả lời thế nào?

Và họ trình bày với vua cha câu trả lời của mình.

Vua nói:

– Bốn con đã thấy cây kimsuka. Nhưng khi người đánh xe chỉ cây kimsuka cho các con, các con không phân tích và hỏi: “Trong thời gian này, cây kimsuka giống cái gì? Trong thời gian khác, cây kimsuka giống cái gì?” Do không hỏi vậy nên các con sinh nghi ngờ.

Rồi vua đọc bài kệ đầu:

196. Tất cả các con ta, Nhưng chính ở nơi đây, Không hỏi người đánh xe,	Đã thấy kimsuka, Cái gì làm con nghi? Cây ấy ở thời nào?
---	---

Sau khi nêu rõ sự việc, bậc Đạo sư nói:

– Đây các Tỷ-kheo, giống như bốn anh em ấy, vì không biết phân tích và không hỏi nên sinh nghi ngờ đối với cây kimsuka; cũng vậy, các ông đã phát sinh nghi ngờ về Chánh pháp này.

Rồi bậc Chánh Đẳng Giác đọc bài kệ thứ hai:

197. Như vậy những kẻ nào, Cũng phát sinh nghi ngờ, Giống như các anh em,	Thiếu hiểu biết Chánh pháp, Đối với các Chánh pháp, Với cây kimsuka.
---	---

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Bây giờ, vua xứ Ba-la-nại là Ta vậy.

§249. CHUYỆN CON KHỈ SĀLAKA (*Sālakajātaka*) (J. II. 266)

Con là con độc nhất...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một đại Trưởng lão có danh tiếng.

Vị này đã truyền giới xuất gia cho một chàng trai và đã hành hạ người ấy. Sa-di này không chịu nổi sự hành hạ, bèn hoàn tục. Trưởng lão ấy đến và dỗ dành:

– Nay chàng thanh niên, y của con sẽ là của con. Bát của con sẽ là của con. Y và bát ấy của ta ấy cũng sẽ trở thành y và bát của con. Hãy xuất gia!

Chàng thanh niên nói:

– Con không muốn xuất gia.

Nhưng vị Trưởng lão nói đi nói lại mãi nên cuối cùng thanh niên ấy cũng xuất gia. Khi thanh niên ấy trở lại với Tăng chúng, Trưởng lão ấy bắt đầu hành hạ anh ta như trước. Thanh niên ấy không chịu nổi sự hành hạ, liền từ bỏ Tăng chúng một lần nữa và dầu được yêu cầu nhiều lần, anh ta vẫn nói:

– Ông không chịu nổi tôi và cũng không chịu nổi không có tôi. Hãy đi đi! Tôi không muốn xuất gia!

Các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bắt đầu nói chuyện này:

– Thừa các Hiền giả, chàng thanh niên ấy thật có tâm bén nhạy. Anh ta biết được tâm tánh của vị đại Trưởng lão này nên không xuất gia lại.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, nay các ông họp ở đây và bàn đến chuyện gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay thanh niên ấy mới có tâm bén nhạy. Lúc trước anh ta cũng như vậy rồi. Một lần anh ta thấy được lỗi lầm của người ấy nên không chấp nhận người ấy nữa.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong gia đình một người điền chủ. Khi đến tuổi trưởng thành, Bồ-tát sống bằng nghề buôn bán lúa gạo. Một người khác làm nghề dụ rắn, đã dạy một con khi, bắt nó uống thuốc giải độc, rồi cho nó chơi với một con rắn, và sống với nghề ấy.

Vào ngày hội vui chơi được tổ chức, người dụ rắn muốn tham dự cuộc vui, liền giao con khi cho người buôn gạo này và dặn:

– Chớ xao lãng nó.

Sau khi vui chơi đến ngày thứ bảy anh ta trở về, đến nhà người bán gạo và hỏi:

– Con khi ở đâu?

Con khi nghe tiếng nói của chủ, mau chóng từ nơi tiệm bán gạo đi ra. Lập tức người chủ lấy que đánh nó trên lưng, đưa nó vào vườn trói nó một bên và

nằm ngủ. Ngay khi con khi biết người ấy đã ngủ, nó liền tự cởi trói, bỏ trốn và leo lên một cây xoài. Nó ăn trái xoài chín, rồi liệng hột xoài trên thân người dụ rắn. Anh ta thức dậy nhìn lên thấy con khi liền nghĩ: “Với lời dịu ngọt, ta sẽ dụ dỗ con khi ấy xuống và sẽ bắt nó.” Vì vậy, anh ta đọc bài kệ đầu:

198.	Con là con độc nhất, Hãy từ cây leo xuống, Ngày con hãy về nhà,	Sẽ là chủ nhà ta, Hỡi con, Sālaka! Hãy sống chung với cha!
-------------	---	--

Nghe vậy, con khi đọc bài kệ thứ hai:

199.	Phải chăng ông quá biết, Chính ông đã đánh tôi, Tôi vui sống rừng xoài, Hãy đi về nhà ông,	Tâm tôi là thế nào! Với cây gậy bằng tre. Có trái cây chín muồi, Vậy tôi xin từ biệt!
-------------	---	--

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con khi là Sa-di ấy, người dụ rắn là Trưởng lão này và người buôn lúa gạo là Ta vậy.

§250. CHUYỆN CON KHỈ (*Kapijātaka*) (J. II. 268)

Ấn sĩ này vui thích...

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo lừa dối.

Tánh lừa dối của vị này được các Tỷ-kheo biết rõ. Tại pháp đường, họ bắt đầu nói chuyện này:

– Nay các Hiền giả, Tỷ-kheo ấy sau khi xuất gia trong giáo pháp giải thoát của đức Phật lại đầy những hành vi lừa dối.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông họp ở đây đang luận bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay kẻ ấy mới lừa dối mà thuở trước cũng đã như vậy rồi. Chỉ vì muốn hơ lừa mà khi còn là con khi, nó đã lừa dối.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở nước Kāsi. Khi Bồ-tát đến tuổi trưởng thành và đã có một con trai biết chạy chơi thì bà vợ, một nữ Bà-la-môn mạng chung. Bồ-tát ẵm con trai đi vào Tuyết sơn, xuất gia làm vị ẩn sĩ, cùng con trai hành trì khổ hạnh và sống trong một chòi lá.

Trong mùa mưa, khi mưa rơi không dứt, một con khi bị lạnh bức bách, đi lang thang, răng đánh khớp và run cầm cập. Bảy giờ, Bồ-tát mang về một đồng củi lớn, đốt lửa, nằm trong giường nhỏ. Đưa con trai ngồi bốp chân cha.

Con khi ấy tìm được áo choàng của một người tu khổ hạnh đã chết, liền quấn vào đắp lên vai. Nó cầm cái gậy và ghè nước trong cái áo của ả nĩ, nó đi đến chòi lá. Vì muốn được hơi lửa, nó đứng tại đấy giả dạng một ả nĩ. Cậu bé tu khổ hạnh thấy nó, liền nói với cha:

– Nay cha thân, có một nhà tu khổ hạnh đang đứng bị lạnh bức bách, đang run cầm cập. Hãy gọi vị ấy đến hơi lửa!

Rồi cậu đọc bài kệ đầu:

200.	Ả nĩ này vui thích, Nay đang đứng run rẩy, Hãy mời vị ấy vào, Để chế ngự cơn lạnh,	An tịnh và chế ngự, Uớt át và lạnh lẽo, Trong nhà của chúng ta, Và tất cả khổ đau.
-------------	---	---

Bồ-tát nghe con nói liền đứng dậy nhìn, biết nó là con khi, bèn đọc bài kệ thứ hai:

201.	Nó không phải ả nĩ, Nó chỉ là con khi, Nó thuộc loài độc ác, Nếu để nó vào đây,	Vui an tịnh, chế ngự, Tìm ăn giữa cành cây, Sân hận và tham lam, Nó làm bẩn nhà này.
-------------	--	---

Nói vậy xong, Bồ-tát lấy một que lửa dọa con khi và đuổi nó chạy. Con khi vội leo lên cây và đầu nó có ưa thích hay không ưa thích rừng núi, nó cũng không bao giờ trở lại chỗ ấy nữa.

Còn Bồ-tát làm sanh khởi các thắng trí và các thiền chứng. Ngài dạy cho cậu thanh niên khổ hạnh ấy một đề tài thiền quán và giúp cậu tu tập thiền quán; cậu cũng làm phát khởi các thắng trí và các thiền chứng. Cả hai không bao giờ thối thất thiền định, nên sau khi mạng chung được sanh lên Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này và nêu rõ:

– Nay các Tỷ-kheo, người này không phải chỉ nay mà thuở xưa cũng đã lừa dối.

Sau đó, Ngài thuyết giảng các sự thật. Lúc chấm dứt bài giảng, một số Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu, một số đắc quả Nhất lai, một số đắc quả Bất lai.

Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân như sau:

– Lúc bấy giờ, con khi là Tỷ-kheo lừa dối này, đưa con trai là Rāhula và người ả nĩ là Ta vậy.